

TÁC GIẢ CỦA "PHÍA TÂY KHÔNG CÓ GI LẠ"

# ERICH MARIA REMARQUE

*Tiểu thuyết*



# BIAMÔ ĐEN

VŨ KIM THƯ *dịch*

SHIA MÙA PHAN  
VĂN HỌC

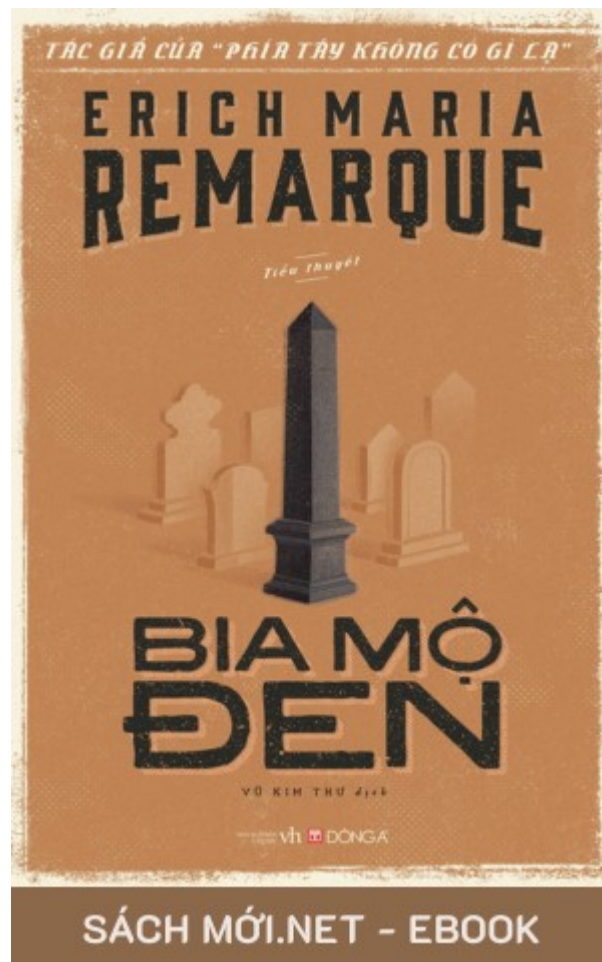
vh



DÔNG A

SÁCH MỚI.NET - EBOOK

# Bia mộ đen và bầu điều hâu gãy cánh



*Nguyên tác: The Black Obelisk*

*Tác giả: Erich Maria Remarque*

*Dịch giả: Vũ Kim Thư*

## **Giới thiệu sách**

**“Bia mộ đen của bảy điều hâu gầy cánh”** (*Đài tưởng niệm đen của bảy điều hâu gầy cánh*) nói về nước Đức và những hậu quả nghiêm trọng của chiến tranh. Tình trạng lạm phát diễn ra không thể kiểm soát, và người dân sống trong đói khổ, đến cả chết cũng phải dẫn đo, vì không chắc mình có thể mua được một tấm áo quan đang hoàng hay không. Louis - một chàng giáo viên “đã quá chán công việc nhồi vào óc trẻ con với những điều mà mình không còn tin tưởng nữa”, trở thành một nhân viên cửa hàng bán đồ tang chế, và mỗi sáng Chúa Nhật lại đến chơi đàn ở nhà thờ dành cho người tâm thần. Ở đây, anh đã yêu Issabelle - một cô gái điên, bằng tình yêu tuyệt đối thuần khiết. Thật thú vị khi theo dõi những đoạn đối thoại trong cuốn sách này, giữa những người bạn, giữa Louis và cha xứ, đặc biệt là giữa Louis và Issabelle - một người tỉnh và một người điên. Ở đó toát ra cái nhìn giễu cợt vào thời đại, vào cuộc sống, những hoang mang trước cái chết và sự cứu rỗi, cho đến sự bí ẩn của tình yêu.



# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY  
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ

## **Mục lục**

- 1 - / - 2 - / - 3 - / - 4 - / - 5 - / - 6 - / - 7 - / - 8 - / - 9 - / - 10 - / - 11 - / - 12 - / - 13 - / - 14 - / - 15 - / -  
16 - / - 17 - / - 19 - / - 20 - / - 21 - / - 22 - / - 23 - / - 24 - / - 25 - / - 26 -

Năng xâm nhập văn phòng thương cuộc “Henri Kroll và Con”, chuyên sản xuất đủ loại mộ bia và niệ m tháp. Công việc đầu tiên buổi sáng của tôi là gỡ một tờ lịch, 28 tháng Tư 1923. Sống giữa mùa xuân, buôn bán chạy đều, chẳng có gì để buồn phiền. Chúng tôi bán, tiếp tục bán ra nhưng hơi ơ! Chẳng làm giàu được. Cái chết quá khắc nghiệt nên không thể nói với khách hàng: “Xin vui lòng trở lại lần sau”. Ngoài gia đình người chết thường đòi hỏi... sa thạch, cẩm thạch và, tùy theo tầm mức của gia tài hoặc mức độ của sự tiếc thương người ta có thể đòi loại đá hoa cương Thụy Điển đen và mài nhẵn tất cả các mặt. Tang chế là điều không thể tránh! Có ở vào địa vị của tôi, sống luôn nhiều năm trong vùng mồ mả mới thấy được mùa Xuân và mùa Thu là những mùa có nhiều người chết hơn cả mùa Đông... và chúng tôi ăn nên làm ra vào những thời kỳ đó. Chết nhiều ở mùa Thu vì nhựa sống khô cạn, và ở mùa Xuân vì nhựa sống dâng tràn khiến những cơ thể suy yếu không chịu nổi, cũng giống như một tim đèn lớn làm tan chảy sáp đèn cầy. Đúng ra thì đây là lối diễn của nhân viên đặc lực nhứt hăng chúng tôi, lão phu đào huyệt Liebermann của nghĩa trang thị xã. Tám mươi tuổi, lão đã từng hạ huyệt trên mười ngàn quan tài. Nhờ tiền chôn người, lão ta mua được một ngôi nhà cạnh bờ sông với một khoảnh vườn nho nhỏ và một chỗ nuôi cá hương; thì giờ nhàn hạ, lão cung phụng cả cho ma rượu và đã tìm thấy trong chất nước cay xè đó, một thứ khôn ngoan êm ả tuy có hơi lạm dụng nhưng rất tốt. Trong đời, người phu đào huyệt này chỉ giận có mỗi một chuyện: lò hỏa táng của thị xã. Cạnh tranh bất chánh! Ngay cả chúng tôi cũng không chịu nổi. Liebermann thường sang trọng, nhắc đi nhắc lại “Nếu chú mày muốn giàu sang, đừng thềm làm những bình chứa di hài”.

Tôi nhìn đồng hồ: sắp mười hai giờ trưa. Mai là Chúa Nhật rồi, cần thu gọn đồ đạc: đập máy chữ với cái nắp bằng tôn, khuôn máy ảnh “Pres to” để sau màn, đẩy những mẫu đá vào góc bàn, lấy các tấm phim ra khỏi chậu nước thuốc. Đó là các bức ảnh chụp những đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong, những cảnh sát dành trang trí cho lăng mộ và những nhà mồ. Vì không có quyền hạn đặc biệt nào, một mình tôi phải kiêm nhiệm tất cả các phần việc: thơ ký, kế toán, họa viên và trưởng tổ quảng cáo.

Và bây giờ đến lượt phần thưởng của tôi. Nó đang nằm trong ngăn tủ. Sáng nay, gã chào hàng của “xưởng đúc nghệ thuật Wurtemberg” đã mang tới một bất ngờ. Anh ta đề nghị bán lại một lô súc vật bằng đồng, sứ mề đôi chút. Sau khi được lo

lót xì-gà, tôi bảo sẽ nói lại với chủ. Xì-gà Ba Tây loại đen một món lợi từ Trời rơi xuống! Cũng như mọi hôm, không có diêm quẹt. Tôi cuốn tròn một tờ giấy mười Đức kim châm vào lò sưởi đốt thuốc. Thật ra thì thời tiết cuối tháng Tư không cần gì có lửa. Tuy nhiên, lò sưởi này là một mảnh khõe của chủ tôi. Georges Kroll. Anh ta quả quyết rằng những kẻ chịu tang sẵn sàng bỏ tiền ra trong một gian phòng ấm cúng hơn là trong một tủ lạnh. Nếu bạn thêm vào cái giá buốt ở tâm hồn với sự lạnh lẽo ở bàn chân thì miệng túi không chịu ra. Chính vì vậy mà nhà buôn chúng tôi triệt để giữ nguyên tắc không bao giờ thương lượng chuyện mả mồ tại một nơi lạnh lẽo. Luôn luôn phải ở trong một phòng ấm và, nếu có thể thì sau bữa ăn.

Tôi ném phần cháy dở còn lại của tờ giấy bạc vào lò sưởi. Giữa lúc đứng lên, tôi bỗng nghe tiếng mở cửa sổ của nhà đối diện, cẩn thận tôi nghiêng mình trên bàn dường như còn một vài việc cần đánh máy. Tôi kín đáo liếc xéo vào một tấm gương nhỏ đặt sẵn để quan sát cửa sổ bên kia. Chính Lisa, vợ của gã đồ tể Watzek đang vừa ngáp vừa vươn vai trần truồng như nhộng, chĩa sang tôi một cặp lê căng phồng màu cẩm thạch Carrare như một vú em đang phe phẩy đồ chơi trước một đứa bé còn bú. Thành linh, ả cười nhe răng, tay chỉ vào tấm gương. Hơi xấu hổ vì bị lộ tẩy nhưng tôi làm như chẳng có chuyện gì, và phà một cụm khói ra, tôi biến mất vào trong. Nhiều người bảo Lisa là nữ thần hôn nhân Junon và tôi biết có hàng tá người sẵn sàng chi vài triệu chỉ để được nhìn ả mỗi sáng. Tôi cũng vậy, tôi thích rửa mắt, nhưng con cá mòi ra khỏi giường vào buổi trưa đó khiến tôi lộn mửa. Trong khi ả say phờ sâm banh và dan díu tùm lum thì Watzek bận giết những con ngựa già trong lò sát sanh Werdenbruch.

Lisa vừa rời cửa sổ, chắc để điêm tâm. Nhưng không, ả lại xuất hiện với một bộ ria mép giả. ả chào theo kiểu nhà binh về phía lão Thượng sĩ Knopf có phòng nhìn ra sân. ả cũng ranh vặt để biết không một ai từ các nhà lân cận có thể nhìn thấy được.

Thành linh có tiếng chuông đổ. Nhà thờ Thánh mẫu ở đầu ngõ hẻm nên tiếng chuông rền như từ Trời giáng xuống. Ngay lúc đó, trước cửa sổ thứ tư nhì của văn phòng, hiện ra như một trái bí ngô ma quái... cái đầu sói của chủ tôi. Lisa làm một cử chỉ tục tằn khép cửa. Một lần nữa, tôi lại muốn làm đồ đệ Thánh Antoine.

Georges Kroll vừa chẵn bốn mươi, nhưng kể từ khi tôi biết anh ta cách nay quá năm năm, trán anh ta vẫn cứ bóng chói. Trong chiến tranh, khi chúng tôi núp dưới hầm, cấp trên phải ra lệnh đặc biệt là Georges phải luôn luôn đội nón kéo

cái trán bóng như gương của anh ta làm địch lộ khí thêm. Georges vừa bước vào, tôi đứng nghiêm báo cáo:

- Tổng hành dinh của thương cuộc Kroll và Con! Bộ Tham mưu quan sát. Chuyên động khả nghi của địch trong vùng Watzek.

- A! A! Mấy giờ rồi. Mười hai. Lisa lập thể dục buổi sáng. Hạ sĩ Bodmer nghỉ! Mẹ kiếp, tại sao chú không mang đồ che mắt như ngựa diễn binh để giữ đức hạnh. Chú có biết ba điều quý nhứt trong cuộc sống là gì không?

Tôi tiếp tục đùa, giữ mặt nghiêm:

- Thưa Ngài Chương lý làm sao tôi biết được trong khi tôi đang đi tìm cuộc sống?

- Nghe đây. Đó là: đức hạnh, giản dị và tuổi trẻ. Thời giờ trôi qua không bao giờ trở lại. Còn gì đáng buồn hơn tuổi già, kinh nghiệm và trí óc khô cằn?

- Nghèo đói, bệnh tật và cô đơn.

- Đúng, đó là điều tôi sắp nói ra.

Georges giựt điều xì-gà trên môi tôi, liếc nhìn rồi tuyên bố giọng của một nhà sư tầm bươm bướm:

- Chiến lợi phẩm lấy được của xưởng đúc nghệ thuật Wurtemberg đây mà.

Y lấy ra một ống điều xì-gà bằng bông đá màu vàng sẫm có bọc da cẩn thận rồi nhét điều thuốc Ba Tây vào hút.

- Tôi không chống cách thức tịch thu. Chỉ là lạm dụng quyền hạn thôi. Mọi người đều biết một cựu hạ sĩ quan rất khó trở nên người tao nhã. Nhưng, tại sao phải dùng ống điều xì-gà. Tôi có bị đậu mùa đâu?

- Phần tôi, tôi phải lo giữ lấy.

- Vậy mà trong chiến tranh, khi tôi xoay xở được một chút xúp của hỏa đầu vụ, anh lại ăn bằng cái muỗng của tôi. Và cái muỗng tôi thường cắm trong giày không bao giờ rửa.

Georges ra điều trịnh trọng:

- Chiến tranh đã chấm dứt bốn năm rưỡi. Hồi đó, sự khốn cùng biến chúng ta thành con người. Bây giờ

cuộc chạy đua tìm tài sản của thế giới biến bọn mình thành kẻ cướp. Mình phải che đậy bằng cung cách đẹp. À này, còn điều nào nữa không? Chẳng lẽ xưởng đúc nghệ thuật Wurtemberg lại bủn xỉn khi cần hối lộ nhân viên của tôi. Coi chừng, lần sau hẳn sẽ tặng chú một thanh ghe.

Tôi lấy trong ngăn ra một điều xì-gà thứ hai:

- Trí khôn, kinh nghiệm và tuổi tác coi vậy mà được việc.

Georges cười nhẹ rồi đưa tôi một hộp thuốc điếu để bắt chuyện làm ăn:

- Có gì lạ không?

- Chẳng có gì cả, không một người chết. Nhưng, thưa ông chủ quý mến, xin ông cho lên lương.

- Nữa à? Còn hôm qua?

- Hôm qua nào? Anh muốn nói hồi chín giờ sáng này. Tám ngàn đồng, nghĩa lý gì? Tôi đồng ý là cho tới chín giờ sáng này, số tiền đó còn giá trị chút ít. Nhưng bắt đầu từ đó đồng Mỹ kim đã tự động đi con đường của nó, và ngay lúc này, thay vì đủ mua một cái cà vạt thì chỉ còn đủ mua một chai rượu chất thứ tồi.

- Giá đô-la hiện thời là bao nhiêu?

- Tới mười hai giờ trưa một Mỹ kim ăn ba mươi sáu ngàn đồng Đức. Hồi sáng chỉ có ba chục ngàn.

Georges Kroll ngắm nghĩa điếu xì-gà:

- Ba mươi sáu ngàn! Hồi suất phi mã! Theo chú thì tình trạng sẽ tới đâu?

- Thưa Thống chế, phá sản chung. Trong khi chờ đợi, mình vẫn phải sống. Anh

có đem tiền theo không?

Một va-li nhỏ cho bữa nay và ngày mai. Giấy mười ngàn, một ngàn và vài bó giấy một trăm cũ để cho đủ số. Cộng chung khoảng hai ký rưỡi giấy. Lạm phát quá nhanh, khiến cho ngân hàng Reichs không kịp in. Giấy một trăm ngàn vừa cho lưu hành cách nay nửa tháng, thế nào rồi cũng tới giấy một triệu. Chừng nào tới giấy một triệu?

- Theo đà này, có lẽ chỉ vài tháng tới.

- Lạy Trời, xin thương xót dân Đức khốn khổ này. Còn đâu thời kỳ vàng son 1922? Từ 1 tháng Giêng đến lễ Saint-Sylvestre, Mỹ kim chỉ lên từ hai trăm năm mươi đến mười ngàn. Tôi không nói tới năm 1921, chỉ có ba trăm phần trăm.

Tôi nhìn qua cửa sổ mở ra đường, Lisa mặc áo mới có in hình những con két, đang chải đuôi tóc trước một tấm gương mắc vào nắm tay then cửa.

Tôi bảo Georges:

- Thấy không, mới hôm qua ở đâu có áo đó. Bằng lụa, mua cả thước. Thế mà tôi, muốn mua một cái cà vạt phải đắn đo.

Georges cười tự nhiên:

- Chú mày là nạn nhân của buổi giao thời, còn Lisa thì phóng lướt trên các lượn sóng lạm phát. Người ta

không thể làm ra bơ trong mộ bia, nhớ kỹ đi cung! Nên ghi tên vào nghiệp đoàn ma cô hay làm nghề đổi tiền như Willy chẳng hạn.

- Buồn thay! Tôi lại là người đa cảm. Mỏ trái tim tôi ra người ta sẽ bắt gặp một tấm đá lót bằng cẩm thạch có dây xiềng bằng đồng. Còn tiền tăng lương đâu? Yêu nghệ thuật không có nghĩa là đừng trang sức.

- Thì cứ đợi đến mai cũng chẳng sao.

- Mai, Chúa Nhật. Không, tôi muốn có ngay chiều nay.

Georges ra phòng ngoài, tìm trong va-li. Y lục lạo rồi ném vào tôi hai bó bạc.

- Đủ chưa?

- Năm trăm gram nữa là vừa. Mới có năm ngàn thì làm được gì?

Georges gãi trán rồi ném thêm một bó nữa và nói:

- Cũng may là mai Chúa Nhật. Không ai định thời giá Mỹ kim. Lạm phát ngừng một ngày mỗi tuần. Có lẽ Chúa không nghĩ tới điều này khi ra lệnh nghỉ việc ngày thứ Bảy.

- Anh cho biết xem chúng mình đang ở trong tình trạng nào? Bên bờ phá sản hay hưng thịnh?

Georges hít một hơi dài xì-gà

- Theo tôi thì không một ai ở nước Đức này biết mình sẽ ra sao. Ngay cả nhà đại kỹ nghệ chí kính của chúng ta là Stinnes. Dĩ nhiên là những người có đồng lương cố định sẽ mất vận. Công nhân, công chức, tiểu thương đều cùng đi một xuồng. Ngoại tệ, cổ phần, bất động sản, đó là bí quyết làm ăn. Hiểu chưa?

Tôi nhìn ra vườn, nơi có kho chứa:

- Các loại đá? Thú thật mình chẳng còn bao nhiêu trong kho. Sa thạch, một ít gang và đồng cũ mềm, cẩm thạch và đá hoa cương quá ít. Và ông anh của anh lạt cứ đem đi bán lỗ. Tốt hơn hết là đừng bán gì cả, chắc anh đã hiểu?

Tiếng chuông xe đạp làm Georges không trả lời. Tiếng bước chân và một cơn ho dữ dội. Chính là Henri Kroll, người chủ thứ hai của hãng, ông đã gây cho chúng tôi lắm buồn phiền.

Henri-Kroll - anh của Georges - là một người thấp béo râu mau rạ, quần có sọc luôn luôn kẹp ở ống phía trên cổ chân. Ông ta nhìn bọn tôi với đôi mắt trách móc. Đối với ông ta, chúng tôi chỉ là những đứa vô tích sự, lúc nào cũng lười chảy ra. Còn ông ta thì luôn luôn hoạt động tiếp xúc bên ngoài. Kể ra thì không chê được! Từ sáng sớm, ông ta đã ra nhà ga, rồi với chiếc xe đạp, ông ta cọt két đi qua những vùng quê xa tít, nơi đó có những đại diện của hãng, các phu đào huyệt hoặc những ông giáo làng cho biết nhà nào có đám tang. Thân hình tròn trịa của Henri dường như gây thêm tin tưởng. Do đó, ông ta không quên ăn dặm

buổi sáng và lúc tối để giữ mãi đường cong của bụng. Dân quê thường hay dễ tin đối với những người mập mạp. Y phục của Henri nói lên được đường lối của ông ta. Không áo lễ đen như người của Steimeyer - một hãng cạnh tranh - cũng không quần áo ra phố như những người của Hollmann và Klotz. Henri Kroll chỉ mặc quần dài có sọc, một áo giắc-kết kiểu xưa với một cà vạt nền đen. Trước khi sắm bộ y phục đó, Henri đã suy nghĩ khá nhiều. Áo lễ có lẽ sẽ không mấy xứng hợp với tầm vóc thấp xúng của Henri. Chính Nã Phá Luân còn trông lồ bịch trong khi mặc áo đuôi cá thu.

Bởi thế Henri Kroll nhà ta trông như một trưởng ban tiếp tân của Thượng đế, và đó mới thật là tương xứng và cần thiết. Hai cái kẹp ở ống quần càng làm tăng thêm vẻ giản dị có tính toán: giữa thời đại xe hơi, một người đi xe đạp với kẹp quần nhưt định sẽ bán hàng với giá rẻ hơn.

Henri lột nón ra chậm trán, không phải vì đồ mồ hôi mà là muốn chứng tỏ ông ta làm việc cực như trâu còn chung tôi chỉ là kim ghim giấy.

Bằng một giọng khiêm nhường giả dối che không kín lòng tự đắc, ông ta tuyên bố:

- Đã bán xong cái tháp.

Tôi giựt mình, cố nuôi chút hy vọng:

- Cái nào? Cái nhỏ bằng cầm thạch hải?

- Không. Cái lớn.

- Sao? Cái lớn bằng đá hoa cương Thụy Điển à? Có cả hai bệ và dây xiềng bằng đồng?

- Chính nó! Ngoại trừ mình còn một cái khác?

Hỏi quá ngu, nhưng Henri tự cho đã đùa đúng khớp. Tôi chán nản:

- Dĩ nhiên là mình chẳng còn cái nào nữa. Và chính vì vậy mới đen đui cho bọn chúng mình. Đó là tháp cuối cùng.

Georges Kroll hỏi:

- Anh bán được bao nhiêu?

Henri tăng háng:

- Bảy trăm năm chục ngàn! Tiền khắ chữ, chuyên chở và gổ bao quanh không tính.

- Trời!

Tôi và Georges cùng kêu một lượt.

Henri ném về phía chúng tôi một cái nhìn kiêu hánh:

- Cuộc sống càng phải chiến đấu gay go.

Tôi buộ t miệng:

- Nhưng thà ông thua trận còn hơn.

- Sao?

- Ông đã nghe rõ rồi mà.

Ông ta nổi xung:

- Há? Há! Chú mày nói sao?

Georges chen vào:

- Nó muốn là tốt hơn anh đừng nên bán món nào cả.

- Nó nói thật há? A há! Lạ chưa? Người ta làm việc như bò từ sáng tới tối, người ta bán được giá và thay vì cảm ơn, các người lại trách móc! Sao các người không đi thử một vòng ở làng mạc để sáng mắt ra?

Georges cố nhin để giảng giải:

- Henri, chúng tôi biết anh vất vả lắm. Hời ôi! Chúng mình đang sống trong một

thời đại mà buôn bán chỉ làm cho nghèo đói thêm ra. May mắn rồi lạm phát không ngừng! Kể từ sau chiến tranh. Nhưng năm nay lạm phát đã gia tốc, cho nên những con số không còn có nghĩa gì cả.

- Chú muốn dạy đời hả? Tôi đâu phải thằng ngu.

Chúng tôi không trả lời. Chỉ có những kẻ ngu mới quyết như thế, chống lại là vô ích, những Chúa Nhật sống chung với người điên ở viện Tâm trí tôi đã thấy rõ điều đó. Henri đưa ra một cuốn sổ tay.

- Hồi mua, cái tháp chỉ có năm chục ngàn. Như vậy bán lại bảy trăm năm chục ngàn, bộ không có lời sao?

Ông ta lại giở trò móc họng ra. Ông ta nói với tôi vì ông ta biết rằng sau chiến tranh có một đạo tôi làm giáo làng tại một vùng khi ho cò gáy. Dạy chưa hết tam cá nguyệt thứ nhì, tôi đã bỏ lớp vì sự cô đơn của mùa Đông đuổi theo tôi bén gót như một con chó dại. Tôi chán nản hơn khi phải giải thích:

- Tiền lời sẽ nhiều hơn nếu, thay vì bán cái tháp mỹ miều, ông đem bán cái tháp Tiêm-bi [1] Ai Cập nằm ở ngoài cửa sổ kia. Người cha quá cố của ông, cách nay sáu mươi năm, từ ngày dựng xưởng lên, đã mua nó với một giá rẻ mạt, nghe đâu là năm chục Đức kim...

- Ai bảo? Ai bảo là sẽ bán cái Tiêm-bi Ai Cập đó? Không ai có quyền bán nó cả. Mọi người trong nhà đều biết rõ rồi.

- Cố nhiên! Bởi thế mình có bán cũng không mấy tiếc, còn cái tháp Thụy Điển kia, bán đi là phải mua cái khác với giá đắt hơn.

Henri thở mạnh vào, cánh mũi phồng lên:

- Theo ý các người thì một cái tháp loại đó phải mua vào thì cũng có tới bảy trăm năm chục ngàn đồng Mark?

Georges Kroll đáp:

- Rồi sẽ biết ngay. Mai này Riesenfield tới. Bọn này đã đặt hàng ở xưởng “đá hoa cương Odenwald”. Trong kho gần như không còn gì nữa.

Tôi thâm hiểm chêm vào:

- Còn cái Tiêm-bi Ai Cập.

Henri rống lên:

- Cặp nó vào nách rồi đem đi bán đi! A! A! Mai, Riesenfield tới. Tôi sẽ ở nhà và sẽ biết giá cả ra sao.

Georges trao đổi ánh mắt với tôi. Bằng mọi giá phải loại Henri ra khỏi cuộc gặp gỡ này, hoặc cho ông ta say khướt hoặc chế dầu xỏ vào ly rượu buổi sáng của ông ta. Một người quá cổ hủ như Henri sẽ làm cho Riesenfield nghệt thờ với các mẩu chuyện chiến tranh và những chuyện đời xưa, thời mà đồng Đức kim vẫn còn là một Đức kim, thời mà sự trung tín vẫn còn là biểu tượng cho danh dự - theo lời dạy của Thống chế Hindenburg, Riesenfield không ưa lối nói chuyện vòng vo đó. Đối với Riesenfield, sự trung tín là điều mà kẻ khác phải có khi cần ta giúp đỡ, đồng thời cũng là điều mà ta phải có khi cần trực lợi.

Georges thở ra:

- Vật giá thay đổi mỗi ngày, bàn cãi hoài vô ích.

- Vậy à? Bộ chú cũng muốn nói rằng tôi bán lỗ?

- Không, anh có đem tiền về không?

- Tiền? Chú nói cái gì vậy? Làm sao lấy tiền? Mình chưa giao hàng mà.

- Đúng ra mình phải lấy tiền cọc.

Henri nhăn mũi với tôi:

- Tiền cọc! Ông giáo làng định nói gì? Trước một gia đình đang chịu tang và những vòng hoa chưa kịp héo, chú có dám bảo người ta trả tiền trước về một món hàng chưa giao không?

- Phải nói chớ! Nếu không thì rồi họ sẽ suy nghĩ lại...

- Chú mày biết cái gì? Họ là những người cứng như gỗ. Họ đã trả đủ thứ tiền: thầy thuốc, quan tài, thầy tế lễ, phu đào huyệt, vòng hoa, các bữa ăn đãi khách, vậy mà còn đòi họ trả trước. Mười ngàn đồng cũng không được, biết không, trái dưa chuột non? Phải để họ tỉnh táo lại. Và cái tháp, trước khi trả tiền họ muốn nó được dựng lên ở nghĩa trang trước đã chớ không phải chỉ thấy nó trong tập tranh ảnh, dầu là chính tay chú mày đã vẽ lấy bằng mực Tàu trên giấy vàng, có cả cảnh trí tang chế, nói cho chú mày biết.

Ông ta lại trật đường rây. Cũng không sao. Đúng vậy, để tăng cường hiệu lực, tôi đã thêm vào một chút ngoại cảnh trong các hình vẽ thí dụ như: liễu rũ, những bó hoa tương tự, vài cây trúc bá và các góa phụ tưới nước mắt lên hoa. Các nhà buôn cạnh tranh với chúng tôi đã phải điên đầu. Ngay chính Henri lúc đó cũng nhìn nhận là sáng kiến lớn, nhứt là dùng giấy vàng. Thời kỳ đó, tôi vô cùng sung sướng: tất cả những tên nào tôi nhớ ra tôi đều cho chúng chết và ghi tên lên tháp trong tập hình mẫu. Từng là hạ sĩ quan tuyên huấn, tôi cũng chẳng đến nỗi nào: “Đây là nơi an nghỉ cuối cùng của Trung sĩ Karl Flumer, sau khi đã gánh chịu những cơn đau dai dẳng...” Flumer chính là anh chàng đã hai lần trong chiến tranh, đã tàn nhẫn bắt tôi đi thám sát với hy vọng là tôi sẽ không bao giờ trở lại. Thế nhưng, tôi vẫn thoát hiểm. Bây giờ, nhớ tới hấn, tôi cho hấn chết... trên mặt giấy dưới bàn tay của tôi.

Tôi trả lời Henri với giọng châm chọc:

- Thưa ông Kroll tưởng cũng cần thiết để lướt qua tình hình cho ông dễ nhận ra. Những nguyên tắc chúng ta đã đề ra đều đáng ca ngợi, nhưng đối với hiện tình chúng sẽ đưa chúng ta tới chỗ sạt nghiệp. Kiếm ra tiền thì một thằng ngu nào cũng có thể làm, nhưng giữ được giá trị đồng tiền lại là chuyện khác. Vấn đề chính yếu không phải là bán ra mà là mua vào, và làm thế nào để được trả tiền càng sớm càng tốt. Chúng ta đang sống trong thời đại của những thực tế cụ thể. Tiền chỉ là một ảo giác. Mọi người đều biết, trừ mấy lên cứng đầu ngoan cố, nếu cứ theo đà hiện nay thì lạm phát sẽ đi tới chỗ tận cùng tuyệt đối. Số tiền bảy trăm năm chục ngàn mà ông bán được, nếu tới hai tháng sau người ta mới trả thì chỉ còn bằng năm chục ngàn bây giờ. Chấm hết!

Henri tím mặt:

- Tôi không phải là thằng ngu, chỉ biết những chuyện lắm cẩm. Sống thực hành, tôi còn hơn chú mày nhiều. Nhưng thà chết trong danh dự còn hơn là sống nhờ

vào sự ngoắt ngoéo. Hễ tôi còn trách nhiệm bán hàng là phương pháp cũ không được thay đổi, và bây giờ, đủ rồi! Tôi biết rõ điều gì tôi biết, và tôi muốn người ta phải tôn trọng những cố tục của người sáng lập. Tôi muốn lộn mửa khi bị người ta phá hư mất sự vui vẻ của tôi. Tôi đã làm được việc, còn chú mày, tại sao không làm giáo làng nữa để có dịp đá đít những thằng bé lêu lổng trong làng?

Ông lấy nón, bước mau ra và đóng sầm cửa lại. Từ cửa sổ Georges và tôi nhìn ông ta bơi trên đôi chân ngắn ngủn, dẫm mạnh lên thềm đá với nhịp bước của một cựu chiến binh, ống quần bị kẹp phập phều. Ông ta hướng về phía quán rượu Blume.

Tôi bực mình không chịu được:

- Phải làm thế nào để tên cứng cổ đó biết làm việc thức thối! Làm cái nghề này mà không chó má một chút là mất cả xác lẫn hồn. Cái thằng cha bỉ ổi đó buôn bán với tử thần mà còn làm ra điều đạo đức.

Georges quá biết tính tôi nên cười xòa:

- Thôi, lấy tiền rồi đông đi! Bộ quên cái cà vạt định mua rồi hả? Mua ngay đi, tối nay họ không tặng giá được.

Georges lấy va-li bạc hững hờ để vào phòng ngủ của anh ta bên cạnh văn phòng. Tôi cuốn mấy gói bạc vào một mảnh giấy và hỏi Georges:

- Riesenfield có chắc tới không?

- Chắc, hắn đã điện thoại.

- Hắn muốn gì? Tiền hay chỉ là bán thôi?

Georges khép cửa văn phòng:

- Thế nào rồi cũng biết.

**Chú thích:**

[1] *Tiêm-bi (obélisque): Tháp Ai Cập, bốn mặt hình chữ nhật, cao và có chóp nhọn. Trên các mặt tháp có khắc hình thú vật.*

*Tiêm-bi thường thường được dựng trước các lăng tẩm hoặc ở các công trường.*

ứng trên ngưỡng cửa, chúng tôi có cảm giác được nàng Xuân ve vuốt. Gió nhẹ thánh Tư thì thâm như tiếng thụ cầm trên tàng lá những cây bạch dương và cây tử đinh hương vừa mới trở hoa. Tôi nắm tay Georges:

- Lạ phát rồi. Nụ hoa đầu tiên của tử đinh hương của mình chỉ là một đồng Roupie so với tất cả những thứ kia. Nhìn xem những cây uất kim hương. Màu trắng đàng kia, màu đỏ và màu vàng khắp cả. Hãy hít lấy một chút hương hoa. A! Thưa Đại tướng, xin nở mũi ra!

Georges hít một hơi không khí và tiếp theo ngay một hơi xì-gà. Đói với y, vạn vật chỉ có thể đẹp ra khi được nhìn ngắm qua khói thuốc xì-gà Ba Tây. Khu vườn ngoạn cảnh phía sau nhà cũng là nơi triển lãm của thương cuộc chúng tôi. Ở đó, các tượng niệm tháp được dựng lên ngay hàng thẳng lối như một đại đội đứng nghiêm, và phía trước chúng tôi là viên Trung úy oai nghiêm: cái Tiêm-bi Ai Cập vừa là tổ phụ vừa là huy hiệu của thương cuộc. Kế đó là một lò mộ bia rẻ tiền bằng sỏi đúc xi-măng dành cho những người nghèo đã từng là những kẻ dưng cảm, ngã chết vì nghèo khổ. Tiếp theo là những món thông dụng đá bình thường cô bệ, không đắt lắm, dành cho những người chết khiêm nhường. Rồi tới các loại bia bằng sa thạch có bảng tên lồng vào khuôn, bia cẩm thạch hoặc bia đá hoa cương Thụy Sĩ. Toàn là những thứ mà bàn tay lao động không với tới, chỉ dành cho các tiểu thương gia, đốc công, tiểu công nghệ gia. Suýt nữa là tôi quên mất những con sâu nhỏ của xã hội tân tiến chúng ta. Đó là người công chức tăn tiện lúc nào cũng muốn vươn cao quá sức mình, tuy nhiên đó cũng là hạng vô sản can đảm đã khiến người ta tự hỏi chẳng biết vì sao họ vẫn tồn tại mặc dầu tiền lương luôn luôn tới sau vật giá.

Tất cả những thứ đó không đáng kể. Bây giờ tới phiên cẩm thạch và đá hoa cương. Trước hết là loại đá được mài láng một mặt hai bên cạnh và phía sau lõm chõm. Đây là những thứ dành cho giới trung lưu: chủ nhân, doanh gia, điền chủ và những công chức lớn luôn luôn muốn cho cái chết của mình mang sắc thái của loài động vật hữu nhũ to lớn.

Cuối cùng là phần dành riêng cho giai cấp quý tộc: cẩm thạch mài bóng tất cả các mặt, đá hoa cương đen Thụy Điển. Không còn được một chỗ nhám, tất cả đều phải sáng chói ngay cả cái bệ. Những công trình nghệ thuật này chỉ dành cho các

phú nông, tở phú, những tay quỹ quyết của ngành kinh tài sống nhờ vào ngân hàng Reichs.

Chúng tôi tới nhìn món hàng duy nhất mà mười lăm phút trước vẫn thuộc quyền sở hữu của thương cuộc. Đen và ngời chiếu như một chiếc xe hơi mới toanh, nằm giữa hương sắc mùa Xuân, cái tháp quý giá sang trọng ấy trông như một thiếu nữ tươi mát, thuần khiết và trinh trắng... trong một tiếng đồng hồ. Bởi vì trong một tiếng đồng hồ nữa, người ta sẽ khắc vào cái bụng thon của nó những chữ La Tinh mạ vàng - giá tám trăm đồng một chữ - tên của người chủ một nông trại to lớn: Henri Fleddersen. “Thượng lộ bình an! Công chúa hoa cương. Vĩnh biệt!” Và tôi dở nón ra. Hỡi ơi! Sắc đẹp cũng chào thua định mệnh. “Vĩnh biệt! Công chúa sẽ trở thành một khối đá dùng để quảng cáo cho tên tuổi của con người ti tiện ấy, con người đã bóc lột những góa phụ cho tới tờ giấy bạc cuối cùng bằng cách bán chất béo trái cây mà bảo là bơ. Đó là chưa kể tới những vụ bán buôn bỉ ổi thịt bê, sườn heo và thịt bò chiên. Thượng lộ bình an, người đẹp”.

Georges sờ bụng:

- Chú nhắc chuyện heo bò làm tôi đâm đói bụng rồi. Nào, tiến tới mục tiêu: Walhalla. Có cần đi mua cà vạt chưa?

- Chưa, còn đủ thì giờ. Thời giá Mỹ kim chỉ thay đổi sáng thứ Hai. Tại sao kia? Tại sao đồng Mark không tiếp tục sụt giá vào cuối tuần. Phải chăng có bàn tay Thượng đế?

- Không. Rất giản dị là chỉ tại thị trường chứng khoán ngưng hoạt động, còn hỏi gì nữa không, bé con?

- Còn. Người ta sống từ trong ra ngoài hay từ ngoài vào trong.

- Con người sống, chỉ vậy thôi. Có món goulasch ở nhà hàng Walhalla với khoai tây, dưa chuột và xà lách. Tôi nhìn thấy thực đơn khi từ ngân hàng trở về.

- Vậy thì đi ăn goulasch!

Tôi ngắt một cánh hoa cài vào áo:

- Anh có lý, con người sống và chỉ có thể thôi. Đừng tìm, những cái không thể có. Thôi mình đi để làm cho Edouard Knobloch điên đầu.

Edouard Knobloch, một ga khổng lồ toàn mỡ, mang tóc giả màu nâu, vừa thấy chúng tôi vào phòng ăn đã nhăn mặt như mới bị gãy răng.

Georges cất cao giọng:

- Chào ông Knobloch! Trời hôm nay đẹp. Càng thêm đói cồn cào.

Vai Edouard rung rung:

- Ăn nhiều có hại cho gan và mật. Hại đủ thứ.

Georges ra điều thân thiết:

- Vậy mà ăn ở quán bạn thì trái lại. Từ ngày điếm tâm ở đây, tôi thấy mắt sáng ra và đùi tròn lại.

- Hừm! Nhưng quá khỏe mạnh cũng không được bình thường. Theo các tài liệu khoa học mới đây, ăn quá nhiều thịt...

Tôi ngắt lời Edouard bằng một cái vỗ nhẹ vào dạ dày của hắn. Hắn lù lị như bị điện giật.

- Phải bình tĩnh chứ, và ứng phó tùy theo hoàn cảnh. Không ai dọn sạch tủ ăn đâu mà. Mấy lúc sau này có còn học làm thơ không?

- Thơ cái quái gì! Thì giờ đâu mà làm.

Phải nhìn nhận rằng Edouard vừa là chủ quán ăn vừa là nhà thơ tuy chẳng ra hồn gì về cái tài nghệ phần sau. Tôi hỏi:

- Còn bàn không?

Knobloch nhìn quanh quất và mắt hắn chợt sáng lên:

- Rất tiếc không sao còn chỗ trống.

- Cũng không sao, bọn này chờ.

Edouard cố cười thật tươi:

- Tôi sợ là lâu lắm mới có chỗ. Hầu hết thực khách đều mới bắt đầu ăn xúp. Nếu các bạn qua nhà hàng Grand Cerf hay ra quán nhà ga, chắc con kíp. Ở đó cũng không tệ lắm.

Trò đùa hôm nay quả kéo dài. Sau Henri đến lượt Edouard. Nhưng chúng tôi cương quyết ăn cho được

món goulasch dầu phải đợi một tiếng đồng hồ. Đó là món ăn xuất sắc của thực đơn.

Edouard không những là nhà thơ, hẳn còn biết đo mức độ chịu đựng của thận và tim:

- Chờ cũng vô ích. Bây giờ thì hết goulasch rồi. Nếu các bạn chịu món bò chiên kiểu Đức, tôi có thể dọn ngay lên quầy.

Tôi lắc đầu:

- Thà chết đói còn hơn! Bọn này sẽ cắt bạn ra từng mảnh để làm goulasch.

- Giỡn hoài!

Tôi vô thêm một cái vào bụng hẳn:

- Coi chừng! À này, Georges, theo tôi, có chỗ rồi.

Edouard dáo dác:

- Đâu?

- Đằng kia, bàn của người ăn mặc chải chuốt, tóc nâu. Gần một người đàn bà sang trọng. Bạn không thấy họ ra hiệu với bọn này. Bàn của tôi đó. Bảo gã hầu bàn tới mau.

Edouard thở phà ra như bong bóng xì hơi ở phía sau chúng tôi.

Cứ mỗi lần bọn tôi tới quán này là trò cũ tái diễn. Nguyên do là trước đây nhà hãng có bán một quyển sổ gồm mười phiếu cho những khách hàng nào muốn được ăn rẻ tiền. Edouard cho đó là một sáng kiến hay để câu khách. Rủi cho hắn là những tuần lễ sau này, mức độ lạm phát tuôn như suối làm ngập lụt cả mức độ tính toán của hắn đi. Nếu mỗi phần ăn vào tháng trước còn đúng với giá ghi trong sổ thì mỗi phần sau này cứ ngày một tăng lên. Edouard ngưng bán phiếu. Nhưng chúng tôi tinh mõi hơn hắn nên với tất cả số tiền bán được một cái tháp cách nay sáu tuần, chúng tôi đã dùng cả để mua những tập phiếu ăn ấy. Để Edouard khỏi nghi ngờ, chúng tôi đã nhờ các người quen, mỗi người mua vài tập. Khi Edouard ngưng bán hắn tưởng là có thể thanh toán được tất cả trong mười hôm. Nhưng tôi và Georges, mỗi đứa còn giữ được tới ba chục tập tức là trên ba trăm bữa ăn. Mười lăm ngày sau khi ngưng bán phiếu, Edouard bắt đầu lo ngại khi thấy bọn này cứ tiếp tục trả bằng phiếu. Và cho tới đúng một tháng, hắn cuống lên. Vào lúc đó mỗi bữa ăn của bọn tôi chỉ bằng một nửa giá. Sáu tuần sau đồng giá với mười điều thuốc. Mỗi ngày, bọn tôi tới nhà hàng với phiếu dùng bữa trên tay. Edouard hỏi dò xem còn được bao nhiêu. Chúng tôi âm ừ cho qua. Hắn định yết bảng không nhận phiếu nữa. Hôm sau bọn tôi mời một luật sư cùng đến ăn thịt bê. Tới lúc điếm tâm, ông thầy cãi giảng cho Edouard biết thế nào là vi phạm những giao ước và trả phần ăn của ông ta bằng một lá phiếu của tôi đưa.

Cảm hứng thơ phú của Edouard đi vào ảm đạm. Hắn đề nghị một thỏa ước nhưng chúng tôi từ chối. Hắn làm một bài thơ kiêu giáo khoa với tựa đề “Của phi nghĩa có giàu đâu” và gửi đến nhà báo. Người chủ bút cho chúng tôi hay là bài thơ ám chỉ đến bọn đào huyệt, đúc bia, xây tháp trong đó có nói đến một cái tên mà lời lẽ trong thơ gọi là Kroll Cá Xà. Chúng tôi lại mời ông thầy cãi tới nhà hàng Walhall dùng món sườn heo. Nhân có sự hiện diện của Edouard gần bàn, nhà cố vấn luật của bọn tôi định nghĩa về tội công khai nhục mạ cũng những hậu quả pháp lý. Và ông ta lại trả phần ăn bằng một tấm phiếu của chúng tôi.

Thế là, nhà thơ Edouard chỉ thích dệt những vần thơ sầu muộn bỗng sáng tác toàn những dòng thơ nặng hận thù trong hy vọng nguồn phiếu ăn của chúng tôi sớm cạn. Hắn đã làm, bọn tôi còn đủ phiếu để tiếp tục ăn hơn sáu tháng.

Willy đứng đây tiếp bọn tôi. Hắn mặc một bộ com-plet xanh đậm, loại hàng đắt giá, trông hắn giống con cóc tía. Cà vạt của hắn có gắn một viên trân châu và ngón trở tay phải đeo một cái nhẫn tổ bố. Năm năm trước hắn là một hạ sĩ quan quân lương cũng một đơn vị với chúng tôi. Hắn và tôi cũng một tuổi: hai mươi lăm.

Willy giới thiệu:

- Các bạn tôi: Georges Kroll và Louis Bodmer và đây là cô Renée de la Tourterelle của Moulin Rouge ở Ba Lê.

Renée de la Tourterelle nghiêng mình chào. Chúng tôi nhìn Willy. Hắn nhìn lại không che giấu hãnh diện:

- Mời quý vị ngồi. Nếu tôi không lầm thì dường như chủ nhà hàng muốn mời quý vị đi nơi khác. Món goulash còn thiếu chút xíu hành nhưng tuyệt hảo. Nào, ngồi đi, mình chịu chật một chút.

Chúng tôi ngồi vào chỗ. Willy đã quá biết trò đùa dai dẳng của chúng tôi với Edouard, và hắn theo dõi cuộc hành quân quấy rối này với tất cả sự yêu nghề của một phóng viên chiến trận.

Tôi vỗ vào tay gọi:

- Hầu bàn!

Một gã hầu bàn đang uốn ẹo cách bàn chúng tôi không quá ba thước bồng điếc đặc. Tôi dẫn giọng:

- Hầu bàn đâu?

Georges giọng khôi hài:

- Chú đừng hỗn láo với người ta. Đừng quên là người ta đã từng tham dự cuộc cách mạng 1918! Phải gọi là Quản bếp!

Tôi bật cười. Thật vậy, cuộc cách mạng ở Đức năm 1918 được coi là ly kỳ nhất trong lịch sử cách mạng. Chính những người làm cách mạng bồng dâm ra hoảng sợ trước sự can đảm của mình nên phải gọi tới sự viện trợ của nhà tù già cỗi và những ông tướng của chế độ cũ để che chở cho họ chống lại sự liều lĩnh của chính họ. Trong mỗi thành phần xã hội, các vụ tăng chức mọc lên như nấm. Giáo viên trở thành giáo sư thanh tra Tiểu học biến thành thanh tra Đại học, hầu bàn được cất lên Quản bếp, các cựu thơ ký đảng bồng được gọi là ngài. Và ông Bộ trưởng Quốc phòng - đảng Dân Chủ Xã Hội - vô cùng hân hoan khi thấy trong

Bộ của mình toàn là những người mang cấp Tướng. Thế rồi cuộc cách mạng chìm vào áo lông, lòng tốt, bột bia và nỗi nhớ nhung các bộ quân phục cùng những tiếng hô “Bồng súng, chào!”

Georges lặp lại:

- Quán bếp!

Gã hầu bàn vẫn cố làm ra điếc, theo lời dặn của Edouard.

- Quán bếp! Tên khốn khiếp!

Thình lình, một giọng rền như sấm cất lên, đúng y như giọng một hạ sĩ quan Phổ trong trại lính. Dư âm vang rền khắp phòng như tiếng kèn xung trận. Gã hầu bàn dừng sững và quay phắt lại. Hai gã khác từ trong bếp chạy ra. Có tiếng gót chân chạm nhau trong một góc phòng. Một thực khách có dáng vẻ nhà binh kêu lớn “Hoan hô”. Ngay cả Edouard cũng chạy tới chạy lui để tìm xem cái giọng sấm ầm ầm đó từ đâu phát ra. Hẳn biết rõ không phải của tôi cũng không phải của Georges.

Chúng tôi quan sát Renée de la Tourterelle. Cô ta vẫn bình thản như chẳng có chuyện gì xảy ra. Tuy nhiên, theo chúng tôi thì chỉ có cô ta là có thể làm như thế bởi vì chúng tôi cũng biết rõ giọng của Willy.

Gã hầu bàn tới:

- Ông bà cần gì?

Georges nói một hơi:

- Mì nước, goulasch và bánh mì pudding có trái phúc bồn tử ướp lạnh cho hai người ăn. Và phải làm đúng nếu không, tao vạ tai ra.

Edouard từ từ đi tới. Hắn liếc nhìn xuống gầm bàn. Chẳng có ai. Vậy thì kẻ nào đã có thể kêu rền như vậy được?

Hoàn toàn im lặng. Chúng tôi nhìn Edouard với vẻ sững sốt, Renée de la Tourterelle chậm phẫn. Edouard bỏ đi:

- Chủ quán! Lại đây! Mau!

Giọng sấm rền lại ngân vang.

Edouard quay phắt lại, nhìn đăm đăm vào bàn chúng tôi. Chúng tôi vẫn giữ cái cười đần độn. Edouard nhìn thẳng vào Renée.

- Có phải cô...

Renée đẩy hộp phần lại:

- Ông chủ hàng muốn hỏi gì?

Giọng kim cao vút như thủy ngân của cô ta khiến Edouard ngây người ra. Georges không bỏ lỡ cơ hội:

- Dường như ông Knobloch hôm nay không được khỏe?

- Nhưng mà...

Tôi chận ngang:

- Bạn quẫn trí rồi. Edouard! Sao lại mang bộ mặt kỳ dị vậy? Chắc lại làm việc quá sức rồi. Nên nghỉ một ít lâu. Dầu bạn có chết bọn này cũng chẳng lợi lộc gì với một tấm mộ bia cẩm thạch khiêm nhường.

Mắt của Edouard nhấp nháy như cú mèo. René xẵng giọng:

- Trông giống như một người cô quái. Đã vậy mấy người của ông lại nhét cao su vào tai còn buôn bán cái gì nữa.

Và cô ta cười, tiếng cười trong như tiếng suối thủy tinh.

Edouard đưa tay lên trán. Một giọng cười như thế không thể nào biến thành cái giọng ồm ồm của viên thượng sĩ ngoài mặt trận. Georges bảo:

- Bạn có thể trở về chỗ, Knobloch, trừ phi bạn thấy thích thú nghe bọn này nói chuyện.

Tôi nói thêm:

- Và nhớ đừng ăn nhiều thịt. Chắc tại ăn nhiều nên mới nảy sinh ảo giác. Hồi này bạn nói gì? Theo những khám phá mới của khoa học ăn quá nhiều...

Edouard quay người nửa vòng rồi bỏ đi mau. Hắn vừa đi khuất, Willy cười rung cả hai vai. Renée chỉ cười nhẹ nhưng mắt cô ta sáng chói.

Tôi bắt tay Willy:

- Lâu quá tao chưa được cười lần nào như bữa nay. Đâu nói cho bọn tao nghe về hiện tượng âm hưởng đó đi.

Willy vừa cười vừa chỉ vào Renée. Tôi ra điều lịch sự:

- Xin cô vui lòng cho chúng tôi...

Tiếng Pháp theo sách vở nhà trường của tôi khiến cho Willy phì cười.

- Nói cho nó nghe đi, cưng!

- Cái gì?

Renée vừa hỏi vừa hơi nhú mày ra vẻ khiêm nhường. Rồi cô ta bật cười... tiếng cười cao vút, và thành linh giọng cười trong trẻo bỗng âm âm như tiếng trống.

Chúng tôi nhìn sững cô ta. Willy giải thích với những cơn cười nghẹn:

- Renée là ca sĩ! Hát hai giọng... Hai giọng, chỉ hát một mình. Một đoạn giọng cao một đoạn giọng thấp. Giọng kim và giọng thổ.

Chúng tôi thầm cảm ơn Renée và Willy. Món goulasch được dọn ra. Edouard từ xa không ngớt theo dõi vào bàn của chúng tôi. Thái xấu của hắn là luôn luôn muốn biết. Thái độ tò mò đó làm hại cho hồn thơ của hắn và biến hắn thành kẻ đa nghi. Georges Kroll, người của nền giáo huấn xưa, yêu cầu Willy và Renée để cho y được trả tiền bữa ăn chung đánh dấu một chiến thắng. Sau đó, y chia cho Willy bốn tấm phiếu trị giá chỉ bằng một vài khúc xương còn dính sót một chút thịt.

Trời sẫm tối. Tôi ngồi trên bàn viết nhìn ra cửa sổ. Ngôi nhà thấp cũ, đầy xó xỉnh là của gia đình Kroll đã mua cách đây sáu mươi năm để lập nghiệp. Nó gồm ba phần được ngăn cách bằng một công chánh và một lối đi. Phần thứ hai là nơi cư ngụ của lão thượng sĩ hồi hưu Knopf cùng vợ và ba cô con gái. Bên trái, sau khu vườn triển lãm các mộ bia và tường niệm tháp, là một nhà hai tầng trông giống như trại lính. Tầng dưới được dành làm tiểu xưởng cho Kurt Bach tạc đá thành những con sư tử sấu thảm và những con chim ung xòe cánh để gắn trên các đài tưởng niệm. Những giờ nhàn rỗi, Kurt quào lục huyền cầm hoặc thơ thần với giấc mơ một ngày nào đó sẽ chiếm được huy chương vàng. Hắn ba mươi hai tuổi.

Tầng trên của trại là gác trọ của anh chàng đóng hòm Wilke, một thanh niên cao lớn nhưng khảng khiêu, dường như chẳng có gia đình. Bọn tôi giao dịch với hắn trên tinh bằng hữu có lợi cho cả đôi bên. Khi tìm ra một người chết còn tươi chưa có hòm, chúng tôi giới thiệu hắn với tang quyến hoặc bán ngay lập tức cho hắn. Phần hắn, khi đánh mũi ở đâu có xác chết, hắn báo động lập tức với chúng tôi trước khi bọn cạnh tranh chó sói khác đến nơi giựt mồi. Công việc làm ăn càng khó nên phải tranh nhau như chó giành giẻ rách. Tên Oscar Fuchs của hãng cạnh tranh trực tiếp với chúng tôi đã không ngần ngại dùng tới củ hành. Trước khi vào một nhà có tang, hắn lấy vài khoanh hành củ ra hít thật nhiều hơi để cho nước mắt chảy ra. Chúng tôi đặt cho hắn cái tên “Oscar mắt treo cờ rữ”.

Sương mù từ từ xâm chiếm con đường. Lisa đã đốt đèn nhưng lần này các cửa màn đã kéo kín chứng tỏ là anh chàng giết ngựa đang có ở nhà. Những chùm tử đinh hương lủng lẳng trên tường của khu vườn bên cạnh thuộc về nhà buôn rượu chát Holzmann. Mùi rượu nho hắt tới bên này đường. Bóng dáng lão thượng sĩ Knopf hiện ra giữa khung cửa chánh. Người lão khô đét như xác chết treo với một cây gậy và một cái mũ có vành. Dầu chỉ sống gần như suốt đời trong quân ngũ và trí thông minh không vượt quá quyển “Khái niệm của Bộ binh” lão ta trong giống Nietzsche một cách lạ lùng. Knopf đi dài theo hẻm Arquebusiers và quẹo trái ra đường Assomption. Lão sẽ trở về lúc nửa đêm sau khi đã đánh một vòng qua các quán rượu trong thị xã. Knopf chỉ uống toàn rượu mạnh, loại rượu cất bằng mễ cốc. Trong lãnh vực này, lão là người sành sỏi hơn bất kỳ ai. Ở Wenderbruck có hai hoặc ba nhà sản xuất rượu bằng mễ cốc. Knopf chỉ cần để mũi tới là phân biệt được ngay. Bốn mươi năm tận tụy trong binh nghiệp, mũi và lưỡi lão ta đã quá quen với mùi vị nên có thể nói ngay đó là rượu nấu với cốc loại nào hoặc là do lò nào sản xuất. Cố nhiên là lão ta nói về loại rượu trong thùng chớ không phải đã vào chai. Cái năng khiếu đặc biệt đã giúp lão thắng vô số cuộc đánh cá.

Tôi đứng lên nhìn lại cái ô chuột của mình. Đây là một căn buồng sát mái nhà, trần thấp lè tè. Tất cả duyên dáng của nó bao gồm với một cái giường, một kệ sách lèo tèo vài quyển sách, một cái bàn, vài cái ghế và một chiếc dương cầm già nua. Năm năm trước, sống trong vùng Flanders, tôi không dám mơ sẽ có được một thiên đường thế này. Đó là thời gian xảy ra cuộc tấn công vào đồi Kemmel mà đại đội chúng tôi đã để mất đến ba phần tư. Hôm sau cuộc tấn công, Georges Kroll vào quân y viện với một vết thương ở bụng. Phần tôi phải đợi đến ba tuần lễ sau, định mệnh mới chịu ném cho một mảnh đại bác vào đầu gối. Tiếp theo đó là sự tan rã hoàn toàn. Cuối cùng, để giữ trọn lời hứa với người mẹ đang bệnh tôi trở thành thầy giáo. Mẹ tôi nghĩ rằng với mảnh bằng giáo chức tôi đã có thể an nhàn sống tới ngày vào mộ. Bà qua đời trong những tháng năm sau cùng của chiến tranh trước khi tôi được phái tới một vùng hoang dã. Quá chán công việc nhồi vào óc trẻ con với những điều mà mình không còn tin tưởng nữa, một sáng mùa Đông, tôi đào nhiệm.

Tôi lật lật một vài quyển sách nhưng không có tinh thần để đọc. Thời tiết Xuân cứ quấy rầy tôi và trời chiều đang ngã màu sẫm muộn. Tôi mở đèn lên để xua đuổi những tư tưởng xấu trong đêm. Trên bàn, một tập giấy bìa màu vàng đang nằm lạnh. Trong đó có những bài thơ mà tôi đã đánh máy thành ba bản. Thỉnh thoảng, tôi gửi một vài bài tới các nhật báo và cho tới nay chỉ mới được đăng có ba lần trên một tờ báo địa phương. May là nhờ có Georges quen biết với người chủ bút. Nhưng dầu sao qua sự kiện có thơ đăng trên báo, tôi cũng đã nhận được vào thi đoàn thị xã mỗi tuần một lần tại nhà của Edouard Knobloch, trong gian phòng kiểu Gô-tích. Gần đây, Edouard tìm cách khai trừ tôi bảo là kém tinh thần đạo đức - vì mấy tấm phiếu ăn - nhưng toàn thể hội viên đều cho rằng tôi đã xử sự hoàn toàn chính đáng theo các nguyên tắc được nhìn nhận từ lâu bởi nền kỹ nghệ nặng và nền tài chính cao cả của đất nước yêu quý chúng ta. Và lại, nghệ thuật chẳng có gì bị ràng buộc bởi tinh thần đạo đức.

Tôi đập tập thơ vào góc bàn. Tự nhiên tôi thấy nó trẻ con và tầm thường quá. Nằm trong hầm núp, làm thơ còn có được ý nghĩa bởi vì đó là một hòn đảo nhỏ của sức kháng cự và lòng tin vào một tương lai trên sự điêu tàn, chết chóc. Nhưng tôi sẽ trở thành gì nếu bỏ cuộc? Chính vì vậy mà tôi tiếp tục viết và rồi những vần thơ của tôi đôi khi dường như bỗng thoát ra trước cảnh nắng chiều ngã mình trên mái ngói, vào giờ mà hoàng hôn phủ lên con đường những vũng màu tím thẫm.

Tôi xuống lầu và ra vườn, cửa nhà lão Knopf còn mở, từ đó thoát ra tiếng rào rào

không ngừng của những chiếc máy may. Ba cô con gái của lão ta còn làm việc. Tôi nhìn về phía văn phòng. Không có ánh đèn. Vậy là Georges đã chuồn đi đâu đó. Phần Henri thì có lẽ ông ta đang ngồi ở một quán cóc. Tôi đi quanh quần. Có người đã tưới nước nên đất ẩm xông lên nặc mũi. Xương đóng hòm của Wilke trông rỗng, và căn buồng của Kurt Bach im lìm. Cửa sổ mở toang, một con sư tử đá tạc nửa chừng nằm dưới đất, thiếu não như đang bị đau răng, bên cạnh nó là hai chai bia không chĩa miệng lên trời. Một con sơn ca bắt đầu hát, và đột nhiên, không một lý do chính xác, tôi chợt buồn thía với những nỗi buồn quen thuộc. Tôi trở lên phòng mở nắp dương cầm, đánh một bài hòa âm. Cũng như con chim ngoài vườn, tôi muốn gởi ra gió nỗi buồn và niềm vui của lòng mình. Nhưng, cuối cùng những đầu ngón tay tôi chỉ bấm được những bản nhạc bình dân và những điệp khúc tình cảm của “Tristan” và “Chevalier à la Rose”. Một người qua đường hét vọng lên:

- Học đàn lại đi, đồ ngốc!

Tôi đập nắp đàn và phóng tới cửa sổ. Một bóng người vừa khuất mình trong tối. Hẳn có lý. Tôi chơi nhạc quá tồi cũng như đã quá tồi trong cuộc sống không bao giờ tiến bộ. Nếu có người nào đó giải thích được là tôi ở trái đất này để làm gì, tôi sẵn sàng nhường lại tất cả những tấm phiếu ăn ở nhà hàng Edouard Knobloch.

Sáng Chúa Nhật, tất cả nhà thờ đều đổ chuông, đồng đô-la vẫn còn ở giá ba mươi sáu ngàn Đức kim, tôi cảm thấy vui và sẵn sàng tha thứ cho toàn thể loài người trên trái đất.

Tôi từ từ thay quần áo. Một làn gió nhẹ đi qua cửa, én liệng ngoài công ngõ. Phòng tôi có hai cửa sổ, một nhìn vào sân, một mở ra vườn. Tôi nghiêng mình trên bệ cửa nhìn vào sân để ngắm khu vườn. Thành linh có tiếng ú ớ tiếp theo là tiếng rọc rạch như nước đổ trong máng xối và tiếng rên rỉ sau cùng. Henri Kroll ở chái bên cạnh lại gặp ác mộng. Năm 1918 ông ta đã bị chôn sống, bây giờ năm năm sau, ông ta vẫn còn thấy trong giấc ngủ.

Tôi nấu cà-phê trên một cái đèn cồn và thêm vào đó một chút rượu anh đào theo kiểu uống mới của người Pháp vừa học được. Mặc dầu có lạm phát, tôi vẫn luôn luôn có một ít tiền để dành.

Tôi điếm tâm bằng bánh mì trét bơ trái cây và mứt mơ. Món mứt khá ngon tuy hơi khét, nhưng mặc! Trong thời chiến người ta đã cho chúng tôi ăn những thứ tồi tệ hơn nhiều. Tôi nhìn qua tủ áo hai bộ quần phục may lại thành đồ dân sự, một màu xanh, một màu đen. Ngoài ra còn một bộ com-plê, quá ngắn, nhưng không bị sửa đổi nên khá thích hợp với một Chúa Nhật, nhất là xứng hợp với cà vạt vừa mua hôm qua để làm dáng với Isabelle.

Tôi đi thơ thẩn qua các con đường trong thị xã. Werdenbruck là một thị trấn xưa cũ với sáu chục ngàn dân và những ngôi nhà bằng gỗ cùng một vài khu phố tân thời xấu xí đến hiếm có. Ra khỏi hẻm cây dẻ, tôi đi lên một ngọn đồi nho nhỏ trên đó là viện Tâm Trí xây giữa một vườn cây. Khu vực chữa trị những người điên bình lặng và an nghỉ, tiếng chim riu rít trong những tàng cây. Tôi đi thẳng tới ngôi tiểu giáo đường, nơi mà tôi có nhiệm vụ đệm phong cầm vào ngày lễ Chúa Nhật. Tôi đã từng học loại đàn ống trong khi chuẩn bị thi sư phạm. Đây là một trong những nghề phụ để kiếm sống của tôi. Ngoài ra, mỗi thứ Năm, tôi còn dạy dương cầm cho mấy đứa con của anh chủ nhiệm giày Kral Brill để có chút ít tiền xài vặt và để lợp đế mới cho mấy đôi giày quá cũ của tôi mà khỏi phải trả tiền công. Mỗi tuần hai lần tôi còn phải dạy kèm cho thằng con trai ông chủ nhà sách Bauer, một tai họa thực sự để đổi lấy vài trăm Mark. Thêm vào món tiền chẳng đáng vào đâu này, Bauer có “nhã ý” cho tôi đọc không một số sách mới

xuất bản và trừ hết vài chục phần trăm khi tôi mua sách. Tôi đã lợi dụng phần huê hồng đặc biệt để mua sách cho thi đoàn, và mỗi khi cần tới tôi về chuyện sách vở Edouard Knobloch không ngần ngại gọi lại tình bằng hữu giữa tôi và hắn trước kia.

Chín giờ sáng, buổi lễ bắt đầu. Ngồi từ chỗ đánh đàn, tôi nhìn những người bệnh sau cũng đi vào, chung quanh họ là những người gác bệnh và dì phước. Họ đi thật êm, không có tiếng guốc khua như ở nhà thờ miền quê tôi dạy học.

Ánh sáng từ bên ngoài rảy qua cửa kính trộn lẫn ánh nến trước bàn thờ, làm thành những tia xanh, vàng trên người vị giáo sĩ mặc tế gấm và những đồng nhi đang lặng lẽ quỳ chờ hát trong những chiếc áo đỏ nẹp trắng.

Tôi bắt đầu nhấn phím. Ngay tức khắc, tại các dãy ghế trên cùng, đầu của những người điên cùng quay về một lúc như bị điều khiển bởi một sợi dây kéo vô hình. Những khuôn mặt xanh mét với những đôi mắt lờm sâu cũng hướng về chiếc phong cầm như không một dấu hiệu cảm xúc nào hiện ra. Dưới ánh sáng óng ả vàng, trông họ như những con vật tế thần đợi giờ dâng hiến. Càng lúc, âm nhạc càng làm lạc hướng con bệnh: tiếng sáo, tiếng vĩ cầm và tiếng hạ âm của thất huyền cầm xuyên qua cân não họ như những hòa âm luôn luôn mới lạ và bất ngờ. Rồi lễ thánh cử hành.

Không phải tất cả những người điên đều cùng hành lễ. Một số lớn ngồi ở những dãy ghế sau cùng không động đậy như chìm đắm trong tang chế nếu không phải là họ đang ở trong một thế giới khác của Đấng Cứu Thế. Dường như họ đang nghe một thứ âm nhạc tuyệt vời hơn tiếng phong cầm. Mà cũng có thể chẳng nghĩ tới gì cả... đứng đưng, như biển lớn, như thiên nhiên và cõi chết. Những cái đầu đó có lẽ đang hiểu được điều gì, đang nhìn thấy hay đang nghĩ ngợi tới nhưng không thể tiết lộ thiên cơ. Phải chăng họ là những người cuối cùng trên tháp Babel, không thể truyền thông cảm nghĩ cho nhau giữa những cơn bão tố?

Tôi nhìn hàng ghế đầu. Bên phải, tôi nhận ra bóng dáng mảnh khảnh của Isabelle đang quỳ gối, người giữ thăng, đầu hơi nghiêng qua một bên vai như pho tượng Gô-tích. Chúng tôi bắt đầu giờ của phép lạ. Bánh và rượu sắp biến thành máu và thịt của đấng Christ. Cũng giống như phép lạ biến bụi đất thành con người. Tuy nhiên, theo Riesenfield thì phép lạ thứ ba chính là con người biết chắc chắn là sẽ chết. nhưng trước khi tới đó, họ đã phí thì giờ, mưu mô và sức lực để khai thác đồng loại đến tận xương tủy, loại trừ những kẻ họ không ưa thích, làm như họ sẽ sống đời đời. Đó là lời của Riesenfield, đại diện của hãng “đá hoa cương

Odenwald”, một trong những tổ chức hút máu nhiều nhứt của nghề làm mộ bia, dựng tháp cho người chết.

Sau buổi lễ, các dì phước dọn cho tôi một bữa lót dạ theo giao ước: canh, trứng, thịt, bánh và mật. Nhờ bữa ăn này tôi có thể khỏi ăn trưa vì phiếu khẩu phần ăn của nhà hàng Edouard không có giá trị vào ngày Chúa Nhật. Ngoài ra, tôi còn được lãnh một ngàn Đức kim, vừa đủ để trả tiền di chuyển bằng xe điện. Tôi không bao giờ đòi thêm. Tại sao? Tôi vẫn chưa rõ lắm. Thế mà đối với lão chủ tiệm giày Karl Brill và nhà sách Bauer, tôi hung hăng như quý.

Lót dạ xong, tôi đi một vòng trong khu vườn rộng lớn, đầy cây cối hoa thơm và băng đá. Nếu không có

những bờ tường cao bao bọc và cửa sổ không song sắt, người ta có thể cho rằng đây là một trung tâm an dưỡng chứ không phải là một nhà thương điên. Ở đây, thế giới bên ngoài dừng lại. Người ta có thể yên tĩnh ngồi trên ghế nghe gió thổi, chim hót và nhìn ánh nắng xuyên qua kẽ lá.

Một số người bệnh đi qua trước mặt tôi, cãi cọ thật hăng theo sau họ là những thân nhân và nhân viên của Viện. Nhưng phần lớn đều ngồi bất động trong một góc, đầu nghiêng một bên như sợ hãi ánh nắng mặt trời và đang trông đợi dẫn về các phòng giam.

Phải mất một thời gian khá lâu tôi mới quen được cảnh tượng này, và đôi khi lại nhìn người điên với con mắt mới lạ. Cũng giống như cảm giác nửa tò mò, nửa kinh khiếp lúc tôi thấy người chết lần đầu. Thuở đó, tôi mới mười hai tuổi, kẻ chết là Georges Hellmann một tuần trước còn đùa nghịch với tôi, bỗng lặn đùng ra, nằm giữa những bó hoa, những vòng hoa, như một thân hình bằng sáp vàng, vừa xa lạ vừa hiện hữu. Về sau, trên trận địa, tôi gặp nhiều xác chết và chỉ thấy buồn nôn thật tự nhiên khi đi vào một lò sát sanh. Nhưng cái xác chết không đầu tiên đó, tôi không bao giờ quên được. Đó là cái chết đôi khi quan sát tôi qua ánh mắt tắt lịm của người điên.

Isabelle từ trại phụ nữ đi ra, mặc áo lụa vàng tay cầm một mũ rom rộng vành. Tôi đứng dậy để đi ngược lại đón nàng. Trông khuôn mặt thon thon đó người ta có thể bảo chẳng khác gì hơn là đôi mắt xanh lục sáng ngời và một vành môi đỏ thắm. Nhưng màu mắt có thể đột ngột lợt lạt đi và vành môi mím lại như một cô gái già. Những lúc đó nàng tự cho mình là Jennie, một nhân vật đa nghi khó tánh. Phần lớn thời gian nàng vẫn là Isabelle. Sự thật tên của nàng là Geneviève

Terhoven. Theo các nhà y học thì nàng bị mắc chứng nhị hóa nhân cách, nghĩa là lúc cho mình là người này, lúc là người kia. Trong bệnh viện, Isabelle là người trẻ nhất. Mẹ nàng đang ở một nơi nào đó tại Alsace, khá giàu nhưng dường như chẳng mấy quan tâm đến con. Luôn sáu tuần tôi biết Isabelle, bà ta vẫn chưa lần nào tới đây.

Hôm nay, Isabelle vẫn là Isabelle. Nàng sống trong cõi mộng thoát khỏi tất cả mọi trọng lực và tôi chẳng có gì ngạc nhiên khi nhìn thấy một vài con bướm đậu ở vai nàng. Nàng reo vui:

- Anh đây rồi! May lúc sau này anh đi đâu?

Lúc nào Isabelle, nàng vẫn gọi tôi bằng anh. Tôi chưa kịp trả lời, nàng đã hỏi tiếp:

- Anh ở đâu?

Tôi làm một cử chỉ mơ hồ về phía công vào:

- Ở ngoài kia...

- Sao vậy? Ở ngoài đó làm gì?

- Anh cũng không biết.

Isabelle cười:

- Rolf anh nên biết là đứng phí công vô ích. Không tìm được gì ở đó đâu.

Hỡi ơi! Ngay với người quen biết nhiều như tôi nàng cũng thấy khác đi. Lúc thì nàng gọi là Rolf, lúc thì gọi là Rudolf, không chừng có ngày nàng còn là Raoul. Cái tên Raoul có vẻ lồi cuồn nhưng tôi thích được gọi là Rudolf hơn. Mỗi lần gọi tôi là Rudolf nàng tỏ ra hiền dịu và lãng mạn. Tên thật của tôi là Louis Bodmer tôi đã nhắc lại nhiều lần, nhưng nàng vẫn không hiểu tôi muốn nói tới ai.

Những tuần đầu tiên, tôi khó chịu và nghĩ rằng tất cả những người điên đều nói nhảm, có những toan tính và đầu óc đần độn. Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên sau khi đã biết khá rõ về Geneviève. Chẳng những thế tôi còn thích thú khi thấy nàng thay đổi luôn nhân cách.

Isabelle kéo tay tôi:

- Lại đây này, Rolf.

- Tôi không phải là Rolf mà là Rudolf.

- Sao cũng được! Thật ra anh không phải là Rudolf

cũng không phải là Rolf, lại cũng không là cái gì mà anh nghĩ ra. Thôi, lại đây này, Rolf.

Tôi nhìn nàng với ý nghĩ là nàng giả vờ điên.

- Thôi đi, đừng làm khó dễ mà. Anh với ông bác sĩ luôn luôn làm tình làm tội người ta.

- Bác sĩ?

- Phải chính ông ta tự cho như thế. Anh có biết ông đòi hỏi tôi nhiều thứ lắm không? Toàn là chuyện ngu đần! Ông ta còn không biết nổi ban đêm cỏ màu gì khi người ta không nhìn nó.

Nàng cười dòn khi nghe tôi nói câu:

- Màu xám hay màu đen. Hay bạc ngời khi có ánh trăng.

- Tôi đoán đúng mà. Anh cũng chẳng biết gì cả. Cũng ngu như ông bác sĩ.

Nàng hỏi tiếp:

- Vậy thì nó màu gì?

Nàng dừng lại. Một ngọn gió vụt qua làm những con ong rời khỏi các nhụy hoa và mang tới hương thơm mùa nẩy lộc. Tà áo vàng căng phồng lên như một cánh bướm.

- Dễ quá, cỏ không có ở đó, chỉ có vậy thôi.

Chúng tôi tiếp tục đi. Một người đàn bà có tuổi đi ngược qua mặc quần áo của cơ quan cứu tế. Mặt bà ta đỏ bừng và đầy nước mắt.

- Nếu cô không có ở đó thì cái gì thay vào chỗ của nó, Isabelle?

- Không có gì cả. Nó có ở đó khi mình nhìn tới. Đôi khi, mình quay lại thật mau mình có thể bắt gặp.

- Bắt gặp gì? Bắt gặp nó không còn ở đó?

- Không... nhưng mà ta thấy nó chạy mau về chỗ cũ. Cô cũng giống với những gì ở phía sau anh. Như những người giúp việc nhà bỏ đi chơi. Mình phải quay người lại thật mau để bắt gặp, nếu không kịp thì đầu vào đấy, dường như không hề có biến đi.

- Rudolf, chúng nó chỉ chờ anh quay đi là biến mất

- Nếu vậy thì khi cô quay lưng lại thì tôi cũng biến đi.

- Cố nhiên.

- Cô lại nói quá rồi. Dầu cô có quay người nhanh hay chậm thì tôi vẫn cứ còn ở đây. Và nếu tôi quay lưng lại thì cô biến mất?

Nàng nhìn tôi và cười lơ đãng:

- Tôi hả? Tôi đâu còn...

- Đây, tôi vẫn biết cô còn ở đây mà, cô vẫn có đối với tôi.

Nét mặt Isabelle biến đổi:

- Thật vậy không? Tại sao anh không nói như thế với tôi?

- Thì tôi đã nói rồi đó.

- Nói một lần chưa đủ.

Nàng ngả người sang tôi ngực căng đầy dưới làn áo mỏng. Nàng thở dài:

- Không đủ. Tôi phải nói rõ cho anh hiểu.

Tôi nhìn Isabelle. Nàng đẹp hơn, mỹ miều hơn lúc khác, nhưng chỉ có điên mồi dám yêu một người điên. Tôi, ít ra, cũng chưa điên.

Trước mắt chúng tôi là những bụi uất kim hương nằm trong nắng. Tôi bảo Isabelle:

- Cô nên đội nón vào. Bác sĩ dặn không được phơi đầu dưới nắng.

Nàng ném cái nón ra xa:

- Bác sĩ! Ông ta luôn kiếm chuyện. Tôi biết là ông ta muốn cưới tôi.

Nàng vừa nói vừa nhún nhảy đi vào luống uất kim hương rồi buông mình ngồi lên cỏ:

- Anh có nghe không?

Tôi bỗng thấy nhẹ người:

- Nghe chớ. Mọi người đều nghe. Đó là tiếng chuông nhà thờ đổ theo cung fa thăng trưởng.

- Fa thăng trưởng là gì?

- Một thể thức của âm nhạc. Nghe êm dịu...

Isabelle trải tả váy lên cỏ, ngắt một đóa uất kim hương, ngắm nghía.

- Và bây giờ thì hết ngọt ngào rồi.

- Vì bây giờ là cung đô trưởng.

- Bộ cái gì cũng phải trưởng hết sao?

- Có thể dùng cung thứ.

- Tại sao không dùng cả hai một lúc?

- Không thể được. Âm nhạc có nguyên tắc riêng của nó. Hoặc cung này hay cung kia hoặc cung này trước, cung kia sau.

Isabelle nhìn tôi không tin tưởng:

- Rolf, tại sao anh phải quanh co như vậy?

- Tôi có làm gì được đâu. Không phải tôi là người sáng chế âm nhạc.

Đột nhiên nàng đứng lên, ném cái bông tới trước rồi nhảy ra xa. Phủi bụi xong, nàng vén tà váy lên xem xét đôi chân. Tôi ngạc nhiên:

- Chuyện gì vậy?

Isabelle chỉ vào bụi hoa:

- Rắn...

Tôi nhìn những đóa uất kim hương:

- Không phải rắn đâu, Isabelle.

- Phải mà... Anh không thấy chúng nó định làm gì sao? Tôi đã đoán được chúng nó muốn làm gì. Chúng nó cọ vào tôi.

Tôi nắm tay và xoay người nàng sang phía khác:

- Đó, cô quay lưng rồi. Chúng nó không còn ở đó.

Isabelle thở gấp:

- Đừng để chúng nó giờ trò. Giẫm nát chúng nó đi Rudolf.

- Không sao đâu. Chúng đã biến mất khi cô quay lưng lại. Cũng như loài cỏ trong

đêm.

Nàng dựa vào tôi. Tôi không phải là Rolf nữa. Má nàng chạm vào vai tôi. Tôi đã là Rudolf, tôi biết vậy. Tim nàng đập mạnh trong lòng bàn tay tôi.

- Anh có chắc không?

- Chắc chắn. Chúng biến mất... như những người làm hôm Chúa Nhật.

Isabelle bình tĩnh lại. Chúng tôi đi trở về đường cũ. Một dì phước mang giày thật to tới gần chúng tôi:

- Tới giờ ăn rồi.

- Ăn. Tại sao lúc nào cũng ăn, Rudolf?

- Ăn để khỏi chết.

Nàng hờn dỗi với giọng điệu của những đứa bé bất trị:

- Anh lại nói láo rồi.

- Không, lần này tôi nói thật.

- Có thật không?

Người nữ tu nắm tay Isabelle:

- Nón cô đâu? Khoan, để tôi đi lấy lại.

Bà ta chạy vào lối giữa hai luống hoa. Isabelle nắm chặt tay tôi:

- Đừng bỏ tôi, Rudolf.

- Tôi không bỏ cô đâu.

- Anh thấy không, người ta tới tìm, tôi phải đi với họ. Nhưng anh đừng rời xa tôi.

- Tôi vẫn ở bên cô, Isabelle.

Người nữ tu đã tìm thấy cái nón và đi trở lại, nghiêm trang và lạnh lùng như định mệnh. Isabelle đứng lại, nhìn tôi. Lần nào trước khi chia tay nàng cũng nhìn tôi như thế. Nhưng biết đâu mai này khi gặp lại, nàng chẳng còn nhìn ra tôi nữa...

- Cô nên đội nón vào.

Isabelle lấy nón cầm tay rồi cúi đầu về trại, không một lần nhìn lại.

Còn lại một mình tôi bỗng nhớ tới ngày gặp nhau lần đầu tiên một Chúa Nhật tháng Ba, tôi đang đi dạo trong vườn thì Geneviève từ đâu chợt hiện ra và bắt chuyện như những người quen tôi. Điều đó chẳng có gì khiếm nhã: trong một bệnh viện người điên, những công thức xã giao chỉ là thừa. Muốn nói gì, họ cứ đi thẳng vào câu chuyện, họ nói toạc những gì đang chất chứa trong đầu, người nghe có hiểu hay không cũng mặc. Người này muốn nói gì thì nói, người kia muốn nói gì cũng cứ nói cùng một lúc nhưng rồi cả hai đều hoàn toàn thỏa mãn vì chẳng ai đã nghe ai. Chẳng hạn như trường hợp của hai người tự xưng là Đức Giáo hoàng VII và Hoàng đế Henri VI. Cung cách và ngôn ngữ của họ đúng y như những gì họ đã biết tới về hai nhân vật. Hễ ra tới vườn cây là hai người lại đấu lý với nhau, mạnh ai nấy nói và nói không ngừng. Lại một người điên khác tự cho mình là người thủy tinh, luôn luôn sợ va chạm. Nhờ biết thế nên hôm ấy, khi Geneviève đột nhiên tới bắt chuyện, tôi chẳng ngạc nhiên mà chỉ thấy nàng quá đẹp vì hôm ấy nàng tự cho là Isabelle chứ không phải Jennie.

Nàng mặc áo khoác lông cừu trị giá bằng mười hoặc hai mươi tháp bia bằng đá hoa cương của chúng tôi. Một cái áo như thế dĩ nhiên tôi không thích hợp được với mười một giờ trưa. Geneviève nói huyền thuyên vấn đề nào cũng vượt ra ngoài định luật đến nỗi tôi theo không kịp. Tuy nhiên phải nhìn nhận rằng qua những lời nói đó, nàng đã chứng tỏ được một sự khôn ngoan khác thường khiến tôi xúc động.

Ngày đầu tiên, nàng hôn tôi. Tôi không lấy gì làm lạ vì nàng đã thực hiện cử chỉ ấy một cách đột ngột. Nhưng rồi tôi hiểu ra: con người trước mặt nàng lúc đó chính là nhân vật do đầu óc bệnh hoạn tạo ra.

Kể từ lần gặp gỡ đó, cứ mỗi Chúa Nhật nàng đều ra vườn, và nếu trời mưa thì ở trong giáo đường, nơi mà bà Viện trưởng cho phép tôi dượt đàn sau buổi lễ. Những lúc đó Isabelle ngồi trong chỗ tranh tối tranh sáng lắng nghe. Tiếng mưa va chạm vào cửa kính và tiếng phong cầm hòa điệu làm thành một thanh khí lạ

kỳ. Và sự hiện diện đơn độc của chúng tôi giữa lòng giáo đường hiu quạnh có một chút gì êm ả. Tại sao nàng đến với tôi? Từ ngày gặp Genevieve, một cái gì đó không thể định nghĩa quấy rộn tôi, có lúc tôi cảm thấy hân hoan, có lúc nghe khổ sở hoàn toàn không một lý do.

Một nữ tu sĩ nhỏ bé nói với tôi:

- Bà Viện trưởng muốn gặp ông.

Tôi đứng lên đi theo, không mấy hãnh diện với ý nghĩ là đã bị theo dõi nhiều lần và có thể bị cho nghỉ việc. Tuy nhiên, tôi cũng thấy yên lòng đôi chút khi nhớ ra là bác sĩ đã có lần nhìn nhận sự hiện diện của tôi đã giúp Isabelle được phần nào.

Bà Viện trưởng ôm yếu nhưng cương nghị tiếp tôi tại văn phòng một cách niềm nở. Bà coi tôi là người ngoan đạo, yêu thương Chúa và sùng bái nhà thờ. Bà nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Sắp tới tháng Năm rồi.

- Vâng.

Tôi vừa trả lời vừa nhìn những tấm màn tinh khiết và sàn gỗ bóng như gương.

- Chúng tôi đang nghĩ tới một buổi lễ vinh danh gắn vào buổi tối. Các giáo đường trong thị xã, trong tháng Marie đều có lễ tối vào khoảng tám giờ.

Tôi gật đầu. Những buổi lễ tối trong tháng Marie! Khói hương nghi ngút giữa giáo đường, bình thánh thể ngời chiếu trong tay linh mục, và sau đó những người trẻ thường đi lang thang dưới những tàng cây. Những năm chưa là lính, tôi đã từng giống họ, cũng quen biết một vài cô gái, toàn là những chuyện vô tư nhưng rộn rã và bí mật trong lòng. Bây giờ, tôi không mấy thích cứ mỗi đêm phải tới để đàn trước những người điên.

Bà Viện trưởng nói tiếp:

- Chúng tôi muốn tổ chức ít lắm mỗi tuần có một lễ tối có đờn ống và đồng ca bản Te Deum. Những bữa khác cũng có lễ đêm nhưng chỉ dành riêng cho nữ tu, không cần nhạc và đồng ca.

Tôi suy nghĩ. Đêm Chúa Nhật, thành phố buồn thiu và nhiều lắm là lẽ chỉ kéo dài khoảng một tiếng đồng hồ.

Người nữ tu già khả kính nói tới điều tôi đang nghĩ:

- Chúng tôi không thể đền công nhiều cho con. Chỉ có thể trả bằng lễ sáng. Có hơi ít, phải không?

- Vâng, nhứt là trong thời buổi lạm phát.

- Tôi biết... nhưng chúng ta làm việc cho Chúa chớ không phải vì tiền, có đúng không?

- Nhưng làm việc cho cả hai cũng không có gì nguy hại.

- Rất tiếc là chúng tôi bó buộc phải chi tiêu đúng theo ngân sách đã quy định từ đầu năm.

Tôi tìm một lối thoát:

- Nhưng đêm nay con lỡ hẹn về công việc làm ăn.

- Chưa mà. Chúng ta đang ở trong tháng Tư. Tôi muốn nói về Chúa Nhật tuần tới. Hay nếu thấy bất tiện thì cứ chọn một ngày nào khác trong tuần cũng được.

- Thật ra thì chẳng có gì bất tiện, chỉ có điều hơi khó xử là bữa ăn tối. Tám giờ, mẹ thấy không? Trễ quá...

- Ô! Chẳng sao cả. Con có thể ăn ở đây. Vị giáo sĩ tử tế của chúng tôi luôn luôn dùng bữa ở đây.

Vậy là đúng như tôi mong ước. Thực phẩm ở đây cũng tương đương với nhà hàng Walhalla. Và nếu ăn chung với vị giáo sĩ kia, chắc chắn thế nào cũng có một chai rượu chát.

- Được rồi, thưa mẹ, con sẽ cố thu xếp về phần tiền bạc, không cần bàn tới nữa.

Bà Viện trưởng thở phào ra:

- Con yêu quý, Chúa giúp con!

Tôi rời Viện. Các lối đi trong vườn trống vắng. Chuông đổ nửa trưa nhưng đối với Isabelle thì đây là giờ ngủ rồi tới giờ bác sĩ, không thể gặp lại nàng trước 4 giờ. Tôi xuống đồi. Dưới chân tôi, thành phố trải dài với những bức tường xanh lục và những ống khói. Hai bên lối đi dài xuống triền đồi là những cánh đồng dành cho người điên không nguy hiểm làm việc. Đây là một viện Tâm Trí bán công. Những con bệnh có trả tiền dĩ nhiên là khỏi phải làm tạp dịch. Qua khỏi các cánh đồng là những quăng rừng thưa có suối và ao vũng mà cách nay khoảng mười năm tôi đã từng đi mót hạt cà-phê, bắt ếch nhái và bươm bướm. Bây giờ cũng cảnh vật đó nhưng tôi đã thấy khác đi vì từ thời thơ ấu đến tuổi thanh niên không có được một đường rập mối. Trong chiến tranh đã làm ra như thế. Kể từ năm 1914 trở đi, bọn trẻ chúng tôi chỉ sống với những mảnh vụn ký ức không thể nào nối rập được nhau. Chính vì vậy mà tôi cảm thông dễ dàng với tâm bệnh của Isabelle. Cuộc sống của những người trẻ có nhiều giai đoạn trộn lẫn vào nhau chiến tranh tước đoạt tuổi ấu thơ, rồi trưởng thành trong hầm trú ẩn và kế đó là những năm đói khổ. Tất cả những thứ đó bắt buộc chúng tôi phải ưu tư và nghi ngại như những cây trụ cụt đầu, tìm kiếm mãi tuổi xanh đã mất, để chỉ thấy những chua cay đến mãi với mình quá sớm.

gồi ở văn phòng, chúng tôi đợi Riesenfield. Buổi chiều, chúng tôi đã ăn món súp đậu đặc sệt đến nỗi cạm xuống vào là nó đứng chết một nơi. Ngoài đậu ra còn có giò heo, tai heo và thịt nọng. Chúng tôi cần có mỡ khá nhiều để tráng dạ dày để phòng trường hợp uống nhiều rượu. Đêm nay, bằng bất cứ giá nào, chúng tôi cũng phải uống thật say. Bà mẹ của Georges đã cho chúng tôi tráng miệng mỗi đĩa một miếng phô-mai Hòa Lan béo ngậy. Tương lai của hãng lâm nguy. Bọn tôi có nhiệm vụ phải tranh đấu toàn lực để lấy về một số đá hoa cương, về phần cẩm thạch, đá sỏi và đá vôi thì chưa cần gấp, nhưng đá hoa cương thì tới lúc phải báo nguy.

Henri Kröll đã bị loại khỏi vòng chiến nhờ sự can thiệp của gã đóng hòm Wilke. Vỡ trang hai chai rượu mạnh, gã đã mời Henri dùng bữa và đánh bài uống rượu. Henri rơi vào bẫy. Khi không phải tốn một đồng nào, ông ta vui lòng say chí chết. Cũng như mọi công dân Đức có tinh thần quốc gia Henri tự coi mình là cái thùng không đáy Danaides. Vài phút trước khi gục ông ta còn oang oang tuyên bố là chỉ một mình thôi cũng đủ quét sạch bọn dân chủ xã hội. Bây giờ thì dù có Thống chế Hindenburg đến ra lệnh, Henri cũng không thèm mở mắt sau khi đã để bụng đói uống rượu vào. Ông ta, đang nằm trong một cái quan tài bằng gỗ sỏi có lót mặt cửa... Ở tầng bên trên, Wilke và anh chàng điêu khắc Krut Bach đang chơi dominos.

Khối lương đá hoa cương mà bọn tôi muốn xoay của Riesenfield dĩ nhiên là cũng không có tiền trả trước. Tiền mặt chẳng có bao nhiêu trong khi không dám gửi ở ngân hàng vì sợ nó sẽ tan ra nước. Do đó, ý định của bọn tôi là phải khéo léo thế nào để Riesenfield đồng ý nhận một hối phiếu trong ba tháng. Được vậy thì chẳng khác gì hấn đã tặng không cho bọn tôi. Nhưng hấn không phải người dễ chơi khăm. Con cá xà đó luôn luôn vùng vẫy trong biển nước mắt của loài người. Như vậy ngay hôm nhận hối phiếu, hấn sẽ mang tới ngân hàng của hấn hoặc của bọn tôi để chiết khấu. Ngân hàng sẽ điều tra về khả năng tài chánh của bọn tôi và chi cho hấn sau khi đã trừ khoảng bách phân mà chúng tôi phải hoàn lại ngay cho Riesenfield. Thế là hấn kể như đã ôm trọn số tiền. Nhưng ngân hàng có bao giờ tự mình chịu xuất không. Họ sẽ gửi hối phiếu đó tới ngân hàng quốc gia Rciens để lấy lại khoản tiền và giữ ở đó cho tới hết kỳ hạn. Và chuyện gì xảy ra vào lúc đó, chẳng có gì khó hiểu.

Phương cách bán buôn đó đã làm bọn tôi thua lỗ kể từ năm 1922. Henri Kroll, với nguyên tắc riêng của ông ta lại đưa hãng tới bờ sạt nghiệp. Phải đổi chiến thuật: bán ra và mua lại tức khắc.

Nhưng rồi nạn lạm phát vẫn chặn đầu chúng tôi ở mọi khúc quanh. Cuối cùng chỉ còn việc trả tiền bằng ngân phiếu có thể cứu vớt được phần nào. Và bởi vì mọi hãng xưởng trong xứ đều hoạt động theo lề lối đó nên ngân hàng quốc gia bắt buộc phải in thêm nhiều giấy bạc không có gì bảo chứng. Hậu quả là thời giá tuột dốc thật mau.

Chính phủ không làm gì khác hơn được, đành phải trả công nợ bằng loại tiền có sẵn. Nạn nhân là những tiểu điền chủ, công nhân, những người có lợi tức cố định. Số tiết kiệm và trương mục ngân hàng của họ rách nát ra. Kế đó là những công, tư chức mà đồng lương không thể mua nổi một đôi giày mới. Phần chiến thắng nằm trong tay những kẻ đầu cơ: các ông vua đổi bạc, những người ngoại quốc có trong tay đô-la, cua-ron hay zloti và của những nhà đại doanh nghiệp, các nhà lý tài. Với hạng người sau này, cuộc sống gần như không tốn kém. Có thể bảo đó là một cuộc hủy diệt ý thức tiết kiệm, lòng chánh trực và danh dự. Đâu đâu cũng có bóng dáng của loài kên kên, và chỉ có những kẻ mắc nợ mới thoát được các mắt lưới của nạn lạm phát.

Cuối cùng, chính Rlesenfield đã xóc nách chúng tôi để dựng dậy bằng cách chấp nhận cho chúng tôi trả từng kỳ hạn. Đá hoa cương của xưởng Odenwald là loại đảm bảo, thế là quả đủ rồi. Bởi thế, chúng tôi phải chuẩn bị nghinh tiếp hấn như đón một vị cứu tinh. Nhà điêu khắc Krut Bach của chúng tôi đã họa cho hấn một chân dung lồng trong khung thạch cao mạ vàng tuyệt diệu. Hỡi ơi! Riesenfield chẳng bằng lòng. Hấn nhìn thấy chân dung đó có vẻ giống một mục sư làng trong khi hấn tự cho mình có đường nét của một đào hoa nam tử. Trên thực tế, thân người hấn giống như một trái lê được dựng lên trên đôi gậy kẻ trộm.

Tôi chia sẻ nỗi lo âu với Georges:

- Lần này mình đãi hấn ra sao đây? Không còn một trò giải trí nào ra hồn cả. Đãi rượu à? Hấn đã thừa thãi. Hấn cần nhìn, cần nghe và nếu được thì sờ vuốt. Không may là những người đẹp chẳng ai chịu tiếp hấn trọn buổi tối. Còn mấy đám khác thì chỉ là những họa mi sầu thảm.

Georges vẫn cứ đùa đau nghiên:

- Tôi thì đang lo khoản tiền mặt không biết có đủ chi cho đêm nay không. Hôm qua, lúc tìm tới hấn, tôi tính làm giá đô-la. Sáng nay tôi vẫn còn đi với hấn. Tối trưa thì trễ rồi, ngân hàng đã đóng cửa. Chiều thứ Bảy...

- Nhờ vậy mà hồi suất không tăng.

- Ngốc lắm. Ở Moulin Rouge, cứ đêm Chúa Nhật là họ tự động tăng trước giá chính thức mấy ngày. Có trời mới biết một chai rượu chất đêm nay sẽ là bao nhiêu?

- Trời không biết mà cả chủ nhân cũng không biết luôn. Ông ta chỉ định giá khi đốt những ngọn đèn thủy tinh lên. Nếu Riesenfield biết thưởng thức nghệ thuật, âm nhạc và văn chương thì đỡ tốn. Ở Viện Bảo Tàng, vé vào cửa vẫn còn 250 marks. Hay đưa hấn tới nhà thờ Sainte Catherine để nghe hòa tấu.

Georges cười hăng hắc:

- Trời ơi cứ nhìn Riesenfield có mặt tại những nơi giải trí lành mạnh đó là muốn khóc ngất rồi. Thà hấn chịu đi xem hát hay nghe nhạc nhẹ còn đỡ hơn là vào cái hộp đêm quý quái Moulin Rouge.

Georges bỗng nhiên nghiêm mặt lại:

- Hấn tới kia! Chú hỏi xem hấn thích gì.

Riesenfield lên thang gác từng bốn bậc một. Cảnh sắc êm ả buổi chiều không làm hấn động tâm. Hấn nhìn bọn tôi với ánh mắt sắc bén rồi ngồi tòm xuống ghế dựa:

- Các bạn cứ tự nhiên.

Tôi hơi khó chịu khi thấy hấn cũng muốn nói với mình:

- Nếu ông không cần cung cách thì cũng nên để người khác làm cho phải điệu.

Riesenfield cười khô khốc:

- Ông bạn trẻ nên biết ở thời đại này, học vẫn chẳng ăn thua gì đâu. Nhiều lắm là

chỉ trở thành giáo sư môn xã giao nhưng chắc chắn là không có học trò.

Tôi cười nửa miệng:

- Theo ông thì phải thế nào?
- Phải có hai khuỷu tay bọc sắt và một lương tâm dây thun.

Georges nhẹ nhàng chêm vào:

- Ông Riesenfield, ông nói vậy chớ phần ông đã có những cung cách tuyệt vời. Theo ý nghĩa trường giả thì chính hai đức tính này đã khiến ông trở thành một tay đào hoa toàn hảo: ăn mặc hợp thời trang và thái độ ung dung.

- Thôi cho tôi xin, ông bạn có lầm không?

Tuy hỏi vậy nhưng Riesenfield phồng mũi ra. Tôi làm ra điều kinh ngạc:

- Sao? Một tay đào hoa toàn hảo à? Ông chủ nên nói chính xác hơn là ông Riesenfield quả có cốt cách của một tên du đãng.

Georges chỉ chờ có thế. Trò đùa ngẫu hứng của bọn tôi đã đi vào đúng khớp. Tôi nói tiếp:

- Cũng có thể gọi đó là tư cách của một kẻ cướp.

Danh từ du đãng, quá thẳng, khiến Riesenfield khó chịu nhưng khi nghe tới kẻ cướp hẳn có vẻ hài lòng. Georges đi lấy một chai rượu mạnh mua hôm qua, rót vào ly:

- Chúng ta uống gì đây?

Theo thông lệ thì người ta cụng ly uống mừng sức khỏe hay mở đầu hoặc kết thúc một cuộc bàn thảo về thương vụ. Đối với bọn tôi, vấn đề tế nhị hơn: Sức khỏe? Chúng tôi phải bỏ nghề. Công việc để làm ăn: Cái chết của người khác. Đối với bọn tôi cụng ly có nghĩa là đón mừng bệnh tiêu chảy lan tràn, hoặc bệnh hoại huyết xảy ra ở khắp nơi. Do đó chúng tôi nhờ Riesenfield chọn công thức. Hẳn liếc xéo chúng tôi, ly cầm tay suy nghĩ giây lát và bỗng hỏi:

- Thời gian đúng nghĩa của nó là gì?

Georges hơi hoảng hốt, đặt ly xuống. Tôi định nghĩa bừa:

- Là ý nghĩa thâm thúy nhất của cuộc đời.

Riesenfield làm như không có tôi:

- Ông Kroll nghĩ sao?

Georges nhún vai:

- Tôi không thích triết lý. Vậy mình uống mừng sức khỏe của nhau.

Riesenfield làm ra vẻ suy tư:

- Thời gian... vâng, tôi không muốn nói đến thời hạn thảm khốc của cuộc sống loài người tính theo nhịp độ đồng hồ, mà là cái chết chậm chạp, là sự trôi chảy triền miên...

Lần này đến lượt tôi đặt ly xuống:

- Tôi nghĩ là mình nên mở đèn lên. À, tối nay ông Riesenfield đã ăn gì?

Hắn lườm tôi:

- Cậu nên để người lớn nói chuyện với nhau.

Tôi định cãi lại nhưng kịp nghĩ là uống rượu còn tốt hơn. Trong khi đó, Riesenfield gật gù:

- Năm nay, tôi năm mươi tuổi, vậy mà vẫn nhớ thuở hai mươi như mới hôm qua. Kể cũng lạ. Mình lớn lên lớn lên và... hấp! Tuổi già hiện ra đột ngột. Ông nghĩ có đúng không, ông Kroll?

- Chắc đúng như vậy. Tôi mới bốn mươi nhưng tưởng như đã sáu chục rồi. Với tôi, đó là lỗi của chiến tranh.

Georges nói láo để khỏi phật lòng Riesenfield. Tôi nói vào ngay:

- Phần tôi thì khác. Cũng do lỗi chiến tranh. Đi lính năm mười bảy, bây giờ đã hai mươi lăm. Vậy mà tôi vẫn tưởng cứ còn mười bảy tuổi. Mười bảy hay bảy mươi. Tuổi trẻ của tôi, quân đội đã lấy mất.

Riesenfield lại lườm tôi:

- Cậu hả? Cậu chỉ là một thằng ngốc. Nếu không có chiến tranh cậu chỉ có thể là một thằng bé ranh mười hai tuổi.

- Cám ơn, ông quá khen. Mười hai tuổi, tuổi của thiên tài. Sau giai đoạn dậy thì đó, con người chỉ là một biểu tượng tầm thường của đồng loại, tức là loại hữu nữ như bao nhiêu con vật khác.

Georges lại rót rượu vào ly. Tôi làm cách nào để lôi Riesenfield ra khỏi những chuyện tầm phào đó. Tôi cố đánh một đòn tuyệt vọng:

- Nếu ông Riesenfield thích những luận lý cao xa, tôi có thể giới thiệu ông tới một hội đoàn toàn những nhà tư tưởng... đó là thi đoàn của thị xã yêu quý chúng tôi. Ở đó có nhà thơ Hans Hungermann ông ta chuyên nghiên cứu thời gian dưới nhiều khía cạnh chẳng hạn như: cánh thời gian, màu thời gian, thời kỳ hái nho, động cơ hai thì, làm cách nào để giết thì giờ, chiều dài của thời gian, nhạc ba nhịp v.v... ông ta làm thơ sáu chữ cũng rất tài. Nếu ông thích chúng tôi giới thiệu tới ngay.

- Ở đó có phụ nữ không?

- Không. Nữ sĩ thời này khó kiếm hơn vị ba chân.

Riesenfield phì cười:

- Như vậy thì giải trí cái nỗi gì?

Tôi đang tìm một lối thoát khác thì thành linh cửa sổ nhà Lisa mở toang và sáng rực lên, một bóng đàn bà hiện lơ mờ ra sau những bức màn. Vợ anh chàng Watzek thay đồ, trên người chỉ có một cái nịt ngực và một cái quần đùi đen vô cùng kêu gọi.

Cánh mũi Riesenfield phồng lên xẹp xuống như ngựa động cõn. Đầu óc triết lý của hắn biến mất. Tôi đứng dậy mở đèn. Riesenfield nói nhỏ:

- Đừng mở đèn, phải có đầu óc thơ mộng chút chớ.

Hắn bước mau tới cửa sổ. Lisa bắt đầu trông chiếc váy hẹp qua đầu và uốn éo như con lươn. Riesenfield phồng mũi một cách vô liêm sĩ:

- Đẹp không thể tưởng! Cặp đùi quá ngon lành! Chắc hoa khôi của Werdenbruck.

Tôi phá đám:

- Còn thua của tôi.

Riesenfield trừng mắt:

- Ai vậy?

- Suzanne...

- Ngốc! Tôi hỏi người đó là ai?

Một ý nghĩ chợt lóe trong đầu tôi:

- Không biết. Chúng tôi mới thấy lần đầu tiên. Hồi sáng này nàng ta vẫn chưa tới ở.

- Thật không?

Lisa đã mặc váy xong và đang vuốt nếp. Georges thừa cơ hội Riesenfield nhìn qua bên kia, rót đầy hai ly rượu và chúng tôi cùng uống cạn một hơi. Riesenfield vẫn bị hít chặt vào cửa sổ:

- Đúng là một phụ nữ rắc giống! Phải là một mệnh phụ, chắc là người Pháp.

Theo tôi biết thì Lisa là dân du mục, nhưng tôi vẫn đưa đà:

- Không chừng cô ta là Renée de la Tourterelle. Mới nghe nói tới cái tên này hôm

qua.

Riesenfield quay lại phía bọn tôi:

- Thấy chưa! Tôi đoán đúng mà. Dân Pháp. Thấy là biết ngay, đó là vấn đề...

Georges tăng tốc:

- Ông bạn quả là tay lão luyện.

Đèn trong phòng Lisa vụt tắt. Riesenfield nuốt vội hai hớp rượu rồi tiếp tục dán mắt qua bên kia hẻm. Một lúc sau, Lisa xuống đường. Riesenfield lại xuýt xoa.

- Trời! Đáng đi quỵên rũ làm sao! Các người thấy không? Bước lớn mà không núng nính. Y như một con beo! Những đàn bà đi lắc hông, chán lắm. Riêng nàng này...

Trong khi hấn so sánh dáng đi của Lisa như beo cái, tôi và Georges lại uống thêm một ly nữa. Georges lại uống lên một ly nữa. Georges dựa ngửa vào lưng ghế, cười nửa miệng. Thế là bất ngờ, bọn tôi đạt được mục tiêu.

Riesenfield xoay người lại, mặt hấn sáng như trăng đầy.

- Mở đèn lên, quý vị! Còn chờ gì nữa? Bọn ta xông thẳng vào giòng đời!

Chúng tôi lẻo đẹo theo hấn. Đem mắt dụ nhưng tôi bận nhìn cái lưng ếch nhái của Riesenfield.

Ca vũ trường Moulin Rouge đầy nghẹt khách. Sau một hồi chen lấn, chúng tôi tìm ra một bàn trống gần dàn nhạc. Âm thanh âm ã khiến chúng tôi phải hét lớn vào tai nhau mới nghe ra, nhưng rồi nhạc cứ dồn dập tới và chúng tôi phải ra dấu cho nhau như một bộ ba vừa cầm vừa điếc. Trên sàn nhảy dường như không còn chỗ để xô dịch. Nhưng Riesenfield vẫn hăng hái. Hấn xông tới quây rượu, bắt bô với một nữ chiêu đãi viên và cả hai ra nhảy. À ta cao to hơn hấn một cái đầu, vừa nhảy vừa đờ đẫn nhìn gian phòng. Riêng phần Riesenfield thì cứ như ngọn Vésuve phụt lửa. Tôi bảo Georges:

- Hay là mình rót rượu mạnh vào ly rượu chát của hấn? Hấn uống như hũ chìm.

Trong hai tiếng đồng hồ nữa là mình cháy túi luôn. Hy vọng là hấn không mời ả kia tới uống.

Georges lắc đầu:

- Không sao đâu cô ta là chiêu đãi viên, xong là phải trở về quầy.

Riesenfield từ đám đông hỗn loạn trở về bàn. Mặt hấn đỏ gay và nhóp nhúa mồ hôi. Hấn hét lớn giữa những tiếng ồn ào:

- Còn gì thú vị bằng! Tưởng tượng đã trở thành thực thể! Một phụ nữ như thế... các bạn có biết tôi nói gì không?

Georges cũng cố kêu to:

- Biết lắm! Cái gì mình không có bao giờ cũng tốt hơn những gì đang có. Bởi vậy mới có tư tưởng lãng mạn và tất cả sự ngu si của con người.

Riesenfield rống lên:

- Không phải tôi muốn nói tàn nhẫn vậy. Tôi chỉ muốn đề cập tới hình thức.

Georges hét trả:

- Tôi cũng vậy.

- Nhưng tôi còn hơn bạn.

- Được rồi! Muốn bao nhiêu hình thức cũng xong được.

Nhạc phóng vút lên cao. Thành linh, mắt tôi chết sững. Bên phải tôi, cô bạn gái xinh xắn đang chen lấn ra sàn nhảy với sự che chở của một gã cao lớn như khi đột. Tôi nhận ra ngay mái tóc nâu của nó từ xa! Không xấu hổ, nó lại còn bám vào vai của tên kia. Tôi không hề cử động, thế nhưng lại có cảm tưởng như vừa nuốt trọn một quả lựu đạn. Nó nhảy với một thằng lạ con bản thiêu! Vậy mà trong suốt thời gian qua tôi viết tặng cho nó đến mười bài thơ với nhan đề *Tình cầu và Cát bụi*. Khoảng một tuần nay, con lẳng lơan đó lại bảo là nhúc xương sống vì ngã té ở thang gác trong nhà. Ngã té, hừ, té trong tay của một thằng con trai ăn mặc diêm dúa kia...

Riesenfield hét về phía tôi:

- Chuyện gì vậy? Bệnh hả?

- Nực quá!

Thật vậy, mồ hôi đã đổ ướt hết cổ áo tôi. Tôi giận sôi gan. Nếu Erna nhìn lại, phải làm thế nào cho nó thấy là tôi không hề đổ mồ hôi, phải bình tĩnh, ung dung, phải tỏ ra là một trượng phu. Tôi lau mặt thật mau. Riesenfield nhìn tôi với cái cười chế giễu bí ối. Georges lưu ý:

- Chú mày đổ mồ hôi như con bò.

Riesenfield tự che chở:

- Tôi cũng đổ mồ hôi nhưng do tràn ngập niềm vui.

Tôi phát cáu:

- Mặc tôi!

Erna tới gần. Tôi làm điều hơi sững sốt và cố cười khoan dung trong khi mồ hôi tiếp tục nhả ra. Riesenfield lại rống to:

- Làm cái gì kỳ vậy? Như gà sắp bị cắt cổ không bằng!

Tôi không trả lời. Erna quay lại. Tôi nhìn vu vơ ra sàn nhảy và làm như bất ngờ nhìn thấy nó. Tôi đưa hai ngón tay lên chào với điệu bộ khoan thai. Riesenfield gào thét giữa tiếng nhạc fox-trot:

- Bộ điên rồi sao?

Tôi không còn đủ sức mở miệng. Erna không nhìn thấy tôi.

Nhạc ngừng lại. Sàn nhảy lần lần trống vắng. Erna đi mau về chỗ ngồi dành riêng. Riesenfield vẫn kêu ong óng:

- Chú em mấy mươi tuổi, hồi này? Mười bảy hay bảy chục?

Câu hỏi của hắn giữa lúc nhạc ngừng vang rền khắp phòng. Mọi người quay đầu về phía chúng tôi, Riesenfield hơi ngượng còn tôi thì lại muốn chui xuống gầm bàn. Thành linh, tôi nhận ra là những người kia tưởng con số bảy chục là giá thách bán một vật gì. Tôi lạnh lùng hô to:

- Bảy mươi một Mỹ kim, không thêm một cắc.

Một gã da mặt hồng hào ở bàn bên cạnh hỏi:

- Cái gì vậy? Nếu đáng giá tôi trả tiền mặt ngay. Tên tôi là Aufstein.

Tôi đáp ngay:

- Felix Koks, kỹ nghệ gia. Hai chục chai nước hoa. Rất tiếc là nam tước Kroll ở đây đã chịu giá rồi.

Một ả tóc vàng hoe nói chen vào:

- Vậy là hết chuyện!

Các màn phụ diễn bắt đầu. Một tên hề vô duyên ra chọc cười nhưng chẳng thành công. Kế đó là Renée de la Tourterelle. Cô ta hát hai giọng, một đoạn giọng kim, một đoạn giọng thô. Tôi hỏi Riesenfield:

- Ông thấy ca sĩ đó như thế nào?

- Tương đối khá.

- Có thích gặp cô ta không? Tên cô ta là de la Tourterelle.

Riesenfield giựt mình:

- La Tourterelle? Bộ quái tượng hội chợ này là nàng trên cửa sổ hồi nãy sao?

Tôi muốn đáp phải để xem phản ứng của hắn ta ra sao nhưng cố dằn lại. Đột nhiên tôi dùng ngón tay cái chỉ về phía lối vào:

- Kia kìa, đúng rồi! Đúng là nàng! Mới nhìn là biết ngay!

Đúng vậy. Lisa đi giữa hai gã mặt thộn trông ả như một mệnh phụ, ít ra đó cũng là ý kiến của Riesenfield.

Màn trình diễn thứ ba bắt đầu. Một nữ lực sĩ nhào lộn ra đứng giữa sàn nhảy. Mũi hình, mặt trâng tráo nhưng đôi chân thì không thể chệ vào đâu được. Cô ta nhảy lộn tròn, biểu diễn thăng bằng trên một chân... nhưng bọn tôi còn bận nhìn về chỗ Lisa.

Risenfield nói oang oang:

- Cho sâm banh!

Tôi hốt hoảng, Georges lo ra mặt. Tôi can thiệp ngay:

- Ông Riesenfield, sâm banh ở đây tồi lắm.

Ngay lúc đó, tôi bỗng có cảm giác bị nhìn lén. Tôi quay đầu lại: Chính cô ả nhào lộn đang uốn quặp người ra sau, thò đầu vào giữa hai chân, thao láo nhìn tôi.

Riesenfield lườm tôi:

- Tôi thấy muốn uống sâm banh là tôi gọi.

Khuôn mặt thò giữa đôi chân kêu lên:

- Hoan hô!

Georges liếc mắt sang tôi. Anh ta đóng vai hào hoa phong nhã còn tôi giữ trò quấy rối. Chúng tôi đã giao ước với nhau. Tôi bảo:

- Nếu ông cần sâm banh là có sâm banh ngay. Ông khách quý của chúng tôi.

- Không. Cứ để tiền sâm banh tôi trả. Một lời thôi.

Chiêu đãi viên mang sâm banh lại. Riesenfield vênh váo tự cho là một Don Juan. Một số các bà gần đó lộ vẻ thèm thuồng. Tôi cũng được lợi lây. Rượu sâm banh sẽ làm cho Erna nhận ra là nó đã cắm sừng tôi quá sớm.

Willy đột ngột hiện ra. Hắn là khách quen của Moulin Rouge. Khách bàn bên cạnh đứng lên. Willy ngồi vào chỗ đó. Chưa ngồi yên hắn đã vội vàng đứng lên chạy tới đón Renée cùng đi với một thiêu nữ mặc dạ phục đen: cô gái nhào lộn lúc này. Tên cô ta là Gerda Schneider. Chúng tôi chờ xem thái độ của Riesenfield, nếu hắn thấy thích nàng này là bọn tôi kể như khỏi tốn tiền đêm nay. Tuy nhiên, hắn vẫn để hết tâm ý vào Lisa và hỏi Georges:

- Mình có thể mời cô ấy nhảy không, Kroll?

- Cũng được nhưng theo tôi thì bây giờ có hơi trễ tuy chúng tôi vẫn giới thiệu.

Câu trả lời ỡm ờ của Georges khiến Riesenfield nhìn tôi với vẻ trách móc vì lúc còn ở văn phòng chính tôi đã bảo là không hề quen ả ta.

Cô gái nhào lộn hỏi tôi:

- Ông không nhảy sao?

- Tệ lắm. Tôi không có khiếu.

- Tôi cũng vậy. Cứ thử xem sao.

Chúng tôi bước ra và bị đám đông cuốn hút ngay. Vừa bước theo nhịp nhạc, Gerda vừa hỏi:

- Ba người đàn ông mà không có một phụ nữ nào. Sao vậy?

- Tại sao phải có? Ông bạn của tôi bảo là dẫn bồ vào hộp đêm chẳng khác gì mở đường cho cô ta cắm sừng.

- Ai tên Georges? Phải người có cái mũi giống cái quặng đó không?

- Không, anh ta sói đầu. Anh ta chỉ thích ở trong cung thôi không muốn đưa bạn gái ra chỗ công cộng.

- Dĩ nhiên... còn ông?

- Tôi không có nguyên tắc nào cả. Như ngọn cỏ trước gió.

Gerda kêu nhỏ:

- Coi chừng, đừng giẫm lên chân tôi. Theo tôi thì ông không phải là cỏ. Ông nặng ít lắm cũng bảy chục

ký.

Tôi bắt đầu tỉnh táo ra. Chúng tôi tới gần chỗ Erna ngồi. Lần này, cô ả nhận ra tôi mặc dầu đang ngả lên vai thẳng khi đột chưa ráo mũi. Tôi cười với Gerda và siết cô ta thêm vào. Gerda hiểu ngay:

- Buông tôi ra. Coi chừng cô bé tóc đỏ giận bây giờ.

Tôi nói láo như không:

- Tôi không hiểu cô muốn nói gì.

- Thôi đi. Ông đóng kịch không khéo đâu. Nãy giờ liếc cô ta, bây giờ lại làm như khờ khạo.

Tôi vẫn giữ nụ cười làm chủ tình hình. Gerda buông tay tôi:

- Thôi, nghỉ một chút. Chân tôi đau rồi.

Tôi đưa cô ta trở lại bàn.

Rượu bắt đầu có hiệu lực. Riesenfield và Georges bắt đầu mày tao. Họ của Riesenfield là Alex. Chút nữa đây thế nào hẳn cũng đề nghị mày tao với tôi. Cố nhiên là sáng mai, chẳng còn ai nhớ nữa.

Tôi ngồi nhìn ra sân nhảy. Từng cặp, từng cặp trôi qua. Rồi đến Erna. Con bé lướt sát bên tôi nhưng làm như không thấy trong khi điệu bộ khiêu khích rõ ràng. Gerda thúc khuỷu tay vào tôi:

- Tóc cô ta nhuộm.

Tôi chợt thấy xôn xang với cảm nghĩ là cô gái chuyên nghề nhào lộn này cố an ủi

mình. Riesenfield gọi tính tiền - Moulin Rouge mà thiếu Lisa bên cạnh không có nghĩa gì với hắn và trả phần rượu sâm banh.

Ra tới đường bất ngờ tôi chạm trán Erna. Con bé quắc mắt với tôi:

- A! Tôi bắt gặp anh rồi! Đừng có chối!

Không dẫn được, tôi đốp chát ngay:

- Bắt được gì? Cô làm tôi chán ngấy! Chính tôi...

Con bé không cần nghe:

- Đi với cái đồ nhảy múa xanh xạch. Này, đừng có đụng tới tôi.

Tôi đang giận nhưng không khỏi buồn cười vì chẳng hề có ý đụng chạm tới con bé. Tôi hỏi lại:

- Còn cô? Cô đi với ai? Tôi đi lo công việc của tôi cũng không được sao?

- Công việc! Ai chết?

- Bọn làm sang chết chớ ai. Mỗi ngày bọn nó chết tại đây

Erna vẫn không để ý tôi nói gì:

- Thấy cái mặt rách rưới của nó mà phát tởm. Hết rồi, thưa ông Bodmer.

Georges và Riesenfield còn bận chen lấn để lấy nón. Tôi mở cuộc đại tấn công, nói sát vào mũi Erna:

- Nghe đây! Con lẳng lơ nào chiều qua đã nói vót tôi là hôm nay phải ở nhà vì còn nhúc đầu để rồi lên đi với một tên túi đầy tiền.

Mặt Erna trắng nhợt:

- Đồ khốn! Ăn cắp văn của người chết mà cứ tưởng mình là Goethe! Hãy đi học cách kiếm ra tiền để dẫn đàn đi chơi! Đừng làm bộ trơ mặt ra bảo là yêu nghệ thuật, yêu thiên nhiên!

Tuy lão đảo trong lòng nhưng tôi vẫn cười khẩy:

- Đưa đào tới chỗ thế này tưởng là quý lắm!
- Không quý mà lại rốc túi học làm sang, uống sâm banh! Ghê quá!
- Không phải tôi gọi sâm banh.
- Vâng! Lúc nào cũng vô tội! Còn đợi gì nữa! Đi cho khuất mắt!

Đúng lúc tôi đang muốn siết cổ con bé thì Georges tới đưa nón cho tôi. Đồng thời, gã khi đột nòng nặc hơi giấy bạc cũng hiện ra. Bọn chúng bỏ đi. Tôi hỏi Georges:

- Anh có nghe không, Georges?
- Chút ít. Tại sao chú cãi lộn với đàn bà?
- Tôi có muốn vậy đâu.

Georges bật cười. Không bao giờ y say dù có uống luôn mấy chai nguyên:

- Đừng bao giờ cãi với họ. Cãi là thua. Tại sao chú cứ phải muốn là mình có lý?
- Tôi cũng nghĩ thế. Có lẽ tại tôi là người Đức. Anh có cãi với đàn bà lần nào chưa?
- Có chứ! Nhưng không phải vì thế mà không được khuyên kẻ khác.

Gió mát làm Riesenfield cảm khoái. Hấn bảo với tôi:

- Mình nên coi nhau như anh em. Cùng là bọn ăn huê lợi trên xác chết. Gọi tôi là Alex.
- Và tôi là Rolf.

Cái họ Louis của tôi không thích hợp với con sâu rọu này. Chỉ có là Rolf mới đủ ăn miếng trả miếng với Alex.

Riesenfield nhìn tôi:

- Rolf hả? Cái họ này không khá nổi. Có mang nó luôn luôn không?

- Chỉ mang vào những nhuận và mỗi tôi sau giờ làm việc. Vả lại họ Alex cũng chẳng có gì đặc biệt.

Riesenfield hơi lão đảo nhưng dịu giọng:

- Thôi bỏ qua. Bây giờ xin thú thật với các người là đêm nay hoàn toàn đầy cảm hứng. Mình nên làm một mách cà-phê.

Georges reo lên:

- Ý kiến hay! Rolf là chuyên viên cà-phê.

Chúng tôi chệnh choạng trở về ngõ hẻm. Trước mắt chúng tôi là lão thượng sĩ Knolf vừa về tới. Ông ta đang đứng đái vào cái tháp tưởng niệm đen. Tôi quát:

- Ông Knolf, không được đái bậy!

Ông ta không thèm quay lại mà ra lệnh:

- Nghỉ!

Tôi không nhịn được hơn:

- Thừa Thượng sĩ! Đây là trò con heo. Thượng sĩ nên diễn ở nhà.

Lão ta lừ đừ quay đầu lại:

- Sao? Chú mày bảo tao đái trong nhà hả? Có điên không?

- Trong nhà đã có buồng vệ sinh, vả lại ông làm thế này là phạm tội.

- Phạm cái gì? Chưa dựng ở đất thánh thì cũng như là một cục đất chó có gì đâu.

Lão ta bỏ đi, đầu chạm vào khung cửa, lằm bằm chửi thề rồi biến mất.

Trong khi tôi pha cà-phê, Riesenfield hỏi:

- Lão già đó là ai vậy?

- Một con sâu rượu nhưng khác với ông. Lão ta chỉ cần có rượu để uống chứ không biết mượn rượu gây cảm hứng.

Riesenfield bước tới cửa sổ:

- Như vậy gọi là thùng rượu đúng hơn. Con người phải sống với những giấc mơ, chú em biết không?

- Không! Tôi còn quá trẻ.

- Không phải là quá trẻ mà chỉ tại là sản phẩm của chiến tranh. Người ta dạy cho chú mày cách giết người... còn ái tình thì zê-rô!

- Cảm ơn!

Hơi rượu từ từ tan loãng. Không ai còn xung hô mà tao nữa. Riesenfield hỏi Georges:

- Không biết người đẹp bên kia đã về chưa?

- Chắc là chưa. Phòng không có ánh đèn.

- Vậy mình có thể đợi thêm vài phút.

- Cố nhiên.

Tôi đánh đờn thời cơ:

- Mình nên nhân dịp để tính toán công việc làm ăn. Bây giờ chỉ còn ký vào hợp đồng. Trong thời gian đó tôi sẽ pha một bình cà-phê mới.

Tôi lấy có xuống bếp để Georges và Riesenfield dễ nói chuyện với nhau. Tôi ngồi ở đầu cầu thang. Tiếng ngáy chưa tỉnh rượu của Henri từ dưới vọng lên.

Trong khi chờ đợi Georges ra dấu hiệu, tôi lơ đãng nhìn ra vườn. Trời sáng dần trong im lặng. Ở khung cửa đối diện, bóng lão Knolf mặc áo ngủ đang hớp ngụm rượu cuối cùng. Con mèo cọ vào chân tôi. Lại một Chúa Nhật đi qua.

Một thiếu phụ mặc đồ tang đi qua cổng và dừng lại trong sân như lạc lối. Chắc là một khách hàng. Tôi bước ra:

- Bà muốn xem hàng mẫu?

Bà ta gật đầu rồi bỗng nói mau:

- Không, không, không gấp lắm... chút nữa...

- Bà cứ tự nhiên xem. Nếu bà muốn, xin bà cứ xem một mình.

- Không, không. Nghĩa là... Tôi muốn...

Tôi bình thân đợi bà ta nói tiếp. Nghề chúng tôi là không được hỏi khách hàng. Một lúc lâu, bà ta nói thêm:

- Cho chồng tôi...

Tôi gật đầu và đi về phía các mộ bia nhập cảng từ Bỉ:

- Bà xem, đây là những tấm bia khá xinh.

- Vàng, xinh lắm, nhưng...

Bà ta ngừng nói, nhìn tôi như van lơn và nói tiếp:

- Chỉ có điều là không biết tôi có được quyền...

- Thưa, quyền gì? Quyền đặt bia trước mộ? Có ai dám từ chối đâu?

- Nhưng không phải ở nghĩa địa.

- Bà nói sao?

- Linh mục không cho phép chôn chồng tôi ở đó.

Bà ta hạ thấp giọng và nhìn tránh đi nơi khác. Tôi không hiểu:

- Thưa bà, có thể cho biết tại sao?

- Chồng tôi... tự vận.

Nói xong bà ta nhìn tôi với vẻ đầy sợ sệt như vừa tiết lộ một bí mật tày trời.

- Bà muốn nói là người ta từ chối làm lễ đạo?

- Vâng. Người ta không cho chôn trong đất thánh.

- Vô lý! Có ai tự vận mà không có lý do. Bà có hỏi ý kiến linh mục chưa?

- Hỏi rồi. Chính linh mục cho biết là không được.

- Ông ta định cho chôn ở đâu?

- Ngoài nghĩa địa. Bên kia tường. Hoặc trong nghĩa trang thị xã. Nhưng ở đó hỗn tạp lắm.

Tôi trấn an:

- Nghĩa trang thành phố còn đẹp hơn nhiều. Ở đó cũng có mã của người trong đạo

- Sợ không thích hợp. Chồng tôi rất mộ đạo. Cần phải...

Nước mắt người thiếu phụ bỗng ràn rụa:

- Anh không nghĩ tới chuyện khó dễ này.

- Chắc ông nhà không nghĩ tới chi tiết này đâu. Nhưng bà đừng bận tâm nhiều. Tôi biết có tới hàng vạn tín đồ không được an nghỉ trong đất thánh.

Bà ta sáng mắt lên:

- Ở đâu?

- Ở chiến trường. Trên đất Nga, đất Pháp. Họ cùng an nghỉ trong những hố tập thể. Công giáo, Do Thái, Tin Lành và tôi nghĩ là Chúa cũng không thấy có trở ngại gì.

- Nhưng đây là chuyện khác. Họ chết vì chiến tranh, còn chồng tôi thì...

Người quả phụ lại khóc. Với chúng tôi, nỗi buồn là một phần trong nghề nghiệp. Nhưng thiếu phụ này không khóc như bao nhiêu người khác. Trông bà ta như một cọng rơm mà gió sắp mang đi. Tôi cố gắng nói để quên buồn cho cả hai:

- Biết đâu tới phút chót, ông nhà hồi hận. Như thế là không có tội.

Người đàn bà nín khóc:

- Có đúng vậy không?

- Dĩ nhiên! Nhưng có lẽ linh mục không biết. Chỉ có mình ông ấy biết mà không nói được.

- Linh mục nói, mọi cái chết tội lỗi...

-Thưa bà. Chúa còn từ ái gấp bội lần linh mục, bà có thể tin tôi.

Tới lúc này, tôi mới khám phá ra, bà ta không lo nhiều về nơi chôn cất mà chỉ sợ chồng sẽ xuống địa ngục và bị đốt cháy trong ngọn lửa đời đời. Cũng có thể bà ta đã nghĩ nếu được chôn trong đất thánh thì không chừng vài ba ngàn năm chồng bà sẽ được xá tội.

- Ảnh chết là tại khoản tiền hồi môn của đứa con gái đời chồng trước của tôi. Ảnh bỏ vào quỹ tiết kiệm với định kỳ năm năm, không thể lấy ra trước. Ảnh là giám hộ của nó. Cách nay mười lăm ngày, vừa hết hạn chúng tôi rút ra liền tiền và so với thời giá chẳng ra gì nữa. Chồng sắp cưới của nó hủy bỏ hôn ước. Con gái tôi chỉ còn có khóc. Chồng tôi cho là lỗi của mình. Vậy là ảnh chết.

- Thưa bà, ông nhà không có trách nhiệm gì về vụ đó. Và lại chuyện cũng không phải chỉ mới xảy ra cho gia đình bà.

- Tôi biết, nhưng còn mấy người lảng giềng...

- Đừng nên đề ý tới họ. Toàn là thù dật và ác độc. Tất cả chỉ cần biết có Thượng đế.

Tôi biết là mình không đủ giọng quả quyết, nhưng biết làm sao hơn?

Người quả phụ lau nước mắt:

- Xin lỗi ông, tôi đã làm phiền... Thật ra, tôi chẳng biết nói với ai.

- Không sao. Người nào tới đây cũng mang theo chuyện buồn mất thân nhân.

- Nhưng có lẽ không giống trường hợp tôi.

- Có chớ. Trong thời đại đau buồn này, thiếu gì những trường hợp tương tự. Chỉ tội cho những người tuyệt vọng. Toàn là trong sạch cả. Riêng những người khác thì luôn luôn có lối thoát.

- Ông có chắc chắn là mình được quyền dựng mộ bia ở một nơi chẳng phải là đất thánh không?

- Nếu chôn ở ngoài nghĩa trang thị xã thì tôi chắc chắn là được. Bây giờ bà cứ tự do chọn.

Bà ta nhìn quanh một lúc rồi chỉ vào một tấm bia ở hàng thứ ba:

- Cái này bao nhiêu?

Lại vẫn như thế. Những người nghèo bao giờ cũng hết lòng với người chết nên chẳng có bao giờ chọn ngay những mộ bia rẻ tiền. Tôi đành phải cho biết giá một trăm ngàn Đức kim. Bà ta trở mắt:

- Dữ vậy sao? Chúng tôi không có...

Tôi chỉ ngay một tấm khác:

- Theo tôi thì bà nên lấy cái nhỏ ở kia. Xinh lắm mà chỉ có ba mươi ngàn thôi. Hay là lấy cái tấm đá sỏi...

Người đàn bà gật đầu nhưng còn do dự.

- Chúng tôi sẽ khắc tên mạ vàng. Vậy là xứng đáng ngay.

- Nhưng khắc tên có tốn tiền không?

- Không, chúng tôi đã tính luôn trong giá.

Thật ra thì không phải vậy song tôi không dám nói thẳng ra. Nếu bà ta lại đòi khắc nguyên một câu trong kinh thánh là chắc nguy lớn cho tôi. Cuối cùng, bà ta đồng ý khắc họ tên và thời gian: 1857-1923. Thế là xong!

Bà ta móc ra một lô giấy bạc xưa đã nhàu nát, được vuốt thẳng bằng tay. Thế là có tiền trả trước! Thật bất ngờ! Đếm bạc xong người đàn bà chẳng còn lại bao nhiêu:

- Ba chục ngàn! Ông cần đếm lại?

- Thôi khỏi.

Chẳng phải là tôi hào phóng nhưng tôi đoán chắc là những bó bạc đã được đếm đi đếm lại ở nhà rất nhiều lần rồi.

- Chúng tôi sẽ bao quanh một lớp xi-măng để mộ của ông cách biệt với các mộ mả khác.

Thấy bà ta e ngại, tôi nói ngay:

- Chỉ làm giúp bà thôi!

Người đàn bà cười gượng gạo:

- Lần đầu tiên mới có một người tử tế với tôi kể từ khi chồng tôi chết, ông biết không... ngay cả con gái tôi cũng cho đó là nhục nhã.

Bà ta đi rồi tôi trở vào rót đầy một ly rượu mạnh. Tôi chợt nhớ tới Georges đang còn ở ngân hàng với Riesenfeld. Tôi nghĩ miên man thế nào lại rót thêm ly nữa.

Tôi chán nản:

- Chỉ sáu tuần thôi sao?

Georges cười lớn:

- Một hồi phiếu được trả trong sáu tuần không phải là chuyện dễ. Làm sao biết được từ đây tới đó, hồi suất sẽ tăng bao nhiêu. Riesenfield hứa sẽ trở lại tháng tới. Chừng đó, mình sẽ thừa cơ hội yêu cầu gia hạn.

- Có chắc không?

Georges nhún vai:

- Sao không? Lisa sẽ giúp mình.

- Rất may là hấn không nhìn gần ban ngày.

- May đủ thứ...

Vừa nói tới đó, Georges bỗng ngưng lại, nhìn tôi:

- Chú nói gì, Lisa đâu có tệ lắm.

- Ban ngày, mắt ả có quàng. Và lại, ả cũng không có tâm hồn mơ mộng.

Goerges trề môi:

- Mơ mộng! Mơ mộng là cái quái gì? Có nhiều cách để trở thành mơ mộng. Một người đàn bà bằng xương bằng thịt bao giờ cũng hơn.

Tôi nhìn Georges đăm đăm. Hay là anh ta cũng trồng cây si trước cửa Lisa? Về đời tư, Georges luôn luôn kín đáo. Tôi nói tiếp:

- Với Riesenfield thì sợ là không thích hợp. Hấn sẽ không chịu bắt bồ với một cô vợ tên đồ tể.

Georges nổi sùng:

- Có gì khác đâu? Thời đại chúng mình, ở phòng khách cũng như ở lò sát sinh, mọi người đều hành động như nhau.

Phải nhìn nhận Georges sành thế giới trưởng giả hơn bọn tôi. Hắn cũng mua dài hạn tờ *Berliner Tageblatt*. Lúc nào cũng biết đủ tin tức. Không một cô đào nào ly dị mà y không biết, tất cả những gì xảy ra trong giới thượng lưu về các chuyện lãng nhãng y đều nhớ thuộc lòng, nhớ từng li từng tí như máy ghi âm. Y nói vanh vách lên các nữ minh tinh, các cô đào chánh. Ngoài ra, y còn thuộc tên các nữ hoàng trên thế giới dầu rằng từ nhỏ tới lớn chưa hề đặt chân tới Bá Linh và sự hiểu biết nước ngoài của y chỉ đóng khung trên đất Pháp trong thời chiến. Sau khi người cha qua đời, y buộc lòng phải gánh lấy trách nhiệm của hãng. Henri tuy lớn tuổi hơn nhưng vì đầu óc thiển cận nên không được giao phó. Những hình ảnh sang trọng và xinh đẹp trong tạp chí cũng làm cho Georges quên đi được phần nào những thực tế phũ phàng của một nghề nghiệp mà y chán ghét.

Bỗng nhiên, y đề nghị:

- Mình nên gửi tặng Lisa một bó hoa, nhân danh Riesenfield.

Tôi cảm thấy không hứng thú:

- Thì anh cứ làm lấy. À này, Riesenfield có ghi trong toa đặt hàng một cái tháp tưởng niệm bằng đá hoa cương mài nhẵn tất cả các mặt không?

- Hai cái! Cái thứ hai dành cho Lisa. Tôi hứa với hắn là sẽ đặt nó thế nào để cho Lisa có thể từ cửa sổ kia nhìn thấy.

- Mình có thể đặt ở đây, ngay trong văn phòng. Sáng dậy cô nàng sẽ nhìn sang. Nếu cần, tôi sẽ khắc mấy chữ vàng *Memento mori*. Bữa nay, đảng Edouard có móm gì đặc biệt không?

- Bifteck Đức.

- Hay gọi cách khác là thịt bằm. Tại sao thịt bằm lại được coi là món đặc biệt của Đức?

- Vì chúng ta một dân tộc hiếu chiến, và ngay cả trong thời bình, chúng ta còn

choảng nhau bằng kiếm trong đại học. Chú mày hôi rượu quá. Có phải tại Erna không?

- Không đâu. Chính vì tôi quá hiểu là con người sinh ra để chết.

- Tùy chú. Nhưng chú có biết tôi thích được làm gì không?

- Biết chớ! Thích làm thủy thủ trên tàu cá voi, làm nhà buôn cái dứa ở Tahiti, làm nhà thám hiểm vùng Bắc cực và làm vua Ai Cập với một hậu cung, chứa đầy ba trăm mỹ nữ nhiều quốc tịch khác nhau và luôn luôn nóng hổi đến phải mang giáp thạch-ma khi ôm lấy.

- Đúng lắm, bé con! Nhưng nên nhớ là tương lai bao giờ cũng thuộc về những đứa ngu. Cho nên tôi thích làm thằng ngu. Ngu một cách thâm lặng và nên thơ.

- Cái dở của bọn mình là không hoàn toàn dại cũng không đủ tinh ranh. Lúc nào cũng ở giữa như con khỉ trong lùm cây. Tối đi nghe hòa tấu không? Họ chơi Mozart.

Georges lắc đầu:

- Đêm nay cần ngủ sớm. Đó cũng là Mozart.

Buổi chiều, tôi lục soát các nhật báo để cắt những phó cáo. Công việc này đưa tôi tới gần nhân loại hơn, nhưt là sau những đêm uống say sưa với các nhân viên của hãng và những nhà thầu cung cấp. Nếu cứ tin vào những phân ưu, ai cũng tin rằng con người chí ư toàn hảo: những người cha gương mẫu, những ông chồng đức hạnh, những đứa con hiếu thảo, những bà mẹ suốt đời hy sinh, những nội ngoại tổ chí kính, những nhà doanh thương hiền như thánh, những tướng lãnh đầy lòng bác ái, những ông Tòa đầy dạ từ bi, những nhà sản xuất súng đạn vô tư; tóm lại, trên mặt đất này chỉ chẳng có ai khác hơn là các thiên thần mà đôi cánh chỉ mọc ra sau khi chết. Và tất cả những lời chia buồn đều đáng kể: vô cũng thương tiếc... đau đớn được tin. Thật là hãnh diện được làm một phần tử trong cái chủng tộc hoàn toàn cao quý ấy!

Tôi cắt cái cáo phó của chủ lò bánh mì Nierbuhr “người chồng gương mẫu và người cha tận tụy”! Chính tôi đã từng chứng kiến bà Nierbuhr, tóc tai sứt sỏ, chạy trốn ra khỏi nhà, phía sau là ông chồng gương mẫu đuổi theo với chiếc dây nịt da trên tay. Và tôi đã từng thấy người cha tận tụy đó, trong một con giận dữ

đã ném bay thẳng con ra ngoài cửa sổ. Tuy nhiên, bà Nierbuhr đã quên dĩ vãng, cái chết xóa nhòa tất cả. Và lão chủ lò bánh mì biến thành một nhân vật lý tưởng. Con người quả đã có biệt tài nói dối và tự gây ảo giác!

Chúng ta đã từng thấy nhà ảo thuật từng bỏ con chuột vào trong nón và bắt ra một con thỏ trắng. Góa phụ Nierbuhr còn vượt xa hơn. Bà ta chỉ cần làm vài cử chỉ là ông chồng vô lại bỗng được phủ kín hào quang. Từ ngày chồng chết, mắt bà ta không hề ráo, mọi tội lỗi của chồng đều được coi là đáng tha thứ, như là khi người ta phải hứng chịu mãi sức nóng của lò nướng bánh.

Tôi xếp cái cáo phó của lão chủ lò bánh cùng bảy cái khác mới cắt ra. Những hôm thứ Hai và thứ Ba, cáo phó và phân ưu có hơi nhiều hơn thường lệ. Có lẽ là do hậu quả đêm thứ Bảy: tiệc tùng, rượu chè, ầu đả, dâm dật... để rồi trái tim, khối óc và mạch máu nổ tung ra. Tôi bỏ tất cả những cáo phó vào hộp tủ của Henri để ông ta lo.

Công việc một ngày của tôi kể như kết thúc. Georges đã rút vào phòng của y để đọc những số báo mới ra *Berliner Tageblatt* và *Monde Elégant*. Bức họa đài tưởng niệm bằng phấn màu, tôi dời lại hôm sau. Đây nắp máy chữ xong, tôi tới bên cửa sổ. Từ căn nhà đối diện vọng ra tiếng khèn khẹt của một máy đĩa hát. Lisa hiện ra, y phục chỉnh tề, vẫy vẫy một bó hoa hồng to tổ bố rồi gửi sang tôi một cái hôn bằng tay trái. Tôi nghĩ ngay, chính Georges! Mà y làm như không để ý. Tôi chỉ vào phòng y. Lisa nghiêng mình ra, hét the the qua đường:

- Cám ơn đã tặng hoa! Mấy chú chim cú mờ mả coi vậy mà cũng điệu!

À cười nhe cả hàm răng chó sói ra rồi trở vào lấy một lá thơ đọc oang oang “một kẻ ngưỡng mộ nhan sắc xin được đặt những đóa hồng này dưới chân người đẹp”. Địa chỉ: Circé, hẻm Arquebusier số 5

- Circé là ai vậy?

- Là một người đàn bà biến đàn ông ra lợn.

Lisa chột ưỡn ẹo với vẻ hài lòng trân tráo. Tôi chột hiểu, người tặng hoa không phải là Georges. Y không bao giờ điên cỡ đó. Tôi hỏi to:

- Thơ của ai?

- Alexandre Riesenfield.

À cười khèn khẹt, hỏi:

- Phải thằng cha cà mềng bé nhỏ ngồi cùng bàn ở Moulin Rouge không?

- Hấn không bé nhỏ mà cũng chả cà mềng chút nào. Cứng cựa lắm. Hấn làm việc hết mình đến nỗi đít chai cứng. Coi chừng đó, không phải tay vừa đâu. Có điều hấn là tỉ phú.

Lisa bỗng đâm ra mơ màng... À đưa tay ra dấu rồi biến vào trong. Tôi đóng cửa sổ lại. Và, tự nhiên, tôi chợt nhớ tới Erna. Để xua đuổi những ý nghĩ cay đắng đó, tôi vừa hút gió vừa đi xuống phòng anh chàng điêu khắc.

Kurt Bach ngồi ở cửa với chiếc tây ban cầm. Phía sau hấn là một con sư tử bằng sa thạch.

- Kurt nếu có ai cho bạn một điều ước ngay lúc này, bạn sẽ ước gì?

- Một ngàn Mỹ kim.

Hấn vừa trả lời vừa búng một hòa âm.

- Tư tưởng gia, hả?

- Chớ sao. Vì vậy mới ước có một ngàn Mỹ kim.

- Dùng tiền đó để làm gì?

- Mua một lô nhà cho mướn lấy tiền phở.

- Tồi lắm! Không sống nổi với tiền cho mướn phở đâu, giá thuê rất thấp mà bạn cũng không được quyền tăng. Chỉ đủ để sửa chữa và chẳng mấy lúc là phải bán lại.

- Không đâu, tôi sẽ giữ cho tới khi hết lạm phát. Tới lúc đó chỉ còn hốt bạc thôi.

Kurt lại búng một hòa âm, đầu ngẩng lên, mơ mộng:

- Một lô nhà! Bây giờ với một trăm đô-la mình có thể mua được một ngôi nhà mới đây trị giá bốn mươi ngàn Đức kim vàng. Thử tính coi lời bao nhiêu! Ước gì mình có một người chủ Mỹ!

- Ngáy lắm! Chỉ mới có một đêm mà bạn trở thành một nhà duy vật bị ối rồi.

Trên đầu chúng tôi, gã thợ mộc Wilke gõ nhịp bằng búa. Hấn đang đóng một cái hòm trẻ con với giá biểu giờ phụ trội. Kurt lại đánh tiếp một loạt hòa âm:

- Lúc đó tôi không còn phải đẽo gọt cho mấy người những con sư tử cảm lạnh và những con ó xòe cánh này nữa. Không đẽo gọt thú vật! Không bao giờ! Thú vật chỉ để ăn hoặc để làm bạc chó không phải lấy đá đục đẽo ra. Vậy là tối nay tôi chẳng còn ai để nói chuyện đứng đắn nữa, để quên mọi sự phản bội của con bé Erna. Đành vượt theo cho đỡ buồn.

- Ý nghĩa của cuộc đời là gì? Thừa giáo sư Bach?

- Là ăn, ngủ và dâm dật.

Dừng lại ở cổng vào, Lisa ôm trên tay bó hoa hồng, nói với tôi:

- Lấy đi! Loại rau cỏ này không hợp với tôi đâu.

- Ủa! Cũng không biết thưởng thức cái đẹp thiên nhiên nữa sao?

- Thưởng thức để làm gì? Bộ coi tôi là bò cái hả?

À cười khả ố và nói tiếp:

- Thằng cha Riesenfeld... bảo hấn biết rằng tôi không phải là người để tặng hoa.

- Vậy chó muốn gì?

- Đồ trang sức, nghe rõ chưa cưng?

- Không cần áo?

- Chùng nào thân lắm mới nói chuyện áo.

À nhìn tôi lom lom:

- Sao vậy? Sao bí xị như đưa đám vậy. Có cần lấy lại tinh thần không?
- Không phải chuyện Moulin Rouge. Đạo này còn chơi đờn cho mấy người điên nữa không?

Tôi ngạc nhiên:

- Còn. Sao biết?
- Nhiều người nói. Hôm nào phải tới đó một lần với cung coi ra sao.
- Đừng lo, rồi có ngày sẽ tới đó một mình.
- Thật sao? Để coi đưa nào vào trước.

Lisa đặt bó hoa trên một tấm bia:

- Lấy đi. Tôi để đồ quý này trong nhà không được đâu. Thằng chả ghen lắm.
- Hả?
- Ghen như dao cạo. Có quyền mà.

Tôi không tìm ra sự liên hệ giữa dao cạo và ghen tương, nhưng phải nhìn nhận là Lisa đã ví von thật bạo.

- Chồng ghen sao còn đi đêm được?
- Ban đêm hấn bạn ở lò sát sinh. Tôi thu xếp...
- Còn đêm nào hấn không đi?
- Bộ quên tôi làm công ở phòng gửi đồ tại Moulin Rouge sao?
- Có làm việc thật không?

- Thôi cung! Điều tra gì nữa vậy.

- Còn áo mới và đồ nữ trang?

- Nó là đồ giả. Thằng chồng nào cũng ngốc. Thôi lấy bó củi này đi. Gởi cho con bò cái tơ nào đó cũng được.

Lisa ném sang tôi một cái nhìn khó hiểu rồi băng sang đường. Đôi chân đẹp không chối cũi!

Bó hồng làm thành một đám mờ trong bóng tối. Đối với gái Riesenfield quả là tay hào phóng. Bó hoa ít lắm cũng trị giá năm mươi ngàn Mark, cẩn thận, tôi nhìn quanh trước khi lấy bó hoa lên rồi len lén trở về phòng.

Hoàng hôn mặc áo khoác xanh ngoài cửa sổ. Gian phòng mờ tối khiến tôi bỗng thấy cô đơn. Không hiểu sao, tôi chợt nghĩ mình đã có phần nóng nảy với Erna đêm trước. Con bé nổi giận chắc vì ghen. Mà kẻ nào đã ghen thì phải yêu, giận dỗi vô cùng! Vậy mà tôi không biết.

Thật ra, tôi cũng có chút nghi ngờ khi sát nhập Ghen vào Yêu nhưng cũng chẳng sao. Hương hoa làm tôi ngây ngất. Không chần chừ, tôi làm mấy câu thơ, bỏ vào phong bì, đi sang văn phòng lấy tờ giấy bóng dùng để gói các thiên thần bằng sứ, bọc lấy bó hoa. Tôi gọi Fritz, thằng con út của dòng họ Kroll:

- Fritz, có muốn được hai ngàn đồng không?

Thằng bé mới mười hai nhưng đã lỏi đời:

- Gì đây? Tới địa chỉ cũ phải không?

- Đúng rồi.

Nó chạy biến ra cửa với bó hoa. Nhìn theo nó, bỗng dưng tôi nhận thấy mình phạm phải một sai lầm nữa. Nhưng đã trễ rồi. Mặc! Cứ đi nghe hòa nhạc Mozart cái đã.

Mãi gần khuya tôi mới trở về. Tôi vội vàng mở cửa văn phòng bật đèn lên và dừng sống lại. Bó hoa hồng nằm bên cạnh máy phóng ảnh “Presto” với bức thơ

còn dán kín của tôi với mảnh giấy có mấy chữ của Fritz? “Cô ta bảo mang trả về cho anh để làm gì thì làm. Fritz”.

Con quỷ cái đó đã thắng thùng cự tuyệt. Tôi đứng bất động với tất cả cơn say bị hạ nhục và giận dữ, Tôi ném mảnh giấy của Fritz vào lò sưởi lạnh tanh. Ngồi xuống ghế một lúc lâu tôi mới tỉnh ra. Một ý nghĩ chợt tới. Tôi viết mấy dòng bỏ vào bao thơ mới và ôm hoa đi thẳng tới ca vũ trường Moulin Rouge. Tôi bảo gã gác cửa:

- Đem bó hoa này cho cô Gerda Schneider.

Gã nhìn tôi bất bình, rồi dùng ngón tay cái chỉ qua vai:

- Vào nói với mấy đứa xếp chỗ.

Gặp một gã xếp chỗ, tôi trao bó hoa và dặn mang tặng Gerda ngay trong khi cô ta trình diễn.

Về tới sân nhà, tôi nghe có tiếng róc rách. Nhìn kỹ thì ra lão thượng nghị sĩ đang tiểu ngay trên cái tháp đen. Không lên tiếng, tôi lấy một cái thau múc nước và đổ vào chân lão ta. Knopf đã say như thành linh bị ước chân, càu nhàu:

- Trời mưa mà mình không hay.

Và lão ta khập khiễng đi vào nhà.

Mảnh trăng đỏ ối bị mây phủ mờ ném những vũng sáng vàng vọt xuống vườn cây. Không khí yên lặng đến nặng nề. Người thủy tinh đi lướt qua chỗ chúng tôi. Vào giờ này, ông ta không có gì để ngại vì khỏi phải sợ mặt trời rọi vào cái đầu ông ta như rọi vào một tấm gương. Tuy nhiên, để đề phòng phải mang giày cao su đế thật dày để... cách điện với mặt đất trong trường hợp có bão.

Isabelle cùng ngồi trên ghé đá cạnh tôi, ngay trước phòng những người bệnh bất trị. Nàng mặc áo đen và mang vớ cao.

- Rudolf, anh lại bỏ tôi lần nữa. Hôm trước anh bảo là sẽ ở lại mà. Anh đi đâu vậy?

Lạy chúa! Đêm nay tôi được gọi là Rudotf.

- Tôi có bỏ cô đâu, Isabelle. Tôi chỉ đi vậy thôi... chớ đâu có bỏ.

- Anh đi đâu?

- Đi ngoài kia.

Tôi muốn bảo: ra thành phố sống với những người điên, nhưng rồi kịp thời dẫn lại.

- Chi vậy?

- Có biết để làm gì đâu. Người ta thường làm lắm chuyện mà không hề biết tại sao.

- Đêm đó, tôi đi tìm anh. Cũng có trăng nhưng không phải trăng đỏ như hôm nay, trăng sáng lắm, sáng trong có thể uống rượu.

Tôi dựa vào lưng ghé:

- Làm sao uống được trăng, Isabelle?

- Uống trong nước. Giản dị lắm. Giống như màu mắt mèo nhưng uống vào không thấy mùi vị gì cả... nhưng sau đó nó bắt đầu chiếu sáng trong người... trước hết là ở mắt. Nhưng đừng mở đèn. Có ánh sáng là nó mờ đi.

Tôi cầm lấy tay nàng đặt lên trán tôi. Bàn tay mềm và tươi mát:

- Uống trắng trong nước phải làm sao?

Isabelle rút tay lại:

- Ban đêm, anh đưa một ly nước ra ngoài cửa sổ. Trắng rót vào. Dễ thấy lắm.

- Cô muốn nói là ly nước phản chiếu?

- Không phải phản chiếu mà là trắng nằm trong ly. Anh nói phản chiếu mà phản chiếu là gì?

- Là một hình ảnh trong gương. Hay từ một vật khác chiếu ra. Như nước chẳng hạn. Khi nước phản chiếu mặt tôi, đâu có phải là tôi đang ở trong nước.

Isabelle cười nhả nhận với vẻ không tin:

- Thật không?

- Thật chớ. Khi cô đứng trước gương, cô nhìn thấy cô trong đó.

Nàng lột chiếc vớ bên phải ra và ngắm nghía bắp chân thon nuột. Vẫn với giọng lịch sự, nàng dè dặt bảo:

- Cũng có thể.

- Không phải có thể mà là chắc chắn. Nhưng cái người cô thấy trong gương không phải là cô. Đó là hình ảnh trong gương.

- Không phải là của tôi? Như vậy lúc đó tôi ở đâu?

- Cô đang đứng trước gương. Nếu không thì không phản chiếu.

Isabelle mang vớ vào và nhìn tôi:

- Anh có chắc vậy không. Rudolf?
- Hoàn toàn chắc.
- Không đúng. Tấm gương sẽ làm gì khi chỉ có mình nó?
- Nó sẽ phản chiếu vật gì trước nó.
- Nhưng nếu chẳng có vật gì cả thì sao?
- Luôn luôn phải có một vật gì chớ.
- Còn ban đêm. Không có trăng? Trong bóng tối nó phản chiếu cái gì?

Tôi cụt lỏi:

- Có thể nó ngủ. Và sáng ra thức dậy.

Isabelle có vẻ suy nghĩ nhiều, nàng quần vạt áo sát vào hai chân:

- Và khi nó mơ, nó mơ gì?
- Ai?
- Tấm gương.
- Nó không bao giờ thôi mơ. Theo tôi thì suốt đời nó chỉ mơ thôi. Nó mơ chúng mình. Nó mơ theo lối đảo ngược. Cái gì ở bên phải của mình thì ở bên trái của nó và ngược lại.

Isabelle xoay người về phía tôi:

- Như vậy nó là bộ mặt khác của mình, phải không? Vậy mà lúc này anh bảo là trong đồ không có gì cả. Nó chứa trong nó bộ mặt khác của mình mà.
- Nhưng khi mình bỏ đi thì chẳng còn gì cả.

- Ai dạy mà anh biết?
- Cần gì ai dạy. Mình đi dang ra và nhìn lại: bóng mình không còn ở đó.
- Biết đâu nó lại không giấu cái bóng đó?
- Isabelle, một cái gương không thể giấu vật gì cả.

Một nếp nhăn hiện trên trán nàng:

- Như vậy nó ở đâu?
- Cái gì?
- Cái bóng! Nó có trở về trong mình không?
- Tôi không rõ.
- Nhưng chắc chắn là nó không thể mất?
- Không.
- Vậy thì nó ở đâu? Còn trong gương không?
- Không còn trong gương.
- Phải còn trong đó chứ. Sao anh lại quả quyết điều trái ngược? Chúng mình thử xem.
- Có phải một mình tôi nghĩ thế đâu. Ngày nào cũng có người nhìn vào gương cả. Và ai cũng biết như thế.
- Vậy còn cái bóng của tôi ở đâu? Nó phải còn trong gương chứ.

Tôi đáp bừa:

- Có thể nó còn trong đó. Nếu cô tới đứng trước gương nó lại hiện ra.

Thình lình, Isabelle quỳ lên chiếc ghế. Thân hình mảnh khảnh hơi nghiêng về phía luống hoa, nàng lẩm bẩm “Nó vẫn còn trong đó vậy mà anh nói khác đi!”

Nàng vịn vào tay tôi và run rẩy. Tôi không biết phải làm gì để trấn an, cũng không thể giải thích những định luật về vật lý. Và lại, vào một tình cảnh như thế, tôi cũng không mấy tin tưởng vào khoa học.

Isabelle dựa vào người tôi:

- Nói cho tôi biết là cái bóng tôi ở đâu, Rudolf! Tôi thấy nó nhiều lần trong gương, nhiều chỗ khác nhau. Có phải là tôi bị phân tán mỗi nơi một chút không? Có phải mỗi tấm gương đều giữ lại một cái gì đó của tôi không?

Tôi giữ chặt vai nàng. Hơi thở nàng dồn dập, mặt tái xanh. Đôi mắt trong suốt phản chiếu ánh trăng đỏ úa.

- Chúng nó không hề lấy gì của cô đâu.

- Chắc chắn là phải có. Vậy chớ khuôn mặt đầu tiên của tôi đâu? Khuôn mặt trước khi nhìn thấy trong gương. Chúng ta hiện ở đâu. Rudolf? Tất cả đều bỏ đi và biến mất... biến mất. Hãy giữ chặt tôi, đừng buông ra, Rudolf! Anh nhìn thấy chúng không?

Nàng nhìn về phía góc trời nhiều mây, giọng lạc đi:

- Chúng nó đang bay! Những cái bóng chết trong gương. Chúng nó đòi hỏi máu. Anh có nghe tiếng vỗ cánh của chúng không? Tiếng vỗ như của loài dơi. Anh, đừng để chúng tới gần.

Isabelle úp đầu vào vai tôi, người run bần bật. Bóng tối xâm chiếm khu vườn, không gian im lặng, và trời đêm lặng lẽ ngã mình lên những tầng cây và tiến tới như những cái bóng âm thầm dường như có ý định vây siết chúng tôi. Tôi tìm một lối thoát:

- Thôi, chúng mình lại đằng kia, ở đó có ánh sáng.

Isabelle cưỡng lại và lắc đầu. Tóc nàng phớt lên má tôi phảng phất mùi rom rạ, và đột nhiên tôi nghĩ rằng bên trong vầng trán mịn màng đang gục xuống vai tôi

là cả một thế giới xa lạ. Và chỉ trong một thoáng, cái thế giới kỳ dị ấy như muốn xâm nhập vào tôi...

- Isabelle, mình đang ở bên nhau, chẳng có gì xảy ra đâu.

Tôi tự hiểu là đã nói dối, và rằng trên thực tế chẳng ai có thể giúp được ai. Đó là điều tôi từng biết trong chiến tranh khi đứng trước những cái chết của đồng đội. Mỗi người một cái chết riêng với sự cô đơn của nó.

Isabelle nói qua hơi thở.:

- Đừng bỏ tôi một mình!

- Tôi không bỏ cô một mình đâu.

- Anh thề đi.

- Xin thề.

Nàng thở phào ra dường như mọi việc đã giải quyết xong:

- Cảm ơn, Rudolf! Nhưng phải nhớ lấy, anh hay quên lắm.

- Tôi sẽ nhớ mãi.

- Hôn tôi đi.

Tôi ghì nàng vào nhưng chẳng biết phải làm gì... cuối cùng tôi hôn phớt trên môi.

Hai tay nàng bấu vào gáy tôi, và bỗng nhiên nàng cắn mạnh. Tôi đẩy nàng ra. Môi dưới của tôi đổ máu. Isabelle cười, mặt nàng chột khác đi hiện rõ nét tinh quái. Nàng nói như reo mừng chiến thắng:

- Máu! Anh định dối gạt tôi, tôi biết mà. Bây giờ thì hết được nữa rồi. Tôi đã ghi dấu ở mặt anh, không trốn thoát được đâu!

- Được rồi! Cô xem, máu chảy thế này, chút nữa bà Viện trưởng hỏi, tôi trả lời sao đây?

Isabelle cười:

- Thì đừng trả lời. Tại sao lúc nào cũng có một cái gì để nói?

Vết thương nho nhỏ và một chút máu mẩn ửng trong miệng chỉ vài phút là thôi gây đau đớn. Geneviève đứng trước tôi: nàng không còn là Isabelle nữa mà là Geneviève. Tiếng chuông báo giờ hành lễ. Một nữ điều dưỡng đi về phía chúng tôi, áo trắng mập mờ.

Vết thương đã khô lại trong giờ lễ, tôi lãnh một ngàn Marks tiền thù lao, và bây giờ đang ngồi cùng bàn với linh mục tu tế Bodendick. Mười lăm phút mới đây, ông ta hãy còn là khuôn mặt của tế lễ, chìm trong hương khói, với chiếc áo gấm trên người và bình thánh thể trên tay... bây giờ, trong chiếc áo tu đen và gắn với cái cổ đã sờn và ẩm ướt mồ hôi, dường như ông đã không còn là người thay mặt cho Thượng đế mà chỉ là một tay sành sỏi về rượu chát. Trước chiến tranh, ông ta linh mục rửa tội của trường tôi, và theo nội quy, bọn tôi phải mỗi tháng một lần xưng tội và chịu lễ ban thánh thể.

Chúng tôi ngồi trong gian nhà tiếp cận với phòng lớn dành cho những người bệnh được tự do.

Trong khi chờ đợi dọn ăn, bà Viện trưởng cho mang tới một chai rượu chát. Cách nay mười năm, nếu có ai tiên đoán sẽ có một ngày tôi được dịp cụng ly với vị linh mục rửa tội cho tôi chắc chắn là tôi không thể nào tin được. Và lúc đó, tôi cũng chẳng làm sao có thể tin rằng, nếu tôi giết người, tôi sẽ được gắn huy chương thay vì được xử giảo.

Linh mục Bodendick nếm một chút rượu và tuyên bố:

- Château - Rienhard, thuộc lãnh vực của công tước Henri de Prusse. Bà Viện trưởng chịu chuộng chúng mình quá lắm. Con có sành các loại rượu chát, không?

- Thưa, không.

- Cũng nên biết qua một ít. Món ăn và thức uống là của Chúa ban cho, phải biết tận hưởng.

- Sự chết chóc cũng là một món quà của Thượng đế.

Tôi nhìn ra cửa sổ. Khu vườn chìm ngập bóng đêm. Gió vụt từng cơn nhẹ, những tàng cây nghiêng ngả. Tôi nói tiếp:

- Mình có nên tận hưởng món quà đó không?

Bodendick nhìn tôi với vẻ thích thú qua vành ly:

- Đối với người có đạo, sự chết không phải là một vấn đề. Thành ra cũng chẳng có vấn đề tận hưởng. Chỉ có chấp nhận, vậy thôi. Đó là ngưỡng cửa của cuộc sống đời đời. Chẳng có gì đáng sợ. Hơn thế, đối với nhiều người, đó còn là một con đường giải thoát.

- Về những gì?

- Giải thoát khỏi bệnh tật, sự đau đớn và nỗi thống khổ.

Bodendick hớp một ngụm rượu, làm như súc miệng:

- Con biết... cuộc sống là thung lũng nước mắt.

- Nhưng tại sao Thượng đế lại tạo ra thung lũng đó?

Bodendick không cho đó là một câu hỏi bất bình. Tôi hỏi tiếp:

- Thượng đế không đưa chúng ta vào cõi bất diệt trước khi để cho chúng ta mòn mỏi ở trái đất này sao?

Bodendick nhún vai:

- Hãy đọc Thánh kinh. Con người, thiên đàng và địa ngục.

Ông ta đưa ly rượu ra ánh sáng:

- Thượng đế chỉ muốn ta được trọn lành.

Tự nhiên, tôi không tự chủ nổi:

- Thưa Cha, tại sao đấng Thượng đế của sự trọn lành và công lý lại tạo ra những

con người khác biệt nhau? Tại sao lại có những người này thảm khổ và những người kia bình thường, khỏe mạnh?

- Kẻ nào tự hạ mình xuống sẽ được lên cao. Thượng đế chính là công lý giữ lấy sự thăng bằng.

- Con không dám hoàn toàn tin như Cha. Con biết một người đàn bà bị ung thư chịu mổ sáu lần trong mười năm và cuối cùng bà ta mất tin tưởng khi mất hai đứa con. Bà ta không đi lễ nữa và bị giáo đường coi như phạm tội đáng chết. Và nếu theo đúng các giáo điều thì người đàn bà đó sẽ rơi xuống địa ngục do chính Thượng đế làm ra. Đó có phải là công lý?

Nhà tư tế già nhưng còn khỏe mạnh, ngắm dung lượng màu hổ phách trong ly:

- Có phải con nói về trường hợp của mẹ con?

- Không hẳn vậy.

- Đúng là trường hợp của mẹ con chứ?

Tôi nuốt nước miếng:

- Và nếu đúng thì sao?

Im lặng gần một phút. Sau cùng nhà tư tế nói:

- Chỉ cần có một giây, một giây thôi để trở về với Thượng đế. Một giây trước lúc chết. Và chỉ cần nghĩ tới thôi, không cần phải nói ra.

- Cách nay mấy hôm, con cũng nói như thế với một người đàn bà. Nhưng nếu người ta không có được một giây đó, thì sao?

- Con cũng biết là Giáo đường có những lễ luật rõ ràng nhằm dạy dỗ và đề phòng. Chúa thì không vậy. Chúa là tình thương. Làm thế nào để biết Chúa phán xét ra sao?

- Nhưng Chúa có phán xét thật không?

- Chúng ta gọi như thế theo ngôn ngữ của chúng ta. Đó là hình thức của tình

thương.

Tôi thở dài:

- Tình thương... Một tình thương và một tin tưởng có thể san bằng mọi bất công trên thế giới với lời hứa của một thiên đàng tưởng tượng.

Bodendick mỉm cười:

- Con có nghĩ rằng trước con đã có nhiều người đặt vấn đề đó ra không?

- Nhiều lắm, không kể hết và toàn là những nhà thông thái.

- Đúng vậy.

- Nhưng chuyện đó không bắt buộc con và họ cùng một ý.

Bodendick rót rượu đầy ly:

- Sự ngờ vực là mặt trái của lòng tin.

Tôi nhìn con người ngồi trước mặt. Ông ta ngồi đó, vững như đá núi, không một gì lay chuyển nổi. Phía sau ông ta là bóng đêm, bóng đêm đầy ưu tư, sợ sệt của Isabelle, bóng đêm dài vô tận đầy những nghi vấn không giải đáp.

Một nữ tu sĩ mang vào một cái mâm to bên trên là những tô đĩa sâu lòng chắt vào nhau như thường thấy trong các bữa ăn ở bệnh viện. Sau khi trải bàn và đặt các món ăn lên, người nữ tu đi ra. Bodendick dờ nấp thố:

- Để xem họ cho ăn gì... À, có canh đây... nấu với tủy. Thượng hảo hạng. Lại có cả thịt hầm với su đở!

Ông ta múc đầy vào đĩa rồi bắt đầu ăn, với sự bình lặng tự tin. Bác sĩ Giám đốc bệnh viện bước vào. Bodendick ngược mắt:

- Bác sĩ có ăn với chúng tôi không? Mau lên, kéo chẳng còn gì cả.

- Không có thì giờ, thưa Cha. Những người bệnh bắt đầu xôn xao vì bão.

- Ồ, bão chưa tới mà.

- Chưa, nhưng người điên cảm thấy trước. Con phải cho đem một vài người vào phòng tắm. Đêm nay thế nào cũng lắm việc.

Bodendick múc vào chén một miếng thịt hầm to:

- Vậy bác sĩ cũng nên uống một ly. Rượu mười lăm năm. Quà của Chúa! Dành tặng cả cho cậu bé không tin ngưỡng này.

Ông ta nháy mắt với tôi. Ông thầy thuốc ngồi vào bàn, đón ly rượu. Người nữ tu với đôi má phình thò đầu vào. Ông thầy thuốc nói ra:

- Tôi không ăn. Xin cho mấy miếng bánh mì quét bơ và một chai bia, để trong phòng tôi.

Guido Wernicke - tên người thầy thuốc - khoảng 35 tuổi, người khỏe mạnh, tài vênh, mắt gằn như muốn kéo sát vào nhau, ông ta cũng ghét cái họ Guido như tôi ghét bị gọi là Roll. Tôi chợt nhớ tới Isabelle:

- Cố Terhoven ra sao, bác sĩ?

- Terhoven? À, không khá lắm. Anh có thấy gì khác lạ bữa nay không?

- Không, cũng như mọi ngày. Dường như có xúc động hơn một chút. Có lẽ do ảnh hưởng của bão như bác sĩ vừa nói.

- Để coi. Không thể tiên đoán được gì với một cô gái điên.

Bodendick bật cười. Tôi nhìn ông ta, không che giấu sự bất bình.

Cố ngồi nán lại nhưng không chịu nổi cuộc nói chuyện giữa ông ta và Wernicke, tôi đứng dậy bước tới cửa sổ. Hàng hàng lớp lớp mây chì đùn nhau làm thành một bức tường lên trên những tầng cây đen sẫm. Bỗng nhiên, tất cả dường như xa lạ với tôi: khu vườn vẫn là khu vườn cũ nhưng bộ mặt hiện thời của nó đã man dại hơn nhiều. Tôi chợt nhớ tới tiếng kêu của Isabelle: “Khuôn mặt đầu tiên của tôi đâu? Khuôn mặt trước khi nhìn vào gương?” Và cảnh sắc sơ cổ trước khi nó hiện tới trong cảm nhận của chúng ta là gì? Công viên, nhà phố, núi rừng,

nhân loại... khuôn mặt thật ở đâu? Và khuôn mặt của tôi, của Bodendick, của Wernicke? Phải chăng tất cả chúng ta đều bị tù hãm trong một chằng chịt chữ mà phía sau đó lập lòe ánh lửa của thế giới hoang sơ... và chúng ta không bao giờ tới được. Tiến bộ, tiện nghi, lý lẽ, đã làm cho chúng ta mất đi nhiều kho tàng thật sự. Đây là biên giới chia cách sự hỗn loạn với thế giới có tổ chức, ai có thể vượt qua đường ranh đó, và nếu đã vượt qua con người đó sẽ hiểu được gì về những vũ trụ mập mờ. Đây là kẻ điên, đây là người mất?

Một luồng sét lợt lạt tóe lên ở vườn cây và có tiếng âm ì xa xa. Tôi quay người lại. Người của Thượng đế và người của Khoa học cùng ngồi dưới hào quang đèn điện. Với họ, không hề có hỗn loạn, không hề có vực sâu. Họ không biết gì là ngờ vực, họ dán nhãn hiệu khắp nơi rồi ngủ yên. Họ có một mục đích, vậy là đủ. Chỉ có kẻ không tên là chịu chết. Tôi nói cho có nói:

- Đã có chớp rồi.

Wernicke nhìn ra cửa sổ:

- Đúng rồi.

Ông ta đang nói về chứng nhị trùng hóa nhân cách, bệnh của Isabelle. Mặt ông ta đỏ gay vì hăng hái. Ông ta giải thích tình trạng của người bệnh đang là nhân vật này bỗng đột ngột biến thành một nhân vật khác, và tại sao vào những thời đại xa xưa, dân chúng coi những người bệnh đó như thần thánh hoặc là hiện thân của quỷ dữ khiến những kẻ mê tin nể sợ. Tôi bỗng nghĩ, tại sao người ta không gọi chứng bệnh đó là một thiên tài? Những con người bình thường biết đâu lại chẳng có sẵn trong mình khoảng một chục nhân vật khác nhau? Và sự khác biệt phải chăng vì người khỏe mạnh khéo che giấu trong khi người bệnh cứ để mặc cho bị lôi cuốn? Và, trong trường hợp đó, ai mới thật là bệnh nhân?

Tôi bước tới bàn, uống cạn ly rượu chát. Bodendick nhìn tôi với đôi chút triu mến. Lần đầu tiên tôi khám phá những cái hay của rượu: ấm áp và tự tin.

Một tia chớp vạch ngoằn ngoèo trên cửa kính. Ông bác sĩ đứng lên:

- Bão sắp tới. Phải xem những người bị nhốt ra sao.

Những người bị nhốt tức là không bao giờ được ra ngoài. Bị giam hãm cho tới chết trong những gian phòng mà bàn ghế tủ giường đều được siết đứng, với

những cửa sổ song sắt, những cánh cửa chỉ có thể mở ra từ bên ngoài... tóm lại họ là những con thú trong chuồng không ai buồn nói tới.

Wernicke nhìn tôi:

- Bị gì ở môi vậy?

- Tự cắn phải trong khi mơ mộng.

Bodendick cười hô hô. Cửa mở và người nữ tu nho nhỏ vào với một chai rượu chất mới và ba cái ly. Wernicke đi ra, theo sau người nữ tu. Bodendick chụp lấy chai rượu tự rót vào ly. Tối bây giờ tôi mới hiểu tại sao ông ta mời Wernicke uống. Có thể bà Viện trưởng mới đưa tới thêm chai nữa.

- Không uống nữa sao?

Tôi đáp ngay:

- Dạ, uống chứ. Có lẽ hợp vị rồi. Cám ơn nhiều.

Bodendick nhắc chai lên, ngắm nghĩa nhãn hiệu một lúc rồi mới rót cho tôi một phần tư ly và tự rót đầy ly mình. Chờ ông ta đặt chai xuống, tôi ung dung cầm lấy rót cho mình đầy ly.

- Thưa Cha, trên một số quan điểm nào đó, chúng mình khá tương đồng.

Ông ta phì cười, mặt hồng như một đóa hoa Phục Sinh:

- Chúc mừng con!

Bão tới rồi đi. Các tia chớp lóe mau như những đường kiếm bổ xuống trong im lặng. Tôi ngồi trước cửa sổ, tất cả những thư từ của Erna đều đã bị xé nát ném vào chân voi khoét rỗng dùng làm sọt rác.

Erna, thế là hết! Tôi dựng lên một bảng liệt kê toàn những ưu phiền do con bé đó gây ra để tổng cổ nó ra khỏi vùng kỷ niệm. Tuy nhiên, trong thâm tâm tôi vẫn muốn có một bộ lễ phục, một chiếc xe hơi và một người tài xế. Cùng đi với một vài nữ tài tử trong túi có khoảng vài triệu bạc, tôi sẽ xuất hiện tại Moulin Rouge để dạy cho con rắn cái đó một bài học tình đời. Tôi lại dựng lên một pho tiêu

thuyết: sáng mai, nó sẽ biết tôi trúng số độc đắc qua báo chí hoặc nó sẽ đọc thấy tin tôi trở thành một người hùng, bị cháy phỏng khắp người vì đã cứu một đứa bé trong cơn hỏa hoạn! Ánh đèn lóe sáng trong phòng Lisa!

À mở cửa sổ và dùng tay ra hiệu. Tôi đang ngồi trong bóng tối, không ai thấy được, như thế không phải ả nhắm vào tôi. À nói nhi nhô gì đó, chỉ tay vào ngực rồi chỉ sang nhà chúng tôi, gật đầu... và đèn tắt.

Tôi cẩn thận thò đầu ra quan sát. Đã nửa đêm, không nhà nào còn đèn. Chỉ có cửa sổ của Georges là còn mở toang.

Tôi rút vào, chờ đợi. Lisa xuống, lăm lét nhìn quanh, chạy băng qua đường với đôi giày cầm tay để không gây tiếng động. Có tiếng mở cửa - cánh cửa thông lên phòng Georges - thì ra anh chàng Georges không phải tay vừa.

Kế đó là những tiếng thì thầm và tiếng khua của giày cao gót trong nhà. Lisa đã mang giày vào để thêm phần hấp dẫn. Cửa phòng Georges kêu kèn kẹt, chậm và nhỏ. Ghê thật! Mặt nước phẳng bao giờ cũng đáng sợ!

Bão đi rồi lại tới. Sét nổ rền và mưa tuôn như trời đổ. Tôi nghiêng mình ra cửa sổ ngắm cảnh lụt lội. Liếc sang phòng Georges, tôi thấy hai cánh tay trần của Lisa thò ra cửa sổ hứng mưa. Tôi lại nghe cả giọng khàn khàn của ả. Chẳng thấy cái đầu sói của Georges ở đâu. Y là mẫu người không thích bão.

Cửa sân vụt mở ra. Uớt ngoi như đĩa xúp, lão thượng sĩ Knolf chạy lão đảo ra vườn. Lão ta định dừng lại chỗ tháp tượng niệm đen để đái nhưng mưa quá lớn, lão đành chạy vào nhà. Nước là kẻ thù của lão.

Tôi trút cái sọt rác làm bằng chân voi xuống đường. Mưa lũ và gió bão cuốn những lá thư xé vụn của Erna trôi đi. Cũng như bao giờ, tiền tài lại chiến thắng. Tôi sang cửa sổ bên kia, nhìn ra vườn. Trên tấm bia dành cho người đàn ông tự vận, mấy hàng chữ khắc thỉnh thoảng lại vàng ánh lên dưới những tia chớp. Khép cửa lại, tôi quay vào mở đèn lên. Phía dưới, Georges và Lisa đang to nhỏ với nhau. Phòng tôi bỗng trở nên vô cùng trống vắng. Tôi lại mở cửa sổ ra và quyết định là sẽ tới nhà sách của Bauer đổi công dạy tuần lễ sau này cho ông ta bằng một quyển sách về phương pháp Yoga để xả kỷ và tự giác.

Trước khi lên giường, tôi tới đứng trước tấm gương. Nhân vật nào trong đó đang nhìn tôi?

Vết thương ở môi hơi phồng lên, tôi đưa tay sờ nơi đó. Người trong gương cũng cử động như tôi. Tôi cười chế giễu, hắn cũng cười chế giễu. Tôi lắc đầu, hắn cũng làm theo. Tôi và hắn ai mới là kẻ thực sự mang tên Louis Bodmer? Hình ảnh trong gương hay khối thịt mặc quần áo này đang tự đặt nhiều câu hỏi?

Tôi nghe ón lạnh. Lập tức tôi nốc một ly rượu mạnh trước khi tắt đèn.

iesenfield giữ đúng lời hứa. Sân hăng đã được chất đầy bia đá. Những khối đá quý mài nhẵn bốn mặt được bao bọc thật kỹ. Đó là những cô đào chánh của gánh hát chúng tôi.

Bây giờ chúng tôi đã được võ trang đến tận răng. Ngay bà mẹ Kroll cũng bỏ chút thì giờ ra ngắm nghía, vuốt ve những tảng đá hoa cương và lâu lâu lại buồn thảm liếc nhìn sang cái tháp tưởng niệm đen, di vật của chồng bà.

Kurt Bach lăn một khối sa thạch to vào xưởng anh ta. Khối đá đó sẽ một thành con sư tử, không phải nằm bẹp xuống như bị đau răng, mà sẽ như muốn nhảy phóng tới với một ngọn giáo cắm vào hông. Con sư tử này sẽ được mang tới đặt tại đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong của làng Wustringen, nơi có đặt chi hội cựu chiến binh dưới quyền điều khiển của đội trưởng kỵ binh hồi hưu Wolkenstein. Đối với Wolkenstein, một con sư tử chịu tang coi yếu quá. Hắn còn muốn đặt cả một con sư tử bốn đầu, miệng khạc lửa, nếu không có gì trở ngại.

Nhân dịp này, chúng tôi còn bán thêm cho họ một số thú vật đúc bằng kim khí của xưởng Wurtemberg. Đó là bốn con điều hâu đang vỗ cánh, hai con bằng đồng, hai bằng gang. Wolkenstein muốn làm như thế để khuyến khích giới trẻ một cuộc chiến mới như hắn từng tuyên bố khẳng định nhiều lần:

- Rồi sẽ có ngày ta chiến thắng và bọn chúng sẽ lãnh lấy tất cả tai họa.

Ngay lúc này, mấy con điều hâu trông chẳng khác gì mấy con gà mái khổng lồ sắp đẻ, nhưng khi được gắn lên trên cao vót của đài tưởng niệm bằng đá hoa cương Thụy Điển, chúng sẽ có điệu bộ ác diệu ngay. Những ông Tướng không mặc binh phục lắm khi coi còn tệ hơn những người thường và gần hơn nhứt là Wolkenstein trông hắn vô cùng thô kệch. Ở quê hương yêu dấu của chúng tôi thật không thiếu những cảnh trí và những nhân vật dị thường.

Tôi ngắm nhìn sự bài trí và không muốn ai đem đặt chúng bất cứ nơi đâu mà chỉ muốn để chúng ở lại trong khoảnh vườn này từng nhóm cho vui mắt.

Ngày thật tươi, trời xanh và cao vút, không một bóng mây. Sự tươi mát của buổi

sáng vẫn còn ập ụp trên cành lá, chim kêu tíu tít rộn ràng và... hồi suất Mỹ kim là năm mươi ngàn đồng Đức.

Báo chí loan tin ba vụ tự tử. Ba người sống với lợi tức cố định... cả ba đều chết như nhau, cái chết của kẻ nghèo với vôi hơi đốt, thiếu phụ Kubalke gục chết, đầu còn gối lên lò bếp. Lão Hopf nằm chết trong bộ quần áo cũ nhưng được chải chuốt cẩn thận với bốn tờ giấy bạc một ngàn trên tay, như những vé vào cửa thiên đàng. Và góa phụ Glas nằm trên nền nhà bếp với quyển sổ Tiết kiệm kết toán ở con số năm mươi ngàn Marks bị xé vụn dưới chân. Những tờ bạc một ngàn của lão Hopf có tin đồn là sẽ được phục hồi giá cũ vì chúng đã được bảo đảm bằng vàng. Nhưng cách nay hai hôm, tin chánh thức đã phủ nhận lời đồn đãi đó và chính vì vậy mà có cáo phó của lão ta.

Từ xưởng mộc của lão Wilke vang lên những tiếng búa đều đặn như tiếng chim gõ kiến. Công việc làm ăn của hắn chạy đều. Mọi người đều cần một quan tài, ngay cả người tự tử. Đã qua rồi những nắm mồ tập thể và những người chết bị cuốn tròn trong những tấm bố nhà binh. Trong những cái hộp gỗ, nơi mà lũ côn trùng làm việc từ tốn, lâu dài, người ta cũng từ tốn rửa nát ra trong những bộ y phục thơm tất. Riêng lão chủ lò bánh mì Nieburh thì trên áo còn có gắn một số phù hiệu và huy chương. Bà Nieburh còn cẩn thận đặt vào những ngón tay lạnh cứng của chồng một lá cờ tí hon, biểu hiện của đoàn ca nhạc “La Concorde” mà lão đã từng là một đội viên. Mỗi thứ bảy, lão ông óng hát “Im lặng giữa khu rừng” và “Phát cao ngọn cờ đen, trắng, đỏ” rồi uống bia gần nửa bụng trước khi trở về đánh đập vợ toi bời. “Một con người, một mẫu người đáng làm gương!” Đó là lời tuyên bố của một giáo sĩ khi làm lễ trước ngôi mộ lão.

Henri Kroll đã đạp xe đi lúc mười giờ. Một số lượng mới cung cấp đầy ỏi đá hoa cương khiến con tim thương mãi của ông ta đạp mau hơn thường nhật.

Chúng tôi cùng cảm thấy nhẹ nhõm trong người. Bà Kroll ủy lạo chúng tôi bằng bánh mì quét bơ, pa-tê gan và cà-phê. Lisa hiện ra ở cổng vào trong chiếc áo màu đỏ chói. Bà Kroll lườm ả, bà không chấp nhận được sự diêm dúa của ả.

- Đồ bản thiu!

Georges bất bình ngay:

- Bản thiu à? Bản thiu chỗ nào?

- Bắn thối ra chó còn gì nữa.

Georges nhòm người tới. Không một ai thích nghe nhân tình mình bị người ta mắng. Nhưng bà Kroll vừa chiến thắng xong đã đổi sang đề tài khác khiến Georges cut hứng. Tôi nhìn bà ta, không che giấu sự thán phục. Bà ta chẳng khác một Tướng lĩnh điều khiển những đơn vị lưu động, đánh mau và mạnh vào một nơi rồi tới lúc địch quân từ từ lấy lại thế phòng ngự, bà di chuyển sang mục tiêu khác.

Ba cô con gái của lão Knof đang trò chuyện tíu tít trước nhà. Cả ba cô đều bé nhỏ gọn gàng và giỏi nghề may như bà mẹ. Suốt ngày gần như không bao giờ ngớt tiếng rào rào của những cái máy may.

Hết sức cẩn thận, tôi và Georges tháo vải bao của hai cái tháp bằng đá hoa cương ra. Tháng Năm, khu vườn đầy mộ bia và tháp tưởng niệm đúng là một nơi lý tưởng cho lũ mèo hoang và những cặp tình nhân. Lũ mèo bắt đầu động cõn vào tháng Hai trong khi những cặp tình nhân chỉ tới đây vào lúc thời tiết bắt đầu thuận tiện cho những cuộc hôn hít ngoài trời.

Hẻm Arquebusiers ít người qua lại, khu vườn của chúng tôi lại rộng thênh thang. Cảnh trí ma quái ở đây chẳng những không làm cho những cặp trai gái đó ghê sợ mà trái lại, còn vô cùng hấp dẫn.

Tôi ra vườn thưởng ngoạn “khu thiên lãm”. Hai cây thánh giá đứng vững trện bê xi-măng, nhô lên cao. Biểu tượng cho cuộc sống đời đời, những khối đá mài bóng này sẵn sàng chờ đợi khắc lên một cái tên nào đó của các nhà triệu phú hoặc kỹ nghệ gia. Ngay đến một tên ngờ nghếch nhất cũng không muốn rời khỏi hành tinh này mà không có gì lưu niệm. Tôi nhận thấy cần lưu ý Georges:

- Nên coi chừng ông anh của anh lại đem bán cả cái núi *Golgotha* này để rồi chỉ lấy tiền sau những ngày mùa. Giữa tiếng chim hót và hương vị cà-phê này, mình phải long trọng thề “chỉ bán hai cây thánh giá này bằng tiền mặt”.

Georges cười dễ dãi:

- Chú mày đừng lo. Hối phiếu còn tới ba tuần lễ nữa. Trong thời gian đó, kiếm được đồng nào là lời đồng ấy.

- Lờ cái gì? Rồi hồi suất lại tăng.

Georges đốt một điếu xì-gà năm mươi ngàn đồng:

- Chú coi vậy mà đôi khi quá nhút nhát. Thay vì than van, mình nên coi nạn lạm phát như là biểu tượng nghịch đảo của sự sống còn. Một ngày đi qua là giảm bớt một chút sống. Chúng ta sống trên số vốn chớ không phải trên tiền lời. Ngày nào, đô-la cũng lên giá nhưng mỗi đêm là hồi suất của sự sống giảm đi. Như vậy, đã đủ ý làm thơ chưa?

Tôi nhìn nhà hiền triết Socrate của hẻm Arquebusiers, lúc nào y cũng tự hài lòng. Một giọt mồ hôi nằm trên cái trán bóng của y như một giọt sương mai. Tôi chọc tức:

- Lạ chưa! Người ta nói chuyện triết khá hay nếu ban đêm không ôm gối một mình.

Georges vẫn thản nhiên:

- Triết học cần phải vui chớ không nên sầu thảm. Ghép vào đó những mầm sống siêu hình không bằng trộn lẫn cái thú vị của những giác quan và cái mà thi đoàn của chúng gọi là tình yêu lý tưởng.

Tôi vẫn giữ mặt lạnh:

- Thôi, cho xin! Bây giờ tôi muốn hiểu tại sao anh lại thích nhai ngấu nghiền những tạp chí chỉ toàn là chuyện gái giếc những vụ ô nhục trong giới thượng lưu, những cô đào sân khấu và màn ảnh...

Georges thổi vào mặt tôi một hơi khói trị giá ba trăm Đức kim:

- Có gì đâu! Đó là vấn đề nuôi dưỡng óc tưởng tượng. Có bao giờ chú nghe nói tới tình yêu hạ giới chưa? Chú định làm một sự tổng hợp với Erna nhưng chú đã sai lầm khi để hai món hàng khắc nghịch nhau trong một tiệm khiến cho món này làm hư thối món kia. Tôi thì không như vậy, không trộn lộn hai món vào một cũng không đặt gần nhau. Nên bắt chước tôi. Có vậy mới dễ sống hơn. Thôi, bỏ qua! Đi kiếm cái gì ăn trước đã. Thử ném qua món bò nấu mì ống của Edouard xem sao.

Tôi chấp nhận ngay và lẳng lặng đi lấy nón. Georges đã chạm đúng tim đen nhưng tôi vẫn làm như chẳng có gì.

Gerda Schneider đã ngồi trong văn phòng lúc tôi về tới. Cô bé mặc áo thun xanh, váy ngắn và đeo những vòng tai to gắn hạt xoàn giả. Trên ngực áo bên trái, cô ta cài một bông hồng trong bó hoa tôi tặng đêm rồi. Gerda ưỡn ngực tới:

- Cám ơn! Anh làm họ ghen chết được. Đó là bó hoa dành tặng cho đào chánh.

Tôi nhìn cô ta và nhớ tới câu chuyện tình yêu hạ giới của Georges. Tươi sáng, chắc nịch, trẻ trung và không kiêu cách. Cô ta hỏi:

- Chiều nay anh làm gì?

- Làm việc tới năm giờ. Rồi đi dạy kèm một giờ cho thằng nhóc con.

- Dạy gì? Chủ thuyết ngọc ngách hả?

Tôi cười:

- Cô nên biết, bài học không quan trọng bằng tiền.

- Vậy là tới sáu giờ. Sau đó tới khách sạn Con Nai tìm tôi. Tôi tập ở đó.

Tôi gật đầu, Gerda đứng lên:

- Nhớ nghe!

Cô ta đưa mặt tới. Tôi ngạc nhiên. Không ngờ đóa hoa lại có thể đem lại bất ngờ. Cũng chẳng sao! Georges vậy mà có lý: tất cả đàn bà đều giống như đinh nhọn, cái mới đổi cái cũ, như bậc thầy Kant đã dạy. Tôi hôn nhẹ lên trán cô ta.

- Thôi, đừng ầm ớ!

Cô ta vừa nói vừa hôn mạnh vào môi tôi và tiếp:

- Những nghệ sĩ lưu diễn không có thì giờ kiêu cách. Mười lăm hôm nữa là đi rồi. Nhớ, tối nay!

Gerda quay ra, chân thon với những bắp thịt dài, bờ vai đầy đặn. Cô ta dừng lại nhìn cái tháp đen rồi quay lại:

- Có lời nhiều không?

Tôi hơi ngượng:

- Cũng đủ ăn...

- Anh là nhân viên?

Tôi gật đầu:

- Cũng hơi lạ, phải không?

- Chẳng có nghề gì đáng chê cả. Còn tôi, lòn đầu giữa hai chân thì sao? Chẳng lẽ lại bảo Trời sanh ra để làm vui cho mọi người. Nhớ tới khoảng sáu giờ.

Bà mẹ Kroll từ trong vườn đi ra với bình tưới cây. Bà nhìn theo Gerda:

- Cô đó coi mà đàng hoàng! Cô ta làm gì?

- Nhào lộn.

- A, nhào lộn! Hầu hết những tài tử nhào lộn đàng hoàng. Có làm ca sĩ không?

- Không, chỉ nhào lộn thôi. Nhào lộn tròn, đi bằng hai tay uốn cong xương sống như nữ xà vương.

- Biết nhau lâu rồi, hả? Cô ta có định mua món gì không?

- Chưa tới lúc.

Bà Kroll bật cười, trông kinh chiếu ngời lên:

- Cháu Louis oi, phải tới bảy mươi tuổi cháu mới biết đời sống là phù du.

- Bây giờ tôi cũng đã biết rồi. Này, bà nghĩ thế nào về tình yêu?

- Bộ giỡn hả?

- Không. Tôi chỉ muốn hỏi về tình yêu hạ giới và thượng giới.

Bà Kroll cười dễ dãi:

- Thôi đi, Louis. Lâu lắm rồi bà không còn nhớ gì nữa hết, lạy Chúa!

Tới tiệm sách của Arthur Bauer, tôi lựa lấy quyển “Phương cách xử thế trong mọi hoàn cảnh” để trừ tiền dạy kèm thằng con của ông ta. Cần thận, tôi nhờ bao cuốn sách kim chỉ nam này lại để phòng trường hợp gặp phải người quen. Để khỏi lố công, tôi còn lấy thêm quyển Yếu tiệc của Platon và hăng hái đi tới chỗ hẹn với Gerda.

Khách sạn Con nai còn là một tửu quán thường lui tới của các nghệ sĩ và khách giang hồ cũng như của những phu xe. Ở từng nhứt có khoảng một chục phòng cho mướn và phần sau là một đại sảnh có sẵn dương cầm và đủ thứ dụng cụ thể thao để các lực sĩ nhà nghề thao luyện.

Tôi đẩy cửa. Đứng trước dương cầm, Renée de la Tourterelle đang dượt một bài ca hai giọng. Trong góc, một anh chàng đang tập ba con chó, trong số có một con loại lông xù. Hai thiếu nữ lực lưỡng nằm dài trên một tấm thảm, và Gerda từ một chiếc đu bay phóng vèo tới chỗ tôi.

Hai thiếu nữ nằm trên thảm thỉnh thoảng lại vận chuyển cho các bắp thịt nổi vồng lên. Có lẽ đó là hai nhà đấu vật của chương trình giải trí được tổ chức ngay trong khách sạn. Renée chào tôi với một giọng oang oang của một thượng sĩ trước quân hàng. Hát hàm về phía Gerda cô ca sĩ hai giọng giải thích.

- Chị ấy đang tập lại để trở về gánh xiếc.

- Bộ trước đây đã từng làm xiếc rồi sao?

- Từ lâu. Trưởng thành từ gánh xiếc mà. Rã gánh vì chủ nhân không đủ tiền mua thịt cho sư tử.

- Cô ta phụ trách về sư tử à?

Renée cười lớn:

- Đừng lo, chị ấy chỉ trình diễn môn nhào lộn thôi.

Gerda lại bay ngang trên đầu chúng tôi. Mắt cô ta dáo dạt vào tôi như muốn thôi miên. Renée đột ngột hỏi:

- Willy có giàu thật không?

- Chắc là phải giàu. Thời đại này những người làm áp phe đều không nghèo được. Chi vậy?

Renée cười và đổi sang giọng thánh thót:

- Tôi thích những người giàu... cũng như mọi phụ nữ khác...

- Dĩ nhiên! Một gã lũng đoạn tài chánh bao giờ cũng vẫn được ưa chuộng hơn một tên cạo giấy lương thiện.

Renée cười ngặt nghẽo:

- Giàu và lương thiện không bao giờ đi đôi, cung ơi! Nhứt là trong thời đại nhiều nhưong này. Có lẽ trước đây cũng vậy.

- Còn trúng số độc đắc thì sao?

- Cũng không khá hơn. Tiền bạc làm hư hỏng tánh tình, anh không biết à?

- Như vậy tại sao cô quá chú trọng chuyện giàu?

- Tại tôi thích tiện nghi và an toàn.

Gerda ngừng đu, đứng trên xà ngang cách đầu tôi khoảng năm mươi phân và cười lớn:

- Renée nói láo dữ lắm.

Renée vẫn giữ giọng thánh thót:

- Tất cả đàn bà đều nói láo. Và nếu không nói láo thì họ không còn là đàn bà nữa.

Anh chàng tập chó gục đầu xuống:

- Amen!

Gerda vuốt tóc ra sau:

- Xong rồi. Anh chờ một chút, tôi vào thay đồ ngay.

Renée nhìn theo Gerda:

- Đẹp lắm. Anh có thấy chị ấy đi thẳng người không? Đối với phụ nữ đó là điều quan trọng. Dường như những lực sĩ nhào lộn đều biết như thế từ thuở năm nôi.

- Tôi có nghe nói một lần. Lời nhận định của một tay rất sành về đàn bà và đá hoa cương. Làm thế nào để giữ người thật thẳng lúc đi?

- Dễ mà, cứ tưởng tượng là đang kẹp giữa móng một đồng năm Đức kim... và đừng thềm nghĩ tới nó.

Tôi cố tưởng tượng hình ảnh đó nhưng không thấy được. Lâu quá rồi tôi chưa hề gặp lại một đồng năm Đức kim. Nhưng tôi biết có một người đàn bà mạnh đến nỗi có thể dùng móng để nhổ khỏi tường một cây đinh. Bà ta là bạn của lão chủ tiệm giày Karl Brill.

Renée bỗng nghiêm trang:

- Anh nên cố làm cho Gerda vui. Mười lăm ngày, chẳng là bao.

Tôi hơi bối rối. Không hiểu trong quyển *Xử thế* có chỉ dạy về trường hợp đặc biệt này không? Rất may là Willy tới vừa đúng lúc. Mặc dầu ăn mặc thật bảnh bao với một cái nón Ý Đại Lợi chảnh công đội nghiêng, trông nó vẫn giống một khối xi-măng được trang hoàng bằng hoa nhân tạo. Nó kiêu cách hôn tay Renée rồi lấy trong túi ra một cái hộp nho nhỏ và trịnh trọng:

- Xin tặng con chim quý báu của Werdenbrucke.

Renée kêu lên một tiếng ngạc nhiên - dĩ nhiên là với giọng thánh thót - và mở nắp hộp ra. Một chiếc cà rá vàng nhận bích ngọc chiếu ngời. Cô ta đeo vào ngón giữa bàn tay trái, ngắm nghía một lúc rồi bất thần ôm choàng lấy Willy. Mặt thẳng bạn học cũ của tôi vác hắt. Renée rên rĩ:

- Willy, em sung sướng quá.

Gerda từ trong phòng thay đồ ló đầu ra:

- Chuyện gì mà ồn ào vậy?

Willy nói như hạ lệnh:

- Các bà mau lên, mình còn đi nữa chớ.

Renée vào phòng thay đồ. Tôi mắng Willy:

- Đồ ngu! Sao mày không chờ lúc có hai đứa không thôi rồi hãy tặng? Mày làm vậy rồi tao phải ăn nói ra sao với Gerda?

Willy phì cười với vẻ một người tốt bụng:

- Bậy quá, tao quên nghĩ tới. Thôi, kể như rui đi. Mày với con bé đi ăn với bọn tao.

- Để nhìn ngắm viên bích ngọc mày vừa tặng hả? Thôi, cảm ơn.

- Mày nghe đây, bọn tao khác hơn mày với Gerda. Tao tính chuyện đàn ông. Mày có tin hay không cũng được nhưng chắc chắn là tao đã si mê nàng ta. Hoàn toàn si mê.

Chúng tôi ngồi trên những cái ghế cũ kỹ bện bằng rom. Willy giải thích:

- Mày biết không, giọng nói của nàng làm tao muốn điên lên. Ban đêm thì không tưởng tượng được. Làm như mình một lúc có cả hai người đàn bà. Một thiếu nữ thơ ngây và một mụ bán cá. Lúc tắt hết đèn, nàng cất giọng ồm ồm là rờn xương sống. Đôi lúc đi với nàng tao có cảm tưởng như mình đang phạm thượng đối với

một ông Tướng hay là với tên hạ sĩ quan Flumer thường hành hạ mày lúc trước, khi tui mình mới nhập ngũ. Mày có hiểu tao muốn nói gì chớ?

- Tao cố gắng tưởng tượng...

- Nếu nàng chịu ở lại đây, tao sẽ lo.

- Nhưng nếu cô ta không chịu bỏ nghề?

- Không cần lắm. Thịnh thoả nàng vẫn có thể lại tái ký. Tao đi theo. Nghề của tao đâu cần ở một chỗ.

- Vậy sao không cưới luôn?

- Cưới hỏi là chuyện khác. Làm sao mày dám lấy một bà vợ lúc nào cũng sẵn sàng thổi giọng nhà binh? Nếu cưới, tao sẽ cưới một con bé hiền lành biết lo bếp núc. Renée chỉ thích hợp với vai trò tình nhân thôi.

Nó cười với lời kẻ cả. Phương cách xử thế đối với nó hoàn toàn thừa. Hai nhà nữ đầu vật bắt đầu đứng lên dượt lại một vài bộ thế. Willy nhìn vào họ với vẻ thèm muốn:

- Ngon lành quá!

- Làm gì vậy? Đứng lên! Nghiêm!

Willy giựt nảy mình. Người vừa quát với giọng nhà binh cố nhiên là Renée. Willy nheo mắt với tôi:

- Bây giờ, mày hiểu tao rồi phải không?

Dĩ nhiên là tôi hiểu. Nó và Renée đi ra. Chiếc xe hơi đỏ bóng của nó được lót nệm da cũng toàn màu đỏ. Tôi khoan khoái vì Gerda thay đồ hơi lâu. Như vậy, cô ta không thấy chiếc xe của Willy. Tôi phải làm gì đây? Ngoài quyển kim chỉ nam xử thế ra tôi chỉ có sổ phiếu ăn tại nhà hàng Walhalla mà lại không có giá trị đêm nay. Dầu vậy, tôi quyết định cầu may bằng cách làm cho Edouard hiểu đó chỉ là hai phiếu cuối cùng.

Gerda đi ra. Tôi chưa kịp mở miệng thì cô ta đã hỏi:

- Anh có biết tôi muốn đi đâu không? Mình nên kiếm một chỗ có cây xanh gió mát. Đi bằng xe điện.

Tôi không tin ở tai mình. Đi ra đồng quê? Chính con quỷ cái Erna đã mắng tôi thậm tệ vì việc đó, cho rằng khả năng của tôi đối với đào chỉ tới nổi mức độ đó thôi. Hay là con bé đã nói cho Gerda hay?

Tôi giữ thế thủ:

- Theo tôi thì nên tới Walhalla. Ở đó mình có thể ăn sang như vua chúa.

Gerda lắc đầu:

- Ở mấy chỗ đó tôi không thích. Hồi chiều tôi đã làm sà-n một xà-lách và khoai tây. Trong gói này đây. Mình sẽ ngồi trên cỏ ăn với thịt dồi và uống bia. Đồng ý không?

Tôi gật đầu nhưng càng lo hơn. Những lời nhục mạ của Erna về nước ngọt, thịt dồi, bia và rượu chát rẻ tiền vẫn còn văng vẳng bên tai. Gerda thúc giục:

- Tới chín giờ là tôi phải trở về cái chuồng thú Moulin Rouge.

Chuồng thú? Tôi nhìn dò xét. Mắt cô ta vẫn trong và ngây thơ. Thế là thoát nạn. Lạy Chúa!

Cuộc sống bình dị. Tình yêu hạ giới. Sự yên ổn ở tâm hồn. Còn gì hơn?

- Được rồi. Nếu cô muốn thì mình đi dạo một vòng trong rừng vậy.

Làng Wustringen cờ xí bay phát phới. Cả bọn chúng tôi đều có mặt - Georges, Henri, Kurt và tôi - để dự lễ khánh thành đài tưởng niệm các chiến sĩ trận vong do chúng tôi giao tới.

Buổi sáng, các giáo sĩ của hai giòng đạo Thiên chúa và Tân giáo đến làm lễ thánh, mỗi bên cầu nguyện cho tín đồ riêng của họ. Dĩ nhiên là biểu chương danh dự thuộc về bên Công giáo có nhà thờ vĩ đại với gác chuông, với cửa kính, với những ca đội nhi đồng mặc y phục đỏ và trắng. Ông mục sư Tân giáo chỉ có một giảng đường nho nhỏ với các bức tường trần trụi và những cửa sổ thô sơ. Sự khác biệt còn được thể hiện qua thân thể của hai nhà tu: ông mục sư thì gầy nhom, đeo kính lão, còn ông linh mục thì đôi má hồng hào, mái tóc bạc phơ vô cùng đẹp mắt.

Mỗi vị đều làm hết bổn phận cho những người chết thuộc giáo phái mình. Rất tiếc là trong số những người trẻ chết trận tại làng này còn có hai thanh niên Do Thái, con trai của lão buôn mục súc Lévy. Hai linh hồn không có người chủ tế đó, đành bơ vơ.

Cũng như viên Chủ tịch hội cựu chiến binh - trung đội trưởng hồi hưu - hai vị chủ tế đối nghịch nhau đều đồng quan điểm là nước Đức bại trận chỉ tại lỗi của người Do Thái. Xin đừng hỏi ông Chủ tịch Wolkenstein về lý do, vì nếu có ai làm thế thì tức khắc kẻ đó sẽ bị cho là phản nghịch. Chính hắn đã chống lại việc khắc tên hai anh em Lévy vào bảng tưởng niệm với lý do là họ đã tử trận ở phía sau chiến tuyến. Tuy vậy, cuối cùng hắn đứng về phe thiểu số. Chính ông Chủ tịch xã đã làm nghiêng cán cân vì con ông ta đã chết vì bệnh cúm và cũng chưa hề tới mặt trận. Muốn cho tên con mình cũng được khắc vào đài tưởng niệm, ông Chủ tịch xã đã hùng hồn biện luận rằng, một người chết phải được kể là một người chết và một quân nhân bao giờ cũng ngang bằng một quân nhân. Nhờ vậy mà tên hai anh em nhà Lévy được khắc vào mặt sau của tháp, nơi mà lũ chó thường hay đái bậy vào.

Wolkenstein thừa dịp này mặc một bộ quân phục hoàng gia mới toanh. Đứng ra thì bị cấm nhưng ai có quyền lên tiếng ở đây? Sự thay dạng đổi hình kỳ lạ tiếp diễn kể từ sau ngưng chiến. Cuộc chiến mà rất nhiều binh sĩ chán ngấy vào năm 1918 từ từ trở thành một công cuộc làm ăn lớn cho những người còn sống sót.

Những vụ giết người tập thể trong kỷ niệm bây giờ được coi như một chuyện thám hiểm mà người đi đã trở về thật an toàn. Con tuyệt vọng bị quên mau, nỗi thống khổ biến dạng và cái chết hụt mất mục tiêu bỗng trở thành một cái gì trừu tượng.

Hội Cựu chiến binh xã đứng thành quân hàng trước đài tưởng niệm, dưới sự điều khiển của Wolkenstein trước đây là những khuôn mặt chủ hòa. Bây giờ họ tự gắn nhãn hiệu quốc gia cực đoan. Wolkenstein đã khôn khéo kích động lòng căm thù và tình chiến hữu khiến một số người tự nhiên thấy hăng lên. Kẻ nào không có tinh thần quốc gia cực đoan đó là nhục mạ sự hy sinh của những anh hùng. Những người như Wolkenstein đã thua trận, bây giờ họ gắn liền vào những người đã chết. Hãy tiến lên vì Tổ Quốc!

Từ trên bục gỗ, hấn thóa mạ những kẻ không cùng một lập trường, hấn gọi lên những vụ đâm sau lưng, hấn mô tả một quân đội Đức bất bại và kết luận với câu “Vinh dự cho những người hùng đã gục ngã, phải báo thù, hoan hô quân đội Đức tương lai!”

Henri Kroll nhắm nghiền mắt, đầu ghé một bên, say sưa uống từng lời từng tiếng. Kurt Bach, với tâm hồn điêu khắc chiêm ngưỡng cái thập đá được bao trùm bằng một lớp hàng thưa. Georges vẫn giữ dáng điệu bất cần coi cuộc đời không quá một cặp xì-gà, và tôi, trong bộ đồ lớn vừa mượn được sáng nay, không mong mọi gì hơn là được trở về khách sạn Con Nai ngồi bên cạnh Gerdi.

Wolkenstein chấm dứt lời kêu gọi hùng hồ với ba lần hoan hô như sấm động. Giàn nhạc thổi bản “Tôi có một người bạn” và những tiếng hát hòa theo. Chúng tôi cũng hát. Lời ca chẳng có gì là ái quốc hoặc cực đoan. Đây chỉ là lời thương tiếc một người bạn chết ở chiến trường.

Hai nhà tu đều ban phước lành cho đài tưởng niệm, mỗi người nhân danh đấng Thượng đế của mình, khi còn ở mặt trận, mỗi lần các Tuyên úy làm lễ, tôi không khỏi liên tưởng tới những Tuyên úy người Anh, người Pháp, người Mỹ, người Ý, người Nhật, người Nga cũng đang cầu nguyện cho đất nước họ chiến thắng như những vị giáo sĩ của nước tôi đang cầu nguyện cho dân tộc Đức. Rồi tôi lại nghĩ tới Thượng Đế chắc sẽ bối rối vô cùng, nhứt là khi hai nước thù nghịch lại cùng theo một tôn giáo và cùng cầu nguyện một lượt. Làm thế nào để quyết định được. Nên ban ơn cho một nước đông dân hay một nước có nhiều thánh đường hơn? Và đâu là công lý nếu Thượng đế lại cho một dân tộc sùng đạo bị bại vong? Đôi khi tôi không khỏi bơ ngỡ khi hình dung Thượng Đế như một vị hoàng đế luôn luôn

thăm viếng các nước liên bang và phải thay đổi mãi y phục cho phù hợp với mỗi giáo phái cũng như đức hoàng đế của chúng tôi mỗi khi đến viếng các binh chủng riêng rẽ như kỵ binh, pháo binh và thủy binh...

Sau khi đặt các vòng hoa, Wolkenstein cất giọng oang oang hát bản quốc ca: *Deutschland, Deutschland uber alles*. Đường như mục này không có trong chương linh nên giàn nhạc lặng câm, chỉ có vài người lạc lõng hát theo. Wolkenstein tím mặt, tròng mắt. Tiếng kèn trom-pét ngập ngừng trỗi lên rồi lần lượt tới các nhạc khí bắt theo làm chìm lấp tiếng hát của Wolkenstein. Lúc bắt giọng, hấn đã hát quá cao nên đa số không theo nổi, rất may là các bà đã cứu vãn được tình thế. Tôi chợt nhớ tới Renée de la Tourterelle. Chỉ một mình cô ta thôi là xôm trò.

Buổi chiều dành cho những cuộc vui. Chúng tôi vẫn còn chờ để nhận tiền. Bài diễn văn quá dài của Wolkenstein đã làm chúng tôi hụt mất hơi suất Mỹ kim thay đổi vào giữa trưa. Vậy là lỗ mất một phần đáng kể. Trời nóng bức và cái áo mượn tạm bắt đầu thấy chật ở cánh tay. Nền trời đầy mây trắng, giữa khoảng đất trống là một cái bàn ngổn ngang những ly rượu mạnh và bia. Buổi tiệc tưởng niệm người chết vô cũng thịnh soạn. Tối đến sẽ có khiêu vũ ở tửu quán Saxonne. Heo giầy và cờ xí - đen, trắng, đỏ - phát phối khắp làng. Chỉ có một nơi một, treo cờ đen, đỏ, vàng của Cộng hòa Đức. Màu cờ đen trắng đỏ của Hoàng gia Đức đã bị cấm treo. Tuy nhiên, như Wolkenstein tuyên bố “những người chết đều hy sinh cho chế độ cũ nên bất cứ ai treo cờ Cộng Hòa voi ba màu đen đỏ vàng đều là phản nghịch”. Như vậy anh chàng thợ mộc Beste ở căn nhà kia là quân phản nghịch. Trong chiến tranh, hấn đã bị đạn xuyên thủng phổi nhưng vẫn cứ là phản nghịch. Trong đất nước yêu quý của chúng tôi gần như ai cũng có thể bị gọi là phản nghịch một cách dễ dàng. Chỉ có bọn Wolkenstein là khỏi.

Chúng tôi tới gặp viên Chủ tịch xã. Hấn không chịu trả tiền ngay. Rất may là Henri Kroll vắng mặt vì quá nể phục Wolkenstein nên ở lại dự tiệc. Kurt Bach thì ra ruộng lúa tán tỉnh các thôn nữ. Chỉ còn tôi và Georges đối diện với lão Dobbeling và viên thư ký Westhauss gù lưng.

Dobbeling mời xì-gà:

- Tuần tới trở lại, chúng tôi sẽ trả hết bằng tiền mặt. Bây giờ công việc bề bộn quá.

Chúng tôi nhận lấy xì-gà. Georges ra điều hiểu biết:

- Nếu không gấp, chúng tôi sẵn sàng chờ. Chẳng may là hãng chúng tôi có việc phải trang trải ngay hôm nay, vì thế chúng tôi cần có tiền.

Gã thợ ký cười ăng ăng:

- Vậy chớ ai chẳng cần tiền..

Dobbeling láy mắt với tên cạo giấy lưng gù rồi rót rượu:

- Xin mời một ly.

Georges tỉnh bơ:

- Ông nên nhớ đã giao hẹn trước là tui tôi nhận tiền ngay hôm làm lễ khánh thành.

Dobbeling nhún vai:

- Coi kìa! Sao các ông lằng nhằng mãi vậy? Máy chỗ khác họ có trả vậy đâu..

- Đó là nguyên tắc, ông Dobbeling, giao hàng là nhận tiền.

- Rất tiếc là các người đã giao hàng rồi... Nào, xin mời.

Chúng tôi không từ chối. Dobbeling lại liếc sang viên thợ ký. Tôi cũng làm tỉnh như Georges:

- Rượu khá ngon.

Gã lưng gù vồn vã:

- Ly nữa chớ?

- Tại sao không.

Chúng tôi lại uống thêm ly nữa. Dobbeling tưởng bở:

- Vậy là đồng ý tuần tới, phải không?

Georges trả lời ngay:

- Chúng tôi cần hôm nay.

Dobbeling tức tối. Chúng tôi đã hút xì-gà và uống rượu của hắn mà vẫn giữ vững ý định. Hắn mím môi:

- Tuần tới đi. Uống ly nữa chớ, ly chia tay?

- Ly nữa cũng chẳng sao.

Dobbeling và viên thơ ký cười tươi. Tối nhìn ra cửa sổ nghe Georges từ tốn nói:

- Thưa ông Chủ tịch, chúng tôi rất tiếc là phải lấy tiền ngay, ông cũng biết tuần tới, bạc lại mất giá thêm Từ ngày đặt hàng đến nay chúng tôi cũng đã chịu thiệt thòi rồi.

Bỗng nhiên, gã thơ ký lưng gù ré lên:

- Nếu không lấy tiền được bữa nay thì các người làm gì? Lấy cái tháp về hả?

Tôi nổi sùng:

- Tại sao không! Bốn người tụi này là đủ khiêng con sư tử và đem mấy con chim ưng về. Hai tiếng đồng hồ sau, thợ của hãng tới bứng cái tháp đi.

Tên lưng gù nhe răng:

- Khánh thành rồi bộ dễ lấy lắm hả? Đừng quên xã này có tới hàng ngàn dân.

Viên Chủ tịch xã thêm vào:

- Đó là chưa kể Wolkenstein và hàng ngàn dân chiến hữu của ông ta.

- Nhưng nếu các ông làm vậy thì cả làng này về sau không mua ở đâu được một tấm mộ bia...

Tên cạo giấy cười hề hề. Dobbeling mời:

- Một ly nữa chứ, ly cuối cùng.

Ngay lúc đó, một bóng người chạy vụt vào sân, tới bên cửa sổ kêu lên:

- Ông Chủ tịch, lại đảng này mau, có chuyện lòi thối rồi.

- Chuyện gì?

- Beste! Thằng cha thợ mộc đó không chịu hạ cờ.

- Sao? Lại thằng chó đảng Xã Hội đó à?

- Nhưng... hắn đã đổ máu.

- Còn ai bị thương không?

- Không, chỉ một mình Beste.

Mặt Dobbeling sáng ra:

- À, vậy thì nói làm gì?

- Hắn không đứng dậy được. Hộc máu mồm.

Dobbeling nói với chúng tôi:

- Xin lỗi, tôi tới tận chỗ để xem xét. Chuyện tiền bạc mình tính sau.

Hắn tưởng thế là xong, vội vàng mặc áo lớn vào. Nhưng chúng tôi không rời hắn.

Besie đang nằm ở hiên nhà y. Lá cờ Cộng Hòa bị xé rách nằm một bên. Một đám đông đứng nhìn vào. Dobbeling hỏi người cảnh binh đang cầm một quyển sổ tay:

- Chuyện gì vậy?

Viên cảnh binh định thuật rõ đầu đuôi thì Dobbeling chặn lại:

- Anh có mặt ngay lúc đó không?

- Không. Tôi vừa tới được mấy phút.

- Vậy là anh không biết gì đâu. Lúc đó, ai có mặt tại đây?

Không có tiếng trả lời. Georges nói vào:

- Sao không cho mời bác sĩ?

Dobbeling trừng mắt:

- Cần gì. Một chút nước...

- Cần lắm chớ. Người này sắp chết.

Dobbeling hơi hoảng, vội vàng cúi xuống nhìn kỹ Beste:

- Hấn chết?

- Phải, sắp chết. Bể động mạch và có thể dập xương hoặc gãy xương. Có lẽ bị ném từ trên cao xuống.

Dobbeling từ từ nhìn Georges:

- Đó chỉ là giả thuyết thôi, ông Georges. Phải chờ bác sĩ xác nhận.

Hấn quay sang bảo hai thằng bé có xe đạp:

- Đi gọi bác sĩ Bredius tới mau lên. Bảo là có tai nạn.

Chúng tôi chờ. Bredius tới. Vừa cúi xuống nghe, ông ta đã đứng lên:

- Chết rồi!

-... chắc không?

- Chết! Có phải y là Beste không? Người có vết thương ở phổi?

Viên Chủ tịch miễn cưỡng gật đầu:

- Phải, phải. Bị thương ở ngực, tôi quên mất. Chắc hẳn quá sợ... vì bệnh tim.

Bác sĩ Bredius xẵng giọng:

- Rồi giải thích ra sao về chuyện xuất huyết? Chuyện gì vậy?

- Chúng tôi đang kiểm chứng. Người nào nhìn thấy xin ở lại đây. Mấy người không có trách nhiệm, tránh ra.

Hắn nói câu sau cùng, nhìn tôi và Georges. Tôi bảo:

- Chút nữa, chúng tôi trở lại.

Hầu hết những người xem đều bỏ đi, chỉ còn lại vài ba người.

Tôi và Georges vào tửu quán Saxonne. Chưa bao giờ tôi thấy Georges giận dữ như bữa nay. Một người thợ còn trẻ ngồi gần bàn chúng tôi. Georges hỏi anh ta:

- Bạn có mặt ở chỗ đó không?

- Tôi ở đó lúc Wolkenstein bảo mấy người kia tới hạ cờ. Ông ta hô lớn “Hạ cái giẻ rách đó xuống!”.

- Hắn có đi theo mấy người kia không?

- Không?

- Dĩ nhiên. Còn mấy người kia?

- Cả một đám nhào vào Beste. Họ đã ngà ngà say.

- Rồi sao nữa?

- Chắc là Beste có chống lại. Họ không có ý giết ông ta. Nhưng một lúc sau, ông ta bị xô ngã xuống thang gác. Có lẽ bị nện mấy cú nặng vào lưng. Say quá, họ không biết đã dùng hết sức. Chắc không ai muốn giết ông ta đâu.

- Chỉ muốn nện cho một trận thôi, phải không?

- Phải. Đúng như vậy.
- Chính Wolkenstein nói như thế, phải không?

Người thợ vừa gạt đầu xong bỗng giật mình:

- Ủa! Sao ông biêl?
- Đoán vậy thôi. Mọi việc xảy ra như bạn nói, đúng hay không?

Người thợ trẻ tuổi nín lặng một lúc lâu. Cuối cùng anh ta bảo:

- Ông biết rồi còn hỏi làm gì?
- Phải biết cho rõ chứ. Đả thương trí mạng, đó là công việc của Tòa án. Và kích động sát nhân cũng vậy.

Người thợ hoảng lên, ngồi thẳng người:

- Tôi không biết gì hết nghe. Tôi không dính líu gì đâu.
- Bạn biết khá nhiều và không phải chỉ có một mình bạn.

Người thợ uống một hơi cạn ly bia:

- Ông nên nhớ là tôi không có nói gì hết. Và cũng không biết gì. Tôi có vợ và một con, tôi cần phải sống. Ông làm ơn tìm người khác đi.

Và anh ta lặn mắt. Georges buồn thiu:

- Thấy không. Cứ bắt họ, hết người này tới người kia, cũng chẳng ai dám hé răng.

Chúng tôi tiếp tục ngồi đợi. Wolkenstein đi qua, tay xách một va-li da. Tôi hỏi Georges:

- Hắn đi đâu vậy?

- Ra nhà ga. Hấn không còn ở Wustringen nữa. Người ta đã đưa hấn tới Werdenbrucke với chức vụ Chủ tịch hội cựu chiến binh thị xã. Hấn chỉ tới đây để dự lễ khánh thành. Chú có biết cái gì trong va-li đó không? Bộ quân phục.

Kurt Bach tới quán với một thôn nữ. Cô gái quê xanh mặt khi hay tin:

- Vậy là bãi bỏ khiêu vũ.

Tôi lắc đầu:

- Không chắc đâu.

Georges đứng lên:

- Thôi, mình trở lại gặp Dobbeling.

Cả làng bỗng lặng trang. Nắng chiều rọi vào lưng đài tưởng niệm. Con su tử cảm thạch của Kurt Bach sáng ngời.

Viên Chủ tịch xã nói ngay:

- Chẳng lẽ các người lại nói chuyện tiền bạc trước một vụ chết người?

Georges thản nhiên:

- Chúng tôi lúc nào cũng đối diện với người chết. Nghề nghiệp bắt buộc.

- Nhưng tôi có thì giờ đâu. Các người cũng biết chuyện này mà.

- Biết rồi và biết khá rõ. Ông có thể ghi vào biên bản là chúng tôi làm nhân chứng. Chúng tôi sẽ ở lại đây cho tới khi nhận tiền xong và ngày mai chúng tôi sẵn sàng ra trước Cảnh sát tư pháp.

- Nhân chứng gì? Lúc đó mấy người đâu có mặt ở đây.

- Nhưng chúng tôi vẫn làm chứng được. Đả thương trí mạng và khích động sát nhân.

Dobbeling nhìn Georges rồi nói gằn từng tiếng:

- Tổng tiền phải không?

Georges ưỡn ngực:

- Xin ông Chủ tịch vui lòng giải thích câu vừa nói.

Dobbeling không nói. Hắn nhìn Georges trừng trừng. Georges không nháy mắt. Được một lúc, Dobbeling tới tủ sắt mở ra, lấy vài cuộn giấy bạc ném lên bàn:

- Đếm lại đi rồi làm hóa đơn.

Georges bình thản đếm bạc rồi làm hóa đơn. Dobbeling tức tối:

- Các người nên nhớ là từ nay trở đi không bao giờ còn đặt được một tấm mộ bia nào trong nghĩa địa của thị xã này nữa.

Georges cười mỉa:

- Ông làm rồi! Chúng tôi sắp đặt một tấm tại đây, cho người thợ mộc tên Besle. Không lấy tiền!

- Thôi, cút đi!

- Chúng tôi đang đợi câu này.

Trên đường ra nhà ga, tôi nói với Georges:

- Vậy là tên khốn đó có sẵn tiền.

- Phải có chớ. Hắn đã lấy tiền từ hai tháng nay và còn muốn giữ đó để kiếm lời thêm vài trăm ngàn nữa. Một lúc sau, gặp Henri và Kurt. Henri hỏi:

- Lấy tiền chưa?

- Rồi.

- Vậy là tôi đoán đúng. Dân ở đó toàn những người đáng tin cậy.

- Phải, rất đáng tin cậy.

Kurt Bach lên tiếng:

- Cuộc khiêu vũ bị hủy bỏ.

Henri sửa cà-vạt cho ngay ngắn lại:

- Thằng cha thợ mộc đó đáng đời. Hấn khiêu khích người ta.

- Sao? Treo cờ chính thức của đất nước là khiêu khích à.

- Chớ sao. Hấn đã biết lập trường của mấy người kia. Làm như vậy tức là khiêu khích. Hợp lý...

Georges nhìn ra xa:

- Hợp lý lắm, Henri. Nhưng anh nên câm miệng thì hơn.

Henri định trả lời nhưng khi thấy Georges hằm hằm, ông ta nhìn về phía Wolkenstein cũng đang chờ xe như chúng tôi.

Tôi hỏi Georges:

- Vụ này đi tới đâu?

- Chẳng tới đâu cả.

- Còn Wolkenstein?

- Hấn cũng vô sự. Người duy nhất đáng bị trừng phạt là anh chàng thợ mộc nhưng anh ta đã chết rồi. Một vụ giết người vì chánh trị do phe cực hữu gây ra luôn luôn được giảm khinh. Chúng ta đang sống trong chế độ Cộng Hòa nhưng các thẩm phán, công chức và sĩ quan đều là của chế độ cũ.

Chúng tôi nhìn mặt trời đang lặn xuống. Xe lửa tới, đen đũi như một chiếc xe

tang. Chúng tôi đã từng thấy, nhiều xác chết trong thời chiến và đã biết có hơn hai triệu người của chúng tôi rụng như sung. Như vậy, tại sao lại xúc động trước cái chết của một người trong khi hai triệu người kia bị bỏ quên? Bỗng nhiên tôi hiểu ra một cá nhân chết gọi là một người chết, còn hai triệu người chết chỉ là một con số thống kê.

Quả phụ Nieburh gay gắt:

- Tôi nói mộ phần là mộ phần. Không làm gì khác.

- Được rồi, chúng tôi sẽ xây mộ phần, thưa bà.

Sau ngày chồng chết ít lâu, bà ta bỗng đổi tánh. Từ một người đàn bà nhút nhát, bà ta trở nên lăm chuyen và hay gay gổ. Lắm người tỏ ra khả ái khi gặp vận xui nhưng đến lúc tình trạng khả quan hơn thì họ đâm ra khả ố, đặc biệt là trên nước Đức yêu quý của chúng tôi. Tên lính hay luôn cúi nhút rồi sẽ trở thành một hạ sĩ quan bỉ ổi nhút.

Bà Nieburh lại gay gắt:

- Cứ làm đúng như tôi nói.

- Thưa bà, muốn làm mộ phần phải có kích thước như may áo dạ hội cho một nữ hoàng. Chúng tôi có sẵn vài kiểu nhưng đối với bà có lẽ phải vẽ một kiểu khác.

- Tự nhiên. Tôi không muốn giống với của người ta. Nếu không được tôi sẽ nhờ hãng Hollmann và Klotz.

Và bà ta lên giọng như một nữ bá tước:

- Đâu, đưa mấy hình vẽ thử coi.

Tôi tìm một vài kiểu phác họa bằng phấn màu cho bà ta xem. Bà ta bảo:

- Đúng rồi. Một con sư tử. Nhưng phải là một con sư tử phóng tới chứ không phải sư tử nằm.

- Hay là bà mặt con ngựa phóng tới, có lẽ hay hơn.

Bà ta lắc đầu, nói giọng ao ước:

- Một con chim ung...

Tôi ngắt lời:

- Một mộ phần thực sự cũng gần giống một giáo đường nhỏ. Phải có cửa kính, quan tài giả có vòng hoa bằng đồng, chung quanh trồng trúc bả, có lối đi lót sỏi, có cửa sắt và phải có chỗ đặt bảng hiệu của lò bánh mì hoặc huy hiệu của gia đình.

Bà ta lắng nghe với bộ điệu của Maurice Rosenthal lúc chơi Dạ khúc của Chopin. Nghe xong, bà ta bảo:

- Được lắm. Nhưng còn gì đặc sắc hơn không?

Tôi lại mô tả những cảnh trí vĩ đại với những pho tượng điêu khắc bậc thầy với dụng ý làm cho bà ta thấy chán nản vì quá tốn kém và quá khó khăn nhưng cuối cùng bà ta vẫn giữ cái giọng điệu cao kỳ:

- Còn gì nữa không? Nếu không thì tôi phải tới hãng Hollmann và Klotz.

Bà ta dờ tấm màn che mặt lên nhìn tôi với đôi mắt của loại chuồn chuồn, dường như đợi tôi phát câu để xem. Tôi vẫn phớt tỉnh. Bà ta buông tấm mạng tang xuống như sân khấu hạ màn.

Tôi đưa Gerda tới nhà hàng Walhalla. Phiếu khấu phần chỉ có giá trị cho các bữa ăn trưa, tuy nhiên, thấy tôi cùng đi với một cô gái khá xinh, Edouard không từ chối khi tôi ngỡ ý dùng bữa tối. Chẳng những thế, hắn còn cứ lẩn quẩn bên bàn. Một lúc sau, hắn mở hơi:

- Giới thiệu được không?

Hắn đã chấp nhận cho ăn tối chẳng lẽ tôi lại hẹp hòi. Tôi hững hờ nói:

- Đây, ông Edouard Knoblock chủ quán kiêm thi sĩ, tỉ phú mà vẫn tham lam. Và đây là cô Gerda Schneider.

Edouard nghiêng mình; nửa hài lòng, nửa căm giận:

- Xin cô đừng tin như thế.

Gerda cười:

- Ông là tỉ phú à? Hay quá!

Edouard làm bộ thờ ra:

- Có gì đâu. Chỉ là chủ quán tầm thường thôi, luôn luôn bận tâm mọi thứ. Cô đừng nghe anh chàng phá bình này. Còn cô? Quả là khuôn mặt trời cho, vô tư như cánh chuồn chuồn nhón nhơ trên ao hồ...

Tôi tưởng mình nghe lầm nên nhìn kỹ Edouard trước khi làm hấn cụt hứng:

- Thôi dẹp cái trò chấp vá vắn điệu đó đi. Cô Gerda cũng là nghệ sĩ. Món goulash đâu?

Gerda nhìn hấn với tất cả sự ngây thơ ra mặt:

- Ông Knoblock ứng khẩu thành thơ ngay. Làm thế nào ông có thì giờ để trở thành thi sĩ với tất cả những công việc bề bộn trong một nhà hàng to lớn như thế này? Chắc ông sống hoàn toàn hạnh phúc. Vừa giàu lại vừa có tài.

Mắt Edouard sáng rõ ra:

- Thưa không dám. A, cô cũng là nghệ sĩ, có phải...

Tôi hiểu ngay là hấn đang lo ngại gặp phải một ca sĩ hai giọng như kiểu Renée de la Tourterelle. Hấn lấp bắp tiếp:

-... Một nghệ sĩ chân chính, tôi tin như thế.

- Còn chân chính hơn cả bạn. Cô Gerda không phát là ca sĩ mà là người trị su tử và hô báo. Thôi, bây giờ cho ăn đi chớ.

- Sao? Cọp và su tử à?

Hấn trở mặt, nói tiếp:

- Có thật không, thưa người đẹp? Tên này nói láo dễ như hấn thở.

Tôi chạm vào đầu gối Gerda. Cô ta không biết gì nhưng vẫn trả lời phân hai:

- Trước kia tôi làm trong gánh xiếc và bây giờ đang có ý định trở lại.

Tôi không chịu nổi nữa:

- Edouard có gì ăn thì cho dọn ngay đi. Bộ còn chờ làm kiến nghị nữa sao?

Hấn cười lấy lòng Gerda:

- Tối nay tôi sẽ đích thân lo lấy. Cô đừng chấp nhứt anh chàng thô lỗ Bodmer làm chi. Trong chiến tranh hấn chỉ biết sống quanh quẩn trong hầm núp.

Hấn đi vào bếp, vừa đi vừa nhún nhảy. Gerda hỏi:

- Ông ta có vợ chưa?

- Có rồi. Nhưng hà tiện đến nỗi bà vợ phải bỏ trốn.

Gerda mơ màng:

- Có lẽ bà ấy không sáng suốt. Tôi thì tôi thích những người biết tiết kiệm. Không lo thiếu hụt.

- Ở thời buổi lạm phát này, để dành tiền là nguy.

Gerda ngắm bộ đồ ăn nạm bạc:

- Còn tùy vào cách giữ. Tôi tin là ông bạn của ông rất khéo về khoa giữ tiền thế nào để cho không mất giá mặc dầu ông ta là thi sĩ.

Tôi nhìn cô ta, hơi ngạc nhiên:

- Có thể lắm. Nhưng nhiều người không tán thành, trong số đó có bà vợ của hấn. Hấn bắt làm việc quần quật từ sáng đến tối. Đối với hấn, vợ là người làm không công.

Gerda cười, khó hiểu như pho tượng Joconde.

- Mỗi tủ sắt đều có số riêng ổ khóa. Bộ cung không biết chuyện đó sao?

Tôi không tin ở tai mình. Chuyện gì đã xảy ra? Cô gái ngồi trước mặt tôi có phải là người mới hôm qua cùng tôi ăn bánh mì thịt nguội và phô-mai trắng để ca ngợi cuộc sống giản dị không? Tôi nhấn mạnh:

- Edouard vừa mập, vừa bần lại mắc bệnh cùi di truyền.

Đó là ba thứ có thể làm chán nản bất cứ một phụ nữ nào, thế mà Gerda dường như không thuộc về đa số. Cô ta ngắm những chùm đèn thủy tinh treo trên trần nhà:

- Chắc ông ta cũng cần có một người để săn sóc mình. Không phải là một người đẻ như gà mà là một kẻ chấp nhận được những đức tính tốt của ông ta.

Lần này, tôi lo ngại thật sự. Vậy là hai tuần lễ hạnh phúc có sẵn trong đầu sắp bị cướp đoạt. Khốn nạn! Tại sao lại đưa con bé tới chỗ này để nó trở chứng khi thấy chùm đèn thủy tinh và những bộ đồ ăn nạm bạc?

Tôi chống khuỷu tay lên bệ cửa sổ ngắm trăng, quanh tôi phảng phất hương vị tử đinh hương từ dưới vườn xông lên. Từ lúc rời Gerda ở khách sạn để về nhà đã có hơn một giờ rồi. Một cặp nhân tình men dọc bờ tường ngõ hẻm rồi biến mất vào khoảng vườn của chúng tôi. Tôi không bao giờ chống đối những cuộc viếng thăm đó, những kẻ đang còn khát không bao giờ khó khăn với những người đang khát. Để tránh những tai nạn, tôi cho treo lên hai cái tháp quý một tấm bảng báo hiệu: “Coi chừng, nặng lắm, có thể dập ngón chân”.

Thình lình tôi thoáng thấy một bóng người to lớn đi dưới ánh trăng: gã đồ tể Watzek trở về sớm hơn thường lệ. Bộ trong lò sát sanh đã hết ngựa già để hấn giết rồi sao? Tôi quan sát các cửa sổ. Bóng của Walzek di chuyển sau những tấm màn. Tôi tự hỏi chẳng biết có cần báo động cho Georges hay không: quấy rầy một cuộc tình tự là điều tôi không thích. Và lại có thể anh chàng Watzek chẳng nghi ngờ gì cả và bình thản đi ngủ một mình vì tưởng vợ còn làm việc ở phòng gởi đồ tại Moulin Rouge. Nhưng, khổ chưa! Tôi thấy hấn mở cửa sổ ra nhìn quanh quất xuống đường. Một lúc sau hấn khép cửa lại rồi ra phía trước với một cái ghế trên tay và một con dao thịt cắm ở cổ giày ông. Hấn ngồi ngay trước cửa

dường như có ý đợi Lisa. Tôi nhìn đồng hồ mười một giờ rưỡi. Trời nóng nực, hẳn có thể ngồi luôn tại đó hằng mấy giờ liền.

Tôi rón rén xuống lầu và gõ nhẹ vào cửa buồng của Georges theo nhịp điệu hành khúc Hohenfriedberg. Cái đầu sói của Georges thò ra. Tôi báo cáo gọn với y. Georges kêu lên nho nhỏ:

- Chết rồi! Tìm cách dụ nó đi.

- Đi đâu? Biết mấy giờ rồi không?

- Làm cách gì cũng được. Đi bất cứ đâu. Sử dụng vũ khí nặng hay trổ tài tâm lý chiến.

Tôi băng qua hẻm, giữ dáng điệu ung dung:

- Đêm đẹp quá!

Watzek không cần câu. Hắn đáp chát:

- Đẹp cái con khi!

- Tùy bạn.

Hắn bồng hùng hổ:

- Không thể để như vậy được.

- Chuyện gì?

- Hử? Bạn biết mà. Bọn con heo!

Tôi trố mắt:

- Bọn con heo! Cái gì vậy?

- A! A! Bạn không đồng ý hả?

Tôi liếc mau vào chỗ cán dao thò ra dưới cổ giày và hình dung Georges nằm

sóng soài giữa các mộ bia, cô bị thủng một lỗ to. Lisa thì không sao... đàn ông thường ngu như vậy. Tôi cố dùng giọng êm ả:

- Cái đó còn tùy.

Watzek vẫn hầm hừ:

- Tình trạng nhứt định phải đổi khác. Máu sẽ đổ và những kẻ gây nên tội sẽ đền tội.

Tôi quan sát hấn: hai cánh tay hộ pháp, thân thể chắc nịch và to lớn như khi đột. Tôi có thể thúc một gối vào cằm hấn rồi nhận lúc hấn lao đảo, tôi sẽ phóng mũi giày vào đùi, hoặc nếu hấn tránh được, tôi sẽ móc chân cho hấn ngã rồi nện đầu hấn xuống thêm. Nhưng rồi sau đó?

Hấn làm tôi giật mình:

- Bạn có nghe ông ấy không?

- Ai?

- Biết rồi sao còn hỏi? Ngay bây giờ đang có thiếu gì người nghe.

Tôi lắng tai. Con đường hoàn toàn yên lặng. Cửa sổ buồng Georges vừa khép lại nhẹ nhàng.

- Bạn muốn tôi nghe ai?

- Ông ấy chứ ai. Đảng trưởng! Adolf Hitler!

Tôi nhẹ cả người:

- A! Adolf Hitler! Cái...

- Sao, cái gì? Bộ không thích ông ấy hả?

Tôi vội vàng đáp mau:

- Hỏi gì lạ vậy? Làm sao bạn biết là tôi đối với ông ta tới mức độ nào!

- Vậy, tại sao không nghe ông ấy nói?

- Ông ta đâu có ở đây.

- Không, nói trong ra-dô. Bọn này nghe ở đằng lò sát sanh. Máy sáu đèn. Một bài diễn văn không thể tưởng. Hay lắm. Phải thay đổi tất cả...

Thì ra đường lối mị dân nào cũng bắt đầu với câu “Phải thay đổi tất cả...”. Tôi đưa đà:

- Dĩ nhiên! Cần phải thay đổi. Người anh em có rảnh không? Mình đi làm một châu bia cho mát. Bia nâu.

- Bia? Ở đâu?

- Ở quán Blume, ngay góc đường.

- Tôi đang đợi vợ.

- Lại đó đợi cũng được. À, đồng chí đảng trưởng Hitler nói gì? Máy của tôi hư thành ra chẳng biết gì cả.

Gã đồ tể vừa đứng lên, vừa đáp:

- Nói nhiều lắm. Adolf, ông ta sẽ tiến xa. Bọn mình cũng vậy.

Watzek đem ghế để vào trong hành lang. Vài phút sau chúng tôi cùng sánh vai trên đường ra quán của Blume.

Người đàn ông thủy tinh đứng trước một luống hoa hồng dưới ánh nắng chiều. Người tự xưng Đức Giáo hoàng Grégoire đệ thất đi giữa hai hàng cây dẻ. Một nữ tu sĩ đưa một ông lão tóc dài đi dạo mát. Ông già điên tỉnh thoảng lại đưa tay ra làm như sắp nhéo vào mũi của người nữ tu rồi cười ngặt nghẽo. Bên cạnh tôi, hai người đàn ông cùng nói với nhau một lúc, chẳng ai nghe ai. Một toán ba phụ nữ mặc quần áo sọc lạng lẽ tưới hoa.

Ở đây, tất cả đều bình lặng và hiện thực. Chẳng một ai bận tâm đến việc hồi suất Mỹ kim đã lên hai mươi ngàn đồng Đức trong một ngày. Không ai nghĩ là phải tự treo cổ vì chuyện đó, như một số người trong thành phố... Ở đó, sáng nay, người ta phát giác một cặp vợ chồng chết treo trong tủ áo. Ngoài hai cái xác ra, chẳng còn gì cả: tất cả đồ đạc đã được bán đi hoặc còn nằm trong tiệm cầm đồ. Người mua cái tủ chạm trổ hai thẻ khi đến dọn những đồ đạc còn sót lại. Bấu chặt vào nhau, cặp vợ chồng chết treo cổ mặt tím bầm, lưỡi thè ra. Họ chẳng cân nặng bao nhiêu nên người ta thấy không cần tháo xuống, cả hai đều mặc quần áo thật sạch, tóc chải gỡ cẩn thận. Người mua vừa trông thấy đã mưa thốc mưa tháo ra và tuyên bố là không lấy cái tủ nữa. Thế nhưng tới chiều, y đổi ý, cho người đến lấy tủ về, luôn cả cái giường đã đặt thi thể cặp vợ chồng xấu số ấy lên trước khi mang vào nhà xác. Trong một lá thư tuyệt mạng, họ cho biết muốn tự tử bằng hơi đốt nhưng công ty nay đã cúp hơi vì họ không có tiền để trả. Cuối thư, họ xin lỗi những người mua giường tủ về những phiền phức mà họ đã gây ra.

Isabelle lững thững tới. Nàng mặc quần ngắn không quá gố. Áo blouse vàng, cổ đeo một chuỗi màu hổ phách. Nàng hỏi tôi:

- Anh đi đâu?

Mấy hôm nay, chúng tôi chẳng gặp nhau. Cứ sau giờ làm lễ tôi lăn về nhà. Bỏ bữa ăn tối có rượu chát do Viện đài thọ là điều đau khổ lớn nhứt của tôi, nhưng thà ăn uống đạm bạc với Gerda còn hơn là phải ngồi chung bàn với Bodendick và Wernicke.

Isabelle nhắc lại:

- Anh đi đâu?

- Đi ngoài kia... để kiếm tiền.

Nàng ngồi lên thành ghế. Đôi chân xạm như đã được tắm nắng lâu ngày. Hai người đàn ông bên cạnh bĩu môi về phía tôi. Rồi cũng bỏ đi. Isabelle ngồi xuống:

- Tại sao trẻ con chết. Rudolf?

- Biết đâu!

Tôi tránh nhìn nàng, sợ lại sa vào những võng lưới toàn đầu hỏi.

- Tại sao chúng ra đời để rồi chết?

- Cô nên hỏi linh mục Bodendick. Ông ta cho rằng Thượng đế ghi chú từng sợi tóc rụng của mỗi người, và tất cả đều có một ý nghĩa và một tinh thần.

Isabelle cười rộ lên:

- Thượng đế có sổ sách hả? Để làm gì? Ông ta biết hết mọi thứ mà!

Không hiểu sao tôi bỗng cảm thấy khó chịu:

- Cố nhiên! Tình thương của Ngài bao la. Nhưng rồi trẻ con cũng chết, cả mẹ chúng nữa và không một ai hiểu được tại sao lại có cảnh thảm khổ trên mặt đất này.

Thình lình, Isabelle ngưng cười rồi quay phắt sang tôi:

- Tại sao con người không có hạnh phúc, Rudolf?

- Làm sao biết được. Biết đâu là tại Trời giận.

- Không, không phải vậy đâu.

- Chờ tại sao?

- Tại ông ấy sợ.

- Sợ cái gì?

- Nếu mọi người trên trái đất hạnh phúc cả thì không ai còn nhớ tới Thượng đế.

Bây giờ tôi mới dám nhìn Isabelle. Mắt nàng thật trong nhưng mắt thì gầy đi đôi chút. Nàng nói tiếp:

- Con người có đau khổ mới chịu cầu nguyện. Và mới để yên ngôi vị của Trời.

- Cũng có người cầu nguyện vì sống trong hạnh phúc.

Isabelle cười, tỏ ra không tin:

- Thật không? Nếu có thì chắc là họ sợ mất hạnh phúc đi. Tất cả cũng chỉ vì sợ mà thôi. Rudolf. Anh không biết sao?

Ông già điên đi trở lại vẫn làm trò con khỉ sau lưng người nữ tu. Isabelle lặp lại:

- Tất cả cũng chỉ vì sợ. Có bao giờ anh sợ chưa?

- Không nhớ rõ, nhưng chắc là phải có. Nhút là trong chiến tranh. Tôi muốn nói về cái sợ không tên.

Tôi lặng thinh, sợ lại phải dài dòng. Chúng tôi ngồi yên một lúc khá lâu trong hoàng hôn. Một lần nữa, tôi có cảm giác là Isabelle không hề điên.

- Sao anh không nói?

- Nói để làm gì?

- Anh sợ phải nói, hả?

Tôi suy nghĩ:

- Trong lời nói thường hay có những dối trá... có thể đôi khi mình cũng sợ ngay cả những cảm nghĩ của mình. Mình không còn tin mình nữa.

Isabelle duỗi chân trên ghế.

- Nhưng mình cần phải nói. Nếu không thì sống làm sao được.

Máy hút bụi ngưng chạy. Im lặng hoàn toàn. Mùi đất ẩm từ các luống hoa xông lên. Một con chim từ những hàng cây dẻ kêu lên vài tiếng trầm buồn. Hoàng hôn, đối với tôi đột nhiên giống như một cán cân đang cân đều sức nặng của quả đất ở hai đầu... và điểm tựa lại chính là ngực của tôi. Tôi tự trấn an, mình còn thở chẳng có gì xảy ra đâu.

Isabelle thì thầm bên tôi:

- Anh có sợ tôi không?

Tôi lắc đầu muốn bảo là không, và nghĩ tiếp, cô chính là người duy nhất mà tôi không sợ. Lời lẽ của cô không khoa trương cũng không ngờ nghếch. Cô luôn luôn hiểu ngôn ngữ của tôi, vì cô sống trong một thế giới mà ngôn ngữ và cảm nghĩ vẫn còn là một, mà gian dối và ảo giác vẫn là một sự thật.

- Sao anh không nói gì cả?

Tôi nhún vai:

- Có những lúc chẳng còn gì để nói. Isabelle. Và đôi khi rất khổ sở để thú nhận.

- Thú nhận gì?

- Thú nhận với chính mình.

- Con dao có bao giờ tự chặt nó làm đôi đâu. Rudolf. Tại sao anh sợ?

- Tôi không biết...

- Đừng đợi quá lâu, cưng. Nếu không thì quá trễ. Con người cần có lời nói. Những lời nói chống sự sợ hãi Rudolf. Những ngọn đèn soi sáng cho mình. Anh có thấy tất cả đều xám tối rồi không?

- Máu cũng không còn đỏ. Tại sao anh không cứu giúp tôi?

- Ước gì tôi có đủ sức để cứu cô!

Nàng chồm lói, ôm choàng cổ tôi:

- Xích lại gần tôi. Cứu tôi. Họ đang réo gọi tôi.

- Ai? Ai đâu?

- Những giọng nói. Bộ anh không nghe sao? Chúng réo gọi không ngừng.

- Có giọng nói, tiếng nói nào đâu, Isabelle. Họ chẳng chỉ có tiếng gọi của lòng cô. Nhưng họ nói gì?

Hơi thở nàng dồn dập:

- Hãy yêu em, nó sẽ không réo nữa.

- Anh yêu em đây.

Nàng ngồi sát vào tôi, mắt nhắm nghiền. Trời bắt đầu tối và người thủy tinh đi ngang qua chỗ chúng tôi. Một nữ tu sĩ hiền lành đang gom mấy người già lại một chỗ. Họ ngồi co rút và bất động như những khối thịt bị bỏ quên.

Người nữ tu nhìn về phía chúng tôi:

- Hết giờ rồi.

Tôi gật đầu nhưng vẫn ngồi. Isabelle thở dài:

- Anh nghe không? Những giọng nói đó, không bao giờ mình tìm ra.

Tôi bỗng nàng lên, đem nàng về trước trại.

Ngay lúc được thả đứng xuống, nàng bầu chặt vào tôi, thì thầm những gì không nghe rõ, và để người gác bệnh dẫn đi. Lối vào trại được soi sáng bởi ánh đèn đục như sữa. Tôi dìu nàng lói ngồi trên một cái ghế mây ở phòng ngoài. Nàng ngồi lặng yên, mắt vẫn nhắm. Hai người nữ tu mặc áo dòng đen đi qua, trông họ giống như tới tìm Isabelle để đem chôn. Họ đi vào tiêu giáo đường. Và một người gác bệnh tới đưa nàng vào trong.

Bà Viện trưởng cho mang thêm vào một chai rượu chát Moselle. Tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy lão Bodendick biến dạng ngay sau bữa ăn trong khi Wernicke vẫn còn ngồi.

- Bác sĩ, tại sao người ta không làm cho những người bệnh không còn trị được chết đi?

- Cậu có tình nguyện đứng ra hành quyết không?

- Tôi không biết, vấn đề được đặt ra là đối với những người bệnh đang chết dần mòn, sao không cho họ một mũi thuốc để họ rút ngắn những ngày đau khổ lại?

Wernicke không trả lời. Tôi nói tiếp:

- Rất may là không có ông Bodendick ở đây, như vậy mình khỏi phải đặt thành vấn đề đạo đức tín ngưỡng. Trước kia, một người bạn của tôi bị nổ banh bụng ra trông như một khối thịt. Hắn vẫn xin bọn tôi giết chết hắn ngay. Chúng tôi đưa hắn vào bệnh viện dã chiến. Hắn nằm ở đó kêu thét luôn ba ngày đêm. Quả là một thời gian vô tận khi người ta kêu thét vì đau đớn! Tôi đã từng chứng kiến nhiều người nổ xẹp xuống: nổ xẹp chứ không phải chết. Sao không giúp họ một mũi thuốc? Cả mẹ tôi cũng ở trong trường hợp đó.

Wernicke không nói gì.

- Vâng, tôi biết, làm như thế cũng giống như giết một người. Kể từ ngày đi đánh giặc, tôi do dự khi phải giết một con ruồi. Vậy mà miếng thịt bê chúng ta vừa lúc này cũng là của một con vật bị giết. Cuộc sống là sự huyền bí dầu là của một con bê, hay một con ruồi. Nhứt là với con ruồi, một con vật mà mỗi mắt có đến hàng vạn con mắt li ti. Tại sao mình giết một chó đại trong thời bình lại không chịu kết liễu một mạng sống đang giãy chết, giữa lúc đang có hàng triệu người bị giết trong những cuộc chiến phi lý.

Wernicke vẫn không hé răng. Một con bọ bay vù vù quanh ngọn đèn. Nó đâm đầu vào bóng thủy tinh, rơi xuống, gượng dậy bay lên rồi lại tiếp tục đâm vào. Tôi tiếp tục cuộc độc thoại:

- Ông Bodendick thì có thể trả lời tất cả. Loài vật không có linh hồn, khác với con người. Nhưng cái linh hồn đó sẽ ra sao khi đầu óc đã bị hư hại? Khi nào thì

con người trở thành ngu dại? Tôi đã nhìn thấy một vài người bệnh trong khu vực cấm của ông, đối với những đầu óc bệnh hoạn đó thì thú vật là thần thánh. Vậy linh hồn của họ đã thành gì? Phải chăng nó không còn dính liền với con người họ? Hay nó đang treo tòn teng như là quả khí cầu trên đầu óc bệnh hoạn?

Wernicke làm một cử chỉ như xua đuổi một con ruồi:

- Chừng nào hết nói thì ra hiệu cho tôi biết.

- Đủ rồi.

- Tốt. Tôi không thể trả lời những câu hỏi đó. Cậu cũng biết...

- Dĩ nhiên. Làm sao bác sĩ có thể trả lời được khi mà tất cả các thư viện trên thế giới này chỉ chứa toàn những lập luận thay thế cho những câu giải đáp.

Con bọ lại rơi xuống. Nó lồm cồm đứng lên, chuẩn bị làm một kinh nghiệm nữa. Cánh nó óng ánh màu đồng chùi bóng. Thân thể nó cũng là bộ máy kỳ diệu nhưng trước ánh sáng, nó giống như một tử đồ ngồi trước chai rượu mạnh.

Wernicke rót phần rượu chất cuối cùng vào ly:

- Cậu đi lính bao lâu?

- Ba năm.

- Khá lắm!

Tôi không để lạc sang hướng khác. Có lẽ biết vậy nên ông ta đổi đề tài:

- Cậu có tin rằng lý lẽ còn là đặc tính của tâm hồn không?

- Không biết. Nhưng ông có tin rằng những người điên ở cấm khu còn có linh hồn không?

Wernicke cầm ly rượu:

- Với tôi thì thật giản dị, tôi là người của khoa học. Với tôi thì không có vấn đề

tin mà chỉ có quan sát. Bodendick thì ông ấy tin trước đã. Còn cậu thì lại bênh bồng ở giữa. Cậu hãy nhìn con côn trùng bốn cánh xem!

Con bọ tấn công bóng đèn lần thứ năm. Nó sẽ còn tiếp tục đâm vào cho tới chết. Wernicke tắt đèn:

- Làm thế này là tôi đã cứu nó.

Bóng đèn tràn vào, bao la và xanh xám. Mùi đất, hương hoa và ánh sáng các vì sao cũng theo cửa sổ tràn vào. Tất cả những gì tôi nói lúc này bây giờ trở thành lỗ bịch. Con bọ đang bay một vòng trong bóng tối rồi vọt ra ngoài. Wernicke hỏi:

- Có khi nào cậu tự đặt câu hỏi là thế giới này sẽ ra sao nếu con người có thêm một giác quan không?

- Không.

- Và nếu bớt đi một giác quan?

Tôi suy nghĩ:

- Có thể là cảm hoặc điếc, hoặc không nếm được mùi vị thức ăn. Cái đó là chuyện khác.

- Nhưng nếu là trường hợp ngược lại? Tại sao lại phải năm giác quan? Tại sao không phải là sáu... hay mười hai. Biết đâu khi có tới giác quan thứ sáu thì mắt tắt cả ý niệm về thời gian không gian, về sự chết, về đạo đức, sự đau khổ? Con người chúng ta chỉ có được những giác quan giới hạn. Loài chó, thính giác bén nhạy hơn. Loài dơi, dẫn mù mắt, vẫn tìm ra đường về không vấp một trở ngại nào. Loài bướm, dầu cách xa con cái hàng mấy cây số vẫn có thể tìm tới gặp nhau. Loài chim di nhận định phương hướng giỏi gấp ngàn lần chúng ta. Loài rắn có thể nghe được bằng da. Khoa sinh vật học còn hàng trăm hàng ngàn thí dụ tương tự. Như vậy, việc phát triển một giác quan hay có thêm một giác quan mới đương nhiên làm cho hình thái thế giới đổi khác đi, và cả lòng tin vào Thượng đế cũng thế. Nào, chúng mình uống.

Tôi đưa ly lên và uống cạn.

- Như vậy mình phải chờ cho tới khi có thêm được giác quan thứ sáu, phải

không?

Wernicke lắc đầu:

- Không cần thiết, vấn đề là chỉ cần có thêm một giác quan nữa thôi thì tất cả cái kiến trúc xã hội loài người hiện nay đều sụp đổ. Cậu thấy rượu có khá không?

- Ngon. Cô Terhoven ra sao?

- Tệ lắm. Mẹ cô ấy tới... cô ấy không nhìn ra.

- Hay là không muốn nhìn?

- Thì cũng vậy thôi. Cô ta hét to, đuổi bà mẹ đi. Trường hợp điển hình.

- Tại sao?

- Cậu nên chú ý những gì tôi trình bày về chứng nhị trùng hóa nhân cách thì biết.

- Vâng.

- Cậu không chịu nghe nên tôi chỉ có thể tóm gọn mà thôi. Nhị trùng hóa nhân cách là một cuộc chạy trốn đối với bản ngã.

- Và cái bản ngã đó sự thật là gì?

Wernicke nhìn tôi một lúc lâu:

- Bỏ qua chuyện đó đi. Nhị trùng hóa nhân cách là chạy trốn vào một nhân cách khác. Tỉnh thoảng bệnh nhân lại quay về với chính mình. Geneviève thì không. Lâu lắm rồi cô ta không trở lại với con người của cô ta. Cậu, chẳng hạn, cô ấy không nhìn cậu như là một nhân vật của chính cậu.

- Dầu vậy, cô ta xử sự cũng hết sức thích đáng. Nhưng bệnh có nặng lắm không?

- Theo tôi thì nặng. Nhưng còn nhiều cách chữa trị mau hơn mà kỳ lạ.

Wernicke đốt một điếu thuốc. Tôi không thể dừng hỏi:

- Sống như hiện tại, cô ta cũng cảm thấy có hạnh phúc rồi, sao không để mặc như vậy?

Wernicke hơi xẵng giọng:

- Trước hết là mẹ cô ta trả tiền trị bệnh, kể đến là cô ta không hề sung sướng đâu.

- Nhưng nếu hết bệnh ông có tin là cô ấy sung sướng hơn không?

- Khó lắm. Cô ấy nhạy cảm thông minh lại nhiều tưởng tượng. Chỉ bao nhiêu đó cũng khó tìm ra hạnh phúc.

- Vậy, tại sao không để yên thế này?

- Tại sao? Đôi khi tôi cũng tự hỏi như thế. Tại sao phải mở khi biết là có mở cũng chẳng ích gì? Cậu có muốn lập thành một bản liệt kê về những “tại sao” không? Chắc phải dài bất tận. Và lúc đó phải thêm vào: tại sao tôi không chịu uống rượu và không chịu cho ngưng cái cối xay, toàn những câu hỏi tại sao? và tại sao không chịu hưởng cái thú vị của một đêm đẹp trời lại tự dày vò đầu óc của mình? Tại sao phải tranh luận ý nghĩa của cuộc sống trong khi có thể hưởng thụ?

Ông ta đứng lên vươn vai:

- Phải đi một vòng xem xét mấy người bị nhốt ra sao. Cậu có muốn đi không?

- Đi.

- Mặc blouse trắng vào. Tôi sẽ cho cậu xem một nơi khác thường. Sau đó, hoặc cậu sẽ mửa ra hết hoặc uống thêm vào và cảm tạ những người làm ra rượu nho.

- Chai này cạn rồi.

- Tôi còn một chai. Cậu có biết chỗ kỳ lạ ở đâu không? Hai mươi lăm tuổi cậu đã biết khá nhiều về chết chóc, đau khổ và những ngu dại của con người để tự đặt quá nhiều câu hỏi. Thế giới là như vậy... cho tới khi thật sự hiểu biết được một vài điều thì tuổi tác đã cao, không còn hưởng thụ được bao nhiêu, và cứ như thế, đợt sống này tới đợt sống kia, thế hệ này tới thế hệ khác. Chẳng ai học được của ai gì cả. Thôi, đi.

Chúng tôi ngồi ở quán Trung Ương: Georges, Willy và tôi. Đêm nay, tôi không muốn ở nhà, chỉ có một mình. Wernicke đã đưa tôi tới trại phế binh. Bị thương ở đầu, bị chôn sống... điên điên dại dại. Giữa đêm hè êm ả, trại bệnh đứng đen ngòm, thăm nảo giữa những tiếng hát họa mi.

Chiến tranh, gần như bị quên lãng, vẫn cứ hiện diện trong những gian phòng đó. Những tiếng nổ long trời vẫn còn vang bên tai họ. Những cặp mắt, như năm năm trước, vẫn còn nhìn thấy những cảnh hãi hùng, lưỡi lê đâm phàm phập vào bụng, chiến xa cán dẹp thân người, và nhưng cái đầu vỡ tan từng mảnh... Tất cả những thứ đó cứ xuất hiện như một ma thuật và tiếp tục múa may quay cuồng giữa không khí của hoa hồng bao bọc chung quanh.

Họ ra lệnh, họ tuân hành những chỉ thị không nói thành lời, những găm giường là hầm trú ẩn, họ siết cổ, họ nghẹt thở... họ vẫn còn là những người trần mạt... Rồi hơi cay xông vào, họ kêu thét, giãy giụa, bò càng, nước mắt nước mũi chảy ra, họ tìm chỗ núp...

- Đứng lên!

Tiếng hô lớn từ phía sau làm chúng tôi giật mình. Một số khách hoảng hốt đứng lên. Giàn nhạc quán rượu đang hòa tấu bản *Deutschland, Deutschland uber alles*. Đây là lần thứ tư không phải ban nhạc quá yêu nước, cũng không phải do lệnh chủ nhân mà chính là do một nhóm nhãi ranh muốn ra điều quan trọng. Cứ mỗi ba mươi phút một đứa trong bọn vênh vác đi tới chỗ giàn nhạc, ra lệnh đánh quốc thiều. Các nhạc sĩ không dám từ chối. Rồi những tiếng hô “đứng lên” vang dội, và người ta lại phải đứng lên mặc dầu bản *Deutschland uber alles* đó đã làm cho hai triệu người chết, làm cho nước Đức bại trận và lạng lạng.

- Đứng lên!

Một thằng nhãi hét lớn vào mặt tôi mặc dù khi chiến tranh kết thúc nó chỉ vào khoảng mười hai tuổi.

- Trở về lớp học đi em bé.

...

Một đám du đảng ào tới bao vây bàn chúng tôi.

- Đứng lên hay muốn chết?

Willy õm ờ:

- Chuyện gì đây?

- Chuyện gì rồi biết. Quân khiếp nhược! Đồ phản nghịch. Đứng lên!

Georges bảo chúng:

- Thôi, trở về chỗ đi. Chẳng lẽ bọn tôi tuân lệnh các chú bé vị thành niên?

Một người đàn ông khoảng ba mươi tuổi xô vệt bàn ghế tới trước bàn bọn tôi:

- Bộ các người không tôn trọng quốc thiều, hả?

Georges tỉnh bơ:

- Quốc thiều trong quán rượu có đáng được tôn trọng không? Hay chỉ là có để gây náo loạn? Về chỗ đi ông bạn! Dẫn lũ nhóc đó theo.

- Này, anh coi chừng! Trong chiến tranh, anh ở đâu?

- Rất buồn là phải ở trong hầm ngoài mặt trận.

- Nói dễ quá! Đâu, chúng mình xem.

Willy dựng cả thân hình không lồ lên. Nhạc ngưng tức khắc. Willy bảo chúng:

- Coi đây?

Rồi nó giở một chân lên, quay đít lại người kia, nổ một phát trung tiện. Gã cầm đầu tự động lùi lại một bước. Bọn nhãi gầm gừ... Nhưng chủ quán đã cùng gã vệ sĩ vạm vỡ tới nơi:

- Xin quý vị, không nên làm ồn trong quán.

Giàn nhạc bắt đầu chơi bản “Thiều nữ của Rừng đen”. Toán du đãng rút lui với

những điều bộ đe dọa rồi tụ họp ngoài cửa. Bọn chúng có ý định chờ chúng tôi ra để tấn công. Chúng tôi thử so sánh lực lượng đôi bên: ba người chống lại hai mươi. Cân cán nghiêng về phe địch.

Đột nhiên, chúng tôi có tăng viện bất ngờ. Một chàng nhỏ thó đi tới bàn chúng tôi: Bodo Lodderhose, nhà buôn da thú và sắt vun. Chúng tôi đã từng đóng quân gần nhau tại một nơi nào đó trên đất Pháp.

- Ê, các bồ! Cho bọn này nhập cuộc với. Cả một ban hợp ca của tôi đang ngồi sau cột đằng kia. Khoảng mười hai trụ, đồng ý chớ?

- Đồng ý và hoan nghinh Bodo! Chính Thượng đế gọi bạn tới!

- Đừng nói quá! Chỗ này, người đảng hoàng không nên lui tới. Bọn này tới để kiếm bia giải khát, bia ở đây ngon như thị xã. Rất tiếc chỉ được có chừng ấy, ngoài ra thì như cứt.

Hắn so sánh có vẻ tàn nhẫn nhưng dù sao hắn cũng có lý phần nào. Tinh túy của thơ văn chẳng phải là thêm nhun thêm nhị một chút sao?

- Chúng tôi sắp đi. Các bồ cùng đi chớ?

- Đi tức khắc.

Bọn nhãi ranh quả đang đợi chúng tôi, võ trang bằng gậy, đá và bàn tay sắt.

Bodo đi trước, theo sau là mười hai người của hắn. Tờ trước bọn kia, hắn dừng lại:

- Muốn gì đây, mấy thằng đẽ non?

Bọn nhãi lờm chúng tôi. Cuối cùng tên cầm đầu hậm hực:

- Đồ hèn! Được, rồi sẽ biết.

Willy đáp:

- Phải gặp chớ. Bọn này sống mấy năm trong hầm cũng không phải vô ích. Nhớ kiếm cho đông. Có hơn về số lượng thì tinh thần mới vững chắc hơn.

Chúng tôi ra đường lớn với toán của Bodo. Sao chiếu sang trên trời. Đôi khi, gặp lại nhau trong tình chiến hữu, người ta không khỏi cảm thấy một cái gì vừa mới lạ vừa hùng vĩ, vừa ngạc nhiên vừa khó hiểu: có thể đó là mình đã thoát nạn, phải còn sống và được tự do.

Bodo khuyên:

- Các bồ nên tìm một quán khác. Chỗ bọn này chẳng hạn chẳng bao giờ có loại đó. Đi tới này, tôi chỉ cho.

Chúng tôi tới nơi. Tầng dưới, cà-phê, nước ngọt, bia và kem, tầng trên là phòng họp. Hội quán của Bodo là một ban họp ca thành phố lúc nhúc những hội đoàn, nội quy riêng lẽ luật riêng và luôn luôn ra điều quan trọng. Hấn than phiền:

- Bọn này họp ca bốn giọng nam. Hơi yếu về giọng nam thứ nhứt hơn thế hệ chết trận, mầm non vẫn chưa theo kịp.

Tôi giới thiệu ngay:

- Willy là giọng kim một.

- Thật à? Đâu thử cho nghe xem, Willy.

Nghe xong, Bodo kêu lên:

- Tuyệt diệu! Nhập với bọn này đi, Willy. Chừng nào muốn rút thì cứ rút.

Willy từ chối lấy lệ và sau cùng chấp nhận. Ngay tại chỗ nó được chỉ định làm thủ quỹ của hội. Hấn cảm khái, bao luôn hai vòng bia và rượu mạnh, kể cả món xúp đậu, giò heo.

Tới vòng thứ ba, Willy tuyên bố có quen một nữ ca sĩ có biệt tài hát cả giọng kim lẫn giọng thổ. Bodo và hội viên của hấn vừa gặm giò vừa trố mắt nghi ngờ. Georges và tôi phải nói rõ về biệt tài của Renée de la Tourterelle. Một tràng pháo tay chào mừng người vắng mặt và Renée được bầu ngay làm hội viên danh dự.

Willy đãi hết tua này đến tua khác để ăn mừng. Và họ bàn tới việc Renée phải mặc nam trang để hội được tiếng họp ca nam.

Georges và tôi về trước. Willy từ trên lầu theo dõi. Là lính trận, nó chẳng có quyền nghi ngờ một vụ phục kích. Chẳng có gì xảy ra. Công trường chợ vẫn bình lặng.

Vừa đi vào hẻm Arquebusiers tôi hỏi Georges:

- Georges, hãy trả lời thật tình là anh có hạnh phúc không?

Georges nhắc nón lên như chào một kẻ vô hình trong đêm:

- Hỏi câu khác đi! Người ta có thể ngồi trên mũi kim được bao lâu?

Mưa như thác đổ. Mùa hè ngập lụt gây nên lạnh và đô-la trị giá một trăm hai mươi ngàn Đức kim. Một khúc ống máng bằng sắt ra rơi phịch xuống, nước tuôn xối xả sát cửa sổ như một suối mảnh vụn thủy tinh. Tôi đang bán bán hai bức tượng thiên sứ bằng sành và một vòng hoa bắt tử cho một thiếu phụ mảnh khảnh vừa mất hai đứa con nhỏ vì bệnh cúm. Phòng bên cạnh, Georges ho khúc khắc. Y cũng bị cúm nhưng tôi đã chữa cấp tốc bằng một bình rượu chát nóng. Chung quanh ly là khoảng nửa chục tạp chí nói về các cuộc hôn nhân, ly dị và những vụ ô nhục trong giới thượng lưu ở Cannes, Bá Linh và Ba Lê. Henri Kroll thì vẫn cứ quần sọc kẹp ở ống và áo đi mưa sậm màu. Ông ta bước vào, lại nói với giọng khinh khỉnh:

- Nêu tôi đọc vài món hàng được đặt mua, có làm phiền gì ai không?

- Không bao giờ. Vẫn hoạt động đều à?

Ông ta thản nhiên dở sổ đọc lớn:

- Bia cỡ trung bình bằng đá đỏ, một tấm đan bằng cẩm thạch. Chẳng có gì đặc biệt.

Ông ta còn đứng một lúc quan sát những mẫu đá đã có từ trên hai mươi năm ở các kệ hàng mẫu.

Tôi hỏi:

- Vụ Wutringen, có bắt được bọn giết anh chàng thợ mộc không?

- Ai bảo thế? Ai bảo là án mạng. Đó chỉ là tai nạn. Còn các người, tại sao lại tặng cho vợ chàng thợ mộc đó một tấm bia? Bô dư giả lắm sao?

Tôi quay mặt ra cửa sổ nhìn mưa. Henri Kroll thuộc về hạng người không bao giờ đặt nghi vấn, đó là hạng người nguy hiểm khó giao dịch. Trên nước Đức chúng tôi, họ hợp thành một khối sắt đá mà người ta có thể tin cậy mở một cuộc chiến mới. Những đại họa không làm họ thức tỉnh, họ là những kẻ vừa lọt lòng đã đặt ngón tay út ở nấp quần và hãnh diện khi được đứng nghiêm.

Ông ta lái nhải kể là đã nói chuyện thật lâu với viên Chủ tịch xã Wustringen và cuối cùng lão Dobbeling đồng ý để cho chúng tôi tiếp tục bán mộ bia cho xã lão ta.

Tôi phát cáu:

- Vậy phải cảm ơn thằng cha ấy chớ gì? Có cần đưa đít ra không?

Henri trợn mắt:

- Coi chừng! Đừng quá trớn!

- Thế nào là quá trớn?

- Nên nhớ chú mày là nhân viên.

- Xin lỗi, tôi quên mất. Nhưng ông quên trả cho tôi ba phần tiền lương: họa sĩ, trưởng văn phòng và trưởng ban quảng cáo. Và tôi cũng nhắc lại, ở đây không phải là quân đội, không phải cấp trên ra lệnh cho cấp dưới. Và còn nói giọng đó nữa là tôi bỏ qua làm cho hãng Hollmann và Klozt ngay. Họ đang cạnh tranh, chắc chắn tôi sẽ được tiếp đón niềm nở hơn.

Thình lình cửa bật mở và Georges hiện ra trong bộ đồ ngủ đỏ:

- Henri, phải anh nói chuyện Wustringen không?

- Rồi sao?

- Vậy, anh nên đi tìm một cái bàn nào ở quán rượu để trốn đi. Ở Wustringen họ đã giết chết một người. Một mạng sống bị cưỡng đoạt. Đối với bọn mình, vậy là hết. Mỗi một vụ giết người đều là một vụ sát nhân đầu tiên trên thế giới Cain và Abel, lịch sử muôn đời. Nếu anh và các đồng lõa của anh hiểu được điều đó thì trên quê hương này, không có tiếng kêu thương của chiến tranh.

- Bọn liếm giày trước hiệp ước ô nhục Versailles!

Georges sấn tới một bước, mặt đỏ gay:

- Hiệp ước Versailles! Chớ sao? Nếu mình thắng trận có lẽ mình sẽ ôm kẻ thù hôn hít và còn tặng quà cho họ nữa phải không? Anh có nhớ là chính anh và những kẻ cùng một loại như anh định làm gì không? Các người định thôn tính Ukraine, Brie, Longwy và trọn vùng mỏ than của Pháp, có nhớ không? Họ có lấy vùng La Ruhr của mình đâu! Mình vẫn còn mà. Bộ anh cũng quên mất là các người cùng loại như anh muốn biến nước Pháp thành một loại quốc gia đứng vào hạng thứ ba sao? Các người bảo là phải nuốt gọn từng mảnh lớn của Nga, phải buộc những nước thù nghịch đổ máu ra để dâng hiến tất cả những nguyên liệu của họ cho Đức quốc. Vậy mà bây giờ anh vẫn có thể tru tréo như chó sói sao, Henri.

Lúc nào bọn các người cũng coi người khác là tội phạm trong khi chính bọn các người mới là những tên ngụy thiện.

Càng nói, Georges càng giận dữ hơn, mặt đỏ sạm như bộ quân áo ngủ của y. Henri lùi lại, quát lớn:

- Đừng tới gần tao! Bộ muốn lây bệnh cho tao hả? Mà muốn làm cho cả hãng này cúm hết để mặt rẹp luôn sao?

Nhìn hai anh em phùng mang trợn mắt với nhau, tôi không khỏi vừa buồn cười vừa xấu hổ. Lisa từ bên kia đường, đứng ở cửa sổ chứng kiến màn hoạt cảnh của anh em nhà Kroll. Cửa phòng của lão Knopf cũng mở toang. Trời tiếp tục mưa to như một bức màn làm bằng hạt thủy tinh. Anh chàng thợ mộc Wilke chạy ngang qua sân với tàng dù trông như một cái nấm khổng lồ biết đi.

Henri đã bỏ ra ngoài sân. Tôi nói với theo:

- Nhớ xúc miệng bằng acid chlorhydrique nghe không? Những người khỏe mạnh giả tạo dễ bị cúm cuốn mất mạng như chơi.

Thình lình, Georges cười phá lên:

- Ngu ơi là ngu! Ai lại đi nói chuyện phải quấy với một kẻ đàn độn đến tận cùng!

Tôi hỏi:

- Anh kiếm đâu ra bộ pyjama đỏ chói vậy?

Từ bên kia đường, Lisa hoan hô chúng tôi inh ỏi. Thị là ả đã vi phạm chủ nghĩa Quốc xã của người chồng đang nuôi mộng sẽ trở thành tổng giám đốc của tất cả những lò sát sinh. Một khi Hitler thành công. Georges nghiêng mình, một tay đặt vào chỗ trái tim. Tôi hơi ngại cho y:

- Anh trở vào ngủ một giấc đi. Mồ hôi ướt cả áo.

Georges lắc đầu:

- Đồ mồ hôi là tốt. Chính trời cũng đang đổ mồ hôi đó, có sao đâu. Nhưng vấn đề hiện tại là mình sống để làm gì đây? Tại sao mình không phải là đuôi sao chổi? Hay là một tên viết mướn ở Hollywood để thỉnh thoảng mò mẫm mấy cô đào hát? Tại sao cứ phải ở chết một xó mà không tổ chức một đoàn lữ hành băng sa mạc Phi châu? Tại sao không làm chủ một nhà chứa điếm ở Yokohama? Chú mày trả lời xem. Phải trả lời ngay. Chú mày có thích bơi trong các biển vùng nhiệt đới vào lúc mặt trời lặn với những đàn cá màu đỏ tía không?

Georges vớ lấy chai rượu mạnh. Tôi chặn lại:

- Không được, còn rượu chút mà. Để tôi hâm một bình cho. Cúm không được uống rượu mạnh.

- Được, hâm rượu chát đi. Nhưng tại sao mình không ở trên quần đảo Esprérance để sống gần những người đàn ba hồi mùi quế, và hay đảo tròn lòng mắt mỗi khi nổi dâm tính? Đâu trả lời coi!

Lửa trong lò dầu cháy sáng xanh, bên ngoài trời mưa như tiếng sóng gầm trên biển cả. Tôi nốc vội một ngụm rượu mạnh để lấy nhiệt khí rồi hô lớn:

- Thưa thuyền trưởng, tàu đang bỏ neo trong vùng Santa Cruz Lisbonne và Côte d'Or. Bọn bị bắt sống ở Mohammed ben Hassan Watzek đang ra dấu hiệu. Đây, ổng điều bình.

Tôi trao cho Georges một điếu xì-gà. Y đốt hút ngay và phun ra nhiều vòng khói tròn vo, rồi hạ lệnh:

- Nhỏ neo! Chắc gần tới nơi rồi!

- Khoan, Thuyền trưởng! Chúng ta kể như luôn luôn đã tới nơi và tới bất cứ lúc nào. Thời gian chỉ là một định kiến. Rất tiếc là không có cách nào hiểu được bí mật của sự sống. Con người cứ phải vùng vẫy để tới một nơi nào đó mà mình không biết.

- Tại sao không biết?

- Thời gian, không gian và thuyết nhân quả đều là những tấm băng bịt mắt.

- Tại sao?

- Đó là những ngọn roi mà Thượng Đế giơ ra để con người tự hiểu mình không thể bằng Trời. Đấng Tối cao già cỗi đó đưa chúng ta đi trên một ảo cảnh đầy ảo giác và thảm trạng nhị nguyên.

- Sao gọi là nhị nguyên?

- Nhị nguyên của ta và thế giới, của con người và thế giới của chủ thể và đối tượng. Và hậu quả là sanh ra và chết đi.

Rượu bắt đầu sôi. Hương vị hải đảo tràn ngập văn phòng với mùi đinh hương và mùi chanh. Tôi cho đường vào ly, rót rượu cho cả hai. Lại có tiếng hoan hô từ cửa sổ của Lisa. Chúng tôi cùng nghiêng mình rồi đặt ly xuống. Georges vẫn thắc mắc:

- Nhưng tại sao con người không bắt tử?

- Xin lỗi thuyền trưởng. Bắt tử là phản nghĩa của sự chết. Muốn được vậy trước hết những tấm băng che mắt phải được lột bỏ đi. Lúc đó không còn vấn đề nhị nguyên nữa vì cả hai đã là một.

- Cũng chưa đủ.

- Anh muốn thế nào?

- Hiện hữu, chỉ có vậy thôi.

- Hiện hữu hay không hiện hữu. Thừa Đô đốc, vấn đề lại lẫn lộn. Dầu vậy, mình

vẫn tìm lối thoát.

- Không được đâu. Cứ cái đà này thì mỗi lần miệng buông ra một tiếng nào đó là lại nghĩ ngay tới một tiếng phản nghĩa của nó. Không được, chỉ có lặng câm cho tới khi xuống mồ là xong. Có phải không, thủy thủ?

Tôi không trả lời, nâng ly rượu lên. Tự nhiên, tôi lấy một mẩu đá bày trên kệ. Tôi chỉ Lisa, chỉ màu rượu trong ly và hòn đá rồi đặt tất cả xuống và nhắm mắt lại.

Lại có tiếng vỗ tay náo nhiệt của Lisa. Ầ đưa về phía chúng tôi một lọ cacao. Ngay lúc ấy có tiếng chuông reo ở cửa. Chúng tôi ra đầu cho Lisa và khép cửa sổ lại. Trước khi Georges kịp chuồn về phòng, lão Liebermann, gác dan của nghĩa địa thị xã đã vào tới. Ông ta nhìn bếp dầu, bình rượu chát nóng và bộ pyjama của Georges rồi cất giọng rượu nhừa nhựa:

- Sinh nhật hả?

- Cúm.

- Chúc mừng.

- Sao lại chúc mừng?

- Cúm, tốt lắm. Tốt cho mộ bia.

Tôi làm ra vẻ đứng đắn:

- Ông Liebermann, đừng nên nói chuyện nghề nghiệp như vậy. Ông Kroll đây bị cúm nặng nên chúng tôi phải dùng tất cả những phương tiện kinh khủng để giải trừ. Có dùng một ly thuốc với lụi này không?

- Khoan đã! Tôi chỉ uống rượu mạnh thôi, khi nào uống rượu chát vào tức là để già rượu.

- Thừa nhà thâu xác chết, bọn này cũng có cả rượu mạnh..

Tôi rót cho ông ta một ly đầy. Ông ta uống một hơi và tuột cái bao trên vai xuống, trút ra bốn con cá hương bọc kỹ trong lá xanh.

- Tặng cho mấy người đây. Nấu canh là ngon tuyệt. Nhứt là cho ông Kroll. Đang bệnh cần ăn loại thịt dễ tiêu.

Tôi mang cá vào bếp giao cho bà Kroll.

Bà ta ngắm nghía mấy con cá còn tươi và gật gù:

- Một mớ bơ tươi, khoai luộc và xà lách.

Tôi nhìn quanh. Những cái soong bóng láng, một cái chảo đang xèo lửa trên lò... tất cả những nhà bếp đều là hình ảnh của một sự an ủi. Tôi lại nhìn mấy con cá. Chắc chúng chẳng trách móc gì. Dầu sao chúng cũng chỉ là một thứ thức ăn. Nước miếng trong miệng tôi sắp chảy ra. Vậy là tinh thần bác ái nhượng bộ sự thèm muốn của dạ dày quá sớm.

Liebermann có mang theo một vài địa chỉ. Bệnh cúm đã lan rộng. Nhiều người chết vì không còn đủ sức để chịu đựng, trong thời chiến họ đã phải đói khát quá lâu. Tôi chợt nảy ý đổi nghề. Georges đã mặc áo tằm màu xanh thẫm. Ở nhà, hẳn thích mặc những màu thật đậm. Thành linh, một cảm nghĩ của Isabelle trở lại với tôi. Tôi không nhớ rõ được ngôn ngữ nhưng biết đó là một ảo ảnh về sự vật. Phải chăng lúc này tôi đã là nạn nhân của ảo ảnh? Hay là chỉ trong khoảnh khắc tôi đã trở về cùng Thượng đế?

Căn phòng tại nhà hàng Walhalla dành cho thi đoàn hội họp là một cái buồng nhỏ bọc gỗ quanh tường: một pho tượng bán thân của Goethe ngồi chễm chệ trên một kệ sách, trên tường treo những tượng chạm và hình ảnh. Đây là nơi tụ họp hàng tuần của giới trí thức trong thị xã Werdenbruck. Ngay đến ông trưởng ban biên tập của tờ báo địa phương cũng thỉnh thoảng góp mặt. Sự hiện diện của ông ta được mọi người đón tiếp long trọng nhưng khi ông ta vắng mặt thì không tránh được những lời nguyền rủa của những kẻ gửi bài không được đăng.

Ngoài ông ta còn có một vài cố vấn tòa án và một số công chức hưu tự coi mình là trí thức. Thêm vào đó còn có Arthur Bauer cùng vài một người bạn, một số thi sĩ của thành phố, các nhạc sĩ và đôi khi có cả khách danh dự.

Arthur Bauer vừa tới là được Matthias Grund tới tấp nịnh bợ với hậu ý sẽ được giúp đỡ để xuất bản quyển “Luận đề về sự chết”. Edouard Knoblock, người sáng lập thi đoàn, hiện ra. Hẳn nhìn quanh, nhận diện từng người và mặt sáng rỡ ra.

Những kẻ thường chỉ trích, phê bình hấn, không có mặt. Tôi không khỏi ngạc nhiên khi hấn tới ngồi gần bên tôi. Hấn chào hỏi với giọng thân mật, dĩ nhiên là không phải với cái giọng chủ nhà hàng:

- Mạnh giỏi chớ, Louis?

Tôi vẫn không ưa được:

- Mạnh lắm, mạnh đến nỗi có thể làm bò thối chí.

- Mình đang chuẩn bị sáng tác một loại thơ mười bốn câu. Bạn có ý kiến gì không?

- Chẳng có ý kiến gì cả. Chỉ mong được hợp vần hợp điệu.

Tôi vẫn tự liệt mình vào hạng trên Edouard vì đã có hai bài thơ đăng báo. Edouard không nản, hấn vẫn giữ giọng trầm trầm:

- Mình định đặt tựa là GERDA.

- Muốn đặt gì thì đặt... Ừa! Gerda à? Sao lại Gerda? Gerda Schneider hả?

- Không, chỉ lấy Gerda vắn tắt thôi.

Tôi trợn mắt nhìn cái túi mỡ đang đỏi điện:

- Bỏ muốn đùa gì đây?

Edouard cười gượng:

- Không phải đâu. Hồn thơ mà. Trong thơ có một vài đoạn liên quan tới gánh xiếc nên mình liên tưởng đến Gerda để nuôi dưỡng ý và hồn.

- Thôi cho xin. Người bạn giả dối ơi, bạn thật sự muốn gì?

Edouard lại cười:

- Giả dối? Chính bạn mới xứng đáng với danh hiệu đó. Bạn làm tôi lầm tưởng cô ấy cũng là ca sĩ cũng giống như cô bạn của Willy.

- Không bao giờ. Chính bạn tưởng tượng ra thì có. Bạn không nhớ tôi bảo là cô ta ở trong gánh xiếc sao?

- Có. Nhưng bạn nói cong queo, quanh co để tôi hiểu khác đi. Tôi không tin nên mới đích thân điều tra.

- Ai nói cho biết?

- Tôi tình cờ gặp cô Schneider ngoài đường. Có quyền chớ?

- Hừ, đừng tưởng là cô ấy sẽ mê.

Edouard cười dễ ghét:

- Không ai tưởng như vậy đâu. Đó là hạng người không bao giờ bị mê hoặc bởi thi văn.

Không chịu nổi nữa, tôi hét vào tai hắn:

- Đồ đêu! Đừng mất thời giờ vô ích! Con bé đó chỉ còn ở có vài ngày nữa thôi.

Lần đầu tiên tôi được thấy hắn nhe răng ra:

- Cô ta chưa đi đâu. Mới gia hạn giao kèo hôm nay.

Tôi nhìn hắn đăm đăm. Vậy là tên xỏ lá này biết rành hơn tôi.

- Hôm nay bạn cũng gặp Gerda nữa hả?

Edouard luống cuống:

- À... chỉ tình cờ ngẫu nhiên.

Tôi biết ngay là hắn nói dối. Tôi tìm cách phản công:

- Hừ, bạn đối xử với khách hàng như vậy à?

- Khách hàng như bạn thì tôi cũng lạy luôn cả nón...

Tôi ngắt lời hắn:

- Đồ ba que, cái thứ làm thơ như vậy mà cũng định đem đi tặng. Trả ơn bằng cách đó phải không? Ai đã dạy bồ làm thơ mười bốn câu. Quân ma cô, đồ điếm vườn! Nhưng, không cần. Cứ tặng đi thế nào rồi Gerda cũng đưa cho thằng này coi, và thằng này sẽ làm ơn diễn dịch cho rõ ràng hơn.

Eduoard trợn mắt:

- Bỉ ổi!

- Bỉ ổi nhưng thông thường. Đàn bà nào cũng vậy. Này, tôi bảo cho bồ biết là Gerda có một ông anh khổng lồ sẵn sàng bảo vệ danh tiết gia đình. Anh ta đã đâm vỡ mặt ba đứa muốn tăng tiu với Gerda. Bồ nên đề phòng là vừa.

- Cóc sợ!

Hắn làm ra vẻ bất cần nhưng tôi thấy rõ là hắn hơi lo. Kẻ cũng lạ khi người ta đã nhứt quyết tin tưởng vào một việc gì, không dễ dàng gì đánh lạc được lòng tin đó. Tư tưởng Quốc Xã của gã đồ tể Watzek là một bằng chứng rõ ràng.

Anh chàng nhà thơ Hans Hugermann tới ngồi gần chỗ chúng tôi. Hắn mở hơi bất bình của con người yêu văn nghệ:

- Chẳng biết thi văn rồi sẽ đi tới đâu? Bạn xem thằng Otto Bambuss mà cũng gửi tác phẩm đồ bỏ tới nhà báo. Chẳng biết rồi họ có đăng cái thứ phân chuồng đó lên không?

Otto là người sáng chói nhứt thị xã mà cũng là một thứ trang sức của thi đoàn bọn tôi. Hắn thích loại thơ tả thắng cảnh, tả những vùng quê xinh đẹp, những góc phố vào khi nắng tắt. Nhiều người ghét hắn, nhưng tôi thì ngược lại. Hắn thích đi nhà thổ nhưng không dám. Hắn cho rằng có vào đó một lần thì hồn thơ của hắn mới có thể lai láng ra chớ không thì mỗi ngày nó một tàn lụi.

Vừa thấy tôi, hắn tới hỏi ngay:

- Nghe nói mày có quen một cô đào trong gánh xiếc phải không?

- Quen biết gì đâu. Chính thằng cha Edouard đồn như vậy. Tao chỉ biết một cô bán vé ở gánh xiếc cách nay ba năm.

- Bán vé à? Cũng không sao. Họ cũng đi đó đi đây. Tự nhiên họ phải có một cái gì gọi hứng. Thí dụ như mùi dã thú. Giới thiệu với tao được không?

Vậy là Gerda quả cô duyên với văn nghệ. Tôi quan sát Otto. Hấn cao lông ngông, mặt xù như người ăn chay, cầm lẹm. Tôi đáp:

- Cô ta làm chung với mấy người huấn luyện bò chết.

Otto chán nản:

- Vậy là không được. Tao cần thứ khác. Phải có cái gì có tính chất thần kinh hoặc dính líu tới máu me.

Là giáo học ở một làng hẻo lánh, Otto chỉ nhìn thấy toàn những cảnh vật trầm buồn, không làm sao gọi được nguồn thi hứng như hấn tưởng. Hấn tuyên bố:

- Một nhà thơ phải sống với hồn thơ. Phiền một điều tao không làm sao nhập được hai thứ tình yêu thiên đường và hạ giới. Tình yêu đối với tao là sự dịu dàng, tinh thần phụng sự, ý lực hy sinh và lòng tốt. Bản năng tình dục cũng rất đáng kể. Rất tiếc là cuộc sống của tao chán ngấy. Tao đang cần một chút lửa.

Tôi nhìn Otto, không khỏi cảm thấy thích thú. Cả thằng này cũng nói tới tình yêu thiên đình và hạ giới. Con vi khuẩn đó không ngờ lại sanh sôi nảy nở nhang chóng hơn tôi tưởng.

Otto hỏi tôi với giọng bi thiết:

- Chừng nào dẫn tao đi phạm tội? Mà hứa rồi mà.

- Yên chí! Tao sẽ đưa đi.

- Chỉ còn hai tuần nghỉ hè nữa thôi. Sau đó tao lại trở về làng và vĩnh biệt nhà thờ.

- Được, tao sẽ đưa đi trước đó. Mình đi cả đám được chớ, Hungermann cũng

muốn đi để lấy hứng cho tác phẩm Casanova.

- Làm cách nào đừng để người quen thấy mặt. Họ thấy là tao chết. Một thầy giáo làng...

- Mình càng đông, cuộc đi chơi càng có vẻ vô hại. Dưới nhà có một quán rượu, ai cũng có quyền tới.

Hungermann ngồi phía sau tôi, phụ họa:

- Chắc chắn là phải đi. Đi một đám. Đi thám hiểm, sưu tầm khoa học, chẳng có gì đáng ngại, cả Edouard cũng đi.

Tôi quay lại, định đổ thêm dấm chua vào hần, nhưng một tay tứ chiếng vừa xuất hiện làm gã kinh hoàng như gặp rắn. Người kia vỗ mạnh vào vai hần:

- Edouard, lúc này ra sao? Vẫn còn sống, phải không thằng ngọc?

Edouard nhìn lấm lét vào người ôm nhóm nói như nghẹn:

- Lúc này...

Hần chỉ nói được bao nhiêu đó rồi lặng thinh, má chảy xệ xuống, môi hần, tóc hần và cả cái bụng hần cũng chảy xệ xuống. Chỉ trong phút chốc hần thành cây liễu rũ.

Nhân vật chịu trách nhiệm và sự biến thể đó là Valentin Busch. Cùng với Georges và tôi, hần là tai họa thứ ba của Edouard. Hần vẫn thản nhiên thân mật chết người với Edouard.

- Coi bộ khỏe mạnh lắm, phải không con heo?

Edouard cười gượng:

- Đừng có nhìn bề ngoài. Chết rã ra vì đủ thứ: thuế má tùm lum lại còn bị lường gạt.

Hần nói dối. Thuế má trong thời kỳ lạm phát chẳng nghĩa lý gì cả so với lợi tức

thâu vào với khoản tiền có thể trả dần trong một năm. Còn chuyện lường gạt là hẳn muốn ám chỉ vào tôi.

Valentin vẫn cười:

- Đói với bò thì có sao đâu. Hễ đói thì cứ lấy mỡ thừa trong người ra ăn. Chính bọn nó cũng muốn làm như vậy khi bò bị thương ở vùng Flandres.

Edouard vắn người:

- Valentin, bạn đừng nói bóng gió nữa. Có cần uống bia không? Trời nóng thế này dùng bia là tốt nhất.

- Cám ơn, không thấy nóng. Và cám ơn Trời đã để cho bò còn sống. Cho một chai Johannisberg Langenberg được không?

- Bán hết rồi.

- Đừng láo! Tao hỏi thằng quản lý rồi. Bò còn hơn trăm chai. Nên nhớ đó là loại rượu chát quý nhất đối với tao.

Tôi cười lớn. Edouard phát cáu:

- Cười gì? Cười không phải chỗ! Bọn hút máu người! Tất cả các người đều là loại hút máu tươi. Mà, thằng bán mộ bia và mỳ. Valentin, cứ ỷ vào công cứu tao thoát chết! Toàn là thứ ăn hại!

Valentin nháy mắt với tôi và vẫn giữ giọng phớt tỉnh:

- Hay quá, đó là cách bò trả ơn sao? Còn lời hứa cũ đâu? Nếu biết vậy, lúc đó tao cứ đề...

Hắn vén tay áo phải lên quá khuỷu tay để lộ một vết sẹo dài sọc, nhăn nheo như răng cưa. Năm 1917, cứu mạng cho hạ sĩ quan quân nhu Edouard Knoblock. Trong một cuộc hành quân tiền sát, Edouard bị một mảnh trái pháo ghim vào bắp chân rồi một trái thứ hai nổ tiếp theo làm máu tuôn như suối. Valentin băng tạm cho hắn rồi dìu hắn tới hầm núp. Trong khi cứu đồng đội Valentin bị mảnh đạn đại bác ghim vào tay. Dầu vậy, hắn đã kịp thời cứu Edouard khỏi chết vì mất máu. Quá cảm động, Edouard hứa là sẽ đãi ăn, đãi uống trọn đời cho Valentin tại

nhà hàng của hắn. Sau đó, cánh tay phải của Valentin bắt động luôn, và tôi cùng Georges đã chứng kiến nội vụ.

Năm 1917, những lời nói gần như vô nghĩa vì thành phố Werdenbruck ở xa trong khi chiến tranh đang sát nách, làm thế nào để biết được là Valentin và Edouard còn có ngày gặp được nhau tại nhà hàng Walhalla?

Nhưng rồi cả hai đều trở về. Lúc đầu, Edouard hết sức nhiệt thành, có khi hắn còn đãi cả sâm banh cho người ơn. Nhưng rồi lần lần, tình nghĩa nhạt phai đi trước thời buổi khó khăn. Đã vậy Valentin lại còn là một tay sành rượu nên càng ngày Edouard càng có ý nghĩ coi vị cứu tinh của mình là một tên lường gạt.

Nhìn thấy vết thẹo của Valentin, Edouard hắng giọng:

- Được rồi, nhưng chuyện ăn uống phải có giờ giấc. Hồi đó không có chuyện hứa ngoài những bữa ăn.

Hắn gọi gã hầu bàn:

- Cho nửa chai Moselle.

Valentin cãi lại ngay:

- Không được, phải có Johannisberg Langenberg mới được. Và phải nguyên chai. Uống với tao chứ, Louis.

Tôi cười:

- Sao cũng được.

Edouard kêu lên:

- Không. Điều này không có trong giao ước. Chai rượu là của riêng một mình Valentin. Phần thằng Louis, nó phá hại không biết bao nhiêu với mấy cái phiếu ăn mất giá của nó rồi.

Tôi trả đũa tức khắc:

- Im đi là vừa! Bạn xạ kích tôi bằng cách định tặng thơ cho Gerda thì tôi phải lau

các vết thương lòng trong dòng sông rượu của bạn chớ. Hay là bạn muốn tôi gửi cho cô ta hai bài tứ cú để diễn tả sự phản bội đối với kẻ đã cứu mạng sống của mình.

Edouard làm như nghệt thờ:

- Quân đều cáng, bọn lưu manh, ma cô ma cạo!

Và hấn bỏ đi ra. Otto lại tới chỗ chúng tôi. Valentin vừa rót rượu vừa hỏi:

- Tại sao người ta thích uống rượu giữa lúc trời mưa?

- Bản năng kết đoàn mà. Nước này kêu gọi thứ nước kia cũng như tội lỗi kéo theo tội lỗi.

- Có lý. Nhưng mà mình cũng đi tiểu hơi nhiều vào những ngày mưa.

- Đi tiểu là tại uống vào nhiều. Có gì đáng ngạc nhiên đâu.

Valentin gật gù:

- Rất đúng. Nhưng còn chiến tranh thì sao? Có cần gây thêm chiến tranh chỉ vì con người sanh đẻ quá nhiều không?

Tới gần ngôi tiểu giáo đường, tôi gặp Bodendick đang đi trong sương mù, mặt tươi tắn. Ông ta hỏi tôi:

- Sao? Có còn cố gắng cải thiện thế giới nữa không?
- Chỉ nhìn thấy giáo sĩ là tôi cũng đủ yên lòng.
- A! A! Lại triết lý rồi. Có kết luận nào đáng kể không?

Tôi quan sát khuôn mặt đỏ bóng:

- Tôi nghĩ là trong vòng hai ngàn năm nay, Thiên Chúa giáo chưa thay đổi được bao nhiêu?

Mặt ông ta nhả lại nhưng chỉ trong một thoáng đã trở lại bình thường:

- Cậu bé có biết là cậu còn quá trẻ đối với những nhận định loại đó không?
- Có biết, nhưng trách một người chỉ vì họ còn trẻ dường như không đúng lắm. Chẳng biết Ngài có để ý chúng ta đang chuẩn bị một cuộc chiến tranh nữa hay không? Chuẩn bị chiến tranh giữa lúc Ngài và tôn giáo bạn không ngớt cầu nguyện và truyền bá tình thương nhân loại.

Bodendick lắc cái nón đen cho những hạt mưa xuống:

- Cậu quên là chúng tôi đã từng cầu nguyện cho những kẻ sắp chết ngoài chiến trường rồi sao?
- Theo tôi thì quý vị không cần phải tới đó. Tại sao không ngăn cấm tín đồ của mình gây chiến. Điều mà tôi để tâm là mỗi lần làm lễ trong quân đội các tuyên úy đều cầu nguyện cho nước ta thắng trận. Jesus Christ có cầu nguyện cho dân Galiléens thắng dân Philislins không?

Bodendick trở lại giọng đả đò:

- Dường như cơn mưa khiến cậu quá nhạy về những lập luận phỉnh mị. Cậu cũng thừa hiểu là chỉ cần một chút khéo léo và cách xoay trở sự việc chỉ còn nhìn thấy có một khía cạnh thôi thì bất cứ ai cũng có thể chứng minh được những gì mà mình muốn.

- Tôi biết. Và chính vì vậy mà tôi đọc sử luôn mấy tuần nay. Ở trường cũng như trong tôn giáo, người ta dạy tôi là trước khi đấng Christ giáng sinh, thế giới chỉ có toàn những sắc dân hoang dại và tàn ác. Nhưng rồi chỉ tới nay, thế giới đã cải thiện được gì - ngoại trừ một số tiến bộ về khoa học mà chúng ta khai thác phần lớn cho nhu cầu giết người càng nhiều càng tốt.

Bodendick cười lớn:

- Cậu Bodmer, trong gần hai ngàn năm nay, đã có hơn một người Saul trở thành thánh Paul. Cứ tiếp tục làm cua bò đi. Ở bất cứ đầu đường nào cậu chọn, Chúa cũng có mặt ở đó.

Ông ta đi khuất vào trong giáo đường.

Sau giờ lễ thánh ca, tôi và Isabelle đi dạo. Mưa rớt từng vũng như loài ma quái giỡn nước trên các tầng cây. Isabelle mặc áo mưa màu xám gài tới cổ với nón trùm tóc. Trong bóng tối mờ, chỉ còn có khuôn mặt hiện ra. Trời lạnh và nhiều gió. Chỉ có bọn tôi ở trong vườn. Isabelle đi sát vào người tôi, tôi nghe tiếng bước chân nàng, cảm nhận hơi ấm và từng cử động. Dường như đó là hơi ấm duy nhất còn lại trên thế giới này dành riêng cho tôi.

Thình lình, nàng dừng lại. Mặt tái xanh, mắt bỗng đen hơn thường lệ, nàng bảo tôi bằng giọng xẵng:

- Anh không thương tôi bao nhiêu.

Tôi ngạc nhiên:

- Có chớ. Isabelle.

Nàng nín lặng một lúc rồi thì thầm:

- Không đủ, nếu không chúng mình đâu có sống riêng nhau.

Chúng tôi tiếp tục đi. Isabelle lại nói:

- Như vậy cũng như là chết.
- Cô nói gì?
- Tình yêu. Tình yêu trọn vẹn.
- Chắc không ai có được tình yêu trọn vẹn đâu, Isabelle.
- Và nếu có tình yêu trọn vẹn thì đó có phải là sự chết không?
- Có lẽ. Bởi vì cũng chưa người sống nào biết cái chết ra sao. Bởi vậy mà không so sánh được.
- Vậy là tốt hơn nên có tình yêu không trọn vẹn?

Tôi tự mắng thầm là lại để lời cuốn vào những chuyện không bờ bến và gượng đáp:

- Chỉ riêng tình yêu thôi cũng đã khá trọn vẹn.
- Đừng tự dối lòng; Rudolf. Bây giờ tôi thấy là phải cần không trọn vẹn. Bởi vì một khi đã trọn vẹn, sẽ có một tia chớp rồi chẳng còn gì cả.
- Chắc phải còn một cái gì đó ngoài thính giác của chúng ta.
- Cũng như sự chết.

Tôi dè dặt để nàng không quá trớn:

- Biết đâu. Có thể là sự chết không mang đúng danh hiệu của nó. Mình chỉ nhìn thấy nó có một khía cạnh. Không chừng nó là tình yêu toàn vẹn giữa Thượng đế và con người.

Một khoảnh mưa lại đổ ào xuống. Sau một lúc im lặng, Isabelle lại hỏi:

- Phải chăng vì vậy mà tình yêu trở nên buồn thảm?

- Tự nó không buồn thảm nhưng nó làm chúng ta buồn thảm vì khó thực hiện và cũng không kéo dài được bao lâu.

Isabelle đứng lại. Nàng giậm chân:

- Tại sao vậy, Rudotf. Tại sao phải như thế?

Tôi nhìn khuôn mặt tái mét và căng thẳng:

- Đó là hạnh phúc.

Mắt nàng mở lớn ra:

- Hạnh phúc à?

Tôi gật đầu.

- Hạnh phúc gì, đó là tai họa.

Nàng vừa nói vừa ôm chầm lấy tôi, khóc nức nở. Tôi an ủi:

- Đừng khóc, Isabelle. Cứ mỗi chuyện nhỏ nhặt cũng khóc rồi chẳng tới đâu cả.

- Vậy nên khóc cho những gì?

Tôi muốn đáp, hãy khóc cho nỗi thống khổ của hành tinh đáng nguyên rủa này, nhưng chỉ có thể nói:

- Đó không phải là tai họa, Isabelle. Đó là hạnh phúc. Chỉ tiếc là chúng mình chỉ có thể diễn tả được với những chữ toàn vẹn và không toàn vẹn.

Nàng lắc đầu liên hồi

- Không, không...

Và nàng khóc nhiều hơn. Tôi chợt thấy nàng có lý bởi luôn luôn phủ nhận tất cả mọi thỏa hiệp và lúc nào cũng gọi lên hai tiếng tại sao. Đó là hai tiếng làm thành câu hỏi độc nhất và duy nhất của bản ngã.

- Tai họa khác hơn thế, Isabelle.

- Anh nói sao?

- Tai họa không phải là vì con người bao giờ có thể trở thành một hữu thể duy nhất mà là cứ phải luôn luôn tự tách rời ra, mỗi ngày và mỗi giờ trong ngày. Mình biết và mình không chấp nhận, cũng như hột cát lọt xuống khỏi những ngón tay. Luôn có một phần trong người chết trước. Và luôn còn lại là phần kia.

Nàng ngược mắt lên:

- Làm thế nào rút bỏ được cái mà mình không có?

- Có nhiều cách rút bỏ đi hoặc tự rút bỏ đi, tất cả đều đau đớn cũng giống như sự chết.

Isabelle thôi khóc:

- Làm sao anh biết được điều đó? Anh chưa già mà.

Hỡi ơi! Chính tôi tự cảm thấy già. Một phần trong người tôi đã bắt chọt già đi khi tôi từ chiến trận trở về:

- Tôi biết nhờ kinh nghiệm, Isabelle.

Người ta có thể bỏ lại nhiều thứ, cuối cùng là bỏ lại đằng sau tất cả. Khi dần bước vào cõi chết, con người đã trần trỗng cho tới lúc từ cõi chết trở về, lại phải lấy lại những gì đã bỏ đi.

Khuôn mặt Isabelle ngời chiếu trong đêm mưa, một cái gì dịu dàng đến với tôi. Tôi đoán được cảnh trạng chiến đấu của nàng giữa sự cô đơn, giữa những bộ mặt của sự điên loạn, không một nơi ẩn trú, không một ngày ngưng nghỉ, lúc nào cũng phơi mình trước những ngọn gió của trái tim, chẳng một ai cứu giúp, không than van cũng không thương hại cho chính mình. Tất cả những lầm lẫn, điên loạn khiếp nhược bắt đầu từ đâu, và thái độ tinh khôn cũng như sự can đảm cuối cùng bắt đầu từ đâu?

Có tiếng chuông đồng, Isabelle lo sợ.

- Tới giờ rồi. Cô nên trở về.

- Anh có đi với tôi không?

- Đi chứ.

Chúng tôi đi về trại. Ra khỏi lối đi, màn mưa bụi đón lấy chúng tôi. Isabelle nép sát vào người tôi. Tôi nhìn triền đồi chúi dài xuống thành phố. Không phân biệt được gì. Mưa và sương mù chia cách chúng tôi với bên ngoài. Không một ánh đèn, chúng tôi hoàn toàn cô độc. Isabelle đi bên tôi như đã vĩnh viễn thuộc về tôi, như không còn một trọng lượng nào, như một khuôn mặt huyền thoại bị chi phối bởi những định luật khác hẳn những định luật của vũ trụ này.

Chúng tôi dừng lại ở cửa. Isabelle bảo:

- Vào đi!

Tôi lắc đầu:

- Không được. Hôm nay không vào được.

Nàng lẳng lặng nhìn tôi với đôi mắt thật trong, không một trách móc hay thất vọng. Rồi bỗng nhiên, dường như một cái gì đó chợt tắt lịm ở nàng. Tôi nhìn xuống với cảm giác của một kẻ vừa đánh đập một đứa bé hay vừa giết chết một con én. Tôi nói:

- Đêm nay không được. Để mai.

Isabelle vẫn lẳng thinh. Nàng đi vào trong. Một nữ tu sĩ đưa nàng lên lầu. Tự nhiên, tôi cảm thấy đã đánh mất vĩnh viễn một vật gì đó mà đời người chỉ có thể bắt gặp một lần.

Phải làm gì đây? Tại sao tôi dính líu vào tất cả chuyện này? Tôi có muốn thế đâu, có lẽ tại cơn mưa.

Uể oải, tôi đi về gian chính diện. Wernicke từ trong đi ra với một cái dù.

- Trả cô Terhoven về phòng chưa?

- Rồi.

- Tốt. Nếu có thể được cũng nên gặp cô ấy ban ngày.

- Chi vậy?

- Chưa trả lời được. Có điều mỗi lần gặp cậu, cô ấy có vẻ tinh táo hơn. Rất tốt cho cô ấy.

- Nhưng cô ta coi tôi là người khác.

- Có sao đâu! Tôi nói là cho người bệnh của tôi chứ đâu phải cho cậu.

Ông ta nháy mắt với tôi:

- Hồi này, Bodendick vừa khen cậu.

- Thật không? Có bao giờ tôi để cho ông ta có dịp khen đâu.

- Ông ấy bảo là cậu đang đi trên con đường thú tội.

Tôi không khỏi bất bình:

- A! Lại có chuyện mới lạ.

- Đừng hiểu lầm sự khôn ngoan của Giáo đường. Chế độ độc tài đó là chế độ duy nhất còn tồn tại, sau gần hai ngàn năm.

Tôi trở xuống thành phố. Isabelle lảng vảng trong đầu. Tôi đã bỏ nàng... đó là điều nàng đang nghĩ tới. Có lẽ tôi đừng nên bao giờ trở lại đó. Còn trở lại tức là tự gây phiền toái. Nhưng nếu nàng không còn ở đó. Vấn đề trọng yếu là cái gì không bao giờ thuộc về mình, thì cái đó sẽ không bao giờ hao mòn, già cỗi và trở nên thường nhạt.

Tôi đi qua cửa hiệu đóng giày của Karl Brill. Từ bên trong vang ra tiếng máy hát. Karl có mời tôi dự tiệc đêm nay, một trong những dạ hội tại nhà ông ta có cả bà Beckmann biểu diễn sức mạnh của bắp thịt. Tôi do dự một lúc, cuối cùng tôi bước vào với nỗi chán chường.

Từng vàng khói thuốc và từng luồng hơi bia xóa vào mặt tôi, Karl Brill hơi lão đảo chạy tới ôm tôi. Trán ông ta cũng sói như trán Georges, nhưng dường như tất cả tóc trên đầu đều chạy xuống ở chung với bộ râu hải cẩu.

- Người bạn trẻ tới vừa đúng lúc, tiền đánh cá đã hết ra rồi. Bây giờ chỉ còn chờ có nhạc giúp vui thôi. Chơi một bản valse nghe! Flots du Danube?

- Đồng ý!

Chiếc dương cầm đặt trong xưởng máy. Chồng chất, dựa tường là giày đủ cỡ và da thuộc, rải rác đây đó là những chiếc ghế. Một thùng bia khoét lỗ nằm bên cạnh các chai rượu mạnh. Thùng bia thứ hai đang chờ sẵn trên quầy. Trên mặt bàn là một cây đinh to tướng có quán bông gòn ở đằng đầu, bên cạnh là một cái búa đóng giày.

Tôi đánh bản Flots du Danube. Giữa làn khói mù, các ông khách ngà ngà say, nghiêng qua ngã lại. Karl đặt lên nắp dương cầm một ly bia và một ly rượu, mạnh, bảo nhỏ với tôi:

- Clara đang chuẩn bị. Hơn ba triệu tiền đánh cá! Nếu bà ta thất bại là tôi đi ăn xin ngay. Nhớ chơi bản gì giựt gân để tiếp sức. Bà ta mê nhạc lắm.

- Được rồi, tôi sẽ đánh bản “Những người giác đầu”. Cho tôi cá nhỏ nhỏ với, được không?

Mặt Karl xịu ra:

- Cậu Bodmer, chẳng lẽ cậu cũng cá nghịch với Clara nữa sao? Như vậy là làm sao chơi nhạc cho có hồn?

- Không, tôi đứng về phía bà ấy mà.

- Tốt lắm! Bao nhiêu?

Một giọt nước thôi. Tám chục ngàn, cả gia sản của tôi.

Karl suy nghĩ một chút rồi quay lại hỏi cử tọa:

- Có ai còn muốn cá tám chục ngàn đồng không? Cá với nhạc sĩ dương cầm đây.

- Có tôi.

Một anh chàng cao lớn bước ra, móc một xấp bạc trong một cái va ly nhỏ, ném lên quây.

Tôi đặt tiền bên cạnh xấp bạc của hắn và hô to:

- Xin ông Tô ăn trộm phò hộ cho. Nếu không là ngày mai không còn một xu ăn cháo.

Karl Brill nôn nóng:

- Xong rồi, xong rồi!

Mọi người quan sát cây đinh. Karl sẽ đem đóng cây đinh vào tường cho ngập khoảng một phần ba ở chỗ thấp vừa với hạ bộ. Hắn giơ búa thật cao nhưng đập vào vừa phải. Hắn làm bộ lay lay đầu đinh rồi nói lớn:

- Chắc lắm rồi.

Nhiều người đề nghị nên xem lại. Anh chàng cao lớn bước ra nắm cây đinh lay mấy cái rồi nheo mắt:

- Karl, tôi chỉ thổi một cái là đủ bay. Cho mượn cái búa đi.

Gã cao lớn nhổ đinh ra đem đóng một chỗ khác. Karl quan sát khoảng sáu hoặc bảy phân còn thò ra ngoài. Hắn nhăn mặt:

- Sâu quá. Kéo bằng tay ra cũng không nổi nói gì kẹp bằng móng để nhỏ.

- Cái đó ai biết.

Tôi bắt đầu đánh bản “Những người giác đầu”. Tại trường canh ba bà Beckmann xuất hiện trong chiếc kimono đỏ bóng có thêu một con phượng ở sau lưng.

Đây là một người đàn bà vạm vỡ, có đáng dấp của loài chó mặt bạnh, nhưng là

một con chó đẹp. Tóc đen huyền xoắn lộn, mắt như hai quả anh đào... phần còn lại thì mập phi, nhứt là ở cằm. Điều chắc chắn là thân thể đầy thịt ấy lại chắc nịch, bộ ngực là nơi đặt hai pháo đài và sau cùng là hai cặp mông to xù nhưng rắn chắc như đá hoa cương Thụy Điển. Đêm nay, với sự hiện diện của anh chàng to lớn chưa quen biết, bà ta thử thử lại lần thứ hai sức mạnh của bắp thịt mông bằng cách kẹp vào đầu đinh nhổ ra.

Tất cả diễn ra trong tinh thần thể thao, cử tọa đều bảo thế. Bà Beckmann nghiêng mình chào vô cùng trang trọng từ từ đi tới chỗ cây đinh, phần dưới thân thể được che khuất bởi một tấm bình phong thấp, làm vài động tác thể dục.

Tôi bắt đầu đánh những âm thanh trầm làm thành một hồi trống xung trận. Bà Beckmann vận chuyển tất cả các bắp thịt. Karl Brill lo ra mặt. Bà Beckmann lại cứng người, mắt nhìn lên trần, nghiêng chặt răng. Một tiếng động khô khan... và bà Beckmann đi tránh ra: cây đinh dưới đất.

Tôi chuyển sang bài “Kinh cầu của một nữ đồng trinh”. Bà ta gật cái đầu to lớn về phía tôi, tỏ dấu cảm ơn và bảo lớn “Chúc các vị vui vẻ” rồi khép hai tà kimono lại, lên lầu.

Karl Brill gom tiền và đưa phần của tôi lại. Gã to lớn lại quan sát lỗ đinh, khẽ kêu lên:

- Ghê gớm thật!

Rượu mạnh và bia lại tuôn ra như suối. Tôi uống luôn mấy ly và tiếp tục đàn, sung sướng vì không còn cô đơn nữa. Mưa rơi bên ngoài, sương mù bao phủ quanh tôi, Isabelle hiện ra trong bóng mờ. Tôi thấy nàng không phải là người điên, mặc dầu biết rằng nàng vẫn còn điên, nhưng trong người chúng ta có ai dám bảo mình không điên?

Tiếng cãi vã làm tôi tỉnh lại. Gã cao lớn đang hăng tiết vì những đường cong trên thân thể bà Beckmann. Quá say, hẳn chẳng còn giữ gìn ý tứ nữa. Hẳn đưa ba đề nghị với Karl Brill:

- Năm triệu để ngồi uống trà một buổi chiều với bà Beckmann.

- Một triệu nếu được nói chuyện vài câu lại đây - có lẽ hẳn sẽ mời bà ta dùng cơm tối có mặt Karl Brill.

- Hai triệu đề sờ nắn cái móng to lớn, cũng ngay tại chỗ này, trong tinh thần quan sát, tuyệt đối không ần ý.

Dĩ nhiên là Karl nổi cơn thịnh nộ. Nếu anh chàng có ý niệm thể thao thật sự thì có lẽ Karl không tức giận, đằng này lúc đề nghị, mắt anh chàng bốc ra những ý nghĩ hắc ám khiến Karl cảm thấy chàm tư ái. Hấn hét lớn:

- Bì ồi quá! Các vị có thấy không? Vậy mà tôi tưởng ở đây toàn những người đứng đắn.

Gã to lớn cãi lại:

- Tôi là người đứng đắn. Vì vậy mà tôi đề nghị.

- Ông là con heo.

- Nếu tôi đã không là con heo thì tôi đã không là người đứng đắn. Ông bạn nên hãnh diện có một nàng như vậy. Tại sao ông bạn giận? Bạn kết hôn với bà ấy rồi à?

Tôi thấy Karl nhảy dựng lên như bị gai đâm đít. Hấn và bà Beckmann sống với nhau như chồng vợ nhưng không cưới hỏi. Tại sao không cưới hỏi, chẳng ai biết được. Dường như đó là một trong những thói kỳ của hấn cũng như hễ cứ vào mùa Đông là hấn thường đào lỗ trong băng rồi chui xuống đó tắm, và gọi đó là một trò thể thao.

Gã to lớn cãi nhải:

- Tôi, ông bạn biết không, một hòn ngọc quý báu như thế, tôi sẽ bồng trên tay, tôi sẽ bọc lại bằng nhung lụa. Bằng nhung lụa đỏ.

Gã vừa nói vừa dùng tay phác họa những đường cong của bà Beckmann trong không khí. Một chai rượu mạnh cạn tới đáy đang nằm bên cạnh gã. Tôi không chú ý tới nữa và tiếp tục đánh đàn. Tôi tưởng tượng cảnh gã bồng bà Beckmann trên tay...

Karl quát lớn:

- Ra ngay! Quá lắm rồi. Tôi không bao giờ đuổi khách nhưng lần này thì đã quá sức chịu đựng.

Một tiếng thét đau đớn vang lên từ cuối phòng. Ở đó, một anh chàng say đang nhảy cẫng. Karl phóng tới, chụp một cái kéo, chặn máy ngừng lại. Anh chàng say ngã ra bất tỉnh.

Karl tức tối:

- Trời ơi! Sao lại nhè máy ghép đế giày mà phá.

Mọi người ào tới. Một vài đoạn chỉ may còn dính tồn teng ở hồ khâu bàn tay phải của anh chàng hay tấy máu. Karl đổ rượu vào vết thương khiến anh ta tỉnh lại ngay. Karl bỗng nhìn quanh và lo ngại:

- Thằng cha to lớn đâu rồi?

Một người đùa:

- Có lẽ tự nó đã biến thành nhỏ lại để không ai thấy.

Mọi người cười ồ lên. Nhưng tất cả bỗng trở mất khi cửa mở bật ra. Anh chàng to lớn gập cong người lùi lủi đi vào, hai cánh tay bị bẻ quặt ra sau bởi bà Beckmann. Tới giữa phòng, bà ta xô mạnh tới khiến anh chàng ngã chúi vào đồng giày đàn bà. Bà Beckmann phủi tay như vừa cầm phải một món đồ dơ rồi lẳng lẳng quay ra.

Karl nhảy tới, dựng xóc gã to lớn lên. Gã rên rỉ:

- Trời ơi! Nó bẻ lọi tay rồi. Ôi đau bụng, chết mất.

Không cần giải thích ai cũng biết, bà Beckmann cũng mạnh tương đương như Karl - nhà thể thao tẩm tuyệt - hiển nhiên là bà ta đã vặn lọi một cánh tay của gã và đã đánh gã như tử. Sau thảng trước, hai tên trộm lén vào xưởng không may bị bà ta bắt gắp. Cả hai đều vào nhà thương.

Giận tái mặt, Karl lôi gã to lớn ra chỗ sáng nhưng gã đã bất tỉnh rồi.

Một ông khách cao lêu nghêu vừa đổ một ly bia vào chiếc dương cầm vừa nhura nhura nói:

- Coi vậy mà thằng Karl cũng có tinh thần hiếu khách.

Tôi ra đường lớn trở về nhà. Đầu nặng như chì. Đã uống quá nhiều nhưng tôi không biết hối tiếc bởi vì tôi muốn vậy. Sương mù từng lúc che mờ một vài ánh đèn lẻ loi ở các cửa hiệu buôn. Trước cửa một hàng thịt, một bó hoa hồng khoe màu cạnh một con heo sữa. Quanh đó là một số dôi chả được xếp đặt với một sự lơ là cố ý. Quả là một cảnh tượng duyên dáng nhằm phối hợp sự thường ngoạn và ý nghĩa thực dụng.

Vào tới sân, sương mù dày đặc, tôi đụng mạnh vào một cái bóng. Lại lão thượng sĩ hồi hưu đang đứng trước cái tháp tưởng niệm đen. Knopf lão đảo vội vàng ôm cái tháp trong dáng điệu như muốn trèo lên.

- Xin lỗi vì không thấy đường nên đã đụng vào ông. Nhưng ông định làm gì nữa đây? Tại sao không về nhà mình hoặc ra góc đường tiêu tiện?

Lão ta buông tay ra, gằm gừ nhỏ nhỏ:

- Làm cái gì kỳ vậy? Ướt hết cả quần rồi.

- Càng tốt. Cứ đái vào quần như vậy cho ấm.

- Nè, nên lễ phép một chút!

Và lão ta xiêu vẹo bỏ đi. Tôi lên cầu thang với ý định dùng số tiền thắng cuộc ở nhà Karl mua một bó hoa gửi cho Isabelle. Thường thường, hẳn cứ tặng hoa cho ai là tôi gặp chuyện đau lòng nhưng biết cách nào khác hơn. Tôi đứng bên cửa sổ nhìn trời đêm và thì thầm những lời lẽ mà tôi thích được nói ra vào một ngày nào đó với một người nào đó. Bây giờ, tôi chẳng có ai để nhận lấy thứ ngôn ngữ đó, ngoại trừ Isabelle, nhưng khôn nổi, trên thực tế nàng chẳng hề biết tôi là ai. Còn tôi, tôi có thật sự biết mình là ai chưa?

Oscar Fuchs tự là “Oscar mắt treo cờ tang” ngồi trong văn phòng. Tôi hỏi hắn:

- Có gì hay không? Dịch cúm đã lan tràn tới mây làng rồi?

- Không ăn thua gì cả. Dân quê vẫn mạnh như thân. Dân thành phố thì khác. Tôi vừa kiếm được mấy mối cho hãng Hollmann và Klotz. Một cái tháp bằng đá hoa cương đỏ mài nhẵn một mặt, một tấm bia thường, hai cái bệ cao khoảng một thước năm giả làm bờ tường, giá triệu hai trăm ngàn Marks, một cái nhỏ cao một thước một, giá một triệu ba trăm ngàn. Vậy là được giá cao. Nếu các ông bớt cho một trăm ngàn, tôi nhường mối lại cho. Phần hoa hồng của tôi là hai chục phần trăm.

Tôi nói ngay:

- Mười lăm.

Oscar lắc đầu:

- Hai mươi. Bên Hollmann và Klotz họ cũng cho tôi mười lăm. Nếu chỉ lấy mười lăm thì tội gì phản chủ?

Tôi biết hắn nói láo. Bên ấy họ chỉ cho hắn mười phần cộng với tiền sở phí:

- Họ trả tiền mặt chứ?

- Cái đó là việc của các ông. Đây là những người có tiền.

- Bạn Fuchs, tại sao bạn không qua hẳn bên chúng tôi. Chúng tôi trả cao hơn bên đó lại đang cần một đại diện có tài như bạn.

Oscar nheo mắt:

- Thú thật, tôi là người thích những tình trạng lờ mờ, không ưa sáng tỏ hẳn vì bản tính hay hờn giận. Bởi vậy, hễ mỗi lần có chuyện gây gổ với lão Hollmann là tôi

lại luôn một mối đặt hàng qua bên này để trả thù. Nếu tôi làm việc hẳn cho các ông thì tôi lại cũng như thế.

- Bạn có thấy nghề của bọn mình là phiền toái không? Nhứt là đối với bạn, người đóng kịch như thật.

Oscar cười như cái cười của một kếp chánh vai hoàng tử rồi ra điệu vô cùng khiêm nhượng:

- Mình chỉ làm điều gì có thể làm được, vậy thôi.

- Nhưng nhờ đó mà bạn gặt hái nhiều kết quả kỳ lạ. Bạn có nhờ tới vật gì không hay hề cứ muốn là khóc được ngay?

Trước đây, mỗi khi sắp vào một nhà có đám tang để kiếm mối bán mộ bia hay tháp tưởng niệm, hẳn phải dùng một vài khoanh củ hành tây sát vào mắt cho nước mắt chảy ra. Vậy mà mấy lúc sau này nghe nói hẳn đi vào với đôi mắt ráo hoảnh, rồi nhân câu chuyện nói về người chết, hẳn khóc như mưa với những giọt mắt thật sự. Có thể bảo đó là sự khác biệt giữa loại trần châu thiên nhiên và loại trần châu cấy vào sò. Nhờ khóc đúng lúc mà chẳng những nhận được mối hàng còn lại được tang chủ đãi ăn.

Georges Kroll từ trong phòng riêng bước ra với điều xì-gà Havan trên miệng. Đó là dấu hiệu yêu đời. Y đi thẳng vào đề:

- Ông bạn Fuchs, có thật là bạn muốn khóc lúc nào cũng được không? Hay là người ta đồn nhằm để làm thối chí bọn này?

Thay vì trả lời, Oscar nhìn sững Georges. Thấy lạ, Georges hỏi:

- Sao, bạn làm gì vậy?

- Khoan, xin đợi một chút. Để tôi dựng ngoại cảnh đã.

Hắn nhắm mắt lại vài giây. Lúc mở ra, mắt hẳn đã ươn ướt. Hắn lại tiếp tục nhìn sững vào Georges, và rồi những giọt nước mắt no tròn bắt đầu đọng trên mi. Một lúc sau nước mắt lăn trên má. Oscar rút khăn tay chặm mắt và nhìn đồng hồ:

- Các ông nhận thấy thế nào? Không đầy hai phút. Có khi chỉ mất một phút thôi

nếu tôi đứng trước thi thể người chết.

Tôi kêu lên:

- Thật là vĩ đại!

Georges rót cognac vào ly của khách:

- Bạn Fuchs, đúng lý bạn phải sống bằng kịch nghệ.

- Tôi cũng có nghĩ tới nhưng dường như không có vai trò nào thích hợp cả. Dĩ nhiên là còn Othello nhưng ngoài ra thì...

- Nhưng bạn làm thế nào? Có quỷ thuật gì không?

- Chỉ cần đôi chút tưởng tượng. Hình dung sự việc với một số chi tiết.

- Như mới đây bạn tưởng tượng gì?

Oscar uống cạn ly:

- Tôi nói thật mong ông Georges đừng giận. Tôi tưởng tượng ông bị mảnh trái phá nát bấy người, và một đàn chuột tới gặm mũi ông trong khi ông còn thoi thóp cố dùng tay đuổi chúng đi nhưng không đủ sức cựa quậy. Xin lỗi, trong trường hợp cần phải mau nước mắt tôi tưởng tượng tới những hình ảnh khủng khiếp.

Georges đưa tay sờ mắt. Cái mũi vẫn còn. Tôi hỏi dò:

- Có khi nào bạn tưởng tượng mấy người chủ của bạn trong tình trạng tương tự không?

Oscar gật đầu:

- Tôi thường hình dung họ giàu có, sống tới trăm tuổi, tay mắt lành lặn rồi một hôm họ bị chứng huyết tắc và chết ngon lành không đau đớn. Thế là nước mắt tôi trào ra nhưng đó chỉ là những giọt nước mắt căm thù.

Georges lấy tiền hoa hồng trả cho Oscar. Nhận tiền xong hắn có vẻ cảm hứng:

- Tôi mới nghiên cứu được một cách nắc nhen. Có hiệu quả lắm.

Tôi lợi dụng thời cơ:

- Bạn Oscar hãy qua bên này đi. Bạn nên nhớ là chúng tôi luôn luôn nâng đỡ những người biết yêu nghệ thuật chứ không giống như tay nhà quê kia.

“Oscar mắt treo cờ tang” lắc đầu cười:

- Chưa được đâu. Nếu không có một chút phản bội trong người đời tôi cũng chỉ hơn một tấm giẻ rách. Có phản bội mới giữ được quân bình. Xin thông cảm...

Oscar đi rồi, tôi mang mảnh giấy ghi địa chỉ ra trao cho Henri Kroll đang bơm bánh xe đạp ngoài sân. Ông ta nhìn mảnh giấy với vẻ khinh bỉ. Lúc nào ông ta cũng tự coi mình là một tay chuyên nghiệp còn Oscar chỉ là hạng buôn thúng bán mẹt, không đáng cho lão ta dòm ngó.

Henri làm bầm trước khi lấy giấy cho vào túi. Tới trước nhà tôi chợt thấy ông máng và mưa trận đêm trước đã làm cho sứt ra. Georges đã thay cho ông mới. Người đốc công hỏi:

- Còn ông cũ, có làm gì không? Bị lủng bấy bá rồi, cho chúng tôi đi.

Georges gật đầu:

- Thì lấy đi.

Ông nước đang dựng dựa vào cái tháp đen mà Knopf hay tới đá. Ông dài khoảng vài thước và đầu ông bẻ gập lại thành một góc vuông. Một ý nghĩ chợt lóe sáng trong đầu, tôi cản lại:

- Để đó cho tôi.

Reorges hơi ngạc nhiên:

- Còn dùng được việc gì đâu?

- Rồi anh xem. Tôi sẽ trình diễn một màn ngoạn mục với sự cộng tác của lão

thượng sĩ Knopf.

Henri đạp xe đi. Tôi và Georges đứng ở cửa uống ly bia của bà Kroll vừa đưa qua từ cửa sổ nhà bếp. Trời nóng bức. Gã đóng hòm Wilke đi qua sân với mấy chai rượu, chuẩn bị cho giấc ngủ trưa trong một cái hòm lót dấm bào. Bướm lượn quanh những cây thánh giá. Tôi hỏi Georges:

- Giá đô-la tới đâu rồi?

- Hơn hồi sáng mười lăm ngàn. Nếu cứ giữ đà này thì tới chừng trả hồi phiếu cho Riesenfield, trị giá chỉ còn bằng một tấm bia nhỏ.

Georges cười vang:

- Thờ buổi này, không tính được chuyện gì đằng hoàng cả. Tối nay chú định làm gì?

- Lên đồi. Tới Wernicke. Nên cố quên vật giá. Nếu có thể sống chung đụng với những người điên một thời gian thì cái chuyện chạy đua với cuộc sống sẽ trở thành ngu đần.

- Hoan hô. Ngôn ngữ ngu si khả ái đó đáng được thưởng một ly bia ướp lạnh thứ hai.

Y lấy cả hai ly đặt lên bệ cửa sổ nhà bếp:

- Xin cho thêm hai ly nữa.

Georges đưa ly rượu vừa rót đầy sang tôi:

- Chú có mắc bệnh thời đại không?

- Một thằng con trai biết tự trọng càng bị nặng hơn. Đó là quyền của tuổi trẻ.

- Đúng lắm. Từ sau đình chiến, tôi luôn luôn đi tìm một cái gì đắp vá. Và trong tình trạng đó, tôi mắc bệnh thời đại gấp đôi. Giống như một cái chân bị cưa đau gấp đôi cái chân lành lặn.

Bia mát lạnh. Nắng chiếu thẳng vào trán chúng tôi và thỉnh linh mặc dầu đang

mắc bệnh thời đại, tôi chợt cảm thấy mình đồng lõa voi định mệnh. Tôi uống bia, uống cả chất mát của tâm hồn và hăng hái bảo:

- Bọn mình thường quên rằng mình chỉ là những kẻ ở thuê trên hành tinh này. Do đó, mặc cảm chung ta đối với thế cuộc thường hay sai lạc. Anh có nghĩ tới điều đó chưa?

- Có chứ. Đó là cái tội đáng chết của nhân loại. Bởi thế có lắm người luôn chủ trương hợp lý đã để cho hàng triệu bạc nằm chết một chỗ tới ngày mất giá thay vì tiêu xài trước khi chết.

- Phải. Nhưng anh sẽ làm gì nếu anh biết ngày mai sẽ chết.

- Chưa biết.

- Không à? Một ngày có lẽ quá ngắn. Nhưng nếu anh biết trước sẽ phải chết sau một tuần?

- Vẫn không có ý gì.

- Anh phải làm một cái gì chứ! Nhưng nếu biết trước một tháng?

- Có lẽ tôi cứ tiếp tục sống như trước. Nếu làm khác đi thì trong tháng đó, mình luôn luôn bị ám ảnh...

- Nhưng mình có tới một tháng để thay đổi.

Georges lắc đầu:

- Và đó là một tháng dài hồi tiếc.

- Anh có thể bán hết các dụng cụ tang chế này cho Hollmann và Klotz, đi Bá Linh và suốt một tháng đó,

đùa với các cô đào, các bà bá tước và tất cả các con điếm hạng sang.

- Trong tám ngày thì còn được chứ sau đó thì sang đến mấy cũng giống như nhau. Và lại, tôi thích đọc các cuộc phiêu lưu loại đó hơn là phải nhập cuộc.

Tưởng tượng không làm cho người ta thất vọng. À, còn chú, chú nghĩ gì nếu biết một tháng là sẽ chết.

Tôi bối rối:

- Tôi hả?

- Chớ còn ai.

Tôi nhìn quanh. Kia là khu vườn, xanh thẫm và ấm với cảnh sắc mùa hè, có chim én, bầu trời xanh...

- Để suy nghĩ đã. Chưa trả lời ngay được. Tôi cảm thấy như sắp nổ tung ra.

- Thôi, vừa phải thôi, nếu không lại phải gởi chú vào Wernicke.

Bà Kroll từ cửa sổ nhà bếp thò đầu ra:

- Có cần một ly bia nữa không? Có mút phúc bồn tử đây.

Tôi kêu lớn:

- Thoát nạn rồi! Bà đã cứu tôi đúng lúc! Mới đây tôi còn là mũi tên phóng tới mặt trời và nhà thương điên Wernicke. Bây giờ cảm ơn Thượng đế, cả thế giới đây. Cuộc sống đang nhơn nhơ trên cánh bướm bay quanh. Nhưng ăn mút uống bia thì cho con xin. Một miếng phô-mai Harz thì tốt hơn. Chào ông Knopf. Trời đẹp quá. Ông nghĩ thế nào về cuộc sống?

Lão Knopf bỡ ngỡ nhìn tôi. Mặt lão tái xanh, mắt có quầng. Lão làm một cử chỉ bực tức rồi khép cửa sổ lại. Georger hỏi:

- Chú định phá ông ấy à?

- Chớ sao! Chờ tới tối đã!

Chúng tôi vào quán Walhalla. Tôi đứng sững lại như vừa đụng phải một thân cây:

- Coi kìa! Vậy là hết nói rồi!

Trong buồng ăn dành riêng, Gerda đang ngồi trước một bình hoa huệ và một đĩa thịt đùi mang to tướng. Tôi nắm tay Georges:

- Sao, có phải là phản bội chưa?

- Phản bội gì?

- Chớ không phải là bội tín à?

- Có phải là bội tín không? Hơi lạ đó.

- Đừng làm ra vẻ Socrate nữa. Bộ anh không thấy cái bóng chập chờn phía sau là Edouard sao?

- Biết rồi. Nhưng ai bội tín? Gerda hay Edouara?

- Gerda còn chớ ai? Đàn ông không có lỗi trong mấy vụ này.

- Đàn bà cũng vậy!

- Vậy thì ai?

- Chính chú mày. Còn ai vào đây nữa?

- Nói như anh dễ nghe quá! Anh không bị phản bội và tự hài lòng về chuyện cảm sùng kẻ khác.

Georges hãnh diện:

- Yêu là vấn đề thuộc tình cảm. Đừng để đạo đức chen vào. Hơn thế, tình cảm chẳng biết gì về phản bội cả. Nó chỉ biết chấp nhận, thay đổi hoặc biến mất... không có dấu vết của sự lừa đảo trong đó. Tình yêu không phải là một hợp đồng. Như vậy đừng than van gì cả. Hoặc từ bỏ hay hành động. Chỉ có một con đường.

Chúng tôi ngồi vào một bàn trống. Gã hầu bàn Freidank tới đưa khăn lau tay. Tôi hỏi dò:

- Ông Knoblock đâu?

Freidank nhìn khắp phòng:

- Không hiểu. Ông ấy vẫn thường ngồi với cô đằng kia.

Tôi nhìn Georges:

- Thấy chưa. Tôi là nạn nhân chỉ định của sự lạm phát tiền tệ. Hết Erna bây giờ tới Gerda. Bộ số tôi là số mọt sùng sao?

- Chiến đấu. Chưa phải thua trận đâu. Tới gặp Gerda đi.

- Nhưng chiến đấu bằng vũ khí gì? Bằng những tấm mộ bia sao? Edouard cho nó đui mang lại làm thơ để tặng. Về thơ phú thì con bé cóc biết về thực phẩm thì rành lắm. Ngu quá! Cũng đáng kiếp chính tôi đã dẫn ả tới đây.

- Vậy thì bỏ cuộc, cần gì phải chiến đấu? Và lại, trên lãnh vực tình cảm có chiến đấu cũng vô ích. Kìa, Edouard tới, chà! Hấn mặc lễ phục lại có bông hồng cài túi. Vậy là chú đi đứt rồi!

Edouard giựt mình khi vừa nhìn thấy bọn tôi. Hấn liếc sang Gerda và chào chúng tôi với tư cách của kẻ chiến thắng. Georges hỏi hấn:

- Ông Knoblock, có phải sự trung tín là dấu hiệu của danh dự như vị Thống chế yêu quý của chúng ta từng xác định không?

- Cái đó còn tùy. Hôm nay thực đơn nhà hàng có món thịt bò viên Königsberg có sốt và khoai tây. Tuyệt hảo!

Georges vẫn thản nhiên:

- Một chiến sĩ có quyền đâm sau lưng đồng đội hay không? Và một nhà thơ?...

- Các nhà thơ cũng thường hay khích bác nhau.

- Nhưng chiến đấu công khai, không được quyền đánh lén.

Edouard cười thật tươi:

- Khốn thay cho kẻ bại, bạn Louis thân mến, người ta buộc lòng phải tranh đấu bằng mọi phương tiện. Phần tôi, tôi có vui vẻ gì khi các bạn cứ đưa mãi vào mặt tôi mấy cái phiếu ăn mất giá.

Tôi nổi sùng:

- Nè, đừng có gân cổ! Muốn gì?

Đúng ngay lúc đó, một bàn tay nhỏ nhắn đẩy Edouard sang một bên. Và Gerda nói với chúng tôi:

- Các bồ đó hả? Vậy chúng mình ăn chung. Tôi luôn luôn mong các bồ tới.

Tôi đay nghiến:

- Cô ngồi ở phòng dành riêng mà. Còn tụi này chỉ uống bia thôi.

- Tôi cũng uống bia vậy. Tôi sẽ qua bàn các bạn.

Tôi hằm hằm nhìn Edouard:

- Sao, Edouard? Mình chiến đấu bằng mọi cách mà.

Gerda chen vào:

- Edouard không có quyền gì cả. Ông ấy rất thích thấy tôi ăn ngon với bạn bè. Phải không, Edouard?

Con rắn độc nhỏ này đã gọi hấn bằng tiểu danh rồi. Edouard áp ứng:

- Dĩ nhiên... chẳng... có gì... rất hân... hạnh.

Mặt hấn đỏ chín nhưng hấn cố cười, trong vô cùng quái dị. Tôi tiếp tục tấn công:

- Hoa hồng trên áo đẹp quá. Tình yêu thiên nhiên hay định hỏi cưới?

Gerda trả lời thay:

- Edouard rất tể nhị trong lãnh vực thẩm mỹ. Edouard, hãy tỏ ra hào phóng. Hãy kêu cho họ...

Edouard hô lớn:

- Cho thịt bò viên Konigsberg! Được rồi, tôi sẽ đích thân chỉ bảo họ làm.

Gerda gọi:

- Cho đùi mang.

Edouard bỗng giống như một động cơ đang chạy sút dây trôn:

- Máy người này không phải là bạn tôi.

- Sao?

Tôi không bỏ lỡ cơ hội:

- Bọn mình cũng gần là bạn với nhau, như Valentin vậy. Bạn có nhớ lần gặp mới đây ở câu lạc bộ thi văn không? Có cần tôi lặp lại lớn tiếng những lời lẽ của bạn hôm đó không? Lúc này bạn đang sáng tác thể thơ nào?

Gerda sững sờ:

- Các người nói gì tôi không hiểu.

Edouard chận ngay:

- Chẳng có gì cả. Máy người này chẳng bao giờ nói chuyện trang nghiêm. Toàn là những thằng hề vô duyên. Nên cố tập cách xử sự đúng đắn.

Tôi trả đũa:

- Ngoài những người phu đào huyệt và những anh thợ đóng hòm ra, chưa chắc ai hiểu hơn bọn này về ý nghĩa cuộc sống.

Đột nhiên, Gerda kêu lên:

- A! A! Khôi hài ma quái! Càng khinh mạn cái chết bao nhiêu thì ý nghĩa trung thực của cuộc sống càng

vượt khỏi tầm tay.

Tôi và Georges sừng sốt nhìn nhau. Thì ra con bé đã học lối nói chuyện lạc hậu của Edouard từng chữ một. Tôi cảm thấy mình đang chiến đấu trên một vũng lầy nhưng chưa chịu bỏ cuộc:

- Cô học được công thức đó ở đâu?

Gerda cười rộ lên:

- Đối với các bạn, đời sống luôn luôn giống với một tấm bia. Người khác thì không đi mau như vậy. Chẳng hạn như Edouard, một con chim họa mi. Edouard tươi rói như một thân cây vừa trở đầy hoa.

Gerda hỏi hần:

- Còn thịt đùi mang đâu?

- À, quên mất... được rồi.

Edouard đi vào bếp. Tôi nhìn con bé quỳ quỵệt:

- Hoan hô! Tuyệt diệu!

- Đừng làm vậy, người ta tưởng là chồng. Cứ vui sống trước đã.

- Nhưng sống là gì?

- Là những gì đang diễn ra.

Georges kêu lên:

- Hoan hô người đẹp. Và cảm ơn đã mời ăn. Cô biết là chúng tôi cũng rất mến Edouard nhưng y không chịu hiểu.

Tôi mở cuộc điều tra:

- Còn cô, Gerda, cô cũng yêu hấn phải không?

Gerda cười và nhìn Georges:

- Trẻ con quá! Sao ông không mở mắt cho y sáng ra và bảo cho ông biết rằng tất cả đều không phải là vật sở hữu của riêng y.

- Tôi cũng tiếp tế cho hấn nhiều nguồn sáng nhưng hấn cứ lay quay mãi với một đồng mặc cảm mà hấn gọi là tư tưởng. Chừng nào hiểu được, lớn mới có thể khôn ra.

Gerda ngồi đối diện với tôi, dáng dấp tự tin, con dao cầm trên tay, đang đợi phần thịt mang thứ hai. Mặt con bé bầu bĩnh hơn lúc trước có lẽ nhờ sự dinh dưỡng của Edouard. Con bé nhìn tôi không một chút ngượng ngịu. Nhưng tại sao phải ngượng? Tôi có quyền hạn gì với nó? Và ngay lúc này, ai mới thực sự lừa dối nhau?

Thịt được mang tới. Cuộc đối thoại tạm ngưng, Edouard theo dõi chúng tôi như gà mẹ. Đây là lần đầu tiên hấn trả một bữa ăn cho bọn tôi. Tôi chợt để ý nụ cười khó hiểu của hấn khi thỉnh thoảng láy mắt với Gerda. Phần con bé, nó vẫn giữ nụ cười vô tư. Gerda còn trẻ hơn tôi, nhưng tôi phải nhìn nhận rằng về kinh nghiệm nó hơn tôi chừng bốn tuổi. Gerda nhắc:

- Ăn đi, em bé.

Món thịt mang trứ danh thế mà đối với tôi chẳng có mùi vị gì đặc biệt. Edouard hỏi tôi:

- Thêm một ít nữa chớ?

Tôi chung hứng tưởng chừng như viên cựu hạ sĩ quan huấn luyện viên của tôi ra lệnh cho tôi hôn ông ấy. Georges cũng hơi lo ngại. Nhưng sau khi phân tách tình hình, tôi biết là hấn định thẩu cáy bọn tôi, làm ra vẻ như đã chiếm trọn cả hồn lẫn xác Gerda. Chắc chắn là chưa. Vì chưa, nên con bé được ăn các món sang chớ nếu đã trao thân cho hấn vài lần thì chỉ được ăn thịt vò viên Konigsberg là cùng. Con bé cũng không phải tay vừa.

Đêm hoàn toàn yên tĩnh với cả một trời sao trên thành phố. Tôi ngồi suy tư bên cửa sổ để chờ lão Knopf. Tôi đã gắn ống nước cũ bắt dài từ cửa sổ quanh queo ra tới sân, để đầu ống có góc vuông hướng về cái tháp đen. Tuy nhiên, đứng từ chỗ đó, không thể nào khám phá ra quỹ kê của tôi.

Tôi đọc vớ vẩn một vài tin trên báo. Đô-la: lại tăng thêm mười ngàn Đức kim. Chỉ có một vụ tự tử nhưng có hai cuộc đình công. Phần công chức, sau nhiều cuộc thảo luận, chánh phủ chấp thuận tăng lương nhưng đồng Marks đã mất giá đến nỗi khoản tiền tăng đó chỉ vừa đủ mua được một lít dầu cho tuần trước. Tới tuần sau, có lẽ chỉ còn mua nổi một cái hộp quẹt. Số người thất nghiệp gia tăng đến một trăm năm chục ngàn. Đâu đâu cũng có những xáo trộn. Rác rến được nghiên cứu để dùng vào việc công ích. Dịch cúm lan tràn, vấn đề nuôi dưỡng những người già lão được đặt ra. Nhưng trong thời gian chờ đợi có thông cáo chánh thức, những người tàn tật và già lão chỉ còn có cách là đi xin hay sống bám vào bạn bè, thân quyến.

Có tiếng bước chân nhẹ nhàng vào ngõ hẻm. Tôi cẩn thận nhìn ra. Không phải Knopf. Đó là một cặp nhân tình rón rén đi vào khu vườn của hãng chúng tôi. Wilke có lý: họ còn có thể đi đâu được nếu không vào khu vườn này? Nếu ở trong phòng trọ thì mục chủ nhà sẽ rình ngoài cửa với cái chổi trong tay, sẵn sàng nhân danh đạo đức để tống cổ ra. Trong những công viên, họ luôn luôn bị những cặp mắt sáng quắc của cảnh sát chiếu vào. Đi khách sạn? Tiền đâu? Như vậy chỉ còn có ở đây là yên tĩnh nhất. Những tấm bia lớn sẽ ngăn cặp này với những cặp kia. Những tấm bảng báo động của tôi coi chừng giập chân chẳng có hiệu lực nào. Ai còn có thể nghĩ tới ngón chân của mình khi tất cả máu trong người đều trên ba mươi bảy độ?

Cuối cùng tôi nhận ra tiếng bước nhịp nhàng của lão Knopf. Tôi nhìn đồng hồ: hai giờ rưỡi khuya. Nhà cựu huấn luyện tân binh quân dịch này chắc đã say như. Không cần nhắm hướng, lão đi thẳng tới cái tháp đen. Tôi kê miệng vào đầu ống nước đằng này và quát lớn:

- Knopf!

Tiếng nói qua tới đầu ống bên kia sẽ vang âm phía sau lưng lão như tiếng gọi dưới đáy mồ. Lão thượng sĩ hồi hưu giụi mắt, nhìn quanh quất. Tôi lấy giọng nhà binh:

- Knopf, chú không biết xấu hổ sao? Lúc nào say rượu về cũng đái bậy vào các vật linh thiêng đó hả? Con bò?

Lão quay đầu khắp mọi hướng và áp úng:

- Cái gì?... Ai đó?

- Khôn khiếp! Còn dám hỏi lại à? Thượng cấp nói chuyện phải đứng nghiêm.

Lão nhìn về phía nhà lão vì tiếng nói dường như từ đó phát thanh ra. Không một ánh đèn, cửa nẻo đóng kín. Cái ống gắn ở tường, lão không làm sao phân biệt nổi.

- Đứng nghiêm!

Knopf lập tức đứng thẳng người, tay đặt ở nẹp quần. Ánh trăng chiếu vào đôi mắt mở to của lão.

- Knopf! Nếu bị bắt gặp lần nữa, chú sẽ bị giáng chức xuống làm binh nhì. Tội làm ô danh quân đội Đức và bôi lọ hiệp hội những thượng sĩ hồi hưu.

Knopf nghiêng đầu lắng tai nghe. Giữa đêm khuya vắng lặng, tôi nghe lão ta lầm bầm:

- Trời! Đức Thượng đế!

Giọng nói ma quái nhái theo cấp trên ngoài mặt trận của tôi tiếp tục lần cuối:

- Nhớ kỹ là còn vi phạm lần nữa, chú sẽ bị giáng chức và bị hoạn. Bị hoạn, nghe rõ chưa! Nghỉ! Nghiêm! Bên phải! Quay! Tan hàng!

Ngắn người, lão Knopf làm theo khẩu lệnh, đưa tay lên chào rồi lão đảo đi về nhà. Ngay sau đó, cặp tình nhân lúc nãy chạy vọt ra ngoài hẻm như hai con mang. Tôi có muốn làm cho họ sợ hãi đâu!

Thi đoàn lại tới kỳ họp tại nhà Edouard Knoblock. Cuộc viễn chinh nhà chứa đã được quyết định xong. Nhân vật chính là nhà giáo kiêm nhà thơ Otto Bambuss đứng chờ đợi để tìm hồng huyết cầu cho những vản điệu của anh ta. Hans Hungermann cũng nôn nóng với mục đích gia tăng kích thích tố cho tập *Casanova* và một số thơ tự do chưa đủ sức nóng.

Tôi hỏi Edouard:

- Sao bạn không đi với chúng tôi?

Hắn trả lời với giọng điệu trên trướng:

- Không cần. Đã đầy đủ lắm rồi.

Tôi biết là hắn nói dối và biết rõ hắn muốn ám chỉ gì. Hans Hungermann cười:

- Ông ta ngủ với mấy con nhỏ ở nhà hàng. Nếu chúng nó từ chối, ông ta sẽ tổng cổ ra.

Edouard phản kích ngay:

- Chỉ có những đứa làm thơ tự do mới thích thú tự do luyện ái. Với tôi thì không, thưa ông bạn.

- Còn với khách thì sao?

Edouard nhìn lên cao:

- Với khách nhà hàng? Đôi khi mình đa cảm. Như những nữ bá tước Bell Armin chẳng hạn, hay thí dụ như...

Tôi cắt ngang:

- Nói hết ra. Thí dụ như ai?

Edouard nhún nháy:

- Người đàn ông luôn luôn biết giữ kín chuyện riêng.

Ngay lúc đó, Valentin Busch bước vào. Tuy không phải con người văn nghệ nhưng hắn vẫn tới mỗi khi Otto Bambuss lạc vắn thơ. Hắn cười với Edouard:

- Mạnh giỏi chớ? Vẫn sung sướng còn được sống, phải không? Nếu không thì làm gì có chuyện bá tước.

Edouard ngạc nhiên:

- Ủa! Làm sao bạn biết?

- Ở dưới đường, tôi nghe bạn tuyên bố oang oang. Chắc là uống khá nhiều. Mặc! Sẵn sàng chấp nhận vụ bà bá tước. Chỉ biết là tự hài lòng đã cứu bạn sống đủ rồi.

Đoán chừng Valentin sắp mở cuộc tấn công vào hầm rượu, Edouard đánh gạt:

- Ồ, đó là chuyện còn hồi chiến tranh.

Valentin hòa hoãn:

- Được rồi! Nhưng sau chiến tranh coi bộ bạn sống thơ mộng lắm.

- Giữa thời buổi này à?

- Tự nhiên. Khi thất vọng con người thường thích chuyện phiêu lưu. Nữ bá tước, nữ nam tước, nữ tử tước giữa thời buổi này lại càng thất vọng hơn ai cả. Xin lỗi, đang ở giữa những nhà thơ mà tôi lại ghép vắn ghép điệu. Thế nào, Edouard? Một chai rượu ngon chớ?

Knoblock vẫn không lạc hướng:

- Bữa nay, không được đâu. Rất tiếc, Valentin, cả thi đoàn bạn ra ngoài thưởng ngoạn.

- Bạn cùng đi à?

- Dĩ nhiên, Louis! Là thủ quỹ, tôi phải... Hồi này, tôi không nghĩ tới. Bôn phận phải làm tròn.

Tôi cười, Valentin nháy mắt với tôi nhưng không cho biết có cùng đi không. Edouard cũng cười khi nghĩ tới khối mất toi một chai rượu hảo hạng.

Chúng tôi lên đường tới số 12 đường Nhà Ga. Thành phố chúng tôi có hai nhà thổ, nhưng cái quán gái ở Nhà Ga đặc biệt hơn. Đó là một ngôi nhà nho nhỏ nằm biệt lập giữa những cây bạch dương. Đó cũng là nơi mà tôi đã từng biết qua thời còn thơ ấu, dĩ nhiên là không cần hiểu những nhân vật trong đó làm gì.

Những chiều thả rong, bọn học trò nhải ranh chúng tôi thường rủ nhau ra suối hay tới ao để bắt cá, câu lươn hoặc ra đồng đuổi bướm. Một trưa nóng bức, chúng tôi kéo nhau tìm quán nước không ngờ lại đi vào ngôi nhà số 12. Gian phòng lớn tầng dưới cũng giống như hầu hết những quán nước khác. Chúng tôi quây quần uống nước Seltz và một lúc sau, vài người đàn bà mặc áo rộng trong nhà và váy hoa đến ngồi cùng bàn. Họ hỏi chúng tôi làm gì và học lớp mấy. Tám hôm sau, đúng vào tiết đại thử, bọn tôi lại vào quán này, có cả sách vở mang theo để học ôn trong khi ngồi hứng mát bên bờ suối. Những người đàn bà khả ái đó cũng lại tới bàn chúng tôi hỏi han thân mật. Phòng mát, người nhà dễ dãi, buổi chiều lại vắng khách, chúng tôi lấy bài ra làm. Mấy người đàn bà nhìn chúng tôi học, thỉnh thoảng chỉ dẫn cách làm cho đúng với dáng điệu của những cô giáo. Họ đọc lại những bài luận, kiểm soát điểm, bắt chúng tôi trả bài thuộc lòng. Những đứa giỏi thường được thưởng sô-cô-la trong khi mấy thằng quá kém thì bị véo tai. Và rồi, chẳng bao lâu, hình ảnh quen thuộc và sự đối xử chân tình của người đàn bà dễ mến đó khiến cả bọn học sinh chúng tôi coi họ như dì hay cô giáo. Cứ mỗi lần bọn tôi tới là họ sốt sắng hỏi về bài vở và khuyên nhủ cũng như rầy la. Vào thời đó, mẹ tôi bệnh phải nằm nhà thương nên một phần học vấn của tôi được kể như đã hấp thụ trong ngôi nhà chứa điểm đó. Phải nhìn nhận rằng, họ nghiêm khắc và tận tình hơn những người đã dạy chúng tôi ở trường hoặc ở nhà. Hai mùa Hè liên tiếp, chúng tôi đều tới học và làm bài ở ngôi nhà số 12, rồi gia đình tôi phải dọn về một khu vực khác.

Trong thời chiến, tôi trở lại đó một lần với các bạn. Đó hôm chia tay để lên đường ra mặt trận sau một thời gian được huấn luyện quân sự. Tất cả chúng tôi đều tròn 18 tuổi, và phần lớn chưa hề biết đàn bà. Lý do khiến bọn lính mới chúng tôi chọn nơi này là không muốn chết trước khi biết rõ chuyện đời. Năm đứa cùng vào. Người nhà đón chúng tôi vô cùng náo nhiệt. Phần bọn tôi thì háo

hức vì mấy năm sau này, chúng tôi đã biết họ là ai. Sau một lúc mượn rượu lấy can đảm, Willy - thằng bạo dạn nhứt trong bọn - gọi Frilzi, người hấp dẫn nhứt của nhà chứa:

- Thế nào cưng, mình lên phòng được chưa?

Frilzi trả lời qua khói thuốc:

- Được chớ, nhưng có đủ tiền không?

- Quá nhiều.

Willy vừa đáp vừa cho coi khoảng tiền lương mới lãnh gộp chung với số tiền của bà mẹ cho trước khi ra trận. Fritzi lơ đãng bảo:

- Xong rồi, theo tôi.

Willy đứng lên, lột mũ lính ra. Fritzi bỗng rùng mình mà nhìn sững vào mái tóc hung của Willy - một màu hung đặc biệt - mà mãi cho tới bảy năm sau, người đàn bà này vẫn chưa quên. Fritzi nhận ra ngay:

- Xin lỗi, cậu có phải là Willy không?

Willy cười thật tươi:

- Đúng nó rồi.

- Và trước kia, hồi còn bé, cậu có tới đây làm bài của nhà trường?

- Quả đúng.

Fritzi gằn từng tiếng:

- Vậy mà... mà cậu có còn ý định lên phòng với tôi?

- Cố nhiên! Mình là người cũ với nhau.

Nó vừa đáp vừa cười hô hố nhưng tiếp sau đó là một tiếng chát vang lên. Nó bị tát tai, đang ngơ ngác trong khi người đàn bà nói như nghệt thờ:

- Đồ thú vật! Vậy là hết rồi!

Willy áp úng:

- Sao vậy? Máy thằng kia...

Fritzi lồng lên:

- Máy thằng kia... Mặc kệ chúng nó. Có phải chính tao đã bắt bọn mày trả bài thuộc lòng về giáo lý cương yếu không? Có phải chính tao giúp bọn mày làm bài không? Có phải chính tao lo sợ bọn mày cảm lạnh không? Trả lời mau, quân con heo!

- Nhưng bây giờ, tôi đã mười bảy tuổi rồi...

- Câm miệng! Đồ trâu chó! Đi ra ngay!

Tôi buột miệng:

- Ngày mai nó ra trận.

Người đàn bà nhìn thẳng vào mắt tôi:

- Còn mày, có phải thằng bé thả rấn trong phòng này không? Phải đóng cửa ba ngày để tìm cho ra mấy con rấn của mày, nhớ không?

- Tôi đâu có thả. Tại chúng nó sút ra...

Tôi chưa kịp nói hết đã bị một cái tát như trời giáng. Fritzi gầm lên:

- Đi ra! Mau! Bọn con đồ!

Cả bọn chúng tôi tiu nghỉu đi ra với vũ khí trên tay nhưng cũng với một bên tai nóng rát. Chẳng biết làm gì hơn, cả bọn lại rủ nhau đi uống rượu cho tới say mèm.

Trong tình trạng đó, chúng tôi ra tới chiến tuyến. Mười tám tuổi chưa hề biết đàn bà. Và một số đã chết ngoài mặt trận, chắc không còn đủ thời giờ hối tiếc.



Mùa viêm nhiệt đè nặng trên thành phố. Đồng Mỹ kim lại nhảy vọt lên hai trăm ngàn đồng Marks, nạn đói gia tăng. Vật giá lên thang với một tốc độ kinh hồn. Những người sống bằng đồng lương cố định bằng những lợi tức nhỏ nhoi càng ngày càng khốn đốn trong khi một thiểu số cứ phì nộn ra. Chánh phủ ngồi nhìn như một khán giả. Chẳng có gì đáng lo bởi lẽ nạn lạm phát giúp họ thoát nợ. Hãy cai trị trước đã!

Ngôi mộ phần của bà Niebuhr đặt đã làm xong. Thật là quái đản: cả một guồng máy to lớn bằng đá với cửa kính, dây xích bằng đồng và lối đi lát sỏi. Bà ta cứ đòi làm theo ý mình và bây giờ cả khối đá đó đã thành hình, bà ta không chịu lấy. Với một cây dù sặc sỡ cầm tay, một chiếc nón rom cài hoa trên đầu, một xâu chuỗi trân châu giả quanh cổ, bà ta đứng đợi chúng tôi ngoài vườn. Bên cạnh người góa phụ là một gã thô kệch cao lớn mặc quần áo ca-rô, có vẻ khó chịu vì phải đứng đợi ở một nơi đầy mộ bia, niệm tháp. Vậy là vĩnh biệt những ngày tang chế, bà Niebuhr đã tái đính hôn. Ông chủ lò bánh mì qua cố không còn một chút bóng dáng nào. Người may mắn được chọn là Ralph Lehmann có một chức vị mơ hồ nhưng hấp dẫn là cố vấn kỹ thuật. Với một tiểu danh khá hay và một vị trí trong kỹ nghệ thế mà y phục của anh chàng lại tồi tàn, ngoại trừ cái cà-vạt mới tinh và đôi giày màu da cam, có lẽ là quà tặng đầu tiên của bà Niebuhr.

Câu chuyện chẳng đầu đuôi. Lúc đầu bà ta bảo là không hề đặt làm và trắng trợn hỏi:

- Có giấy tờ gì không?

Georges kiên nhẫn giải thích là nếu bắt thân chủ ký giấy thì chẳng khác gì xúc phạm tới tang gia và cho nghề nghiệp nữa. Và lại chúng tôi còn có khoảng một chục người làm nhân chứng. Chính bà Nieburh đã đòi hỏi phải làm này làm nọ đến nỗi muốn điếc tai cả lô thợ và anh chàng điêu khắc Kurt. Hơn thế, bà ta còn trả trước một phần.

Nghe tới đó, bà ta chộp ngay:

- Đó, tôi đang muốn nói tới chuyện đó. Phải trả tiền đó lại cho tôi.

- Như vậy chúng tỏ là bà có đặt làm.

- Không được đặt gì cả, chỉ có trả tiền trước vậy thôi.

Tôi hỏi anh chàng của giới kỹ thuật:

- Chẳng biết ông Lehmann nghĩ thế nào? Nhứt là với tư cách cố vấn kỹ thuật?

Anh chàng không do dự bênh vực bà cố chủ lò bánh mì ngay:

- Trả lời như thế là đúng. Các ông phải phân biệt...

Georges chận lời bằng cách cho hắn biết là vụ này cũng chẳng có giấy tờ gì cả. Anh chàng quay lại hỏi bà Niebuhr:

- Không có biên nhận hả?

Người góa phụ ấp úng:

- Em không biết... Họ không đưa rồi bây giờ nói ngược...

Georges thẳng thắn:

- Chúng tôi không hề bảo là bà chẳng trả trước. Chúng tôi chỉ muốn cho thấy là công việc giữa bà và chúng tôi chẳng có một giấy tờ nào cả. Ngay như việc đặt hàng cũng vậy.

Ralph chen vào:

- Vậy là rõ rồi.

Georges làm như không nghe, anh nói to:

- Chúng tôi sẵn sàng lấy lại cái mộ phần nếu ông bà muốn.

Ralph lại nói hót:

- Nhưng còn tiền trả trước?

- Đương nhiên là không còn hiệu lực.

- Sao?

Vừa hỏi anh chàng cố vấn kỹ thuật vừa lột áo ngoài ra. Bây giờ tôi mới để ý cái quần của hắn hơi ngắn. Hắn nói tiếp:

- Đối với chúng tôi không thể có chuyện đó.

Georges tỉnh bơ:

- Với chúng tôi cũng vậy.

Cuộc cãi vã kéo dài thêm mười lăm phút nữa trước khi đi tới một thỏa hiệp: chúng tôi trả ngay phân nửa số tiền cọc. Phần còn lại sẽ trả trong vòng hai tuần. Thế là chúng tôi có lợi nhờ vào nạn lạm phát bởi luật pháp không hề trừ liệu đến chuyện này. Nếu họ kiện, việc xét xử có thể kéo dài tới một năm và chừng đó chúng tôi cũng chỉ trả cho y số tiền cũ.

Khi cặp vợ chồng sắp cưới quay lưng, tôi hỏi Georges:

- Bây giờ anh định làm gì với cái lăng tẩm kỳ quái đó? Hay là đặt nó trong vườn để làm một tiểu giáo đường?

- Đừng nóng, chú em! Trước hết là sửa lại cái mái rồi nhờ Kurt Bach cho thêm một cái gì bình thường vào đó chẳng hạn như một con sư tử chịu tang, một người lính xung phong... Tôi sẽ cho bít hai cái cửa sổ lại bằng hai tấm cẩm thạch để làm mộ chí và nó sẽ biến thành...

- Biến thành một cái đài tưởng niệm chiến sĩ trận vong cỡ nhỏ. Anh biết là Kurt không đủ khả năng tạc một thiên thần, một chiến sĩ xung phong hay một phụ nữ Đức đang than khóc. Tài của hắn chỉ tới mức chạm nổi thôi.

Chúng tôi lại bàn thêm một lúc nữa nhưng rồi đầu cũng lại vào đây. Cuối cùng, Georges bảo:

- Thôi bỏ đi. Để tôi mời chú một chai ở quán của Knoblock.

Như thường lệ, mỗi khi thấy chúng tôi là mặt của Edouard như bị che phủ bởi một lớp mây mờ. Georges móc một nắm bạc ra:

- Yên tâm, ông Knoblock. Hôm nay hãng Kroll trả bằng tiền mặt.

- Thật không? Phải tới hồi kết cuộc của những cái phiếu đó chớ. Ngồi gần cửa sổ đi!

Tôi nhìn vào phòng ăn dành riêng. Gerda đang ngồi trước một ly rượu chát. Tôi đay nghiến:

- Này, cô không rời nổi cái quán ăn này hả?

Con bé cười lớn, không một chút ngưng:

- Anh biết là tôi có việc làm ở đây chưa?

- Hả?

- Dạ, như vậy đó, thưa ngài Dụ thăm.

Georges thúc nhẹ cùi chõ vào tôi rồi nói với Gerda:

- Trong trường hợp đó xin phép cho chúng tôi được mời cô.

Gerda nhìn cả hai chúng tôi:

- Các anh tưởng là tôi không có quyền mời như bữa trước sao?

Tôi lại không dẫn được:

- Không là cái chắc. Sợ Edouard từ hôn.

Gerda chỉ cười, không nói. Hôm nay con bé mặc một cái áo quá đẹp bằng tơ sống, màu thuốc lá.

Edouard trở ra và mặt hấn lại bị mây mờ che phủ khi thấy bọn tôi đang nói

chuyện với Gerda. Có lẽ hẳn nghĩ chúng tôi định đánh lừa hẳn để khỏi trả tiền ăn lần nữa. Georges đoán biết ngay:

- Chúng tôi mời cô Schneider để ăn mừng sự xác nhận của người bạn Louis đây. Người thanh niên này cuối cùng đã nhìn nhận rằng quả đất vẫn tròn dù không có anh ta.

Chủ nhà hàng Walhalla tin lời Georges. Hẳn đề nghị:

- Hôm nay có món gà giò tuyệt diệu.

Tôi lắc đầu:

- Không cần. Cứ mang thực đơn thường lệ ra đây. Và đừng dài dòng nữa, đi tìm ngay một chai Reinhasdt 1921.

Gerda ngẩng đầu lên:

- Rượu chát miền Nam? Bộ các anh trúng số phải không? Tại sao không thấy tới Moulin Rouge?

- Như vậy có nghĩa là bọn này chưa trúng lớn. Còn cô, vẫn có mặt thường xuyên, phải không?

- Anh không biết là đáng xấu hổ. Hỏi Edouard thì biết. Tôi xin nghỉ mười lăm hôm. Đầu tháng tới tái ký hợp đồng.

Georges quyết định:

- Tới lúc đó chúng tôi sẽ đi xem.

Gerda nói nhỏ vào tai tôi:

- Cô bạn của anh hôm qua lại tới đó.

- Erna hả? Không phải là bạn của tôi. Đi với ai?

- Nếu không phải là bạn thì đi với ai mặc người ta.

Rượu Reinhardt thì không chê vào đâu được. Edouard mang tới và tự tay khui lấy. Hấn không muốn rượu ngon bị hôi mùi nút chai đồng thời cũng thừa cơ hội để rót cho mình một ly. Hấn hớp một ngụm rượu, rồi tròn mắt, khen:

- Tuyệt hảo!

Hấn nói bằng tiếng Pháp cố giữ thật đúng giọng. Tôi phá ngang:

- Mấy tay tay sành ném rượu chỉ cần một vài giọt là đủ.

- Vớ tôi thì không. Nhứt là vớ loại rượu chát miền Nam này. Không thể bỏ qua.

Hấn trả lời quá đúng làm cho chúng tôi nghẹn luôn. Tuy nhiên, chúng tôi hãy còn con bài bí hiểm cuối cùng: sẽ trả tiền ăn bằng phiếu.

Edouard rót đầy ly cho bọn tôi:

- Georges, bạn đãi tôi một ly, phải không?

Tôi phản đối:

- Chưa được. Chủ tôi và tôi có ý định uống hơn một chai. Bọn này sắp ăn đùng đứng nhìn miệng như thế.

- Được rồi. Nhưng coi chừng, lần này trả bằng phiếu thì sẽ biết.

Hấn lỏn vởn vài bước quanh chỗ ngồi của Gerda như một người đang múa điệu polka.

Gerda cố nhịn để khỏi cười. Tôi chạm vào gối Georges dưới bàn để báo hiệu sắp có trò vui.

- Knoblock!

Một tiếng quát rền vang giọng nhà binh.

Edouard nhảy dựng lên rồi quay nhìn qua vai. Renée de la Tourterelle cười vô tư. Thấy bộ mặt hầm hừ của Edouard, tôi cho hấn phát ân huệ:

- Dừng giận ông chủ quán thân yêu. Đó là lỗi của dòng máu Đức quốc. Hàng thế kỷ bị đô hộ. Nghỉ, trung sĩ Knoblock!

Hai phụ nữ chào nhau và bắt ngay vào chuyện thời trang.

Một lúc sau, Willy xuất hiện, ăn mặc như một ông hoàng. Nó kêu lớn:

- Rượu chát à? Bọn đào huyết định dìm nỗi buồn của những tang gia vào rượu! Có cho khách uống không?

Tôi không chịu lép vế:

- Bọn này không phải mua rượu với tiền kiếm được ở thị trường chứng khoán đâu. Tuy nhiên, vẫn hân hạnh được mời Renée. Bất cứ kẻ nào làm cho Edouard sợ đều đáng được tiếp đón niềm nở.

Gerda phì cười và dùng mũi giày đá nhẹ vào chân tôi. Và gói con bé cọ vào gói tôi rồi giữ yên ở đó. Một luồng nhiệt lực chạy dài theo xương sống tôi. Đột nhiên hai đứa tôi trở thành đồng lõa.

Sau bữa ăn khá náo nhiệt, chúng tôi bảo Edouard mang giấy tính tiền tới, một cho Georges và một cho Willy.

Gerda chờ đợi một sự bùng nổ. Tôi và Georges mỗi người lẳng lặng rút phiếu khấu phần đặt trên bàn. Nhưng, Edouard không bùng nổ. Hắn cười:

- Lần này thì đặc miễn cũng không sao vì các bạn dùng rượu chát khá nhiều.

Hắn có lý vì Willy đã trả tiền rượu phần nó và phần của chúng tôi. Phiếu khấu phần không hề kể thức uống. Một lần nữa, Gerda nói nhỏ vào tai tôi:

- Mình đi...

Cửa sổ mở toang. Bên ngoài lá nho tươi chòn vòn trong gió. Âm thanh đương cầm từ dưới lầu vọng lên. Thỉnh thoảng điệu luân vũ dành cho người đi giày bánh xe lại bị dứt quãng bởi những tiếng uyỳnh uyịch của nữ lực sĩ đấu vật đang biểu diễn.

Tôi đang ở trong phòng trọ của Gerda...

Gần giường có hai chai bia còn mát lạnh. Tôi vói lấy một đũa cho Gerda:

- Biến thành da nâu hồi nào vậy.

- Phơi nắng. Trời mùa này, còn nắng nào hơn. Đường như anh chẳng biết nắng là gì.

- Có chớ. Nhưng ngồi ở văn phòng chả lẽ mặc quần đùi.

Gerda cười:

- Làm việc cho hộp đêm thì ban ngày dĩ nhiên là quá rỗi rảnh. Mấy lúc sau này, anh ở đâu?

- Đi vợ vẫn.

Vừa trả lời tôi vừa nhớ tới Isabelle vẫn thường hỏi tôi câu đó. Tôi hỏi lại:

- Có ở với Edouard thường không?

- Này, đừng có viện cớ làm tình làm tội người ta.

Gerda vươn vai và uống một ngụm bia. Tôi nhìn căn phòng:

- Ở đây cũng đẹp chớ. Có cảm tưởng như đang ở trên thượng tầng của một đại tửu quán nào đó trong vùng biển Phi Châu. Và em thì nâu sạm như các thiếu nữ ở đó.

- Còn anh thì là một nhà buôn da trắng chở theo hàng khối bông vải, trân châu giả, kính thánh và rượu mạnh.

- Đúng vậy. Đúng như anh đã ước mơ từ năm mười sáu tuổi.

- Và sau đó?

- Sau đó, thôi mộng mơ!

Tôi nằm dài trên giường, bình lặng và thoải mái cạnh Gerda. Sương chiều nhẹ nhàng len vào. Tôi không nghĩ gì cả, không cần gì cả cũng không dám tự đặt một câu hỏi nào. Phần thể xác lênh đênh cuộc đời giản dị, thời gian chậm chạp trôi qua, dường như thiên thần đã tới ở tầm tay, tôi lặng lẽ uống từng ngụm bia tươi mát, nghe chất hốt bỏ tan loãng trên đầu lưỡi.

một lúc khá lâu, Gerda bỗng lên tiếng:

- Anh có tin là Renée sẽ được tặng áo lông không?
- Tại sao không? Willy bây giờ đã là tỷ phú mà.
- Em muốn hỏi chị ấy xem Willy hứa loại gì. Hải ly, có lẽ.

Tôi âm ừ:

- Có lẽ là chồn, hay báo. Chắc là báo.
- Áo lông báo không đủ ấm trong mùa Đông. Loại hải cẩu thì xưa rồi. Lý tưởng nhất là hồ cừu.
- Hừm!
- Áo hồ cừu. Đó là cả một cuộc sống. Chỉ có một điều trở ngại là đắt kinh khủng.

Tôi đặt vỏ chai lên sân ván dưới chân giường. Câu chuyện đã bắt đầu gay cấn.

- Tất cả các thứ đó đều vượt quá sức anh. Ngay đến một cái khăn quần cổ bằng lông thỏ cũng không mua nổi.

Gerda ngạc nhiên:

- Anh hả? Em đâu có nói anh.
- Chớ còn ai? Trong hoàn cảnh này dù khờ khạo thế mấy, anh cũng thừa tế nhị để hiểu. Buồn thay, ở thời đại chúng ta, sự tế nhị đã trở thành vô dụng.

Gerda cười ngặt nghèo:

- Cung ơi! Sao đa nghi vậy! Không phải là cung đâu!

- Vậy chớ ai?

- Còn ai nữa ngoài Edouard?

Tôi ngồi phất lên:

- Em định bảo Edouard mua cho áo lông, phải không?

- Chớ còn gì nữa. Chưa chắc là có được không, nhưng nếu Renée có thì em hy vọng. Đàn ông... anh biết không, họ hay tự ái vặt. Em không nói anh đâu.

- Em dám nói ra điều đó trong khi chúng mình chung giường gối với nhau à?

- Sao lại không? Em không bao giờ có ả ý.

Tôi sững sờ đến không biết phải nói gì. Gerda nhìn tôi:

- Bộ giận hả?

- Không bao giờ. Chỉ hơi chán nản thôi.

- Quả đúng anh là một quái tượng. Dường như bất cứ lúc nào anh cũng có sẵn một số lý do để bất mãn. Và nếu em đòi anh mua cho một cái áo khoác thôi, anh lại cũng bất mãn.

- Chẳng lẽ anh phỉ tay khi nghe em nói vậy?

- Phải như thế mới được. Anh không thuộc về hạng người cầu cạnh.

- Người gì?

- Người cầu cạnh. Những kẻ dùng tiền để kiếm tình yêu. Như Edouard chẳng hạn.

- Còn Willy thì sao?

- Cũng gần như thế.

Tôi ngồi lặng thinh, chợt thấy mình quá dốt.

- Bộ em không có lý sao?

- Có lý cái gì?

Gerda lại cười:

- Lại giận nữa rồi. Đúng là trẻ con!

- Phải, và tôi cứ như thế mãi, nếu không...

- Nếu không thì sao?

- Thì...

Tôi suy nghĩ. Dù không biết rõ muốn nói gì tôi vẫn cố nói cho hết câu:

- Nếu không, tôi có cảm tưởng mình là một thằng ma cô.

Lần này thì Gerda cười đến gần nghẹt thở... Một lúc sau, nàng nói với tôi, nửa thương hại, nửa đùa cợt:

- Bé con ơi rồi sẽ có ngày cung bị phản bội cho coi.

Khốn nạn! Tôi đang tưởng tượng sống ở một hải đảo vùng nhiệt đới, bỗng nhiên con bé lôi tôi ra khỏi giấc mơ. Bây giờ tôi có cảm tưởng như đang bị một lũ khỉ tới tấp ném xương rồng vào người.

- Thôi không nói chuyện ma cô, mọc sừng nữa. Còn thiếu gì chuyện khác.

Gerda nhìn tôi:

- Đúng vậy. Dường như chúng mình chưa nói đến chuyện đó.

- Chuyện gì?

- Yêu đương chớ chuyện gì. Đó là chuyện đáng nói. Chẳng lẽ bây giờ anh lại muốn làm thơ?

Chạm tự ái, tôi vừa toan sùng sộ thì Gerda đã hôn tôi, một cái hôn của bọt bia nhưng đủ sức kéo tôi trở về bãi biển vùng nhiệt đới, chẳng có một con khỉ nào ở chung quanh.

- Anh có biết tại sao em thích anh không? Vì anh là một đứa bé có quá nhiều định kiến. Anh đi vào tình yêu với bước chân của một anh chàng sinh viên Heidellberg cứ lẩn lộn điệu luân vũ là một hành khúc. Anh đúng là đứa con của Đức quốc.

- Lại chửi bới nữa, phải không?

- Không đâu. Em chỉ nhận định. Chỉ có những kẻ ngu đần mới tin rằng có quốc gia này hơn quốc gia khác.

- Còn em, em không phải là con của Đức quốc?

- Mẹ em người Tiệp Khắc. Nhờ vậy mà em không thiên vị.

Tôi nhìn suốt cả thân hình nhỏ nhắn của Gerda và bỗng thích có một hoặc hai bà ngoại tổ người Tiệp Khắc. Không hiểu sao tôi buột miệng:

- Theo em thì anh có thể làm ma cô không?

- Không. Anh không có cái mà người ta gọi là quyền uy. Như vậy không thể sai khiến được ai bán thân để nuôi anh. Nhưng không sao, điều chánh yếu là họ vẫn ở với anh. Thôi, hãy ngủ một giấc nữa rồi em sẽ làm món thịt trừu hàm với tôi... thật nhiều tôi...

- Bộ có đủ đồ nấu ăn ở đây à?

Gerda chỉ một cái bếp nấu bằng hơi:

- Chỉ cần bao nhiêu đó là em có thể làm được một bữa ăn cho sáu người. Làm bếp theo lối Tiệp. Trong lúc em làm bếp, anh kể chuyện em nghe. Rồi chúng mình đi mua bia về. Chương trình có phù hợp với ý niệm của anh không? Nên nhớ là đứng để bóng dáng Edouard xuất trong đầu, kéo rồi lại ăn mất ngon.

- Không bao giờ.

Tôi chỉ có thể nói thế thôi, ngôn ngữ biến đi đâu mất cả, hồn tôi nhẹ lâng lâng.

Nghe tiếng động dưới văn phòng, tôi tưởng là kẻ trộm nên rón rén xuống cầu thang. Nhưng rồi tôi hết sức ngạc nhiên khi thấy Riesenfield đang ngồi trên ghế. Năm giờ sáng, lại là Chúa Nhật sao hắn lại có mặt ở đây? Tôi mở giọng ồm ồm:

- Ông có làm không? Hôm nay là ngày của Chúa. Ngay cả thị trường chứng khoán cũng không làm việc. Bọn vô thần chúng tôi lại càng phải nghỉ ngơi. Vậy thì tới với do gì? Đòi nợ để đi Moulin Rouge chẳng?

Riesenfield lắc đầu:

- Chỉ viếng thăm thân hữu không có gì lạ. Mới tới trên đường đi công việc. Vào giờ này tìm đâu cho ra khách sạn? Nhưng tới đây thì chắc phải có cà phê. Người đẹp bên kia đường thế nào? Có thức sớm không?

- Hoan hô sức tráng kiện! Rất tiếc là Chúa Nhật, chồng người ta có mặt ở nhà. Một lực sĩ biết chơi dao.

Riesenfield lạnh lùng:

- Tôi cũng vô địch về dao búa. Nhứt là khi nào được uống cà phê với một ít bơ và vài giọt rượu mạnh.

- Được lắm. Xin theo tôi về trên này. Nếu muốn, ông có thể chơi dương cầm lúc chờ đợi tôi pha cà phê.

Riesenfield lắc đầu:

- Ở đây được rồi. Cảnh sắc bình minh của mùa Hè và những hòn đá láng góc này cũng thú vị lắm. Và lại sẵn có rượu mạnh ở đây mà.

- Trên phòng tôi còn có thứ ngon hơn.

- Tôi thích ngồi ở văn phòng.

- Được, tùy ý ông, ông Riesenfield.

- Coi kia, sao la to chi vậy? Tôi có điếc đâu.

Tôi lại nói to hơn, vừa nói vừa cười:

- Gặp lại ông vui quá.

Vui thế nào được khi một người chủ nợ vào nhà lúc trời chưa sáng tỏ. Tôi cố nói thật to và cố gọi tên Riesenfield không ngoài mục đích báo động tình thế cho Georges ở phòng bên. Theo tôi biết thì đêm qua, anh chàng Watzek đã đi dự phiên họp Quốc Xã tại một nơi nào đó và Lisa đã thừa cơ hội chuồn sang bên này ngủ với Georges. Nếu Riesenfield cứ ngồi lì ở đây, làm thế nào Lisa có thể về nhà.

- Được rồi. Tôi sẽ mang cà phê xuống.

Tôi lên gác, lấy một quyển sách buộc ở đầu dây rồi thả cho đong đưa qua trước cửa sổ. Kèm theo bìa quyển sách là một mảnh giấy có ghi “Báo động, Riesenfield đang ở trong văn phòng”. Quyển sách của Kant đưa qua đưa lại vài lần thì cái đầu sỏi của Georges thò ra cửa sổ. Tôi dùng cả hai bàn tay cố giải thích cho y hiểu là không có cách nào để dẫn dụ Riesenfield ra khỏi văn phòng.

Kéo dây lên, tôi cột vào một chai rượu mạnh, thòng xuống. Một cánh tay trắng ngà, mũm mĩm lấy thay cho Georges. Làm thế nào biết được Riesenfield sẽ còn ngồi ở đó bao lâu? Trong thời gian chờ đợi cặp uyên ương có thể cần tới ăn uống sau một đêm mệt mỏi. Nghĩ vậy nên tôi lần lượt thả bánh mì và dòi chả xuống. Tôi nghe Georges cố gắng mở chút chai cho khỏi kêu. Thế là Roméo Kroll và Juliette Watzek thoát nạn tạm thời.

Giữa lúc tôi và Riesenfield dùng cà phê, Henri đi qua sân. Ngoài những thói xấu, ông ta còn được thói quen dậy sớm và gọi đó là dâng hiến buồng phổi cho thiên nhiên của Thượng đế. Đối với ông ta Thượng đế chắc phải là một ông Thống chế.

Ông ta trịnh trọng bắt tay Riesenfield nhưng tay tài phiệt đá hoa cương vẫn lạnh lùng:

- Xin cho tôi được tự nhiên, uống cà phê xong tôi sẽ ngồi đợi sáng, chẳng có việc gì cả.

- Không dám. Một quý khách như ông phải được tiếp đón đàng hoàng.

Và Henri quay sang tôi:

- Chú không còn một ít bánh nóng nào để đãi ông Riesenfield sao?

Tôi bực mình:

- Thì cứ hỏi bà Niebuhr hay mẹ ông xem. Nên nhớ là chúng ta đang sống trong chế độ Cộng Hòa chứ không phải là thời vua chúa nữa. Chúa Nhật, các lò bánh mì đều có quyền nghỉ.

Ông ta quắc mắt:

- Còn Georges đâu?

Tôi lại phải nói lớn tiếng cho Georges nghe:

- Georges đâu có cần người theo giữ, thưa ông Kroll.

- Chú nên nhớ chú là nhân viên, phải ăn nói nhã nhặn

- Bữa nay là Chúa Nhật, không có chuyện nhân viên và chủ nhân. Tôi phải thức sớm là vì yêu nghề mà cũng vì trọng nề bực thầy của đá hoa cương đang ngồi đây.

Henri phân bua với Riesenfield:

- Ông thấy chưa! Chính vì những người mất tư cách này mà chúng ta thua trận. Lại thêm bọn trí thức chậm tiến và quân Do Thái.

Riesenfield phớt tỉnh thêm vào:

- Và những người đi xe đạp nữa.

Henri kinh ngạc:

- Sao? Những người đi xe đạp à?

Riesenfield vặn lại:

- Và sao lại kể những người Do Thái.

Henri chung hứng rồi cười gượng:

- Ông Riessenfield lại khôi hài! Thôi để tôi gọi Georges.

Ông Riessenfield ngăn lại:

- Để ông ấy ngủ. Sáng sớm tôi không thích chuyện trò.

Henri đứng lại. Tôi đề nghị:

- Hay là mời ông Riessenfield đi thưởng ngoạn cảnh vật thiên nhiên của Thượng đế một vòng? Lúc hai người trở về là có đủ cả trứng chiên, bánh mì nóng và một bó hoa...

Riessenfield chối mau:

- Xin cảm ơn. Tôi chỉ muốn ngồi ngủ ở đây.

Chẳng còn cách nào hơn, đành để cho Geoges tự xoay xử. Riêng phần Henri... Riessenfield cố nhiên đã có cách rút ra.

Thành phố ướt đầm sương. Còn hai giờ nữa mới tới phiên lễ ở Viện Tâm Trí. Tôi bước chậm. Lâu lắm rồi, tôi chưa có dịp đi vợ vẫn thế này. Gió mát rượi và dịu dịu tưởng như hôm qua đồng đô-la đã sụt xuống từ hai trăm năm chục ngàn Đức kim thay vì lên nữa. Tôi nhìn xuống mặt sông êm đềm một lúc và quay đầu đi chốt bắt gặp cửa hiệu Bock chuyên làm tương hột cải.

Có người chạm mạnh vào vai, tôi giật mình quay lại. Một cụ già cao lớn nhưng gầy nhom, mắt đỏ ngầu có lẽ vì thiếu ngủ đang nhìn tôi: anh chàng Herbert Scherz. Tôi lờm hẩn:

- Chào cụ! Nên nói là chào buổi sáng hay buổi tối. Mới ngủ thức dậy hay sắp lên giường?

Herbert hăng giọng nhiều lần mới nói ra.

- À, vậy là suốt đêm cụ chưa hề ngủ. Chắc phải có lý do đặc biệt?

- Mới nhập hội. Họ đãi đằng dữ quá!

Rồi nhìn tôi một chút, ông ta làm ra vẻ tiết lộ điều bí mật.

- Hội ái hữu cựu chiến binh hiểu chưa?

Tôi quá hiểu. Herbert Scherz là mẫu người thích sưu tập các hội ái hữu cũng như người ta sưu tập tem. Lão đã là hội viên của trên một chục hội ái hữu, không phải vì muốn giải khuây, mà là nghĩ tới một ngày chết với đám tang linh đình như thành phố. Lão biết rằng một khi có một hội viên nằm xuống là mỗi hội ái hữu đều tiễn đưa với một vòng hoa và một biểu ngữ. Ngoài ra lại còn có một toán đặc biệt mang hội kỳ theo sát quan tài. Theo ước tính của lão thì khi lão chết, phải có cả hai chiếc xe chở đầy vòng hoa. Lão gia nhập lung tung, lão xin vào hội ái hữu đồng ca Bodo Ledderhose mà không hề biết một âm hiệu, tóm lại, lão bất cần nghề nghiệp của hội mà chỉ cần được là hội viên thôi. Chính vì vậy mà lão có chân cả trong các hội ái hữu thể thao, đánh cờ... và bây giờ lại vào hội ái hữu cựu chiến binh.

- Cụ có từng là lính chưa?

- Cần cóc gì. Là hội viên cũng đủ rồi. Thằng cha Schwartzkopf chắc phải ngăn người ra.

Schwartzkopf là người tranh đua với Herbert, cả hai ông già ban đầu khích bác nhau vì tự ái nhưng lần lần cả hai đều say mê gia nhập các hội ái hữu và coi đó như là một trò thể thao. Tôi khích bác:

- Không chắc đâu. Ông Schwartzkopf cũng là tay cừ.

- Để rồi coi. Lần này không phải chỉ có vòng hoa và hội kỳ thôi đâu... còn có cả một tiểu đội mặc quân phục.

- Quân phục bị cấm rồi. Bộ cụ quên là mình bại trận sao? Sao cụ không vào hội ái hữu cảnh binh? Những người này còn được phép mặc đồng phục.

Tôi nhận thấy ông ta đang ghi chú ý kiến đó vào đầu. Nhưng ngay lúc này, ông ta cần phải đánh tan sự nghi ngờ của tôi để tự trấn an:

- Tôi chưa chết sớm quá đâu, mới sáu mươi tuổi, ăn nhằm gì. Biết chừng đâu từ đây tới đó sẽ chẳng có ngày quân phục được cho mặc lại. Phải phục vụ quyền lợi xứ sở chớ. Không thể làm nô lệ mãi.

Tôi tiếp tục tấn công:

- Một thường dân chết, dù có được những người mặc quân phục tiễn đưa cũng không cô chuyện tuốt gươm trần.

- Hồi hôm, họ hứa chắc chắn mà. Chính ông Chủ tịch nói ra.

- Hứa là đủ sao? Xin cụ đừng tin lời hứa những người say.

Herbert dường như chẳng nghe tôi nói. Ông ta lẩm bẩm:

- Lại còn bắn một loạt súng danh dự lúc hạ huyết nữa.

Tôi vẫn không buông tha:

- Ai cho bắn súng. Hiệp ước Versailles, cụ nhớ không?

Tuy nhiên tất cả các mũi dùi của tôi đều không lay chuyển nổi bức tường thép của ông ta. Mặt trời đã lên cao. Lão Herbert hắt hơi:

- Lần này Schwartzkopf thua đứt rồi.

- Không chắc đâu, coi chừng ông ta sẽ gia nhập hội ái hữu pháo binh. Tới chừng chết, họ sẽ tiễn đưa linh hồn bằng một loại đại bác.

Lão Herbert ngừng đầu lên, mi mắt phải giựt giựt. Thành linh ông ta khoác tay như bác bỏ một điều gì.

- Nhảm. Cả thành phố này chỉ có một hội cựu chiến binh. Thằng già đó thua đứt. Mai, tôi sẽ tới hăng của mấy người coi qua mấy cái tháp tưởng niệm. Phải quyết định cho xong. Ở hăng có cái nào coi được chưa?

- Chẳng có gì đáng kể, ngoại trừ... nhưng kể như đã bán rồi.

Lão ta cắn câu ngay:

- Sao?

- Cái này đồ sộ lắm. Nhưng thật sự là kể như đã bán rồi.

- Nhưng là cái gì mới được chớ?

- Một cái mộ phần. Tuyệt hảo. Ông Schwartzkopf đã...

Lão Herbert cười lớn:

- Thôi, chắc bạn nhỏ định dùng thủ đoạn để tống khứ một món gì bậy bạ đây.

Tôi làm nghiêm:

- Không đâu. Đây là một vật đồ sộ dùng làm nơi hội họp gia quyến sau ngày chôn người thân. Ông Schwartzkopf dự định cứ mỗi năm đứng vào huyệt nhứt của ông ta thì gia đình tụ họp ở đó để làm lễ. Cái này giống như một tiểu giáo đường, có cửa kính, có băng đá. Sau lễ tưởng niệm, gia đình có thể ở lại đó ăn uống đồ nhẹ, nói chuyện về người quá cố.

Lão ta vẫn còn cười nhưng tôi biết thâm tâm lão đã hơi lo.

Một lúc sau, lão lâm bầm:

- Chắc là ý kiến mới.

- Nhưng rất tiếc là chúng tôi đã nhận tiền cọc rồi. Kia mấy con vịt màu đẹp quá.

- Vịt mà đẹp quá gì, thịt ăn hôi bùn. Này, có thể cho xem qua một chút được không?

- Cụ đừng gấp. Chừng nào ông Schwartzkopf cho dựng xong, đến coi có lẽ thích hợp hơn.

Lão Herbert lại cười gượng gạo. Phần tôi, tôi ghi nhận một điều: cái phần mộ mà mẹ Niebuhr không chịu lấy có thể đem bán lại cho lão Herbert.

Buổi lễ kết thúc. Bà Viện trưởng trả tiền thù lao đánh phong cầm và bảo:

- Mẹ có bảo đem cho con một chai rượu chát trong bữa điếm tâm. Ở đây chẳng có gì khác hơn, mẹ chỉ biết cầu nguyện cho con thôi.

- Cám ơn mẹ bề trên. Làm sao mẹ có được loại rượu quá ngon như vậy?

Khuôn mặt vàng màu ngà nhả lại với nụ cười:

- Của người ta tặng. Ở thị xã có một thương gia về rượu. Vợ ông ấy đang chữa bệnh ở đây và được đối xử rất tử tế. Thỉnh thoảng ông ta cho người mang tới vài kết.

Tôi sực nhớ là giáo sư Bodendick cũng dùng điếm tâm ở đây nên vội vàng đi mau về phòng ăn để khỏi mất hết phần rượu của mình.

Bác sĩ Wernicke cũng có mặt nhưng ông ta chỉ dùng cà phê. Nửa chai rượu của tôi đã cạn một nửa. Tôi bắt mắt:

- Thừa giáo sư, đó là chai rượu của tôi do mẹ bề trên cho để bù vào món tiền đệm đàn quá ít ỏi.

- Tôi biết. Và tôi cũng biết rằng những người vô thường hay khoe mình về sự khoan dung. Do đó, tôi biết là cậu không bao giờ từ chối tôi vài giọt rượu. Và lại, dùng điếm tâm với trọn một chai rượu sẽ làm hại dạ dày.

Tôi nhận thấy không nên đối đáp.

Ông ta đứng lên:

- Các vị ở lại dùng bữa.

Tôi quay sang bác sĩ Wernicke:

- Bác sĩ có nhận thấy rằng các nhà tu và những ông tướng đều giống nhau về cốt

cách không? Họ không một chút nghỉ ngơi, không bao giờ buồn phiền, sống thoải mái, tương lai vững chắc, không cần lo nghĩ. Nhờ đó mà họ trẻ lâu. Lại thêm điều đáng kể: người này lúc nào cũng hòa hợp với Thượng đế và người kia thì luôn luôn thuận thảo với vua.

Wernicke thở một hơi khói xì gà về phía tôi:

- Ông ta làm cậu tức giận phải không? Còn cậu thì làm ông ta thích thú.

- Đúng vậy. Bởi thế mà tôi càng tức giận thêm.

Tôi rót hết chai ra, gần được một ly rượu.

- Còn bác sĩ thì sao? Không nóng cũng không lạnh?

- Tôi à? Những chuyện đó chẳng liên quan gì tới tôi. Tôi chỉ là một thứ nhân viên lưu thông trong phạm vi tâm trí. Tối cố gắng là một viên cảnh sát ở giao điểm của các con đường, làm hết phận sự và không chịu trách nhiệm về tai nạn.

- Phần tôi thì lúc nào cũng thấy như có trách nhiệm đối với mọi việc xảy ra trên thế giới. Như vậy là có phải đã mắc bệnh tâm trí chưa?

Wernicke cười như chửi vào mặt tôi:

- Chưa đâu. Không dễ dàng đâu! Cậu chỉ là trường hợp của tuổi trưởng thành. Nhưng không phải vì thế mà không dễ mền.

Tôi vừa ra tới đường lớn thì đụng ngay một đoàn biểu tình. Như những con hải âu sắp tới giờ có bão, những người du ngoạn Chúa Nhật bỗng run sợ. Áo quần chải chuốt, họ đi lại với vợ con, với tất cả nhưng gì làm được tiện nghi cho một bữa ăn ngoài trời. Bây giờ, họ nép mình ngơ ngác ở lề đường.

Nhưng đoàn quân bộ hành không có vẻ gì gấp rút. Đó là những phé binh đang đòi hỏi được đủ ăn để sống. Đi đầu trên một chiếc xe lăn tay là một thân mình và một cái đầu. Tay chân đều mất biến, khó mà biết được con người đó lúc trước cao hay thấp. Ngay cả đôi vai cũng không để cho người ta nhận định dễ dàng vì cả hai cánh tay đã bị cưa sát nách. Đầu tròn lẳn, mắt nâu và sáng, người phé binh này còn giữ được một bộ râu khá đẹp, và được hót tĩa cẩn thận. Cái xe của anh ta được một anh chàng cụt tay khác lái đi. Cái thân mình trên xe ngồi thẳng cứng.

Phía sau chiếc xe là một đoàn người què xếp hàng ba tự dùng tay để lăn lấy xe mình.

Kế đến là những người còn lại một chân, khập khểnh chống nạng. Sau nữa là những người mù và chột. Tiếng gậy khua vang trên đường. Hầu hết những người biểu tình đều mang biểu ngữ, ngay cả người mù.

*“Chúng tôi đang đói”*

*“Hãy biết công ơn của những người đã hy sinh thân thể cho đất nước”.*

Người ngồi trên xe đi đầu có một cây gậy cắm vào túi áo, bên trên là một tấm bảng *“Tiền sống hàng tháng của tôi là một Đức kim vàng”*. Giữa hai chiếc xe đi kế một biểu ngữ căng dài *“Con cái chúng tôi không có sữa, không thịt, không bơ. Chúng tôi chiến đấu để được đối xử như này sao?”*

Đó là những nạn nhân bi thảm nhất của lạm phát tiền tệ. Tiền cấp dưỡng cho họ mất giá đến nỗi chỉ còn biết đi xin. Thịnh vượng Nhà nước có gia tăng nhưng đồng tiền không chạy kịp vật giá. Đồng Mỹ kim đã mang hia bảy dặm, nó không còn lên theo nhịp độ từng ngàn hay từng vạn Đức kim, mà nhảy vọt một ngày mỗi hàng trăm ngàn đồng Đức. Hôm kia, trị giá của Mỹ kim là một triệu hai trăm ngàn đồng Đức, hôm qua nó đã lên tới một bốn trăm ngàn. Ngày mai có thể là hai triệu và rất có thể là mười triệu vào cuối tháng. Hiện thời, thợ thuyền lãnh lương mỗi ngày hai lần, sáng và chiều, mỗi lần được cho nghỉ nửa giờ để đi mua thực phẩm vì giá cả hàng hóa gia tăng mỗi giờ.

Phía sau đoàn biểu tình là những chiếc xe hơi bị kẹt. Một sự tương phản kỳ lạ: khối đông xám xịt của những nạn nhân gần như vô danh lẳng lặng lê bước với những quả phụ đi sau cùng dẫn theo những đứa bé gầy nhom vì thiếu ăn và hình ảnh đoàn xe bóng loáng, bên trong là những cặp vợ chồng con cái ăn mặc se sua, mặt mày tươi mát.

Mặt trời đã lên cao và đoàn biểu tình ướt mồ hôi. Những giọt nước đung đục lăn dài trên những gò má hom hem, trên những vàng trán nhăn sạm. Thành linh, có tiếng còi xe. Người lái chiếc xe này định lần đường để vượt qua. Tất cả các phé binh quay nhìn lại. Rồi không nói một lời, họ tản ra đứng chắn đường. Ở tay lái xe là một thanh niên mặc y phục mùa Hè, bên cạnh hắn là một thiếu nữ. Hắn làm vài cử chỉ chán nản rồi lấy xì-gà ra hút. Mỗi người tàn lệt đi qua đều nhìn hắn. Kỳ lạ là chẳng một ai lộ vẻ bức tức, họ không nhìn bộ mặt xác lác của gã chủ xe

mà chỉ nhìn thấy điều xì-gà đang thả khói thơm mùi mật. Một điều xì-gà thượng hảo hạng. Đố với những kẻ tàn phế ghiền thuốc lá thì khói thuốc mà họ vừa hít đi qua gần như là một ân huệ.

Tôi theo sau đoàn biểu tình tới nhà thờ Thăng Thiên. Trên bậc thềm, hai đảng viên Quốc Xã mặc đồng phục với một biểu ngữ to tướng “*Chiến hữu, hãy đến với chúng tôi. Adolf Hitler sẽ giúp các bạn*”.

Đoàn người đi vòng qua nhà thờ.

Chúng tôi đang ở tại ca vũ trường Moulin Rouge. Một chai sâm banh thô cổ ra từ một “xô” nước đá. Giá tiền: hai triệu Đức kim! Đó cũng là tiền lương hai tháng của một phế binh. Chính Riesenfield gọi chai sâm banh này.

Hắn ngồi một chỗ cho mọi người nhìn rõ. Hắn bảo tôi:

- Đừng chơi trò đánh lận con đen với tay tổ Riesenfield này nghe không? Mới thấy là biết ngay. Không phải ông không biết ngay từ lúc đầu nhưng ông cứ làm như không biết để coi mấy chú em đi tới đâu. Bé con ơi, những mệnh phụ phu nhân không bao giờ lại ở những căn nhà đối diện với những tên bán mộ bia, nhút là trong một hẻm tồi tàn.

Tôi nhút định không chịu thua:

- Vậy là ông lầm rồi. Ông nên biết là dân trường giả quý phái bây giờ đã xa lánh các khu vực giàu sang để tới ẩn cư những hẻm tồi tàn. Thưa ông Riesenfield hết rồi cái thời dinh thự! Người nào may mắn lắm còn giữ nổi dinh thự của ông cha thì cũng biến thành khách sạn ngay. Gia tài của họ đã chảy loãng vào lỗ lạp phát. Những bà nam tước đi ở nhà mướn, mấy ông đại tá đi làm nhân viên bảo hiểm, và các nữ bá tước...

- Thôi, đủ rồi. Đừng nói quá làm tôi khóc! Nhưng trường hợp bà Watzek thì không phải vậy. Thấy là biết ngay. Láu cá vừa thôi!

Hắn ngấm bờ lưng của Lisa đang nhảy cùng Georges. Tôi không dám nhắc là hôm đầu tiên, hắn đã bảo Lisa có dáng dấp phụ nữ Pháp vì nói như thế là vĩnh biệt kho tiếp liệu đá hoa cương, vĩnh biệt sinh tố T của hãng chúng tôi. [1]

Riesenfield dịu giọng:

- Dấu sao cũng tốt. Kia coi nàng nhảy. Trông như một...

- Một con beo cái.

Riesenfield liếc sang tôi:

- Khá lắm. Coi bộ chú em cũng bắt đầu hiểu chút ít về đàn bà.

- Đó là nhờ... sự soi sáng của ông.

Hắn nâng ly với vẻ mát dạ. Tôi bạo dạn hơn:

- Có một điều thắc mắc mà tôi định hỏi ông. Theo tôi thì tại nơi ông ở, ông là một công dân hiền hòa, một người cha gương mẫu. Ông đã cho tôi xem ảnh ba người con và một ngôi nhà giữa một vườn hồng, tôi xin ca tụng ông. Nhưng ngay khi ra ngoài thì không hiểu tại sao ông lại trở thành một tay tứ chiếng ngay?

Hắn thở nhiên:

- Đê khi trở về nhà mình lại càng thích thú hơn với cuộc sống trưởng giả trong vai trò một người cha gương mẫu.

- Rất hay. Nhưng tại sao lại phải rắc rối như vậy?

- Đó là do con quỷ trong người! Hình trạng thứ hai của mỗi cá nhân. Có nghe nói bao giờ về chuyện thiên thần và thú vật ở chung không?

- Tôi à? Tôi phải được kê là trường hợp điển hình.

Hắn cười như chửi vào mặt tôi:

- Chú bé à?

- Chứ sao, nhưng với tôi tất cả đều ở một trình độ cao hơn.

Georges và Lisa rời sàn nhảy trở lại bàn. Riesenfield làm một cử chỉ lịch sự với Lisa:

- Một bản tango, thưa bà... nếu bà vui lòng.

Lisa cao hơn hẳn một cái đầu. Chúng tôi định lấy đó làm cớ để cười. Nhưng, tôi và Georges không khỏi sửng sốt khi thấy hắn đi nhịp tango argentine quá đẹp lại còn sáng chế những bước lạ mắt. Phải nhìn nhận, tài nghệ của hắn không thua mấy giáo sư khiêu vũ.

Tôi quay nhìn Georges:

- Anh nghĩ sao? Tôi bắt đầu lo ngại thật sự rồi đó. Không chừng con bồ của anh mê hắn sau màn nhảy này. À, hồi sáng, làm thế nào Lisa thoát được về nhà?

- Cũng gian khổ lắm. Riesenfield quyết định chiếm gian phòng làm đài quan sát cửa sổ nhà Lisa. Tôi nghĩ là phải cho hắn biết nàng ta là vợ ai để cho hắn ngán rồi đi. Vậy mà hắn vẫn cứ lì ra coi chuyện đó như không. Cuối cùng tôi phải lôi hắn xuống bếp uống cà phê lúc hắn trở lên thì bà Watzek đã từ cửa sổ bên kia đường cười điếu.

- Mặc áo gì? Kimono có thêu chim cò?

- Không, thêu quạt xay gió.

Tôi nhìn Georges với ánh mắt nghi ngờ. Hắn thú nhận:

- Phải tồn hết một tấm bia thứ tốt. Cũng không sao. Biết đâu không phải vì cái áo mới đó mà Riesenfield ra hiệu mời nàng ta tới đây đêm nay.

Hai người trở về bàn. Riesenfield đỏ mồ hôi hột. Lisa vẫn tươi cười như bông huệ trong tu viện.

Một lúc sau, cặp Riesenfield - Lisa lại trở ra sàn nhảy. Tôi vỗ vai Georges:

- Sao đây? Không khéo thì tay thầu đá hoa cương đó cuỗm mất bồ anh chớ chẳng chơi đâu.

- Vợ của người khác bao giờ cũng hấp dẫn gấp năm mười lần vợ nhà. Nhưng không sao đâu. Chỉ trong vài phút nữa là Lisa sẽ nhúc đầu, nàng ta sẽ vào phòng

gởi tìm aspirine và sẽ có một gã hầu bàn tới cho hay nàng phải về nhà nghỉ và chúc cả bọn mình một đêm vui từ đầu đến cuối.

- Vậy là xỏ hấn. Và ngày mai hấn từ chối cung cấp đá hoa cương.

- Trái lại, hấn sẽ cung cấp gấp đôi. Sao không thấy, Gerda?

- Còn ba hôm nữa mới làm việc. Chắc đang ở khách sạn Con Nai, nhưng cũng có thể đang ngồi ở quán của Edouard. Con bé bảo làm như thế để tiết kiệm, khỏi tốn tiền bữa ăn tối. Biết làm sao bây giờ? Ít lắm phải thêm ba mươi tuổi nữa, tôi mới có đủ bản lĩnh để trị nó. Nhưng, hãy lo cho Lisa của anh đi. Coi chừng nàng ta không chịu nhức đầu.

Bản nhạc kết thúc. Lisa và Riesenfield về chỗ. Lisa vỗ nhẹ vào trán:

- Lạ quá, sao lại nhức đầu kỳ dị thế này! Xin lỗi, tôi đi tìm một viên aspirine đã. Ồ, lại nhức đầu giữa lúc này...

Riesenfield chưa kịp đứng lên thì Lisa đã quay đi. Georges liếc mau sang tôi với vẻ tự hào, và rút lấy một miếng xì-gà trong túi.

### ***Chú thích:***

*[1] Sinh tố A trong bản Pháp văn có nghĩa Argent là Tiền, xin đổi là sinh tố T cho phù hợp với Việt ngữ.*

Đêm nay Isabelle không chịu tới giáo đường. Ít lâu sau này nàng không muốn vào đó nữa. Tôi thấy nàng đợi tôi ở bên ngoài. Wernicke cho phép nàng đi dạo trong vườn ban đêm nếu có người cùng đi.

- Tại sao cứ tối nào, ánh sáng cũng mất đi? Khi mình ngủ thế giới biến mất. Vậy mình ở đâu? Và thế giới có lại hiện ra mãi mãi không. Rudolf?

Ngồi bên bờ vườn, chúng tôi nhìn qua các song sắt của cổng ra vào. Buổi chiều đang trùm lên những đồng lúa chín ở triền đồi hai bên lối đi.

- Phải trở lại chứ, Isabelle.

- Còn chúng ta?

Chúng ta? Ai biết được? Cứ mỗi giờ là có sự lấy đi, ban cho và biến đổi. Nhưng tôi không muốn nói ra. Tôi không muốn dấy vào một cuộc đối thoại có thể bắt ngờ mở đường vào vực thẳm.

Những người bệnh làm việc đồng áng lần lượt lên đồi. Họ trông như những nông dân già nua mệt nhọc đang gánh trên vai cả sức nặng của nắng chiều.

- Cả chúng ta nữa, Isabelle. Cái gì hiện hữu trong ta không bao giờ mất đi.

- Anh tin như thế sao?

- Không còn cách nào hơn, đành phải tin như vậy.

Nàng quay mặt sang tôi, nàng quá đẹp với ánh nắng chiều giữa bầu trời trong sáng chớm Thu.

- Và nếu mình không tin như thế, mình có bị mất không?

- Chắc là phải mất đi, nhưng cũng từ đó bắt đầu có sự sống.

- Cuộc sống nào?

- Cuộc sống của chúng ta.... với lòng can đảm. Sự thương xót và tình yêu. Ngay từ khi chúng ta biết là không còn gì nữa cả.

Thời gian như dừng lại trên mặt Isabelle.

- Tôi và anh cũng có lúc sẽ không còn nữa?

- Không.

- Ngay cả nếu chúng mình yêu nhau.

- Đúng vậy. Và có lẽ chính vì thế mà người ta yêu nhau. Yêu có nghĩa là muốn ban cho một cái gì mà người ta không thể giữ lại.

Những người làm việc ngoài đồng về tới, người gác mở cổng. Thành linh, từ phía một bức tường có bóng người rón rén bước ra rồi chạy vụt đi. Một người gác bệnh chạy theo sau nhưng không có vẻ vội vàng. Người gác cổng vẫn tự nhiên, tiếp tục nhìn từng người bệnh đi vào rồi khép cửa lại. Phía dưới, kẻ đào tẩu van cấm đầu chạy, càng lúc càng bỏ xa người đuổi theo.

Tôi hỏi người gác cổng:

- Đồng nghiệp của ông có đuổi kịp nổi không?

- Chút nữa rồi họ sẽ trở về bên nhau.

- Ừa!

Người gác cổng nhún vai:

- Người bệnh là Guido Timpe. Cứ mỗi tháng anh ta lại thoát chạy một lần nhưng không bao giờ thoát qua quán ăn của Sở Lâm nghiệp. Cứ tới đó là gặp anh ta. Chẳng làm việc gì cả ngoài việc uống vài chai bia. Toàn bia nâu.

Hắn nheo một mắt:

- Biết vậy nên người bạn tôi không cần cố gắng. Cứ để cho anh ta có thì giờ uống vài chai. Sau đó, anh chàng ngoan ngoãn theo về.

Isabelle không nghe. Nàng hỏi tôi:

- Ông ấy muốn đi đâu?

- Đi uống bia.

- Còn anh, anh có định chạy trốn không?

Tôi lắc đầu:

- Tốt lắm. Chạy trốn có ích gì. Tất cả những cánh cửa đều giống nhau. Phía sau chúng nó... chẳng có gì cả. Chúng chỉ là những cánh cửa và phía sau chẳng có gì.

Người gác đóng công lại và châm lửa vào ống cối thuốc. Mùi thuốc lá nồng nặc làm dựng lên trong óc tôi một cảnh tượng: cuộc sống giản dị, nghề kiếm ăn nhỏ, vợ hiền con ngoan, tất cả đều bình lặng và cái chết tới sau khi đã chấp nhận những ngày làm việc chuyên cần, những chiều thứ bảy thanh thoi, những đêm ngủ yên lành không thức mắc hay tự vấn. Tôi chợt cảm thấy chua xót băng quơ trộn lẫn với một sự thèm muốn.

Isabelle đã tới đứng sát công, tay vịn vào song sắt, nhìn trần trời ra ngoài. Nàng đứng như thế khá lâu. Ánh nắng cuối ngày đã trở màu tím thẫm, những khu rừng bắt đầu mất vẻ xanh tươi và trở thành đen xạm, nền trời đầy những thuyền mây căng buồm tía.

Isabelle đi trở lại. Mắt nàng như cũng tím thẫm với màu trời. Nàng nắm tay tôi:

- Đi, anh.

Chúng tôi từ từ đi vào vườn cây, về phía một máy nước. Nàng kéo bàn tay tôi đặt vào ngực và thì thầm bảo: Anh có nghe tim tôi đập thế nào không?

- Có. Isabelle.

Tôi rút tay lại nhưng Isabelle đã áp người sát vào tôi

- Đừng bỏ em.

- Không. Tôi không bỏ đâu, Isabelle.

Nàng lẩm bẩm:

- Đừng bỏ em. Ngán ngủ lắm.

Nàng hứng nước bằng cả hai tay rồi vẩy lên không:

- Ban ngày, những giấc mơ ở đâu, Rudolf?

- Có lẽ chúng ngủ.

Nàng lại đưa cả hai cánh tay vào vòi nước. Bong bóng nước đọng đầy trông như hai cánh tay làm bằng bạc.

- Làm thế nào những giấc mơ có thể ngủ được? Mình chỉ gặp ban đêm, vậy ban ngày chúng đi đâu?

- Có lẽ chúng tự treo mình trong động đá như loài dơi hoặc ẩn lánh trong hốc cây như loài dạ điểu để chờ đêm tối.

- Nhưng nếu đêm không tới thì sao?

- Đêm luôn luôn phải tới, Isabelle.

- Chắc không?

- Em hỏi như trẻ con.

- Trẻ con hỏi thế nào?

- Cũng những câu hỏi như em. Và cho tới một lúc nào đó người lớn không biết trả lời ra sao và chúng giận.

- Tại sao chúng giận?

- Bởi vì chúng phát giác có một cái gì sai lầm trong chúng nó.

- Có điều gì sai lầm trong anh không?

- Nhiều lắm, Isabelle.

- Thế à?

- Anh cũng không biết rõ. Bởi vì khi đã biết rõ rồi thì lại thấy là không phải sai lầm.

Isabelle gật đầu:

- Dĩ nhiên rồi. Chúng ta có quá nhiều ngôn ngữ. Ai phát minh ra những ngôn ngữ đó?

- Có lẽ là những đầu óc xáo trộn.

Nàng lắc đầu và chỉ tay về phía tiêu giáo đường:

- Máy người đó, họ giữ chặt ông ta. không chịu để cho đi.

- Ai?

- Những ông thầy tu.

- Không phải đâu. Không phải những nhà tu hiện thời đâu. Chuyện đã xảy ra gần hai ngàn năm.

Nàng lại tựa sát người tôi

- Chính họ mà, Rudolf. Ông ấy muốn đi ra, nhưng họ đóng đinh giữ lại. Họ giữ ông ấy trên cao và đốt hương cầu nguyện cho ông ấy đừng bỏ đi. Anh có biết tại sao không?

- Không.

Isabelle thở dài:

- Bởi vì ông ta giàu lắm, rất giàu. Họ cố giữ ông ấy lại, để đoạt gia tài. Nếu ông

ấy thoát ra được, gia tài sẽ bị lấy lại. Rồi họ sẽ nghèo đi.

Mặt Isabelle căng thẳng nhưng chẳng có một dấu hiệu nào đặc biệt.

- Em muốn nói gì?

Nàng cười:

- Tất cả, Rudolf. Anh đã biết những gì em muốn nói. Họ nhốt em vào đây chỉ vì sợ em gây phiền phức. Họ muốn chiếm đoạt gia tài của em. Nếu em ra khỏi nơi này, họ bắt buộc phải trả lại. Nhưng em có cần gì đâu.

- Thì giải thích cho họ biết là em không cần, như vậy họ đâu có lý do gì khác để giữ em ở đây.

Ở đây hoặc ở một nơi nào khác cũng thế thôi. Vậy, tại sao lại không ở đây? Ít ra em cũng được bình yên. Do đó mà em phải giả vờ.

Tôi không khỏi ngạc nhiên:

- Em giả vờ à?

- Dĩ nhiên. Bộ anh không biết sao? Mình phải làm ra như thế, nếu không họ sẽ đóng đinh mình trên thập giá. Rất may là họ ngu quá.

- Em qua mặt được cả Wernicke nữa à?

- Ai?

- Bác sĩ Wernicke.

- A! Ông ấy chỉ muốn cưới em. Ngoài chuyện đó ra ông ta cũng giống như bao nhiêu người khác. Anh đừng đi, Rudolf. Họ phải thả ông ấy ra. Em nói cái ông trên thập tự giá. Ông ta cũng cần được cười, được ngủ như mọi người chớ.

Đột nhiên, dường như lửa đang cháy sáng trong mắt Isabelle. Nàng hất mái tóc ra sau, trong bóng tối, tóc như chẳng có màu.

- Em trông giống như một nữ phù thủy, Isabelle. Trẻ, đẹp và nguy hiểm.

Nàng cười thành tiếng:

- Phù thủy. Tới bây giờ anh mới hiểu. Mất một thời gian khá lâu.

Và hoàn toàn bột ngò, nàng mở tung váy ra, buồng nó rơi xuống đất rồi nhảy tới một bước. Toàn thân nàng chỉ còn có đôi giày và một cái áo ngắn. Nàng đứng trước tôi, mảnh dẻ và trắng toát trông như một gã con trai hơn là một thiếu nữ. Nàng thì thầm bảo:

- Đến với em.

Tôi nhìn quanh, hơi cuống. Lỡ Bodendick tới thì nguy! Hoặc Wernicke hay một nữ tu nào đó đi qua! Nàng đứng sững trước mặt tôi như một con yêu tinh nào đó đang mượn xác người và sẵn sàng bay biến.

- Mặc vào đi, Isabelle.

Nàng cười ngặc nghêo:

- Thật sao, Rudolf?

Nàng từ từ bước tới, chụp lấy cà vạt của tôi. Dưới ánh trăng môi nàng tái lợt, răng trắng màu vôi, và ngay cả giọng nói cũng biến đổi:

- Mở cái này ra!

Tay nàng lần trên cổ áo tôi, hai bàn tay không mềm mại mà cứng lạnh. Tôi không thể tưởng tượng nổi. Bây giờ, người con gái đang áp sát người tôi là một ngọn gió lác lổng từ cánh đồng hoang nào đó thành linh bị bão tới lừa đi. Tôi cố giữ chặt hai bàn tay nàng lại và nhìn quanh. Nàng vùng vẫy thật dữ và không cười nữa. Mặt nàng kề sát tới, tôi nhìn thấy một đôi mắt trong suốt đứng tròng và nghe giọng nói thều thào xa lạ:

- Anh sợ hả?

Tôi chột tỉnh và xô mạnh ra khiến nàng ngã người xuống.

Isabelle không đứng dậy. Nàng ngồi co quắp một chỗ, mặt ngược lên, và... một

tràng chửi rửa tới tấp bay ra. Nàng chửi không tiếc lời, không đả đơ. Nàng dùng cả những tiếng tục tằn nhứt, ghê tởm nhứt... những bĩ ổi nhứt, tiếng mà chính tôi còn không dám dùng đến mà bây giờ lại vọt ra từ vành môi xinh đẹp ấy.

- Tinh lại đi em.

Nàng cười to và nhái tôi:

- Tinh lại! Tinh lại! Cút đi, đồ tồi, tên bị thiên...

Tôi bực mình:

- Câm miệng, nếu không...

- Làm thử coi!

Nàng ngã người ra sau, hai tay chống xuống đất, môi bĩu ra, khinh bỉ và thách đố.

Chẳng còn gì chán chường hơn! Nhưng vừa nghĩ thế tôi đã thấy thương hại nàng hơn. Đây là hình ảnh không thể bảo là dâm đặng mà là một thái cực của tuyệt vọng, của man dại và ngây thơ. Tôi thương quá, nhưng chỉ đứng lặng câm. Isabelle lại quát tháo:

- Đi ngay! Đừng bao giờ trở lại nữa, chó má, đồ ngu đần, con heo thiên. Đi cho khuất mắt tao, quân mất dạy...

Rồi, bỗng nàng nhảy dựng lên và bước đi thật mau, thật nhẹ nhàng và linh hoạt, vừa đi vừa vung vẩy chiếc váy xanh.

Tôi muốn chạy theo để gọi nàng mặc váy vào, nhưng rồi tự thấy mình đứng bất động. Tôi không biết Isabelle sẽ làm gì ở đằng kia và lo ngại. Nhưng tôi chợt nhớ ra đây không phải là lần đầu tiên một người bệnh tâm trí thoát y. Và phần lớn đều là phụ nữ.

Tôi chậm chạp đi trở lại, cảm thấy mình phạm tội nhưng không hiểu rõ vì sao.

Thật khuya, tôi vẫn còn ngồi bên cửa sổ và nghe tiếng bước của lão Knopf trở về nhà. Qua tiếng chân, tôi biết lão đã say mèm.

Chẳng còn lòng dạ nào đùa nghịch nhưng tôi vẫn cố tự dối mình với một trò vui. Knopf dừng lại ở công, dò xét địa thế. Tất cả đều im lặng. Lão dè dặt đi lối cái tháp đen, dừng lại và chờ đợi.

Tất cả vẫn lặng trang. Tôi có cảm tưởng như lão đang cười. Kê miệng vào đầu ống đăng này, tôi quát lớn:

- Knopf, lại định làm trò khi phải không?

Lão thượng sĩ hồi hưu đảo lộn tròn mắt. Tôi dùng giọng nhà binh:

- Chú không còn xứng đáng giữ cấp bậc thượng sĩ hồi hưu! Ngay từ phút này, chú bị lột lon, làm binh nhì.

Lão ta rên rỉ:

- Không... đừng...

Vừa rên với giọng khàn khàn, lão vừa quay đầu khắp phía để xem tiếng nói của thương cấp phát ra từ đâu. Lão không tài nào phát giác được. Tôi ra điều cương quyết hơn:

- Từ nay trở đi chú không được mặc bộ quân phục số 1 vì chú chỉ là một binh nhì. Nghe rõ chưa?

Thà bị cắt đứt một ngón tay còn hơn là bị giáng cấp với một kẻ gần như suốt đời trong binh nghiệp. Quá sợ, lão Knopf ú ớ:

- Không! Không! Chết tôi!

Thình lình, tôi nhớ tới những tiếng chửi rủa ghê tởm nhứt của Isabelle. Dạ dầy như thắt lại, tôi tuôn ra một tràng.

Knopf vênh tai lắng nghe. Chờ tôi ngưng lại, lão thở phào ra:

- Xin cứ chửi nhưng đừng lột lon!

Trông lão ta đứng bất động và sững sờ đến tột cùng, tôi không khỏi nhớ lại hoàn

cảnh của mình lúc tối khi đứng trước Isabelle đang nổi cơn điên.

Tự nhiên, tôi thương hại lão:

- Thôi được, chú cũng chưa làm gì quá lắm ngoại trừ cái tội đá lên một vật linh thiêng. Thay vì xuống binh nhì, chú còn được mang lon hạ sĩ. Nếu biết cải hối, sẽ được thăng cấp từ từ. Cuối tháng mười, trung sĩ, cuối tháng mười một, trung sĩ nhút. Và tới lễ Giáng sinh sẽ lại là thượng sĩ hồi hưu. Nghe rõ chưa?

- Xin tuân lệnh! Thưa, hơ...

- Xong rồi, hạ sĩ Knopf! Về chỗ!

Lão ta quay phắt sang trái rồi chạy vụt về nhà. Có tiếng cười khe khẽ từ gian buồng bên cạnh văn phòng. Lisa và Georges đã chứng kiến trọn màn. Có tiếng ghé ngã và những tiếng hôn chùn chụt và cửa phòng Georges từ từ khép lại.

Tôi chợt nhớ tới chai rượu của Riesenfeld gửi cho với dòng chữ “Dành cho những khi phiên toái”. Tìm thấy chai rượu có dán nhãn *Genièvre de Frise, de P.Bokma, Leeuwarden*, tôi mở nút chai rót đầy ly lớn. Rượu khá mạnh, đúng là thứ cổ hong đắng chát của tôi đang cần tới.

Người đàn bà đáp cộc lốc:

- Phải. Một thứ bệnh. Sinh ra ngay khi vừa hết đánh giặc, chẳng có gì để ăn. Cả hai đứa một lượt... không có đủ sữa cho một đứa.

Wilke tò mò:

- Trường hợp này xảy ra cũng khá nhiều đối với những đứa sanh đôi. Ảnh hưởng chiêm tinh.

Thấy rõ là bà mẹ mất con không thềm chú ý tới vấn đề chiêm tinh, tôi nhắc Wilke:

- Còn cái quan tài, làm sao đây?

- Thì để tôi cố gắng xem sao. Nhưng không biết họ có cho phép?

Tôi nói ngay:

- Mình có thể hỏi ở phòng hộ tịch.
- Nhưng còn vấn đề tôn giáo? Mấy đứa bé đạo gì?

Người đàn bà ngập ngừng:

- Một đứa Thiên Chúa giáo, một đứa... Tin Lành. Chồng tôi theo Thiên Chúa giáo, tôi thì theo đạo Tin Lành. Chúng tôi dùng biện pháp dung hòa.

Wilke không bỏ được thói tò mò:

- Và làm lễ rửa tội cùng một ngày?
- Phải.
- Vậy là hai nhà thờ khác nhau.

Tôi nói vào:

- Dĩ nhiên là phải hai nhà thờ khác nhau. Nhưng bây giờ...

Wilke đưa tay ngăn tôi nói và hỏi người đàn bà:

- Bà làm thế nào để phân biệt? Chúng có giống nhau như đúc không?
- Giống nhau như quả trứng.

Tôi lại phải can thiệp:

- Cũng vậy thôi. Lo chuyện cái quan tài trước đã.
- Không được. Hai đứa hai đạo khác nhau. Bà có nhận ra đứa nào theo Thiên Chúa giáo không?

Người đàn bà không trả lời. Wilke như đang say mê:

- Bà có biết là rắc rối lắm không. Muốn chôn chung trong một cái hòm đôi, bà phải mời một linh mục và một mục sư tới làm lễ cho chúng. Chưa chắc hai người chịu tới một lượt, họ không thuận với nhau...

Tôi đá nhẹ vào chân hấn dưới bàn:

- Wike, đó không phải là chuyện của mình.

Hấn phớt tỉnh:

- Còn hai đứa bé sanh đôi? Có thể đưa theo Tin Lành lại được mai táng theo nghi lễ Thiên Chúa giáo và đứa kia thì ngược lại. Lộn xộn hết. Không, cái hòm đôi là không ổn, phải có hai cái hòm be bé. Bà có hỏi mấy vị giáo sĩ chưa?

- Chồng tôi lo việc đó.

- Vậy thì thật là khó.

- Ông có đồng ý đóng hòm đôi không?

- Làm thì làm nhưng tôi xin báo trước...

- Bao nhiêu tiền?

Wilke lại gãi đầu:

- Chùng nào bà lấy?

- Càng sớm càng tốt.

- Vậy là tôi phải làm việc ban đêm. Thêm giờ phụ trội...

- Bao nhiêu?

- Tới lúc gần xong tôi sẽ cho bà biết, giá cả phải chăng. Nhưng tôi sẽ không nhận lại nếu họ cấm chôn như vậy.

- Họ sẽ không cấm.

Wilke ngạc nhiên nhìn người thiếu phụ:

- Sao bà biết?

- Nếu các vị giáo sĩ không tới, chúng tôi vẫn cứ chôn. Chúng nó sống chung nhau thì chết cũng phải ở bên nhau.

Người đàn bà lấy từ trong xách ra một cái bóp đựng tiền có dây kéo bằng nicken và hỏi:

- Ông có lấy tiền cọc không?

- Phải lấy để mua cây.

Và anh ta hơi ngượng khi ra giá tiền đặt trước:

- Một triệu.

Người đàn bà đưa Wilke một xấp giấy bạc xếp làm tư:

- Và đây là địa chỉ của tôi.

Wilke bảo:

- Không cần. Tôi sẽ cùng đi với bà. Để lấy kích thước. Tôi sẽ cố gắng đóng thật đẹp.

Người đàn bà nhìn tôi:

- Còn tấm bia? Chờng nào ông giao?

- Bất cứ lúc nào bà muốn. Có người muốn đợi vài tháng sau khi chôn cất.

- Có thể lấy ngay được không?

- Được, nhưng phải chờ cho đất dẽ lại, nếu không, bia sẽ bị sụp.

- Vậy à?

Người đàn bà chớp mắt ra vẻ suy nghĩ. Một lúc sau, bà ta nói tiếp:

- Chúng tôi lại cần có ngay. Chẳng biết có cách nào... tôi muốn nói là làm cách gì đó để cho bia đừng lung lay không?

- Vậy là phải làm nền trước khi mai táng. Có phải bà muốn thế không?

Người đàn bà gật đầu:

- Và trên tấm bia có khắc tên hai đứa nó, ông có thể cho khắc ngay bây giờ không? Tôi xin trả tiền ngay. Bao nhiêu?

Bà ta lại mở bóp tiền ra lần nữa. Cũng như Wilke, tôi không khỏi ngượng khi nói giá, và lại phải nói thêm như để xin lỗi:

- Thời buổi này, tiền bạc tính toán bằng triệu.

Kê cũng là điều lạ khi bất chợt nhận thấy rằng, bản chất của con người có thể nhận ra dễ dàng qua cách xếp tiền. Người đàn bà lần lượt mở từng tờ giấy bạc, đặt tờ này lên tờ kia gần những viên đá mẫu.

- Chúng tôi để dành khoảng tiền này để nuôi chúng ăn học. Hiện thời thì chắc là không đủ được... dầu sao cũng vừa đủ cho một đám tang.

Riesenfield kêu lên:

- Không bao giờ. Người bạn nhỏ có biết đây là loại đá hoa cương nhập cảng trực tiếp từ Thụy Điển sang không? Thụy Điển không phải ở đằng góc đường. Đây không phải là loại hàng có thể trả bằng Đức kim. Phải trả bằng ngoại tệ, bằng đồng cua-ron Thụy Điển. Chúng tôi chỉ còn một ít dành cho ban bè. Không còn nữa. Quý như kim cương. Tôi sẽ giao cho các bạn một khối để đánh đổi một tối đi chơi với bà Watzek... nhưng đòi hai là không được.

Tôi nhún vai. Riesenfield nói tiếp:

- Hãy chụp lấy cơ hội. Đừng chơi trò bảo hoàng hơn vua, lo cho chú hơn chính phủ phải lo.

- Có gì đâu. Tôi làm thế là do sự thúc đẩy tình yêu mộ bia. Yêu cao thượng, và lại, khối đá sỏi của ông chưa chắc sẽ tụt tay tôi bán đi.

Riesenfield vừa tự rót rượu vừa hỏi vặn:

- Không bán à?

- Không, tôi có ý định đổi nghề.

- Thật không?

Hắn lùi ghế ra một chút để có thể nhìn thấy cửa sổ nhà Lisa. Tôi thản nhiên:

- Rất thật.

- Trở lại nghề dạy học?

- Không bao giờ? Tôi không còn nuôi cái ngây thơ cần thiết nữa. Cũng không còn bao nhiêu ảo mộng. Một người biết quá nhiều như ông có thể giúp tôi một ý kiến nào không?

Riesenfield lơ đãng:

- Hả?

- Một việc gì đó, tại thành phố lớn. Làm tùy phái cho nhà báo hoặc bất cứ chuyện gì không quan trọng.

- Theo tôi thì ở đây là ổn nhưt. Tại sao lại muốn đi?

- Khó mà giải thích được chính xác. Nếu giải thích được chắc tôi đã không muốn đi. Có điều là thỉnh thoảng dường như tôi bắt gặp được một thứ linh cảm.

- Và bạn đang có linh cảm phải rời khỏi nơi đây?

- Đúng vậy.

- Rất tiếc là rời sẽ có ngày bạn lại muốn trở về đây.

- Chính vì vậy mà bây giờ tôi muốn đi.

Riesenfield nhảy nhồm lên như bị điện giật. Phòng Lisa vừa được bật đèn lên và ả đang đi ra chỗ cửa sổ. Dường như ả không nhìn thấy chúng tôi đang ngồi trong căn phòng tối om nên ung dung cởi chiếc áo blouse ra. Dưới chiếc áo blouse chẳng còn gì cả.

Riesenfield thở khì khịt như ngựa động cõn:

- Ôi, kinh khiếp quá, đồ sộ như trái núi!

Rồi bất thần hấn hỏi:

- Bà ta có thường thay đồ vậy không?

- Bà ta không ngại. Không một ai nhìn thấy được, dĩ nhiên là trừ chúng tôi ra.

- Quái đản chưa! Vậy mà còn định bỏ cái trạm quan sát này?

Tôi đáp “phải” nhưng Riesenfield chẳng thèm nghe. Hấn đã rón rén đi tới cửa sổ, một tay cầm ly, một tay xách theo chai rượu.

Lisa đang chải tóc. Riesenfield nói một mình:

- Thượng đế ơi! Ước gì con là một nhà điêu khắc. Thật là đáng tiếc... đáng tiếc cho đời.

- Chắc ông thích tạc tượng bằng đá hoa cương?

- Sao lại bắt qua chuyện đá hoa cương?

- Với đá hoa cương thì người mẫu sẽ già sớm trước khi tác phẩm hoàn thành. Phải nhớ là loại đá này quá cứng. Theo tôi thì ông nên nắn tượng bằng đất sét. Nếu không thì mọi tác phẩm đều dở dang.

Đèn trong phòng Lisa vụt tắt. Nhà thầu đá còn đứng dán mũi vào kính cửa sổ thêm một lúc lâu. Tôi hỏi cho có chuyện:

- Ông có cần tôi giúp gì không?
- Một bức thơ. Bạn có chịu chuyên giúp giùm tôi một bức thơ không?
- Cho ai?
- Hỏi gì ngốc vậy! Cho bà Watzek chứ còn ai!

Tôi không trả lời. Riesenfield nói tiếp:

- Đổi lại, tôi sẽ tìm cho bạn một chỗ làm.

Tôi vẫn im lặng và theo dõi nhà điêu khắc tưởng tượng và bắt đầu tháo mồ hôi. Tôi tự nguyện phải trung thành với Georges dầu sẽ cù bơ cù bắt trong tương lai.

Riesenfield nhún vai:

- Tôi cũng có cách đưa thơ được mà.
- Chuyện đó thì chẳng có gì phải nghi ngờ. Nhưng tại sao ông lại nhút quyết là phải viết thơ? Và lại đêm nay là ông phải đi rồi, hay là chờ lần tới.

Riesenfield uống cạn ly rượu mạnh:

- Bạn hãy còn trẻ nên không biết. Những vụ như thế này cần phải được thanh toán càng sớm càng hay.

Ngay lúc đó. Lisa xuất hiện trước cửa nhà. Á mặc toàn đen, những đường cong thiên nhiên lồ lộ. Riesenfield cùng thấy một lượt với tôi. Hấn chụp lấy cái trên bàn và nhảy ra ngoài:

- Đúng lúc rồi!

Tôi nhìn theo hấn đang bước sải trong ngõ hẹp. Nón cầm tay hấn sửa điệu bộ cho lịch sự rồi tới gần Lisa. Á quay lại nhìn. Rồi hai người khuất vào góc đường. Tôi tự hỏi và không biết chuyện gì đã xảy ra. Georges Kroll chắc chắn sẽ cho tôi biết. Con cáo già đó không biết chừng sẽ moi được của Riesenfield một khối đá hoa cương nữa.

Wilke đi qua sân, nói với tôi:

- Tối nay làm một châu được không?

- Có Kurt Bach không?

- Có chứ. Tôi đi mua thuốc điều cho hấn đây.

Bọn tôi quay quần trong xưởng mộc của Wilke giữa những đống dăm bào, những chiếc quan tài và những hũ keo. Căn phòng sực nức mùi nhựa thông và gỗ bách. Wilke đã thêm nhun thêm nhị cho cái nắp quan tài đôi của hai đứa bé sanh đôi. Hấn còn quyết định sẽ cho thêm lên đó một tràng hoa không tính tiền. Khi đã cảm thấy hứng thú, chẳng bao giờ hấn nghĩ tới món lợi.

Kurt Bach ngồi trên một cái hòm sơn đen, tôi thì ngồi trên một cái băng gỗ sồi. Chúng tôi đã chuẩn bị một bữa khá thịnh soạn với nhiều bia, dồi chả, bánh mì và phô-mai trong ý định chờ ma quỷ tới. Thường thường cứ quá nửa đêm là Wilke lâm vào trạng thái ngất ngư. Hấn không tin ngưỡng nhưng lại rất sợ yêu ma. Để có thể yên tâm được phần nào, hấn chỉ có một con hoàng anh nuôi trong lồng kéc để bầu bạn trong những đêm phải làm khuya. Những hôm chẳng có việc gấp, hấn lại nhờ tới rượu để hôn mê. Chúng tôi thường bắt gặp buổi sáng, hấn còn ngủ như chết trong một cái hòm tổ bố, đã là vật riêng của hấn từ bốn năm qua.

Đó là cái hòm mà hấn đã đóng để chôn anh chàng khổng lồ của gánh xiếc lưu động Bleichfeld. Anh này đã ngã chết sau khi ngốn một hơi hàng tá phô-mai, trứng luộc, dồi heo, bánh mì và cả chục ly rượu mạnh. Nhưng giữa lúc anh bạn thợ mộc của chúng tôi thức suốt đêm để cưa bào đục đẽo thì gã khổng lồ bỗng sống dậy, uống thêm nửa chai rượu mạnh rồi nằm xuống ngủ ngon lành. Sáng hôm sau, tươi như hoa hồng, hấn tuyên bố chẳng biết chuyện gì về cái hòm. Và gánh việc tiếp tục cuộc lưu diễn. Cái quan tài quá lớn không thể gạ bán cho ai được. Wilke đành giữ lại để làm giường ngủ.

Chính vì câu chuyện này mà hấn trở nên đa nghi. Mỗi lần có người đến đặt đóng hấn viện cớ là cần phải đo ni tắc để đến tận nơi xem người chết đã chết thật hay chưa. Một cái hòm khổng lồ may ra còn có lúc bán được chứ một cái quan tài đôi cho hai đứa bé song sanh thì làm sao đây? Hấn không hề nuôi ý định biến xưởng mộc của hấn thành một gian hàng triển lãm quan tài.

Con hoàng anh bắt đầu hát: ánh đèn khiến nó không ngủ được. Tôi hỏi Wilke:

-Thấy trong người thế nào? Người bên kia thế giới về chưa?

- Chưa, chưa đâu. Mới mười một giờ rưỡi.

Kurt Bach chen vào:

- Xin người thợ mộc hãy bắt chước nhà điêu khắc Kurt Bach này, chẳng tin bất cứ gì nên không bao giờ lộ bịch.

- Nhưng cũng chẳng hãnh diện được bao nhiêu.

- Có thể. Nhưng cũng vẫn khá hơn là mỗi đêm ra cửa sổ ngồi nhìn sao rồi chìm vào hàng triệu năm ánh sáng, và cũng không phải lo sợ một hạng siêu nhân nào đó đến quấy rối mình.

Nhà điêu khắc kết thúc câu nói bằng một khoanh giò cho vào mồm. Wilke bắt đầu thấy khó chịu: gần tới nửa đêm. Hấn nói lấp bắp:

- Lạnh! Mới đây đã mùa Thu.

Hấn vừa toan khép cửa lại, tôi ngăn ngang:

- Cứ để vậy. Đóng cửa cũng vô ích. Ma quỷ còn xuyên qua gạch đá được thì một cái cửa ăn thua gì. Có nhìn thấy cái cây ngoài kia không? Có nghe gió hát trên cành của nó không? Vậy mà một ngày kia nó sẽ bị hạ xuống, xẻ ra để bạn đóng hòm. Còn rọu mạnh không?

Kurt Bach đưa chai sang tôi. Thành linh, Wilke rùng mình:

- Các bạn có nghe thấy gì không?

Một con nhện rớt trúng bóng đèn. Tôi bảo Wilke:

- Đừng sợ. Đó chưa phải là dấu hiệu báo trước của bên kia thế giới đâu. Con vật này làm tưởng bóng đèn là mặt trời.

Bọn tôi và Kurt phải cố làm cho Wilke quên sợ hãi cho tới quá một giờ đêm. Theo Wilke thì sau giờ đó, ma quỷ sẽ đi ngủ. Wilke chợt hỏi:

- Tôi không biết làm sao người ta có thể sống được nếu không theo một tôn giáo nào đó. Thí dụ như vào giữa khuya mình bỗng thức giấc giữa một trận bão.

- Mùa Hè, phải không?

- Dĩ nhiên, là mùa Hè. Mùa Đông làm gì có bão.

Kurt Bach luôn có sẵn câu trả lời:

- Thì cứ uống một thứ gì tươi mát rồi ngủ lại.

Wilke lắc đầu. Giờ thiên của ma quỷ là hẳn muốn phát run lên. Gió lay mạnh cánh cửa. Chuông giáo đường ngân vang trong tịch mịch. Nửa đêm, Wilke uống thật mau một ly đầy rượu mạnh.

Gã vô thần Kurt Bach bỗng nói đùa quá trớn:

- Bây giờ mà được đi dạo vào nghĩa địa thì tuyệt.

Bộ râu mép lòng thòng của Wilke lay động theo cơn gió từ ngoài đi qua cửa sổ. Hẳn lờm Kurt:

- Bạn tốt là vậy đó sao?

Và hẳn lại rùng mình:

- Có tiếng động ở đâu đây. Các bạn có nghe không?

Tôi cố trấn an:

- Chẳng có gì đâu. Ngoài vườn giờ này còn có một tình nhân. Ma quỷ rất sợ mùi đồ ăn. Bạn còn chút mắm cá Na uy nào không?

Wilke nhìn tôi với đôi mắt của một con chó bị đá vào hông giữa lúc nó đứng bên cột đèn đưa một chân sau lên.

- Tình nhân! Sao lại nói chuyện đó trước mặt tôi. Mọi người đều biết là tôi không có số đào hoa mà.

- Bạn là nạn nhân của nghề nghiệp. Thôi, nên ăn uống cho vững bụng.

Cả ba bắt đầu bận rộn với những khoan dùi và những chai bia. Con hoàng anh được chia phần một lá cải lại hót lên rộn rã. Kurt Bach lại đưa bộ mặt khó thương ra:

- Vào nửa đêm mình ngủ thấy mùi tinh tú.

Wilke dựng chai bia lên lớp mặt cưa:

- Cái gì? Bạn muốn nói cái gì?

- Trời nồng nặc mùi tinh tú.

- Đừng có ba hoa nữa. Làm như bạn đang sống bằng một nghề khả kính...

- Bộ muốn lôi tôi vào đạo à?

- Không, không... tôi chỉ nói vậy thôi... này, có tiếng sột soạt...

Kurt lại mồm mép:

- Đúng rồi, đó là tiếng bước của tình yêu.

Bên ngoài, thêm một cặp linh nhân nữa vừa nhẹ bước vào khu vườn đầy bia mộ và tháp tưởng niệm của chúng tôi. Wilke hơi yên tâm:

- Tại sao con người lại có bộ mặt khác sau khi chết?

Lại vẫn anh chàng Kurt:

- Bởi vì lúc đó mặt nạ đã rớt xuống rồi.

Wilke ngừng nhai:

- Mặt nạ gì?

- Mặt nạ của cuộc đời.

Trăng nhô ra khỏi những đám mây. Trong vườn, các khối cẩm thạch chiếu trắng ngời, những cây thánh giá nổi bật lên với màu đen. Chúng tôi nhìn thấy có bốn cặp uyên ương, hai trong vùng cẩm thạch, hai lẫn lộn trong khu vực đá hoa cương. Trăng sáng vàng vạc khiến họ bị lộ diện. Những cái đầu quay khắp phía, những cặp mắt ngơ ngác nhìn nhau. Rồi từ từ, họ cùng quay đầu về một phía: cửa sổ còn ánh sáng của bọn tôi. Tất cả bất động cùng một lúc dường như Kurt Bach vừa chạm họ vào thân đá. Một đám mây trôi qua, khu vườn lại chìm vào trong tối, duy nhứt chỉ còn một chút ánh sáng đọng lại trên tháp tưởng niệm đen.

Chuông nhà thờ báo hiệu một giờ đêm, giờ trở về huyệt mộ của loài ma quỷ. Chúng tôi có quyền chọn lựa, hoặc tiếp tục uống say vùi hoặc thả mình vào giấc ngủ như đi vào hầm mỏ đầy những lớp than, những xác người và những kim cương chôn giấu.

***Chú thích:***

*Do nhà xuất bản in nhầm số thứ tự nên không có chương 18.*

Nàng ngồi trong góc phòng, nép mình bên cửa sổ.

- Isabelle!

Không có tiếng trả lời. Mi mắt nàng chớp chớp như cánh bướm bị găm kim.

- Isabelle, tôi tới tìm cô.

Nàng hoảng sợ, ép sát người vào tường:

- Cô không nhận ra tôi sao?

Isabelle vẫn ngồi câm lặng, chỉ có đôi mắt hướng về tôi, âm ỉ và sợ sệt. Một lúc sau, nàng hỏi qua hơi thở:

- Ai sai anh tới? Phải cái người tự xưng là bác sĩ không?

Đúng là Wernicke nhờ tôi tới.

- Có ai sai bảo gì đâu? Tôi lên tới đây, không ai hay biết cả.

Isabelle đứng lên, từ từ rời khỏi chỗ:

- Cả anh nữa, anh cũng phản bội tôi.

- Không, tôi không hề phản bội cô. Tại cô không chịu ra ngoài nên chúng ta không thể gặp nhau.

- Ra làm sao được. Họ đang chực sẵn ở ngoài. Tôi ra là bị bắt ngay. Họ đã khám phá được là tôi ở đây.

- Ai?

Nàng nhìn tôi nhưng không nói. Tôi vỗ về:

- Có ai rình mò gì đâu, Isabelle.
- Có chứ, có những âm thanh, anh không nghe sao?
- Đó là tiếng gió. Isabelle.

Tự nhiên, nàng dịu giọng:

- Chắc là tiếng gió.

Tôi tiến về phía Isabelle, đi ngang qua một cái ghế dựa phủ vải hoa. Thành linh, Isabelle nói một hơi:

- Anh biết không, ở ngoài đó đang có một người đàn bà định bắt cóc tôi. Bà ta tự xưng là mẹ tôi. Tôi không dám ngủ nữa. Tại sao họ không cho người đến đây canh cửa? Tôi phải tự canh gác lấy. Mệt đến muốn ngất đi... Có một cái gì cháy nóng trong đầu, không làm sao nhắm mắt được. Ngay cả anh, anh cũng bỏ tôi.

- Tôi bỏ cô bao giờ?

- Anh đã nói chuyện với họ và chắc chắn là đã bị mua chuộc rồi. Tại sao anh không tới để bảo vệ tôi? Anh không muốn mà, tôi biết nếu anh muốn thì anh đã cứu thoát tôi rồi.

Nàng quay mặt vào tường. Buổi chiều đi vào qua cửa sổ. Tôi ôm Isabelle trong vòng tay. Nàng run rẩy, nép sát người vào trong khi tôi chưa xót nghĩ: hai người xa lạ không hiểu rõ ràng nhau vậy mà vẫn có thể tìm một lối thoát tương đối êm dịu qua sự ngộ nhận kéo dài.

Isabelle thở dài:

- Tại sao anh không yêu em?
- Anh yêu em.

Tất cả những gì trong tôi đều là tình yêu đối với Isabelle.

- Không! Bọn người kia vẫn còn đó. Nếu yêu em anh đã giết họ rồi.

Tôi vẫn giữ nàng trong vòng tay và nhìn ra vườn cây giữa lúc bóng tối từ từ dâng lên và những lối đi vừa nhuộm tím. Tôi tự biết mình đang sáng suốt nhưng đồng thời có cảm tưởng như đang đứng trên một chóp nhọn thật cao mà bên dưới là vực thẳm của một dòng suối đỏ máu.

Ngả đầu vào vai tôi, Isabelle thì thào:

- Anh có thấy lạnh không? Cứ mỗi đêm là tất cả đều chết đi. Trái tim cũng chết.

- Không có cái gì chết đâu. Isabelle, không bao giờ.

- A! Tất cả đều nói dối. Cả anh nữa, anh cũng nói dối.

- Phải, nhưng không cố ý.

Isabelle bị run lên và áp cả thân mình vào người tôi:

- Họ bịt mắt em rồi lấy kim đâm vào. Vậy mà em vẫn nhìn thấy.

- Em thấy gì?

Nàng bỗng đẩy mạnh tôi ra:

- Họ sai anh tới đây nhưng đừng hòng tôi khai điều gì cả. Anh là gián điệp, họ trả tiền để anh dò thám tôi. Tôi mà nói ra là họ sẽ giết tôi.

Tôi không chút ngạc nhiên:

- Anh không phải gián điệp đâu.

Isabelle dường như suy nghĩ lại. Tôi cố gắng không động đậy, không thở mạnh. Chúng tôi đang đứng trên một ngưỡng cửa mà phía sau đó là cả một vùng tự do - điều mà Wernicke gọi là tự do - đó là sự trở về từ những khu vườn điên dại để ra những con lộ bình thường, những ngôi nhà và những cuộc tiếp xúc giữa con người.

Cuối cùng, tôi tìm một lối khuyên giải:

- Nếu em nói rõ cho anh biết, họ sẽ không còn muốn quấy rối em. Và nếu họ vẫn tiếp tục, anh sẽ đi tìm cảnh sát... anh cho báo chí hay. Lúc đó, họ sẽ hoảng sợ. Và em được yên lành.

Nàng chấp hai tay lại:

- Không phải chỉ có vậy thôi...

- Vậy còn gì nữa?

Trong một thoáng, mặt nàng bỗng đanh lại, môi mím chặt, cằm đưa tới trước. Bây giờ, nàng là hiện thân của một nữ đồng trinh hung hãn.

- Thôi!

Giọng nàng cũng khác hẳn đi. Tôi đỡ dành:

- Có gì đâu. Anh chỉ muốn cho em biết rõ hơn.

Tôi hồi hộp. Ánh mắt Isabelle đã hoàn toàn ngây dại, màu chiều biến nó đục lờ như hai viên đá đen. Nhưng hai viên bản thạch đó đang nhìn tôi với tất cả khinh mạn:

- Màyy muốn biết rõ lắm, phải không? Màyy đã phản tao, đồ mật thám!

Tự nhiên tôi bỗng giận sôi lên mặc dầu vẫn biết mình đang đứng trước một người loạn trí. Tôi hét to lên:

- Khôn kiếp! Tội gì phải dây vào tất cả những chuyện này?

Tôi thoáng thấy mặt Isabelle biến sắc và dịu lại nhưng cơn giận vô nghĩa đã mang tôi ra khỏi phòng như một trận cuồng phong.

- Rồi sao nữa?

Tôi nhún vai không buồn nhìn Wernicke:

- Chỉ vậy thôi. Nhưng tại sao lại phải tôi tới gặp cô ta? Có thay đổi được gì đâu.

Đã vậy, thay vì an ủi người bệnh, tôi lại nổi xung, chẳng ích lợi gì cả.

- Cậu không biết chớ làm như vậy là đúng lắm. Rất có lợi cho cô ấy.

Wernicke lấy từ sau dãy sách ra một chai rượu và hai cái ly. Vừa rót rượu, ông ta vừa ôn tồn hỏi:

- Uống một chút cô-nhắc với tôi đi. Có một điều mà tôi muốn biết: là thế nào cô ấy biết có bà mẹ tới đây?

Tôi sửng sốt:

- Mẹ cô ta đã tới đây?

Wernicke gật đầu:

- Tới từ hôm qua. Cô ấy chưa gặp mặt, đầu là nhìn từ cửa sổ.

- Nhưng tại sao cô ta lại có thể thấy.

Wernicke ngấm nghĩa màu rượu trong ly:

- Muốn nhìn thấy cô ấy phải có một đôi mắt tương đương với viễn vọng kính. Tuy nhiên, những người bị

bệnh tâm trí thường hay có những trực giác lạ lùng. Có thể cô ấy đoán ra nhờ đã lần lần khôi phục.

- Ông nói sao? Cô ta hiện còn điên dữ hơn lúc trước.

Wernicke vẫn bình thản:

- Không đâu.

Tôi đặt ly xuống và nhìn những quyển sách dày cộm:

- Cô ta còn thảm hại đến nỗi tôi muốn nôn mửa.

- Thảm hại thì đúng nhưng điên thì không.

- Vậy, tốt hơn hết là nên để cô ta hoàn toàn sống sung sướng như mùa hè vừa qua. Bây giờ... ghê tởm quá.

Wernicke nhìn nhận:

- Ghê tởm thật.
- Giống như kẻ đang ở trong phòng tra tấn.

Wernicke gật đầu:

- Nhưng không phải chỉ có một mình cô ấy. Cậu hãy còn trẻ để giải quyết vấn đề thương hại. Thêm một ít tuổi nữa sẽ biết.
- Tôi cũng đã có một mớ kinh nghiệm về phần tôi.
- Đừng tự hào lắm về cái nhãn hiệu cựu chiến binh. Những gì cậu thấy không dính líu chi đến vấn đề siêu hình của sự xót thương mà chỉ là dậy lên thêm sự ngu dại của loài người. Lòng trắc ẩn bắt đầu từ một nơi nào đó và tự kết thúc tại một nơi nào đó... vượt ra ngoài phạm vi của những kẻ hay than van như cậu hoặc những kẻ hay ban phát những lời an ủi, chia buồn.

Ông ta uống cạn ly bình lặng nhìn màn đêm đang từ từ buông xuống. Ánh đèn điện làm ngời chiếu những gáy sách nhiều màu. Đột nhiên, ông ta đứng lên, lấy nón đội rồi nhích vành nói sang một bên để chào tôi:

- Xong rồi. Đã tới giờ đi thăm bệnh
- Sao bác sĩ không cho cô Geneviève Terhoven một ít thuốc ngủ?
- Nhưng thuốc ngủ không thể chữa hết bệnh.
- Ít ra cô ta cũng được một đêm yên nghỉ.
- Cám ơn. Tôi sẽ làm theo lời cậu... À, tôi quên nói điều này: Hôm nay chỉ một mình cậu thôi cũng đã hơn cả một lô y sĩ chuyên chữa bệnh điên. Rất cám ơn.

Tôi không hiểu ông ta muốn nói gì. Tôi lặp lại:

- Đừng quên cho cô ta uống thuốc ngủ. Loại mạnh.
- Đồng ý. Cậu có sang Trung Hoa chưa?
- Trung Hoa à? Sao tôi lại phải đi?
- Tôi... Tôi đã có lần ở đó... trước chiến tranh. Giữa thời nạn lụt và đói khát xảy ra liên miên.
- Ông khỏi bận tâm kể thêm. Tôi đã đọc hàng lô sách nói về những chuyện đó rồi. Ông đi gặp cô Geneviève Terhoven ngay bây giờ phải không?
- Tôi sẽ tới cô ấy trước. Đừng lo, tôi sẽ giúp cô ấy ngủ yên.

Và ông ta cười khó hiểu:

- Sau đó tôi sẽ có một vài câu hỏi tế nhị với mẹ cô ta.

Văn phòng chìm trong bóng tối. Tôi mở đèn lên và bắt gặp một mảnh giấy trên bàn *“Riesenfield đã lên đường. Hôm nay, nghỉ phép vào nửa đêm. Hãy sẵn sàng tinh táo, nhớ cắt móng tay và đừng quên cầu nguyện cho đức vua và tổ quốc. Ký tên Kroll, thượng sĩ và con người. Tái bút: Coi chừng! Tôi lỗi đang rình rập ngay cả trong giấc ngủ”*.

Tôi lên phòng riêng. Chiếc dương cầm cười nhe cả hàm răng trắng xóa. Trên kệ là những quyển sách của các nhà tư tưởng lớn. Chúng nhìn tôi với đầy vẻ nghi ngờ. Tôi gởi ra cửa sổ một loạt âm thanh, Lisa xuất hiện trong chiếc áo choàng với một bó hoa to tướng. À nói lớn qua con hẻm:

- Cửa Riesenfield! Ngốc quá! Có cần loại rau này không?

Tôi từ chối bằng cử chỉ. Biết gởi cho ai? Không thể cho Gerda, cả Isabelle nữa.

- Không hả?

- Không, cảm ơn.

- Đồ quạ mô! Vui lên một chút chớ.

À đóng sầm cửa lại. Tôi lại tung thêm một loạt âm thể ra ngoài trời. Không cảm hứng. Tôi đập nắp dương cầm và xuống gác. Xưởng mộc của Wike vẫn còn đèn, tôi lên chỗ anh ta và hỏi ngay:

- Vụ mấy đứa bé sanh đôi tới đâu?

- Xong xuôi. Tốt đẹp. Đã vậy lại còn mua được một chỗ nằm tốt, đất có cát, khô ráo, ở trên cao.

- Cho ai? Cho bà ta và chồng? Để làm gì?

- Đừng quên là giữa thời buổi này có một chỗ chôn cất tức là để chiếm được một vị trí tốt nhất cho cuộc đời. Và lại, bà ta có thể bán đi nếu cần. Lạm phát như điên, thế nào cũng kiếm được chút ít.

- Quá đúng, tôi quên mất, xin lỗi. Còn bạn, đang làm gì đây?

Wike chỉ một chiếc quan tài:

- Đóng hộp cho thằng cha ngân hàng. Werner. Bất đắc kỳ tử. Gỗ quý, bạc khối, to thứ thiệt, giờ phụ trội... ngon lành. Đêm nay không ở chơi à? Kurt Bach đi đâu mất. Vậy là ngày mai bạn có thể bán được một cái tháp thứ quý nhưt. Thằng cha này ngã chết sau khi đóng cửa nhà băng.

- Thành thật chia buồn. Phần tôi cũng gần như sắp chết. Nên tới Moulin Rouge, quá một giờ trở về làm tiếp, được không?

WilKe suy nghĩ một chút rồi gật đầu:

- Ý kiến hay. Nhưng có cần mặc áo đuôi tôm không? Tôi không có.

- Cần cóc gì.

- Cũng được. Có hay không có áo đuôi tôm thì cùng phải xài tất cả số tiền làm một đêm chỉ trong một tiếng đồng hồ. Nhưng... hay là tìm một quán rượu nho nhỏ. Chắc chút nữa tôi phải tới Blum, bia của hấn ngon lắm.

Tôi băng qua sân trong bóng tối. Một đóm mờ nằm ngang dưới chân tháp tượng

niệm đen: bó hoa của Lisa. Á đã đem bỏ lại đó trước khi tới Moulin Rouge. Tôi ngập ngừng nửa muốn lấy, nửa muốn không. Tới lúc chợt nghĩ là Knopf có thể tưới nước bắn lên đó, tôi không do dự nữa. Dem bó hoa về phòng, tôi cắm vào một bình đất nung. Gian phòng như sáng chói ra. Thế là tôi đang sống cùng những đóa hoa cúc nâu, trắng và vàng phảng phất mùi nghĩa địa. Bất giác tôi tưởng như mình đang nằm dưới đáy mồ. Thật ra, có phải tôi đã vừa chôn một vật gì đó hay không?

Càng về khuya, hương hoa càng ngào ngạt và trở nên khó chịu. Nhìn sang xưởng mộc tôi biết ngay là giờ này Wilke hẳn còn ngồi ở quán để chờ giờ của ma quỷ đi qua mới dám trở về. Tôi đem bó hoa sang chỗ hắn. Một chai bia nhỏ đang tựa mình vào cái hòm của gã không lồ. Tôi uống cạn, đặt tại chỗ rồi mở toang cửa sổ ra để lúc trở về ngỡ là một oan hồn nào đó đã vào đây uống bia của hắn. Ngắt từng cánh hoa ra, tôi rải trên chiếc quan tài đóng dở dang và đặt ở chân làm tờ giấy bạc một ngàn Đức kim mất giá.

Wilke sẽ ngạc nhiên ra sao? Hắn phản ứng thế nào? Nếu cái hòm của Wilke không xong được đêm nay cũng chưa phải là tai họa. Tên chủ ngân hàng đó, với khối tiền lạm phát, đã làm sạt nghiệp chẳng biết bao nhiêu trưng chủ đã tin cậy hoàn toàn nơi hắn.

Tôi vừa vào tới. Georges xô ra ngay một tràng dài khiến tôi ngo ngác:

- Lại đây, lại đây, lại xem một phép lạ. Còn lạ hơn là bắt gặp một kiệt tác của Rembrandt nằm trong tiệm cầm đồ! Đừng xúc động mạnh! Ôm chặt lấy trái tim!

- Thật không?

- Coi đây! Một, hai, ba!

Y lấy từ trong khăn tay ra một vật tròn và ném xuống bàn. Tôi phải nhìn một lúc khá lâu mới nhận ra: một đồng hai mươi Đức kim đồng vàng. Tôi hoàn toàn không tin ở mắt mình. Một đồng tiền thế này... một đồng tiền mà tôi đã nhìn thấy. A! Đúng rồi! Trước khi có chiến tranh!

Tôi nói với Georges:

- Anh cho phép tôi hôn nó. Đây là vật biểu trưng của một thời đại vàng son.

Tôi cầm lấy đồng tiền, nâng niu trong bàn tay. Đồng tiền vàng có chạm hình Hoàng đế Guillaume đệ nhị, giờ đây đang cưa gỗ ở Hòa Lan.

- Anh làm sao có được, Georges?

- Của một góa phụ vừa hưởng được cả một chôn giấu.

- Trị giá bao nhiêu?

Georges lim dim mắt như để tính nhẩm rồi nói luôn một hơi:

- Bốn tỷ Đức kim giấy bạc giấy. Một ngôi nhà nho nhỏ. Hay mười hai ả điếm hạng sang. Một tuần lễ tới Moulin Rouge. Còn gì nữa? À, tám tháng tiền cấp dưỡng một phé binh có mức độ tàn phé trăm phần trăm...

- Xin can...

Henri Kroll đi vào, ông quần bó chặt bằng hai cái kẹp. Tôi tung đồng tiền vàng xoáy lốc trên không:

- Xem đây! Ông anh sẽ hài lòng với tinh thần tôi Chúa!

Henri chụp lấy, dán mắt vào đồng tiền vàng rồi kêu lên:

- Trời! Đức Hoàng thượng! Thời đó, chúng ta còn cả một quân đội!

Tôi chen vào:

- Với màu sắc rực rỡ..

Henri quắc mắt:

- Nhưng chú mày vẫn phải nhìn nhận rằng thời đại đó vẫn hơn cái chế độ dân chủ xã hội này.

- Có thể.

- Không phải có thể, mà là chắc chắn. Thời đó, chúng ta có đủ cả: tiền tệ vững chắc, không một người thất nghiệp... và cả thế giới ngưỡng mộ nước ta. Tôi có nói dối không?

- Chắc là không.

- Lâu lắm mới nói một câu nghe được. Và chế độ này, chúng ta có được gì?

- Rối loạn, năm triệu người thất nghiệp và thua trận.

Hai tiếng sau cùng của tôi là Henri sững sờ. Ông ta rống lên:

- Đừng nói tới chuyện thua trận. Tôi có bảo chú mày nói vậy đâu. Phải nhớ là trước kia chúng ta được bọc trong nhung lụa. Và bây giờ thì hỗn loạn khắp nơi.

- Tại ông hỏi...

- Bỏ đi, chuyện cần kíp là phải có một vị Hoàng đế mới và được chánh phủ quốc

gia, vậy thôi!

- Khoan! Ông còn quên một chi tiết, một từ ngữ rất quan trọng, một liên từ: *bởi vì*. Trí nhớ ông hơi kém, ông Kroll.

- Sao? Chú mày muốn nói gì?

- *Bởi vì*, tôi muốn nhấn mạnh ở hai tiếng *bởi vì*. Hiện chúng ta đang có năm triệu người thất nghiệp, nạn lạm phát và thua trận bởi vì chúng ta đã có một chính phủ theo kiểu của ông. Bởi vì chính phủ đó, có thực hiện giấc mộng xâm lăng, đã mở một cuộc chiến. Bởi vì, cuộc chiến đó, đưa đất nước tới bại trận. Và chính vì vậy mà tất cả chúng ta phải gánh lấy cái hậu quả thảm bại mà ông vừa nhắc tới. Ông và các bạn của ông, những người cùng lý tưởng với ông đều nói: trước đây là thời kỳ vàng son và bây giờ tất cả đều tệ hại, và kết luận là chế độ cũ cần phải đặt lại. Trên thực tế, đúng hơn là phải nói thế này: ngày nay tất cả đều tệ hại bởi vì trước đó là một chế độ tệ hại. Ông hiểu tôi muốn nói gì chưa?

Henri Kroll găm lên:

- Đồ phản bội!

Georges cười vang:

- Đối với Henri thì bất cứ ai không chịu đứng nghiêm đều là phản bội.

Henri ưỡn ngực tới chuẩn bị một câu trả lời nảy lửa. Hình ảnh đức vua mà ông ta vừa nhìn thấy trên đồng tiền vàng lúc nãy làm cho ông ta tin tưởng thêm hơn. Nhưng giữa lúc đó, Kun Bach đi vào.

- Ông Kroll, cái tháp có khắc “Đây là nơi an nghỉ cuối cùng của chủ hiệu buôn đồ sắt Tây Quartz” nên chạm hình thiên thần bên phải hay bên trái.

Henri quay phắt lại:

- Cái gì?

- Hình thiên thần trên tháp tưởng niệm ông Quartz.

- Bên phải. Thiên thần luôn luôn ở bên phải.

Trở về thật mau với tinh thần nghề nghiệp, ông ta bảo Kurt:

- Được rồi, để tôi cùng đi.

Và ông ta ném trả đồng tiền vàng lên mặt bàn. Kurt Bach vừa thoáng thấy, vội cầm lên, ngắm nghía:

- Một thời kỳ đã trôi qua!

Georges nghiêng đầu:

- Theo ý bạn thì đó là thời kỳ gì?

Thời kỳ của nghệ thuật tự do. Bánh mì chỉ có mấy xu, một ly rượu mạnh năm xu chẵn. Chỉ cần vài miếng tròn thế này là đã đủ xuất ngoại, sang Ý chẳng hạn.

Kurt hôn đồng tiền và đặt trở lại trên mặt bàn. Mặt hắn dăm chiêu như vừa già thêm mười tuổi. Rồi hắn lặng lẽ đi ra. Trước khi theo Kurt, Henri còn quay lại lườm chúng tôi:

- Để rồi xem, sẽ còn nhiều cái đầu rời khỏi cổ.

Tôi vênh tai lên hỏi Georges:

- Anh có nghe rõ không? Có phải đó là một khẩu hiệu của Watzek? Con đường Arquebusiers nhỏ hẹp này coi bộ đã là một ổ rắn của Quốc Xã rồi.

Georges lơ mơ nhìn ra cửa:

- Có thể. Coi bộ không khá lắm. Vậy mà những người như Henri năm 1918 lại là những kẻ ong óng chống quân địch. Từ đó tới nay họ quên hết cả, chiến tranh đối với họ là một cuộc phiêu lưu hấp dẫn.

Nhét đồng tiền vào túi áo gilet, Georges nói tiếp:

- Khi đã thoát nạn rồi, người ta thường chỉ thấy đó là một cuộc phiêu lưu vô hại. Thật đáng buồn nôn. Chỉ có những người chết mới có được ý niệm chính xác về chiến tranh. Buồn thay! Họ chỉ là thiểu số...

Georges đội nón lên:

- Thôi, mình đi ăn. Để xem anh chàng Edouard Knoblock nghĩ gì về đồng tiền con ó.

Nàng ngồi trên thêm, trước trại những người chưa lành bệnh. Ở nàng không còn sót lại một chút gì về điên loạn như hôm trước. Mắt trong và sáng, mặt hiền hòa, nàng trông đẹp hơn bao giờ hết.

Con mưa chiều làm khu vườn chiếu ngời ánh nắng và ẩm ướt. Từng tảng mây xanh đục lướt trên thành phố. Bất cần hòa hợp với thời tiết, Isabelle mặc dạ phục và mang giày vàng chói. Một chiếc vòng ngọc bích trị giá hơn cả vốn liếng của hãng chúng tôi, kể cả bàn ghế, tháp tượng niêm và lợi tức năm năm tới khoanh tròn ở cổ tay trắng nuột của nàng. Đây là lần đầu tiên, tôi trông thấy chiếc vòng đó của Isabelle. Chắc chắn là phải có một cái gì trọng đại hôm nay - lúc này là đồng tiền vàng của vua Guillaume đệ nhị và bây giờ là chiếc vòng ngọc bích.

Isabelle chợt hỏi tôi:

- Anh có thấy họ không? Chúng đã uống quá nhiều bây giờ chúng ngồi yên, no đủ và thỏa mãn. Chúng phát ra tiếng vù vù như hăng vạn con ong.

- Cô nói ai?

- Cây cỏ chó còn ai. Hôm qua, trời nắng cháy, chúng kêu la mãi.

- Cây cỏ mà cũng kêu la được sao?

- Tại sao không? Anh chẳng nghe gì cả hay sao?

- Không.

Chiếc vòng ngọc bích như thao láo nhìn tôi với những con mắt biếc.

Isabelle cười:

- Vậy là anh ít khi nghe thấy gì cả, Rudopf. Tại anh to mà anh lại chẳng biết nghe, anh chỉ làm ồn ào thôi.

- Tôi à?

- Anh làm ồn ào lắm, Rudopf. Nhiều lúc người ta không chịu nổi. Còn tệ hại hơn những đóa hoa khi khát nước.

Tôi cố giữ giọng thật tự nhiên:

- Isabelle, đừng đùa nữa.

Nàng hôn tôi thật mau:

- Đừng đùa à? À này, Rudopf, dường như tên thật của anh không phải vậy. Anh tên gì?

Tôi ngạc nhiên và chưa bao giờ nàng đặt câu hỏi đó. Tuy nhiên tôi vẫn phải nói thật:

- Tôi là Louis.

- Louis. Anh có bao giờ mệt mỏi với cái tên Louis không?

- Có chứ. Và mệt mỏi với chính mình.

Nàng gật đầu như cho đó là một điều rất tự nhiên:

- Vậy thì đổi tên đi. Sao không lấy tên là Rudopf? Hay một tên nào khác. Và nên đi xa. Đi tới một nước khác.

- Đổi để làm gì? Mọi người ở đây đều đã biết tôi là Louis.

Isabelle dường như không nghe tôi nói. Nàng lẩm bẫm:

- Cả tôi nữa, tôi cũng sắp đi xa. Tôi có cảm giác như vậy. Tôi đã quá mệt mỏi và chán chường vì sự mệt mỏi của tôi. Tất cả đều gần như có một chút trống không và đầy ý vĩnh biệt, buồn thảm và chờ đợi.

Tôi nhìn nàng và đột nhiên lo sợ. Chuyện gì đã xảy ra trong đầu nàng.

- Mỗi người chúng ta có phải luôn luôn đang biến đổi hay không?

Mắt Isabelle hướng về phía thành phố:

- Tôi không muốn nói tới vấn đề đó. Rudopf Tôi là còn có một sự biến đổi khác hơn. Một sự biến đổi to lớn. Gần giống như sự chết. Hay là sự chết cũng nên.

- Isabelle!

Nàng lắc đầu nhưng không nhìn tôi:

- Ở đâu cũng có một cái gì phân hóa. Ngay cả trong cây cối và sương mù. Bóng tối cũng đầy đặc sự phân hóa. Và sự một mỗi lướt dài qua xương xẩu của tôi. Tôi không thích đi vợ vẫn nữa Rudopf. Dầu là có anh tôi cũng không thích. Dầu vậy, tôi vẫn cảm thấy mến anh. Anh có hiểu được tôi hay không cũng mặc. Ít ra thì anh cũng có mặt ở đây. Nếu không thì tôi chỉ sống có một mình.

Tôi không hiểu nàng muốn nói gì. Đây là những giây phút khác thường. Tất cả bỗng hoàn toàn im lặng, không một cành lá động đậy, chỉ có những ngón tay của Isabelle ngo quảy trên viền ghế mây với sự hiện diện của màu ngọc bích. Nắng chiều làm khuôn mặt nàng đầy sinh khí hoàn toàn trái ngược với ý nghĩ chết chóc mà nàng vừa nêu ra. Dầu vậy, tôi vẫn không khỏi ngẫm lo sợ. Isabelle sẽ ngã quỵ theo cơn gió? Không, gió mới nổi lên và lướt qua những tầng cây. Nàng đứng lên và cười thật tự nhiên:

- Có rất nhiều cách để chết. Nhưng anh, anh chỉ biết có một cách. Thôi, chúng mình vào trong.

Tôi bỗng nghe mình nói:

- Anh yêu em, Isabelle.

Nàng cười lớn và hôn tôi rồi thì thầm:

- Âm nhạc... và ánh nắng trong sương mù. Tuổi trẻ của mình rồi sẽ ra sao, Rudopf?

Thình lình, tôi thấy cay ở mắt mình mà không biết tại sao:

- Rồi sẽ ra sao? Nhưng bọn mình đã có một tuổi trẻ nào chưa?

- Làm sao biết.

Trong ánh sáng đỏ rực buổi chiều, tôi chợt nhận ra một vết phân chim trên áo, ngang chỗ trái tim. Isabelle cũng nhìn thấy và cười rữ rươi. Tôi dùng khăn tay chùi sạch vết bẩn, cố quay lại câu chuyện đang bỏ lửng:

- Em là tuổi trẻ của anh, Isabelle, bây giờ anh mới nhận ra. Cái tuổi trẻ mà người ta bắt đầu nói tới khi nó vượt khỏi tầm tay...

Tôi dừng lại, hơi sững sờ về điều vừa nói ra, tôi đang tưởng tượng gì đây? Sự thật, tôi đã có một tuổi trẻ hay không? Và tại sao nó lại vượt thoát? Bởi vì cô gái điên này đã nói thế? Hay là cơn sợ mới mẻ và thâm lặng vừa hiện tới? “Anh yêu em, Isabelle” Anh yêu em còn hơn là anh có tưởng về tình yêu đó. Cũng giống như một đợt gió nổi lên, người ta tưởng nó chỉ làm cho mát mẻ, nhưng rồi trái tim bất ngờ bị bẻ gập như cành liễu trong cơn bão. Anh yêu em vì em nghe thấy tiếng kêu của hoa lá khi chúng khát, em biết được buổi chiều tự nó có điều mệt mỏi. Một cánh cửa vừa mở ra những khu vườn xa lạ, anh chưa biết rõ là gì, anh ngạc nhiên, anh xấu hổ vì đã đại ngôn, nhưng những từ ngữ to lớn đó cứ thoát ra ngoài ý muốn, chúng âm vang mà không nêu một nghi vấn nào với anh. Một người nào đó đã nói với giọng nói của anh mà anh không nhận ra.

Isabelle dừng sững lại. Chúng tôi đang bước vào lối đi mà cách nay vài hôm, trong cơn loạn trí, Isabelle đã thoát y. Nhưng hôm nay tất cả đều đổi khác. Con đường nhỏ chói chang ánh nắng chiều, tràn ngập màu tươi trẻ xa lạ vừa ưu tư vừa khoan khoái.

Isabelle nói như gió thoảng:

- Anh có yêu em không?

- Yêu nhiều lắm. Và anh biết sẽ không còn một người nào nữa để anh yêu như vậy, bởi vì anh sẽ không còn là anh nữa và anh sẵn sàng giữ lấy tình yêu đó dù rằng phải đánh đổi bằng sinh mạng.

Mắt nàng chiếu rực nắng hồng:

- Vậy là cuối cùng anh đã hiểu. Anh đã hiểu tất cả... hạnh phúc không tên, tang chế, giấc mơ, khuôn mặt đôi. Mong trời, Rudopf, mình có thể vượt qua, nhưng một niềm tin mình sẽ rơi xuống. Anh có tin thế không?

Tôi đáp nhỏ:

- Anh phải tin.

Ánh nắng cuối ngày vẫn còn gay gắt nhưng đã trộn lẫn màu xám đục càng lúc càng lan rộng trên nền trời. Sự huyền bí vừa đi ngang qua tôi, phớt nhẹ vào người tôi: tôi vẫn mang một tên và tôi sẽ kéo nó theo suốt cả cuộc đời. Tôi không phải là loài phượng hoàng. Tôi không thể phục sinh từ xác thân mục rữa của tôi. Tôi cố bay bổng lên và rơi xuống đất như một con gà mái vụng về bỡ ngỡ.

Isabelle làm tôi giật mình:

- Đừng buồn, anh!

- Isabelle, anh không thể đi trên những cầu vồng, nhưng anh muốn được đi trên đó. Ai có thể đi trên đó?

- Không ai cả.

- Không à? Cả em cũng không đi được?

Nàng lắc đầu:

- Không một ai. Chúng mình chỉ cố thử thôi, cũng không đến nỗi tệ lắm.

Nắng tắt trong vườn cây, tất cả đều nhuộm xám. Tôi đã sống một buổi chiều tương tự hôm nay nhưng tôi không thể nhớ rõ là lúc nào. Tôi ôm Isabelle kéo sát vào. Chúng tôi hôn nhau như những kẻ khốn nạn và tuyệt vọng, như hai kẻ sắp xa rời nhau vĩnh viễn, tôi bỗng thấy như nghẹt thở:

- Anh gần như mất cả. Isabelle. Anh yêu em.

Isabelle thì thầm:

- Đừng nói gì cả, Rudopf.

Chúng tôi bước chậm về phía cổng vườn. Mặt trời đã lặn mất, những cánh đồng như chìm khuất, một vùng sáng đỏ còn đọng lại trên chóp vườn, các con đường lớn dưới phố như rục rủa.

Chúng tôi đứng bên nhau, im lặng, một lúc lâu, Isabelle nói:

- Bảo rằng sự hiện hữu có một điểm phát xuất và một điểm kết tận có lẽ không đúng lắm.

Tôi không hiểu ngay nàng muốn nói gì. Sau lưng chúng tôi, vườn cây bắt đầu trở mình để vào đêm. Phía trước, cảnh vật như đang bị nung nấu trong một lò đúc hợp kim. Một điểm phát xuất và một điểm kết tận? Tôi chợt hiểu ra. Tôi gì phải trích ra từ cuộc sống một định mệnh nho nhỏ, chia cắt từng đoạn một rồi đặt lương tâm mình vào đó để dày vò?

- Isabelle, anh tin là đã tìm được tình yêu. Đó là bên bờ cao vợi hướng lên ngàn trùng tinh tú... một toan tính luôn luôn vô hiệu, từ cõi chết đến với cõi bất diệt... một sự gặp gỡ giữa chân trời và sóng biển. Isabelle, lúc nói, anh không suy nghĩ nhiều, ngôn ngữ tự nó cứ tuôn ra, có thể trong đó có một vài lời nói dối, nhưng anh nghĩ rằng em vẫn có thể hiểu anh mà không cần anh phải nói.

- Vâng.

- Em hiểu anh rồi phải không?

Mắt nàng sáng lên:

- Rudopf, em thường lo ngại cho anh.

- Lo ngại? Tại sao?

Nàng lặp lại:

- Lo ngại. Mà không, bây giờ hết rồi. Vĩnh biệt Rudopf!

Tôi siết chặt hai bàn tay Isabelle:

- Em đi sao? Anh có làm gì buồn lòng không?

Nàng cố gỡ tay ra. Tôi nói mau:

- Isabelle, anh xin lỗi. Đó chỉ là tiếng nói, những lời vô nghĩa.

- Rudopf, tại sao anh cứ muốn hủy diệt những gì anh có?

- Anh cũng không biết tại sao.

- Ngọn lửa không khói và cũng chẳng có dấu vết tro than, đừng dập tắt nó, Rudopf. Vĩnh biệt!

Chuyện gì nữa đây? Phải chăng tôi đang ở trên sân khấu? Phải chăng đây là lần vĩnh biệt thật sự? Tôi ôm nàng vào lòng:

- Mình ở bên nhau, phải không em?

Nàng ngả đầu vào vai tôi và khóc.

- Tại sao em khóc? Thế này không phải là hạnh phúc sao?

Nàng diu dàng hôn tôi rồi nhẹ lùi ra:

- Vĩnh biệt, Rudopf!

- Tại sao em cứ nói vĩnh biệt mãi? Mình có xa rời nhau vĩnh viễn đâu? Mai anh sẽ trở lại.

Nàng nhìn tôi:

- Rudopf! Làm thế nào để chết được nếu không nói với nhau lời vĩnh biệt?

- Phải, làm thế nào?

Chúng tôi dừng lại trước trại bệnh. Phòng ngoài không một bóng người. Một mảnh vải màu bị bỏ quên trên một chiếc ghế mây.

Thình lình, Isabelle bảo:

- Đi với em!

Tôi thoáng do dự nhưng biết là không thể từ chối nên bước tới. Tôi theo nàng lên lầu. Không một lần nhìn lại phía sau, nàng đi thẳng vào phòng riêng. Tôi dừng lại ở ngưỡng cửa. Nàng tháo đôi giày vàng chói ra rồi nằm dài trên giường, vẫy tay:

- Lại đây, lại đây, Rudopf!

Tôi bước vào tới ngồi ở mép giường, cố tránh làm cho nàng thất vọng như lần trước, nhưng tim tôi đập mạnh vì chẳng biết phải làm gì hay giải thích ra sao khi một nữ tu hoặc Wernicke bất chợt vào đây.

Isabelle lại bảo:

- Nằm xuống với em.

Tôi lùi ra một chút nhưng nàng đã nhanh hơn, rướn dậy và ngã đại vào lòng tôi. Nàng kêu lên nho nhỏ:

- Đây rồi, Rudopf!

Và sau phút thờ dồn dập, nàng ngủ thiếp đi.

Trời đã tối hẳn trong phòng. Khung cửa sổ làm thành một hình chữ nhật đục mờ. Tôi ngồi yên, lắng nghe hơi thở của Isabelle và những tiếng động của các phòng kế cận. Thình lình nàng mở mắt ra, gần như không thở nữa và đẩy tôi ra. Tôi vội vàng bảo:

- Chính anh đây. Rudopf.

- Ai?

- Rudopf, anh vẫn ở bên em.

- Anh ngủ ở đây à?

Giọng nàng đã đổi khác. Tôi nhắc lại:

- Anh vẫn ở bên em.

- Anh ra mau đi. Ra ngay!

Tôi nghĩ là nàng không nhận ra tôi!

- Chỗ mờ đèn ở đâu, Isabelle?

- Đừng mở đèn. Đi ra đi, ra mau!

Tôi bàng hoàng nhưng đành phải đứng lên, mò mẫm ra cửa. Isabelle động trên giường như kéo mềm đê đắp.

- Ra ngay đi! Ra mau. Ralph! Coi chừng bà ta thấy!

Giọng nàng đã trở nên chát chúa, hoàn toàn khác lạ.

Tôi khép cửa lại và lẳng lặng xuống lầu. Người nữ tu gác bệnh ngồi ở tiền đình biết tôi được phép thăm nữ bệnh nhân Terhoven, hỏi:

- Cô ấy có bình tĩnh không?

Tôi trả lời bằng cái gật đầu và đi thẳng ra khu vườn dành cho những người điên nhưng không loạn đạo mát ban đêm. Chuyện vừa xảy ra là gì? Tại sao nàng gọi tôi là Ralph? Nhân vật đó là ai? Chưa bao giờ nàng gọi tôi như thế cả. Và tại sao nàng sợ tôi bị bắt gặp?

Trên đường xuống đồi, tôi không khỏi hoang mang. Tình yêu và những ngôn ngữ kiêu kỳ của tôi tan tác trong gió đêm. Một cơn buồn khó chịu kéo tới, một nỗi sợ mơ hồ khiến tôi bước mau hơn, tôi muốn trở lại thành phố thật mau để được nhìn ánh sáng, để hòa mình trong nhịp độ của cuộc sống chung.

Giữa đêm, tôi giật mình thức giấc vì những tiếng ồn ào khác lạ. Mở cửa sổ ra, tôi nhìn thấy lão Knopf đang được dìu về. Đây là lần đầu tiên lão ta không trở về một mình. Thường lệ, dầu say bí tỉ, lão vẫn mò được về nhà. Lão ta rên như bò rống. Một vài cửa sổ gần đó mở ra.

- Thằng già say khốn kiếp!

Tiếng chửi mắng nghe như quỷ khóc giữa đêm. Tác giả của câu rửa xả vừa rồi là bà Konersmann, một góa phụ. Suốt ngày, bà ta chẳng làm gì khác hơn là kêu réo như chim ác là. Từ lâu, tôi có ý nghĩ là bà ta đã rình mò sự đi lại vụng trộm giữa Lisa và Georges.

Trong bóng tối, một giọng đàn ông ra vẻ người hùng, quát to:

- Câm miệng, con mẹ già hỗn láo!

Tôi nín thở, biết là sắp có giông tố nổi lên. Và đúng vậy, không đầy một giây chờ đợi, từ cửa sổ người đàn bà góa đó, một tràng chửi rửa không tiếc lời tuôn xuống. Dĩ nhiên, nạn nhân hứng chịu chẳng ai khác hơn là lão Knopf và người đàn ông trong bóng tối. Nhưng rồi cuối cùng, mụ quỷ ám cũng phải ngưng lại vì thở không ra hơi. Những câu hỏi sau cùng của bà ta là sẽ thừa lên Đức Giám mục, sẽ báo cho cảnh sát biết và cho cả chủ nhân anh chàng dám bảo bà ta câm miệng. Người đàn ông dường như vẫn được yên lành nhờ bóng tối nên lại cất giọng oang oang:

- Câm miệng, đồ xác chết sinh! Ông Knopf bệnh nặng

gần chết còn ông óng miệng để chửi hả? Đồ quỷ cái!

Cuộc phản công lại ác liệt hơn lần trước. Tất cả những ngôn ngữ tệ hại, ác độc nhất của Đức tuôn ra xối xả. Bà ta vừa chửi vừa rọi đèn bóm để tìm xem kẻ nào đã dám vô lễ với mình. Nhưng ánh đèn quá yếu khiến bà ta chẳng nhận ra cái gì cả. Tuy nhiên, bà ta vẫn tru tréo:

- Tao biết mày là ai rồi! Thằng bắt lương Henri Bruggemann hả? Mày sẽ ở tù về tội dám chửi một người đàn bà góa. Quân giết người, bọn hôi thúi! Mẹ mày...

Từ những cửa sổ hai bên đường, tiếng hoan hô đả đảo vang lên.

Lão Knopf đã được dìu tới trước cửa nhà bởi hai bợm rượu. Mặt lão ta tái mét, mồ hôi từ trên trán nhỏ giọt làm ướt ngập cả bộ râu đang trĩu xuống hai bên khóe miệng. Đột nhiên, lão ta vùng mạnh khiến hai người kia lão đảo, rồi loạng choạng đi tới cái tháp đen. Hai tay ôm lấy khối đá, lão ta kêu gào thảm thiết.

Tôi nhìn quanh. Trong số khăn giả có nhiều bộ mặt quen thuộc. Georges trong bộ đồ ngủ đỏ ôi, bà Kroll với chiếc áo ngủ xanh và cả Henri nữa. Tôi không khỏi ngạc nhiên khi thấy ông ta cũng mặc đồ ngủ chớ không đeo huy chương và đội nón chóp. Điều đáng nói là bộ quần áo ngủ của ông ta được may bằng loại vải có sọc đen trắng như màu quốc kỳ nước Phổ.

Georges lên tiếng:

- Chuyện gì vậy? Lại say đến loạn trí rồi à?

Đây không phải là lần thứ nhất lão Knopf say. Người trong bóng tối lúc này bây giờ đã đứng đó. Đúng là Henri Bruggemann. Hấn ra điều sành sỏi:

- Nguy lắm rồi! Lần này thì cả gan và thận đều hư cả.

Một người khác hỏi:

- Vậy sao không đưa vào nhà thương luôn?

- Ông ta không chịu.

Gia đình lão Knopf xuất hiện, bà Knopf ra trước theo sau là ba cô con gái, cả bốn đều đầu bù tóc rối và hốt hoảng. Lão Knopf lại kêu gào đến rợn người. Georges hỏi:

- Có điện thoại gọi bác sĩ chưa?

- Chưa. Đem được ông ta về là gần chết rồi. Ông ta cứ muốn nhảy xuống sông.

Bà Knopf và ba cô con gái đứng vây quanh cái tháp đen. Henri đi tới. Ông ta lấy tư cách chiến hữu để khuyên lão thượng sĩ hồi hưu buông tay ra vì dường như cái tháp đang lung lay. Sự nguy hiểm đối với lão sẽ tăng gấp đôi. Nếu cái tháp đổ xuống, đầu lão ta nhứt định chẳng an toàn, đã thế lại còn phải đền tiền vì đã làm vỡ khối đá hoa cương đó.

Nhưng lão Knopf nhứt định không nghe. Bây giờ lão ta hí một tràng dài như ngựa gập ma. Tôi nghe tiếng Georges gọi bác sĩ bằng điện thoại. Từ bên kia đường, Lisa mặc áo ngủ bang sa tanh trắng băng qua và tới gần tôi:

- Cô Gerda hỏi thăm cậu.

Ngay lúc đó, một cặp tình nhân từ sau các thánh giá bằng đá phóng vội ra và biến mất vào bóng đêm. Wilke mặc áo mưa và Kurt Bach trong bộ đồ ngủ đen lần lượt tới. Lão Knopf lại kêu rống.

Rất may là bệnh viện ở gần nên bác sĩ chỉ mất có vài phút để tới nơi. Không thể nào gỡ tay Knopf ra khỏi khối đá nên người ta đành phải kéo quần lão xuống để có chỗ chích thuốc. Đã quá quen nghề trong chiến tranh, ông bác sĩ đưa cho Georges chiếc đèn bấm rồi lụi vào miệng lão già say một mũi thuốc.

Knopf ngất ngưỡng ngoái nhìn lại rồi lả người vào cái tháp đen. Sức kháng cự không còn, lão bị khiêng vào nhà như một xác chết.

Georges hỏi Bruggemann:

- Sao quá vậy?

Bruggemann lắc đầu:

- Co biết gì đâu. Ông ta thắng cả khi đánh cuộc với một người ở Munster về hai thứ rượu. Họ bảo tôi làm trọng tài. Và khi anh chàng kia thua, móc bóp trả tiền thì mặt Knopf bỗng trắng nhợt rồi ông ta mưa thọc mưa tháo ra. Mưa xong ông ta kêu hú khiến cả quán hỗn loạn lên. Và ông biết chuyện gì xảy ra không? Thừa cơ hội đó, thằng cha thua cuộc trốn mất, không trả một đồng.

- Thật là kinh khủng!

Bruggeemann nhũn vai:

- Biết làm sao, đời mà!

- Đúng vậy, nhưng nếu ông bạn không muốn đời tàn thì nên tranh con hẻm Arquebusiers này. Bà Konersmann đang kiểm soát lưu thông với một cái đèn bấm và một chai bia tổ bố. Thử hỏi Lisa xem.

Lisa gật đầu:

- Chai rượu còn này. Nếu bị ném trúng đầu thế nào cũng bị cảm lạnh.

Bruggemann nhón nhác:

- Chết cha! Làm sao về đây? Chỗ này là cùng đường rồi.

- Không sao. Ông bạn có thể băng qua khu vườn này rồi thoát ra đường, Bleibtreu. Mau đi, trời sắp sáng rồi.

Không kịp nói cảm ơn Bruggemann chạy biến. Henri Kroll quan sát cái tháp xem có bị sức mẻ gì không rồi trở vào nhà. Wilke hát hàm về phía nhà lão Knopf vào khu vườn mà Bruggemann vừa chạy trốn, trong khi nói với giọng triết lý rẻ tiền:

- Loài người là thế đó.

Rồi hắn trở lên xưởng mộc để tiếp tục ngủ trong cái hòm của gã khổng lồ. Bà Kroll chợt nhớ là quên gắn hàm răng giả vội vàng chạy biến vào nhà. Kurt Bach ngắm nghía bờ vai tròn lẳn Lisa với tất cả sự thèm muốn nhưng cô ả vẫn lạnh lùng. Thất vọng, hắn bỏ đi.

Lisa bỗng hỏi:

- Lão Knopf chắc sụm luôn.

Georges trả lời:

- Chắc vậy. Chưa chết ngay là còn khá.

Ông thầy thuốc từ cửa nhà Knopf ra. Georges hỏi mau:

- Đỡ không?

- Nguy lắm. Gan hư từ lâu. Chín như cả rồi. Một hoặc nhiều lắm là hai ngày nữa là vĩnh biệt!

Bà Knopf đi ra. Ông bác sĩ nghiêm mặt:

- Nhớ kỹ là chỉ một giọt rượu nữa thôi là hết cứu. Bà có lục trong phòng của ông

ấy xem...

- Thưa, có coi kỹ rồi, bác sĩ. Tôi và mấy đứa nhỏ lục không chừa một chỗ. Bắt gặp được hai chai. Đây, bác sĩ xem.

Bà ta vừa nói vừa mở nút định trút rượu xuống đất. Tôi chòm tới:

- Khoan, bà Knopf! Điều cốt yếu là không cho ông Knopf uống rượu, phải vậy không, bác sĩ?

- Cố nhiên.

Mùi rượu thơm lừng trong không khí ẩm mát ban đêm. Tôi đề nghị:

- Nếu bà sợ để ở nhà không cảm nổi ông thì để chúng tôi đỡ lấy gánh nặng đó cho.

Bà Knopf thế mà thông minh. Bà trao cho hai chai rượu bọn tôi. Ông bác sĩ nhìn tôi. Trước khi ra về, ông ta không quên kết luận:

- Sự bất hạnh của người này là một điều may cho kẻ khác.

Bà Knopf quay vào, đóng cửa. Bên ngoài chỉ còn Georges, Lisa và tôi. Lisa lại lo ngại cho lão già say:

- Bác sĩ cũng nói lão ta sắp chết, phải không?

Georges gật đầu. Trong đêm tối, bộ đồ ngủ màu đỏ của y trông như đen lợt. Lisa rùng mình nhưng vẫn đứng yên một chỗ.

- Chào!

Tôi vừa nói vừa bỏ đi.

Từ cửa sổ trên gác, tôi nhìn thấy Konersmann qua lại trước nhà bà ta, chờ đợi Bruggemann. Tôi nghĩ tới lão Knopf và liên tưởng tới Isabelle.

Lúc cảm thấy mi mắt bắt đầu nặng nặng, tôi bỗng để ý đến bóng đèn trong sân. Người đàn bà góa dữ như con cọp cái đó đang đi săn con mồi Bruggemann.

Trước mắt tôi là cái ống nước cũ gắn dài theo tường dùng để dọa lão Knopf. Tôi cảm thấy xấu hổ vì đã đùa dai với một người già nua. Nhưng ánh đèn bấm vẫn tiếp tục rọi qua rọi lại trên tường khiến tôi không dần nổi. Kê miệng vào ống nước cũ tôi dùng giọng ma quái, gâm gù:

- Kẻ nào dám quấy rối ta?

Bà Konersmann sững sốt đứng phắt lại. Bà ta nhìn quanh và khi chẳng thấy một ai quanh đó, bà ta rón rén đi ra, ánh đèn bấm lướt dài trên ngõ hẻm và dừng lại trước một cánh cửa. Người đàn bà góa ác độc bỗng hức lên như mắc nghẹn. Rồi tất cả chìm vào đêm đen.

Tôi đã vận dụng tất cả mọi phương cách nhưng vẫn chưa thoát được lão Roth, một cựu nhân viên phát thư từng đem toàn những tin đau buồn tới khu phố chúng tôi trong thời chiến.

Trước năm 1914, mọi người đều vui vẻ khi thấy ông ta tới, nhưng từ khi thế chiến xảy ra, Roth bỗng trở thành bóng dáng của tai họa đối với nhiều gia đình. Cái túi da của ông ta đầy ngập những tin tức chẳng lành: lính gọi nhập ngũ, giấy cáo tri có mang hàng chữ “Hy sinh cho Tổ quốc”. Chiến tranh càng kéo dài, ông ta càng phát nhiều thơ từ loại đó. Roth tới đâu thì là y như có nước mắt rơi ở đó.

Rồi một hôm ông ta bỗng có bốn phạt phát cho chính ông ta một trong những bức thơ định mệnh. Và không đầy một tuần sau ông ta nhận thêm một bức thư thứ hai cùng loại. Sức người có hạn. Roth không chịu nổi. Thế là ông ta bắt đầu loạn trí. Giới thẩm quyền Bưu điện buộc lòng cho ông ta về hưu. Và rồi cũng như bao nhiêu người khác, Roth bị nạn lạm phát lên án tử hình nhưng được phép chết từ từ vì đói khổ. Một số bạn bè giúp đỡ cho con người già nua đơn độc đó. Vài năm sau ông ta lại bắt đầu đi đó đi đây nhưng tâm trí vẫn cứ bất bình thường. Roth cứ tưởng mình là người đưa thư nhưng chỉ muốn đem tới những tin lành, ông ta thường lượm lặt các bao thư cũ và những bưu thiếp rồi tới từng nhà phân phối, bảo đó là thơ của những tù binh Đức còn sống ở Nga.

Ông ta bảo:

- Họ không chết đâu, họ chỉ bị bắt và không bao lâu nữa họ sẽ trở về đây.

Tôi nhìn tâm bưu thiếp của Roth vừa đưa, đó là một mẫu giấy in kêu gọi tất cả công dân tham gia vào cuộc xổ số của chế độ cũ. Thật là cả một sự khôi hài chua chát trong thời buổi lạm phát này.

Ông ta làm thế nào lượm được mảnh giấy này? Tôi cố làm ra vẻ thật vui:

- Cám ơn ông. Cám ơn nhiều lắm.

Roth gật gù:

- Họ sẽ từ Nga trở về. Không còn bao lâu nữa...

- Vâng, họ sắp trở về. Không thiếu mất một binh sĩ nào cả. Nhưng phải từ từ. Nước Nga ở quá xa.

- Vâng, hai người con của ông cũng sẽ trở về một lượt.

Mắt người điên sáng lên:

- Phải, phải. Chúng nó cũng về. Chúng nó đã báo tin cho tôi. Lúc này tất cả những thư từ đều chứa toàn tin lành.

Người đưa thư cười rồi lặng lẽ tiếp tục chuyển phát thư tương tượng. Lúc đầu, nhà chức trách muốn nhốt ông ta lại nhưng gặp sự phản đối mãnh liệt từ mọi giới, họ đành để ông sống tự do.

Một vài tên lưu manh mới đây nảy ra ý nghĩ, nhờ sự trung gian của Roth, gởi tới các nhà chính trị đối nghịch những bức thư hăm dọa. Có kẻ còn lợi dụng lão già mất trí này gởi những lời lẽ thô bỉ hoặc gạ gẫm đến những quả phụ còn xuân.

Nhưng rồi một số lầm lẫn đã xảy ra. Roth thường đưa lộn thư của người này cho người kia. Chính vì vậy mà có một bức thư gởi cho Lisa được trao tận tay tu viện trưởng Bodendick đề nghị một cuộc gặp gỡ lén lút lúc một giờ đêm với giá mười triệu Đức kim.

Cửa nhà lão Knopf mở toang. Tiếng máy may kêu rào rào. Từ sáng sớm, người ta đã mang tới một xấp vải đen để may tang phục. Lão Thượng sĩ vẫn còn thoi thóp nhưng theo lời bác sĩ thì kể như lão đã chết.

Biết chắc chắn là chồng sắp chết, bà Knopf không thể ngồi đợi tử thần mà không chuẩn bị lễ tiễn đưa cho chu đáo: mạng che mặt đen cho góa phụ, nón và vớ đen cho cả bốn mẹ con. Phải chuẩn bị một tang lễ lớn vì dù sao họ cũng là hạng một thời thuộc giới trung lưu.

Georges nhô cái đầu sói bóng vào. Cùng đi với y là Oscar “mắt treo cờ tang”. Vừa thấy họ, tôi hỏi ngay:

- Đô-la lên tới bao nhiêu?

Georges hờ hững đáp:

- Chần chồi một tý hồi trưa nay. Mình có thể ăn mừng dưới hình thức lễ đại xá ngũ thập chu niên, nếu muốn.

- Tại sao không! Và chùng nào sạt nghiệp?

- Tới lúc sập tiệm. Uống gì, bạn Fuchs?

Oscar hững hờ:

- Gì cũng được. Tiếc là ở Wenderbruck này không có Vodka.

- Rượu Vodka? Bạn đã từng đánh giặc trên đất Nga?

- Chớ sao. Chỉ huy cả một nghĩa trang chớ phải bỏ đầu! Đúng là thời kỳ vàng son!

Tôi không giấu được ngạc nhiên:

- Thời kỳ vàng son? Một người nhạy cảm, có thể khóc được bất cứ lúc nào như bạn mà lại bỏ thế à?

- Chớ sao, cậu bé. Thực phẩm dư dả, rượu loại nào cũng có, công việc nhẹ nhàng, ở cách mặt trận thật xa, còn muốn gì hơn? Con người rồi cũng quen với sự chết chóc như với bệnh hay lây.

Hắn nhấp ly rượu của Georges vừa rót ra với điệu bộ của một tay chơi sành sỏi.

- Một lần, lúc còn ở Nga, người ta loan báo là Đức Hoàng đế sắp thị sát vùng của ta chiếm đóng. Ô, thật là cả một sự xáo trộn. Cũng may là gần đó còn có hai nghĩa địa khác để trao đổi.

Georges nhíu mày:

- Đổi cái gì? Mộ bia hay vòng hoa?

- Không, mấy đồ trang trí nghĩa địa đều luôn luôn thừa thãi. Tôi nói đây là trao

đôi xác chết.

- Giỡn à?

- Không đùa đâu, đôi xác chết đàng hoàng. Không phải xác chết nào cũng có giá trị của một xác chết đâu. Bộ binh thì nghĩa địa nào cũng có hàng khối. Hạ sĩ, thượng sĩ, trung sĩ, thiếu úy, trung úy... nhiều vô số kể. Nhưng muốn tìm những cấp lớn hơn thì không phải dễ. Người bạn chỉ huy nghĩa địa gần chỗ tôi có tới ba cái xác tiểu đoàn trưởng trong khi tôi chẳng có một cái nào, thí dụ vậy. Nhưng bên tôi thì có tới hai cái xác trung tá và một cái xác đại tá. Tôi đòi cho anh ta một cái xác đại tá để lấy hai cái xác tiểu đoàn trưởng. Thế là hẳn phải trả cho tôi một con ngỗng thật béo. Nếu có thể, hẳn sẵn sàng bán cả em gái hẳn để lấy một cái xác trung tá. Trình diễn trước Đức Vua mà trong nghĩa địa không có lấy một cái xác trung tá thì còn thể thống gì?

Georges đưa bàn tay che mắt:

- Chỉ nghĩ tới cũng đủ ớn lạnh.

Oscar nhướn mày và đốt một điếu thuốc xì-gà:

- Bây giờ tới chuyện anh chàng coi sóc nghĩa địa thứ ba. Cái khó của hẳn gần như chẳng có một sĩ quan nào coi được, không có tới một ông thiếu tá, chỉ toàn là thiếu úy, trung úy... linh tinh. Hẳn hận đời vô kể. Tôi đưa cho hẳn một trong hai ông tiểu đoàn trưởng vừa đổ được để lấy về hai ông đại úy và một thượng sĩ tác chiến. Quý vị thấy chưa, lúc nào tôi cũng được việc với bạn bè. Đại úy thì tôi có hàng lô. Nhờ vậy mà tôi có được ba con ngựa rằn để trưng bày trong khu đất chết cho thêm phần long trọng.

- Còn mấy ông tướng?

Oscar nheo mắt với tôi:

- Tướng hả. Louis? Một ông tướng không phải là chuyên đùa, một ông tướng chết ở mặt trận lại càng hiếm có như...

Hẳn cố tìm một so sánh trong lúc hỏi chúng tôi:

- Quý vị có nuôi loại côn trùng bốn cánh không?

Chúng tôi đồng thanh trả lời không. Hấn hỏi ngay:

- Uông quá. Phải bảo là hiem có như con điều giấy của Lucanus Cervris hay là như loại sư tử đầu đàn bà. Nếu không như vậy thì làm gì có chiến tranh, phải không? Ông đại tá của tôi là chết ở hậu tuyến vì bội thực sau một bữa tiệc chó đầu phải ở mặt trận, ông đại tá đó...

Oscar nhăn mặt. Hấn không nói về đại tá đó nữa.

- Hấn muốn tôi đổi thêm một sĩ quan tham mưu và cho biết sẵn sàng để tôi lấy bất cứ món gì, nhưng bộ sưu tập của tôi đã đầy đủ, tôi không muốn làm sút mẻ. Cuối cùng hấn ra giá ba mươi sáu chai vodka, tôi đành chịu lòng hấn... dành đổi ông đại tá. Ba mươi sáu chai vodka! Không phải đồ bỏ! Bây giờ tìm không ra một chai!

Tuy thế, hấn vẫn vui lòng uống ly rượu mạnh thứ hai. Georges lò mò:

- Việc gì phải rắc rối với mấy cái xác chết? Đổi tới đổi lui, lôi thôi quá. Ở địa vị bạn, tôi chỉ cần một vài cây thánh giá với tên tuổi và cấp bậc tương tượng... Làm như vậy mình có thể có cả một ông tướng, nếu muốn.

Oscar nhăn mặt bất mãn:

- Ô, ông Kroll! Làm như thế là giả mạo, không đúng tinh thần nghề nghiệp, vả lại, đến lúc bị tiết lộ thì sao. Bọn đào huyện đầu phải vừa. Giả mạo... một ông tướng. Hừm, chắc chắn là Đức Hoàng đế thuộc lòng tên tuổi các tướng lĩnh của ngài.

Đề tài đã gần cạn nhưng Oscar vẫn cố vớt vát:

- Quý vị có biết chỗ cốt yếu của câu chuyện là gì không?

Chúng tôi ngồi im. Đó cũng là cách tỏ ra không hiểu. Oscar chặc lưỡi:

- Đức vua không tới. Tất cả đều phải dẹp bỏ. Tôi đã cho trồng cấp tốc một vườn hoa. Thật tiếc...

Rồi hấn mơ màng như tiếc nuôi một thời oanh liệt:

- Quả là một thời kỳ vàng son. Hàng vạn nắm mồ nằm trong khu đất của tôi. Ngày nay - Hấn rút ra một mảnh giấy từ túi áo - Chỉ có hai tấm bia loại trung bình. Xin giao ông.

Tôi đi thơ thẩn trong khu vườn bệnh viện. Lần đầu tiên, đêm nay. Isabelle chịu dự thánh lễ. Hết giờ, tôi đi tìm mãi nhưng chẳng thấy nàng đâu cả. Lá cây đập mạnh vào nhau như tiếng vỗ cánh của loài dơi. Đâu đâu cũng có mùi đất và hương vị mùa Thu. Mùa Hè đâu rồi?

Wernicke ngồi trong phòng riêng. Vừa dùng lưng bàn tay đẩy chồng hồ sơ bệnh lý sang một bên, ông ta vừa hỏi tôi:

- Có gặp cô Terhoven không?

- Có, trong nhà thờ. Ở ngoài không thấy đâu cả.

Wernicke gật đầu:

- Kể từ nay, cậu khỏi phải lo cho cơ ấy nữa.

- Đồng ý! Còn chỉ thị nào khác nữa không?

- Đừng vờ vĩnh thế. Tôi không hề ra lệnh mà chỉ làm bổn phận của bác sĩ với bệnh nhân.

Và nhìn tôi chăm chú, ông nói tiếp:

- Có si tình tí chút nào chưa?

- Si tình? Si ai?

- Cô Terhoven chớ ai! Cũng đẹp đó chớ! A, hư rồi! Tôi quên nghĩ tới chuyện đó.

- Tôi cũng thế.

Ông ta cười:

- Vậy là tốt. Cậu không bị thiệt hại gì cả.

- Thật sao? Từ trước tới nay tôi ngỡ chỉ có ông Bodendick là đại diện Thượng đế, bây giờ lại có thêm một vị nữa. Bác sĩ có biết chính xác cái gì làm hại và cái gì chẳng làm hại không?

- Đẹp chuyện đó đi. Dầu sao tôi cũng có quyền. Rất tiếc là tôi không có thì giờ để tranh luận. Tuy thế, cũng nên hút với tôi một điều thuốc xì-gà. Cậu có để ý là đã sang Thu rồi không?

- Có. Và chúng ta đồng ý trên điểm đó.

Wernicke đưa hộp xì-gà tới. Tôi lấy một điều để khỏi phải bị cho là kẻ si tình nếu từ chối. Thành linh tôi cảm thấy thê thảm đến buồn nôn. Tuy nhiên, tôi vẫn cố đốt điều thuốc.

Wernicke nhìn khói thuốc:

- Tưởng cũng cần nói rõ cho cậu biết. Bà mẹ cô ấy! Tôi phải mất luôn hai đêm để dẫn dụ bà ta. Cuối cùng bà ta nói toạc ra. Chồng chết sớm, trẻ và đẹp, nuôi một bạn trai trong nhà, cô con phát điên lên... đó là trường hợp đáng nói. Bà ta và người bạn trai không giữ gìn ý tứ, đưa con gái bắt gặp quả tang, có lẽ cô ta đã theo dõi từ lâu... Cậu hiểu chưa?

- Chưa!

Tất cả sự thê càng khiến tôi buồn nôn hơn điều xì-gà loại xấu của Wernicke:

- Chuyện xảy ra là như vậy. Oán hận bà mẹ, ghê tởm, mặc cảm trốn lánh trong sự nhị trùng hóa nhân cách, trường hợp điển hình! Sau đó bà mẹ và người bạn kia kết hôn, con khủng hoảng nổ bùng... và bây giờ, cậu hiểu chưa?

- Chưa!

Wernicke hơi sốt ruột:

- Giản dị lắm. Sự khó khăn đã đi tới cái gút của vấn đề. Và lần này - Ông ta xoa tay - chúng ta may mắn hơn nhân vật thứ hai, người bạn cũ trong nhà Ralph hay Rodopf, một cái tên như thế không còn ở đó nữa để quấy rầy chúng ta. Ly dị cách nay ba tháng, chết cách đây mười lăm hôm, tai nạn xe hơi. Nguyên nhân bị hủy

diệt thế là con đường mở rộng. Nói như thế chắc đã quá đủ để cậu nắm toàn diện vấn đề?

- Hiểu rồi!

Vừa trả lời tôi vừa có ý nghĩ xẻ cổ họng con người thông thái vui tính này ra để nhét vào đó một cuộn băng tẩm thuốc mê.

- Cậu thấy chưa, hiện thời chúng ta đã phăng tới đầu mối. Chỉ trong đầu hôm sớm mai, bà mẹ không còn là kẻ kinh địch nữa. Tôi đã phải làm việc suốt tuần để chuẩn bị một cuộc gặp gỡ giữa hai mẹ con và tất cả đều diễn ra hoàn toàn tốt đẹp. Cậu đã thấy cô Terhoven trở lại dự thánh lễ lúc nãy rồi.

- Khoan, ông lại đóng vai trò của Bodendick rồi à? Với một kẻ vô thần...

- Đừng giả bộ ngu! Vấn đề không phải ở chỗ đó. Tôi muốn nói là cô ấy đã có phần tỉnh táo, dễ giao tiếp hơn. Cậu không nhận ra điều đó trong lần gặp gỡ cuối cùng sao?

- Cậu thấy không - Wernicke lại xoa tay - Sau cơn xúc động mạnh đầu tiên, kết quả đã có phần mỹ mãn.

- Và cơn xúc động đó cũng nằm trong phần trị liệu?

- Chớ sao.

Tôi nghĩ tới Isabelle đang nằm trong phòng:

- Bác sĩ giỏi quá!

Wernicke vẫn chìm mình trong thành quả vừa đạt được nên không để ý tới giọng châm biếm của tôi.

- Một cuộc tiếp xúc ngắn ngủi cộng thêm phương pháp chữa trị của tôi là mọi việc đều êm xuôi. Nhưng đó là chuyện dự đoán... và tôi đang đặt nhiều hy vọng. Cậu hiểu là tôi không có uy quyền để cho bất cứ gì ngăn trở hay làm chậm trễ diễn tiến bình thường.

- Nói cách khác, tôi không được...

Wernicke gật đầu:

- Tôi biết là cậu hiểu rõ như thế. Cậu có một chút tò mò của nhà thông thái. Cậu đã giúp ích chúng tôi quá lâu nhưng bây giờ... Ủa! Chuyện gì vậy?

- Điều xì-gà. Mạnh quá!

- Không phải đâu. Loại xì-gà Ba Tây này có tiếng là nhẹ nhất trong các loại thuốc lá khác mà.

- Có thể như vậy.

Tôi dụi mẩu xì-gà còn lại vào cái gạt tàn. Wernicke lại tiếp tục nói một cách say mê:

- Bộ óc con người... Trước kia tôi muốn được làm thủy thủ, một tay phiêu lưu, một nhà thám hiểm rừng già. Buồn cười không! Bây giờ tôi mới biết bộ óc con người mới đáng là nơi được thám hiểm - Ông ta vỗ trán - dường như tôi đã có dịp nói với cậu những chuyện đó phải không?

- Đúng rồi, không cần nhắc lại nữa!

Lá khô đập nát dưới bước chân. Mình là kẻ si tình chị Nguyệt! Dính vào những chuyện rắc rối của nhà tâm bệnh học quèn đó làm gì? Với những người cùng loại ông ta, tất cả đều giản dị.

Tôi đi thẳng ra cổng và suýt đụng phải một người đàn bà đi ngược lại. Bà ta mặc áo choàng lông, không phải là người của viên. Trời tối nhưng tôi vẫn thấy được một khuôn mặt xanh mét, buồn phiền. Bà ta đi qua còn để lại phía sau một ít mùi nước hoa.

Tôi hỏi người gác cổng:

- Ai vậy?

- Không biết. Bà ta tới gặp bác sĩ Wernicke. Đã tới đây mấy lần rồi. Dường như đi thăm một người bệnh

nào đó.

A! A! Đúng là mẹ của Terhoven. Ra tới ngoài, tôi nhìn ngoái lại. Tôi giận sôi lên, vừa hận vừa tức là đã tự biến thành lỗ bịch thương hại cho chính mình... và cuối cùng là cảm nghĩ trống không và bất lực.

Tựa người vào cây dẻ, tôi cảm nhận sự tươi mát của vỏ cây. Tôi không còn biết mình muốn gì và đang ở đâu.

Một lúc sau, tôi tiếp tục đi và lần lần bình tĩnh lại. Cứ để cho họ nói, Isabelle, cứ để cho họ nhạo báng chúng mình. Isabelle em là một cuộc sống bé nhỏ quý mến của tôi, Isabelle nhẹ nhàng và thanh thoát, em dám đi vào những nơi mà loài người tới đó sẽ mất thăng bằng, em bay bổng trong khi họ trượt chúi và tiến tới những biên giới mà họ không thể ngờ... bây giờ họ muốn làm gì em? Tại sao họ phải vận dụng toàn lực để kéo lôi em trở về thế giới của họ thay vì cứ để em sống ở đó thoát khỏi mọi hệ lụy, vượt trên thời gian và cõi chết? Hay là Wernicke đã nói đúng, ông ta muốn cứu em ra khỏi những sợ hãi không tên đang lần lần đưa em vào vực thẳm u mê? Ông ta thật sự có được khả năng đó hay không? Hay lại làm cho em rơi mau hơn vào vực thẳm? Nhà sưu tầm bướm bướm đó có hiểu được những nguy cơ và những phút thoát trần của cuộc sống bất chấp thời gian và không gian? Ông ta đã uống mặt trăng chưa? Đã biết là cây cỏ kêu khóc chưa? Tất cả những điều đó với ông ta chỉ là một sự lệch lạc gây ra bởi những va chạm mạnh của tri giác, ông ta là nhà tiên tri, hay Thượng đế, để biết được những gì sẽ xảy ra một cách tất nhiên?

Tôi dừng lại. Thế là, nếu được chữa khỏi, nàng sẽ ra đi! Mẹ nàng, mặc áo choàng lông, phảng phất mùi nước hoa, sẽ can thiệp... Đối với tôi, Isabelle thế là không còn nữa...

Tôi vào một quán cóc. Vài người tài xế đang ngồi ở trong cùng. Một tấm gương méo mó phản chiếu khuôn mặt đờ đẫn của tôi. Phía trước nằm trong tủ kính là khoảng nửa chục ổ bánh nhỏ tròn cá mè, đuôi cá vênh lên.

Ly rượu mạnh đầu tiên khiến tôi có cảm tưởng dạ dày thủng lỗ. Tôi ăn ngẫu nhiên một hơi mấy ổ bánh và gọi thêm một miếng phô-mai. Tất cả những món ăn đó đều khó ngửi nhưng tôi vẫn nuốt như điên. Tôi lại kêu thêm một đĩa dồi đồ hỏn tương chừng như chúng có thể hí bất cứ lúc nào. Càng ăn tôi cảm thấy rõ sự đau xót và cơn đói cào của ruột.

Người chủ quán nhìn tôi:

- Bạn nhỏ ăn coi ngon lành quá!
- Đói lắm. Còn gì ăn nữa không?
- Còn xúp đậu. Đặc sệt nếu bạn cho thêm bánh mì vào.
- Tuyệt! Cho xúp ra đây.

Món xúp đậu biến mất trong nháy mắt. Chủ quán đem thêm ra một lát bánh mì quét mỡ heo, món này không tính tiền. Tôi lại nuốt chửng! Nhưng vẫn cứ đau khổ và đói cồn cào.

Mấy người tài xế bắt đầu chú ý đến trạng thái lạ thường của tôi. Một người lên tiếng:

- Tôi biết có một thằng cha ăn luôn một hơi ba chục cái trứng luộc.
- Không có đâu. Ăn như vậy là chết ngay. Khoa học đã chứng minh.

Tôi nhìn anh chàng thích làm bạn với khoa học:

- Anh có thấy ai chết như vậy chưa?
- Thấy chớ.
- Không chắc đâu. Có điều khoa học chứng minh rất rõ mà ông bạn không để ý là những người lái xe đều chết yểu.
- Sao vậy?
- Hơi xăng chớ còn sao. Nhiễm độc từ từ.

Chủ quán lại xuất hiện với một đĩa xà-lách trộn theo kiểu Ý. Giờ này, ông ta tìm đâu ra xà-lách tươi? Lại có cả sốt dầu trứng. Bí mật! Hay là ông ta đã lấy bớt một ít trong bữa ăn tối để chia cho tôi? Mặc! Tôi cứ tống hết vào rồi cáo từ. Ruột

nóng như lửa nhưng không hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng là nó trông không như chiếc thùng không đáy của các cô Danaides [1].

Đường phố tối ám, rải rác những người ăn xin. Đây không phải là những người hành khất trước kia mà là những người què cụt vì chiến tranh, những kẻ thất nghiệp và những người già cả không ai nuôi dưỡng giữa thời buổi lạm phát gia tăng.

Cảnh tượng trước mắt khiến tôi xấu hổ khi nghĩ tới mình vừa ăn xong một bữa quá no, quá đầy đủ. Nếu tôi chia phần ăn lúc này cho vài ba người trong những kẻ khổ sở này chắc hẳn họ sẽ được một bữa ăn sang trọng. Tôi lấy tất cả tiền còn lại trong túi và phân phát. Ít quá. Sáng mai vào lúc 10 giờ khoản tiền đó lại mất giá thêm một phần tư. Mùa Thu năm nay, đồng Đức kim đã bị phá giá gấp mười lần hơn. Tất cả những người ăn xin đều biết vậy nên sau khi nhận tiền họ chạy bển đi, bởi một phút là một đe dọa. Trong vòng một tiếng đồng hồ, giá của một đĩa xúp có thể lên tới vài triệu Đức. Đó là tùy theo chủ quán mua đồ sớm hay trễ.

Tôi tiếp tục đi. Từ trong bệnh viện một vài người đi ra cùng một người đàn bà băng bột ở cánh tay phải.

Bệnh viện đứng sừng sững như một tòa thành chiếu sáng trong bóng tối. Hầu hết các cửa sổ đều sáng choang, dường như phòng nào cũng đầy nghẹt bệnh nhân. Giữa thời buổi lạm phát con người chết rất mau. Không ai biết rõ hơn chúng tôi, những người chuyên bán mộ bia.

Ra đường lớn, tôi đi thẳng tới một hiệu tạp hóa thường mở cửa rất khuya. Chúng tôi đã có thỏa ước riêng với bà chủ tiệm. Lúc chồng bà ta chết, chúng tôi đã giao tới một mộ bia loại bình thường và giao ước với giá 6 Mỹ kim đổi lấy hàng hóa. Đó là lối mậu dịch thông thường trong vùng của chúng tôi, người ta có thể đổi những đồ bằng sành để lấy dồi chả, nữ trang; để lấy khoai tây, bàn ghế; để lấy bánh mì, dương cầm; để lấy thịt đùi, lưỡi dao cạo; để lấy rau cải...

Tháng vừa rồi, Georges suýt đổi được một tấm bia cẩm thạch để đổi lấy một cái áo đuôi tôm gần như mới tinh. Tuy nhiên, cuối cùng Georges đành từ khước vì quá tin dị đoan: đó là cái áo của một người đã chết. Người đàn bà góa cho biết, cái áo đó được nhuộm lại rồi và như vậy là kẻ như còn mới. Theo người thợ nhuộm thì hơi clor đã tống hơi hướm của người chết ra khỏi các nếp áo và các đường may. Georges tiếc quá vì cái áo rất vừa với y.

Tôi nắm chốt cánh cửa. Đã bị khóa mất rồi. Chán nản, tôi nhìn qua những món hàng bày trong tủ kính rồi lững thững trở về nhà.

Trong sân, các tấm bia bằng sa thạch, chưa khắc tên, giăng hàng ngang như chắn lối đi. Kurt Bach vừa làm ra chúng vừa nguyên rửa sự phản bội nghề nghiệp và tài năng của chính hắn. Mấy lúc sau này, hắn ít có dịp đẽo đá để tạc thành những con chim ung buồn rĩ hoặc những tháp tưởng niệm xứng đáng. Chẳng còn gì để làm, hắn đành gọt đẽo những tấm bia rẻ tiền bất cứ lúc nào cũng có chỗ bán, nhưt là vào mùa Thu khi có gió thổi mạnh cũng như vào những ngày đầu xuân.

Mấy chiếc máy may trong nhà lão Knopf vẫn chưa ngưng nghỉ. Xuyên qua cửa kính, ánh đèn từ phòng ăn lão cho thấy họ vẫn còn may tang phục, cửa sổ phòng riêng của lão không có ánh đèn. Có lẽ lão đã chết. Tôi chợt nghĩ, nếu đúng thế, chúng tôi nên đặt cái tháp đen chĩa chóp nhọn lên trời ở mồ của lão. Đối với lão, cái tháp huyền bí đó cũng như một quê hương thứ hai. Khối đá hoa cương già nua đó đã làm chán nản luôn cả hai thế hệ của dòng họ Kroll.

- Vào đi!

Georges đã nghe tiếng bước chân tôi từ trên gác xuống. Tôi xô cửa và dừng sững lại. Như thường lệ. Georges ngồi ở ghế dựa, quanh y là những tạp chí hình ảnh. Hội đoàn tuyển chọn sách báo ngoại quốc mà Georges đã đóng tiền mua dài hạn vừa gửi tới những tuần sau đó.

Nhưng đó không phải là chuyện làm tôi ngạc nhiên. Vấn đề là y mặc áo đuôi tôm, sơ-mi trắng nếp và áo cánh trắng, giống y như bức họa của tờ báo *Độc thân*. Tôi hỏi dò:

- Vậy là nhượng bộ rồi phải không? Cái áo của chồng người đàn bà góa chớ gì?

- Không đâu! - Georges vươn vai thỏa mãn - Cái áo mà chú thấy đây chúng tôi là nữ giới luôn luôn vượt chúng mình về lãnh vực khéo léo. Người đàn bà đó đã đem chiếc áo của ông chồng chết đến một tiệm may đổi lấy cái áo này. Làm như vậy là không chạm đến sự tế nhị của tôi. Cái kia lót bằng sa tanh còn cái này thì lót một lớp lụa đôi. Lại vừa vặn cả tay áo và vẫn một giá.

Tôi ngắm Georges. Cái áo còn tốt, chắc chắn không hoàn toàn mới, có lẽ cũng là của một người nào đã chết. Nhưng thấy Georges quá hài lòng, tôi không muốn

làm y mất vui. Và lại, tất cả những gì chúng ta đang có không phải là của những người đã chết để lại hay sao? Ngôn ngữ, tập quán, kiến thức, thất vọng và còn gì nữa? Hơn thế, trong suốt cuộc chiến, Georges đã chẳng lừng mặc quần áo của những người đã chết hay sao? Năm sau cùng cuộc chiến, chúng tôi đã phải mặc những bộ quân phục còn vấy máu hoặc bị thủng vì vết đạn. Như vậy, bây giờ mặc y phục vẫn còn thơm tất của người chết chẳng phải là đã hơn nhiều sao? Tuy thế, đối với Georges, biểu trưng cho hòa bình là không bao giờ mặc đồ của những người đã chết.

- Các ngôi sao màn bạc bây giờ có thay đổi gì không? Henry Porten, Erna Morena và Lisa de Putti?

Georges ngược mắt:

- Họ cũng có những phiên muộn giống mình. Chạy trốn vào những cửa cải nôi: xe hơi, áo lông, vương miện, chó đẹp, nhà to, cổ phân đầu tư và sản xuất phim ảnh... có điều là họ tạo được những thứ đó dễ hơn mình.

Y khoan khoái ngắm một bức ảnh chụp cảnh tiếp tân ở Hollywood. Một cuộc khiêu vũ trong một không khí sang trọng không thể tả. Bọn đàn ông đều ăn mặc như Georges hoặc lễ phục.

- Chùng nào anh sắm lễ phục?

- Sau khi được khiêu vũ một lần với áo đuôi tôm. Muốn sắm phải tới Bá Linh. Ba ngày. Và khi nào nạn lạm phát đã kiệt sức và tiền bạc không luôn ra khỏi ngón tay như cát. Trong khi chờ đợi đành bằng lòng với hiện tại.

- Anh còn thiếu giày nhảy.

Georges lấy đồng vàng 20 Đức kim ra, tung lên không bắt lấy và nhét lại vào túi áo, không nói một lời. Tôi thèm muốn được là con người của y. Y ngồi đó, mặt phớt lạnh điều xì-gà thò đầu ra túi áo, bên kia đường là Lisa luôn say mê y, bởi gia đình Kroll có cả một xưởng thợ trong khi cha của ả chỉ là một nhân viên công nhựt.

Từ lúc bé, Lisa lúc nào cũng ngăn người mỗi khi nhìn thấy Georges ra đường với cổ áo trắng toát, mũ thủy binh trên đầu trong khi cô nàng mặc váy cũ do mẹ sửa lại cho vừa. Và con bé hàng xóm tiếp tục ngăn người trước sự hiện diện của gã

con trai hàng xóm giàu sang. Georges khỗi cần nhích động ngón tay cũng đã chinh phục được một trái tim lúc còn non. Theo tôi chắc không ngờ Lisa thấy người yêu hói đầu. Đối với ả, Georges vẫn cứ là “hoàng tử của lòng em”.

Georges lấy một hộp cá con rồi chỉ nửa ổ bánh mì và một miếng bơ:

- Chú nghĩ sao? Một bữa lót dạ ngoại lệ để nói chuyện triết lý về một thành phố nhỏ sau khi mặt trời lặn, có nên không?

- Chán lắm. Tại sao đã sang trọng thế này lại chẳng đến nhà hàng cũ Hohenzollern hay nay là “Triều đình” để ăn tối. Trứng cá caviar và trái cây miền biển.

- Tôi chỉ thích những tương phản. Nếu không thì tội gì lại phải làm một tên bán mộ bia trong một thị trấn nhỏ giữa giấc mộng hải hồ.

Georges đứng sừng sững bên cửa sổ với tất cả màu sắc huy hoàng. Bên kia đường vắng sang một tiếng rú thán phục. Georges quay cả thân trước ra ngoài, hai tay cho vào túi quần để làm nổi bật chiếc áo gillet trắng. Lisa cuống nhiệt lên. ả quần sát chiếc kimono vào người, uốn ẹo vài bước nhảy Ả Rập, và thỉnh thoảng khóa thân thành bóng mờ trước ánh đèn, choàng chiếc kimono vào, dời ngọn đèn sang một bên và tái hiện với thân hình nóng hổi và nụ cười ngon mát. Georges bình thần theo dõi vũ điệu chào mừng như một lãnh chúa Thổ Nhĩ Kỳ và tôi đứng đó nhưng một hoạn quan trong cung điện.

Đối với Lisa, chiếc áo đuôi tôm không phải là vật lạ vì ả đã từng chạm tay chạm chân chẳng biết bao nhiêu người mặc áo đó trên sàn nhảy Moulin Rouge. Tuy nhiên, một khi chiếc áo đó nằm trên người Georges thì sự việc khác hẳn. Như vàng khối.

- Anh thật là có phước. Rồi đây thế nào Riesefield cũng khô cạn cả xương tủy và sẽ sạt nghiệp. Nhiều lắm là hấn chỉ thành công được một phần tư với bao nhiêu gian khổ đó, còn anh thì chỉ cần làm một hình nộm cũng đủ chiến thắng trăm phần trăm.

Georges có vẻ nhìn nhận:

- Đó là bí quyết và tôi tiết lộ cho chú nghe đây. Đừng bao giờ phức tạp hóa những gì có thể thực hiện một cách đơn giản. Đó là tư tưởng khôn ngoan nhất

trong cuộc sống. Nhưng không mấy dễ dàng khi thực hành, nhất là với những người trí thức và lãng mạn.

- Và sau nữa?

- Chỉ có vậy thôi. Đừng bao giờ chơi trò lực sĩ của tinh thần khi mà một cái quần mới cũng có thể gặt hái được hiệu quả tương tự. Như vậy chú sẽ không làm phiền người bạn đồng hành và y sẽ theo chú một cách dễ dàng. Chú cứ bình tĩnh, thản nhiên như là những con sơn ca, tôi nói theo nghĩa bóng, sẽ rơi thẳng vào miệng - tất cả đều đã được quay chín.

- Coi chừng dính mỡ lên ve áo, khô cá con hôi lắm.

- Chú nói có lý - Georges cởi áo ra - Đừng bao giờ cố đuổi bắt hạnh phúc. Đó là lời khuyên thứ hai.

Georges tiếp tục nhâm những con cá khô. Tôi hơi bực:

- Tại sao anh không làm một loạt lời hay ý lạ cho các hãng sản xuất du lịch. Đáng tiếc là những tư tưởng đó lại quá tầm thường đối với giới trí thức.

- Đừng có mồm mép. Tôi tặng không cho chú. Đối với tôi đó không phải là những ý nghĩ lạt lẽo mà là những sinh tố. Bất cứ ai ưa sàu muộn hay làm cái nghề chán phèo của tôi đều cần phải vui sống. Không cần phân biệt tánh chất của cuộc giải trí... Châm ngôn thứ ba.

Tôi nhận thấy không thể nào hơn nổi Georges nên ngay khi hộp cá khô vừa sạch nhẵn, tôi trở lên phòng. Tôi định trút cả bực bội vào tiếng dương cầm, nhưng khôn nổi cái chết hay cơn hấp hối của lão Knopf đã không cho phép tôi đàn. Còn loại nhạc đưa ma, tôi đã nghe ngập cả tai đến không còn đủ can đảm để đánh lên.

**Chú thích:**

*[1] Danaidea: Tên của 50 cô gái con Danaos, đem tân hôn đã giết tất cả, trừ chồng họ ra. Các cô bị đày xuống địa ngục, bị phạt đổ nước cho đầy một cái thùng không đáy.*

Trong phòng ngủ của lão Knopf, một bóng ma từ từ xuất hiện giữa bóng mờ. Phải mất một lúc lâu dưới ánh nắng gay gắt giữa trưa tôi mới nhận ra cái bóng ma đó là lão Knopf bằng xương bằng thịt.

Thế là lão vẫn còn sống và vừa bước xuống giường đi tới cửa sổ. Cái đầu thò ra khỏi áo ngủ màu xám đang ngẩng nhìn trời với đôi mắt sâu hoắm.

Tôi gọi Georges:

- Lại đây xem, lão ta không chịu chết trong chuồng. Con ngựa chiến chuẩn bị ra trận lần cuối tại các bãi chiến rượt ở Werdenbruck.

Chúng tôi cố nhìn kỹ. Râu mép lão ta trể xuống, mắt màu chì. Lão liếc nhìn một lần nữa về phía thị trấn, rồi quay vào.

- Cái nhìn cuối cùng! Cảm động chưa! Lão già cận bã của quân trại cảm thấy cần phải nhìn lần chót ánh sáng của thế giới để nói lời vĩnh biệt.

Georges bỗng kêu lên:

- Lão trở ra kia!

Tôi vội vàng rời khỏi máy phóng ảnh, chạy tới.

Phía sau cửa kính, lão thượng sĩ hồi hưu đang đưa một vật gì lên ngang miệng để uống.

- Lão ta uống thuốc! Gân rã nát cả ra mà vẫn cố bám lấy sự sống.

Georges sáng mắt hơn tôi. Y lại kêu lên:

- Thuốc cái quái gì! Có ai lại đổ thuốc vào chai rượu bao giờ?

- Hà?

Chúng tôi mở cửa kính ra. Georges nói đúng. Không còn chổi cãi gì nữa, lão già ghiền rượu đang giải khát bằng một chai đựng rượu. Có lẽ đó là mưu kế của vợ lão. Bà ta đã đổ nước vào chai rượu không để cho chồng nuốt dễ dàng hơn. Tất cả các xó xỉnh trong nhà đã được lục soát tỉ mỉ, làm gì còn rượu nữa.

Tuy nhiên, Georges vận nghi ngại:

- Nếu là nước thì lão đã ném cả chai xuống sân rồi. Từ khi biết lão tới nay, tôi chưa hề thấy lão uống nước bao giờ, có khát lão chỉ uống rượu, còn nước chỉ để tắm rửa mà lại còn ghê tởm nữa. Chắc chắn là lão đang nốc loại chày ruột mà cuộc bố ráp không tìm ra. Louis, chú đang chứng kiến một cảnh tượng cao cả của một con người dũng cảm bước thẳng vào mạng số. Lão thượng sĩ hồi hưu muốn được chết ngoài chiến trận hơn là chết trên giường.

- Có nên báo động cho bà cụ không?

- Chú tưởng là bà ấy có thể can thiệp hữu hiệu à?

- Không.

- Bác sĩ cho lão thêm hai ngày nữa. Nếu lão chỉ thu ngắn lại có vài giờ thì cũng chẳng có gì khác nhau đâu.

- Có chớ. Đó là sự khác nhau của một tín đồ Thiên Chúa và một người theo định mệnh thuyết.

Và tôi kêu to:

- Ông Knopf! Thượng sĩ Knopf!

Chẳng biết lão có nghe không, nhưng dường như lão đang đưa chai lên chào. Và rồi lão lại kê miệng vào cái kèn tử thần.

Tôi gào thật to:

- Ông Knopf! Bà Knopf đâu!

Georges lắc đầu:

- Chậm mất rồi.

Knopf đã uống cạn. Lão múa tí vò chai như một nhạc

trường lối lúc chấm dứt một khúc quân hành.

Chúng tôi đứng lặng yên, chờ đợi lão gục xuống. Theo lời bác sĩ thì chỉ một giọt rượu cũng đủ khiến lão đi đứt. Bây giờ lão đang vào trong, từ từ biến mất như một con quái vật từ từ lặn xuống nước.

Georges chép miệng:

- Chết như vậy cũng yên lành.

- Mình nên cho gia đình lão hay.

- Cứ để họ yên. Lão là tai họa của họ. Cả bốn mẹ con đều sẽ hài lòng khi lão không còn nữa.

- Tôi không rõ gì cả nhưng đôi khi tình cảm thường mượn những lối thoát bất ngờ. Người ta vẫn có thể bơm rượu ra khỏi dạ dày.

- Lão sẽ chiến đấu hết mình để giữ lại, rồi chú sẽ thấy. Nhưng nếu muốn lương tâm ngủ yên thì gọi bác sĩ đi. Gọi Hirschmann.

Quay số xong, nghe có tiếng trả lời ở đầu dây tôi hét vào ống nói:

- A lô! Ông già Knopf vừa mới nốc cạn cả chai rượu mạnh, chúng tôi nhìn thấy rõ ràng.

- Uống một hơi?

- Hai lần. Đường như vậy. Bác sĩ cần biết chi tiết đó để làm gì?

- Có làm gì đâu, tò mò thôi. Cầu chúc ông ta bình yên.

- Không còn cách nào thử cứu vẫn sao?

Hirschmann đáp ngay:

- Không còn. Tôi ngạc nhiên là ông ta còn sống được tới bây giờ. Tìm cho ông ấy một cái bia giống hình chai rượu.

- Bác sĩ không có trái tim ả?

- Chẳng phải không có tim mà là vô liêm sỉ. Bạn dư biết điều đó vì chúng mình cùng đứng một phe. Hãy uống một ly để tưởng niệm cái lò già cối không bao giờ còn cất rượu được nữa.

Tôi cúp máy, nói với Georges:

- Georges, theo tôi thấy thì mình nên bỏ quách cái nghề này. Nó làm cho mình dần dần ra.

Càng tệ hại hơn. Đối với mọi đoàn viên của hội Thi văn Werdenbruck thì đó là điều ngạc nhiên, sợ hãi, kính trọng, trừ cái chết, anh sẽ là cái gì nếu người ta biến anh thành ngân phiếu và mộ bia?

- Đẹp cái giọng trữ tình đó đi, Louis. Dầu sao tôi cũng hiểu chú. Và bây giờ, tới quán Edouard cụng ly để tưởng nhớ ông xếp cũ.

Buổi chiều, chúng tôi trở về nhà. Một tiếng đồng hồ sau có tiếng náo động trong nhà lão Knopf.

Georges lên tiếng trước:

- Cầu cho người chết được an nghỉ! Thôi, mình qua bên đó chia buồn cho phải lễ.

- Chẳng biết mấy mẹ con bà Knopf đã may xong tang phục chưa?

Chúng tôi đi thẳng vào không nhận chuông. Một cảnh tượng bất ngờ hiện ra trước mắt. Lão Knopf đang đứng sừng sững giữa nhà gậy trong tay, áo quần ra phớ. Bà và ba cô con gái thì núp sau các máy may.

Giận dữ, lão Knopf vừa múa gậy vừa chửi rửa, một tay vịn vào cổ máy để giữ

thăng bằng. Đường gậy của lão không có gì đáng sợ nhưng lão vẫn múa hết mình. Những bộ đồ tang nằm rải rác trên nền nhà.

Tình trạng đã rõ ràng. Thay vì giết chết, rượu lại càng làm cho lão mạnh dạn thêm nên lão mặc đồ vào để đánh một vòng qua các quán rượu trong thành phố như thường lệ. Không một ai báo cho biết là lão đang ở trong tình trạng lâm tử cả, bà vợ thì sợ lão trả thù nên lặng thinh luôn.

Lão đã vượt qua hơn một lần tình trạng nguy hiểm đó, đối với lão lần sau cùng chẳng có gì thảm hại hơn bao nhiêu lần trước. Con giận của lão không phải là không hợp lý, một gia trưởng có bao giờ để mặc cho vợ con tự nhiên tế sống mình, đã vậy còn tốn tiền để mua sắm đồ tang trong khi lão chưa lạnh cứng.

Lão gầm thét:

- Đồ thú! Vừa lòng lắm hả? Đập vỡ mặt bọn này ra.

Lão đập hụt bà vợ và thở phì phò giận dữ. Bà Knopf cuống cuống quơ tay nắm trúnng đầu gậy và giữ chặt:

- Ông ơi, mẹ con tôi chỉ lo chuyện phòng xa thôi. Đâu có dám nghĩ quấy, ông bác sĩ...

- Bác sĩ cái con... Buông gậy tao ra, đồ quý cái. Tao bảo buông gậy ra có nghe không?

Người đàn bà mặt tròn, nhỏ thó, buông tay. Được tự do, lão lại múa loạn lên và đập trúnng một trong ba cô gái. Cả ba cô, bất cứ cô nào cũng có thể đoạt cây gậy dễ dàng nhưng không một ai dám. Hết cô này tới cô kia chụp lấy đầu gậy vừa khóc vừa giải thích. Nhưng ông cha nhứt định chẳng chịu nghe:

- Buông ra, lũ chồn hôi! Ném tiền qua cửa sổ, tao sẽ cho bọn mày biết tay.

Lại được tự do, lão múa loạn lên rồi đập mạnh xuống. Chiếc gậy chúnng trúnng vào ai, cũng không đụng phải vật gì khiến lão mất thăng bằng, quy xuống. Bọt miêng sùi ra hai bên mép, dính vào râu. Lão lại gượng đưng lên múa gậy.

Các cô gái vừa khóc vừa van lạy:

- Ba ơ, đừng cử động nhiều. Ba làm như vậy là...
- Bình tĩnh lại, ba! Ba sống là tụi con mừng lắm.
- Ba! Ba có muốn uống cà phê không?

Lão dùng tay, trố mắt:

- Cà-phê hả? Cà-phê cái con mẹ mày, đồ thúi tha! Tao đập nát tụi mày ra! Ném tiền qua cửa sổ...
- Không sao đâu ba. Tụi con còn bán lại được mà.
- Bán. Bán cái gì? Có tao đem tụi mày đi bán... đồ xác chết sinh...
- Chưa trả tiền vải mà ông.

Bà Knopf phải cố gắng lắm mới dám nói chen vào. Không ngờ đó lại chính là câu nói giá trị nhất.

Lão Knopf hạ gậy xuống:

- Nói sao?

Chúng tôi can thiệp. Georges mở lời:

- Ông Knopf, thành thật mừng ông sớm lành bệnh.

Lão nhăn mặt:

- Đừng làm tôi mắc ỉa. Bộ mấy người không thấy gia đình đang có chuyện lộn xộn hả?
- Xin ông đừng cử động mạnh, có hại cho sức khỏe.
- Hả? Mấy người cũng lo cho thằng già này nữa à? Chỉ nội mấy con quỷ cái này cũng đủ chết ngộp này.

- Không đâu. Bà Knopf chẳng những không hoang phí mà còn làm được một việc hay ho. Ngày mai, nếu đem bán lại tất cả tang phục đó đi, gia đình ông sẽ lòi vào khoảng vài tỷ nhờ lạm phát... nhứt là chưa trả trước tiền vải.

Cả bốn mẹ con đều đồng thanh kêu lên:

- Đúng là chưa trả tiền vải.

- Vậy là nên mừng mới phải, ông Knopf. Trong khi ông bất an, đồng Mỹ kim đã leo mau vùn vụt. Vậy là không cần biết gì cả chỉ nhắm mắt ngủ, ông cũng đã có một gia tài nho nhỏ.

Lão thượng sĩ vênh tai. Nạn lạm phát, dầu không để ý lão cũng đã biết tới qua sự kiện giá rượu tăng đều mỗi ngày.

Lão áp úng:

- Lòi hả? Máy người nói đúng không?

Rồi quay sang bốn con chim sẽ đang run rẩy, lạo hời:

- Có mua mộ bia chưa?

- Dạ chưa.

- Tại sao không?

Tất cả nhìn sững lão ta.

- Ngu như bò. Phải mua rồi, bây giờ bán lại...

Lão quay sang Georges:

- Chắc chắn là có lòi, phải không?

- Lòi là cái chắc, nhưng với điều kiện là đã trả tiền rồi. Nếu không, chúng tôi chỉ có mỗi một việc là lấy lại.

- Này, không được đâu. Chúng tôi có thể bán nó lại cho hãng Hollmann và Klotz và sau đó thanh toán cho mấy người.

Và lão trừng mắt với vợ con:

- Ngu như bò! Tiền để làm gì? Không trả tiền vải thì còn đó sao lại không chịu mua?

Georges bảo tôi:

- Xong rồi. Kể như đã hạ màn. Mình về thôi.

Nhưng Georges đã lầm. Khoảng mười lăm phút sau, lão Knopf đã có mặt văn phòng chúng tôi, mùi rượu xông ra nòng nặc:

- Các người đừng chơi cha. Tôi đã điều tra cặn kẽ rồi, nói láo cũng vô ích. Mụ già đó thì thú nhận đã có đặt mua một tấm bia.

- Nhưng chưa trả tiền. Bây giờ ông có cần tới nó đâu.

Lão thượng sĩ về hưu gằn từng tiếng với giọng hăm dọa:

- Đặt mua tức là đã chịu mua. Có nhân chứng đàng hoàng. Đừng tìm cách nói quanh, có hay không?

Georges nhìn tôi:

- Nhưng vợ ông chỉ mới hỏi giá chó đâu phải đã mua.

Lão quát lớn:

- Có hay không?

Georges cố làm dịu cơn quý ám của lão già say:

- Ông Knopf, chúng mình đã quen biết nhau từ lâu thì chuyện gì hợp lý là phải chấp nhận.

- Được rồi. Đưa hóa đơn cho tôi.

Chúng tôi nhìn nhau. Không ngờ lão ta mau hiểu đến thế.

- Cần gì giấy tờ. Cứ trả tiền là có tấm bia ngay.

Lão trợn mắt với tôi:

- Câm miệng, đồ lỗi con. Đưa hóa đơn đây!

- Thì cứ trả tám tỷ ra.

- Hả? Các người nói gì? Tám tỷ một cục đá?

- Tám tỷ là tám tỷ. Trả tiền mặt.

Knopf cự rất hung hăng cuối cùng đành nhượng bộ. Lão trở về nhà, moi tiền vợ đem qua. Nhịp ngón tay trở lên mặt bàn, lão gầm gừ:

- Xong rồi, làm giấy đi.

Lão nhận lấy hóa đơn. Từ cửa sổ nhìn ra tôi thấy bốn mẹ con bà Knopf chòm nhum trước cửa nhà. dáng điệu buồn rầu. Lão đã tước đoạt của họ đến đồng bạc cuối cùng.

Lão hát hàm nói với Georges:

- Bây giờ tôi bán lại. Mua bao nhiêu?

- Tám tỷ.

Lão nhảy dựng lên:

- Sao? Lường gạt hả? Tôi mới vừa trả tám tỷ cho giá cũ. Lạm phát đã qua một ngày mà mấy người vẫn giữ đứng giá được à?

- Chúng tôi biết lắm. Theo thời giá thì tấm bia đó phải là tám tỷ rưỡi. Chúng tôi trả tám tỷ là giá mua, như vậy còn lại năm trăm triệu là tiền lời trên giá bán.

- Đừng bịp bợm! Vậy phần tôi, tiền lời của tôi đâu? Nằm trong túi mấy người, phải không?

Tôi chen vào:

- Ông Knopf, nếu ông mua một chiếc xe đạp rồi một giờ sau ông đem bán lại, ông sẽ không bao giờ lấy đúng giá bán. Đó là chuyện buôn bán vật. Nhờ vậy mà chúng tôi mới có huê lợi.

- Huê lợi, cái đít đây nè. Mua xe đạp là xe đạp cũ còn tấm bia của tôi là tấm bia hoàn toàn mới.

Tôi lại xía mỏ vào:

- Trên lý thuyết thì tấm bia đó đã được dùng rồi, nhứt là về mặt thương mãi. Và lại, chẳng lẽ ông bắt chúng tôi phải mất tiền túi chỉ vì ông vẫn còn sống?

- Gian lận! Đúng là gian lận!

Georges vẫn từ tốn:

- Ông cứ giữ lấy tấm bia, có sao đâu. Ít ra đó cũng là một thứ của nôi. Và lại rồi cũng sẽ có những ngày ông cần tới. Có ai bắt tử đâu, dầu người đó là một thượng sĩ.

- Được rồi, tôi sẽ bán nó lại cho hãng Hollmann và Klotz. Nếu các người không chịu trả ngay mười tỷ.

Tôi nhắc ông điện thoại lên:

- Xin mời. Ông cứ thương lượng trực tiếp với họ, không cần trung gian. Gọi số 624.

Thấy tôi hăm hở, lão Knopf mất tự tin và lắc đầu:

- Bọn du đặng! Ngày mai, giá một tấm bia sẽ là bao nhiêu?

- Có thể tăng thêm một tỷ, cũng có thể hai hay ba.

- Và trong một tuần.

Georges hơi khó chịu:

- Ông Knopf, nếu chúng tôi biết trước giá của đô-la thì còn ở đây bán mấy cục đá này làm gì, nhứt là những khách hàng quá tồi tệ cùng một loại với ông.

Tôi chọc tức:

- Không chừng chỉ trong một tháng ông trở thành tỷ tỷ phú.

Knopf suy nghĩ một lúc lâu trước khi càu nhàu:

- Mẹ nó! Mình cứ giữ lại. Tiếc là đã trả tiền rồi.

- Chúng tôi vẫn sẵn sàng mua lại.

- Mua lại à? Ngon quá! Tôi giữ để lấy lời.

Lão nhìn ra ngoài và lẩm bẩm:

- Chẳng biết trời mưa có sao không?

- Bia đá luôn luôn chịu đựng nổi mọi thời tiết.

- Láo khoét! Không hư thì cũng cũ đi. Tôi yêu cầu cất nó trong kho, nhớ lót rom ở dưới.

Georges hỏi:

- Tại sao không giữ trong nhà ông để tránh tuyết giá?

- Anh có điên không?

- Không bao giờ. Vô số người có danh vọng và địa vị vẫn để sẵn một quan tài trong nhà. Đó là những người mộ đạo và những người Ý miền Nam. Lại còn nhiều kẻ ngủ cả trong hòm như anh chàng Wilke chẳng hạn.

- Không thể được. Còn mấy người đàn bà. Phải để nó ở đây. Các người phải chịu trách nhiệm nếu làm hư. Nếu sợ thì xuất liền túi ra bảo hiểm.

Không chịu nổi cái giọng chỉ huy đó, tôi trả đũa ngay:

- Đề nghị ông mỗi sáng qua đây xem lại. Có vậy ông mới nhìn thấy tận mắt là hòn đá của ông vẫn còn so hàng với mấy tấm bia khác, vẫn còn bóng láng với các bệ lót vào như bụng một tân binh và tất cả những cây con quanh đó đều đứng nghiêm. Nếu muốn, ông có thể đòi hỏi Henri Kroll mặc quân phục vào rồi thổi kèn gọi nó tập hợp? Chắc là Henri khoái lắm!

Lão lườm tôi:

- Thế giới sẽ sáng sủa hơn nếu có được một chút kỷ luật của nước Phổ.

Mùi rượu từ người lão xông ra nồng nặc sau một tiếng ợ khan. Có lẽ suốt ngày lão chưa ăn. Lão lại ợ thêm một cái nữa. Lần này âm thanh nghe êm dịu và kéo dài. Tiếng ợ thứ nhất chỉ là cái hốc của kẻ nghiền rượu. Và cái ợ thứ hai rõ ràng là sự khiêu khích của một người cục mịch tự biết không ai thềm dây dưa tới.

Với lão, không thể nào giận được. Không thể nào giận một kẻ vừa từ bên kia thế giới trở về! Lão vẫn còn nhìn chúng tôi với đôi mắt khắc nghiệt và sộ nước vì thiếu ngủ quá lâu. Lão quay người, suýt té, gượng lại rồi băng qua sân. Trong túi, ít ra lão cũng còn được vài tỷ bạc cuối cùng của gia đình.

Chân mang dép, vai vắt khăn bếp. Gerda đang đứng trước bếp nấu dầu làm món cải su nhồi thịt. Không khí loáng thoáng mùi mỡ heo, bột gạo và hương ướp. Bên ngoài khung cửa sổ, là nho rùng đỏ úa với ánh nắng Thu.

- Anh đến phải lúc lắm. Sáng mai tôi dọn khỏi nơi này.

- Vậy à?

Gerda vẫn thản nhiên và vô tư trước bếp lò:

- Anh cũng chú ý đến chuyện đó à?

Nàng quay lại nhìn tôi. Tôi nói mau:

- Sao lại không. Em dọn đi đâu?

- Tới nhà hàng Walhala.

Tôi kêu lên:

- Tới Edouard?

- Phải, ở với Edouard.

Gerda lật trở những món cải nhồi thịt rồi hỏi:

- Anh có cần lặp lại không?

Biết nói gì đây? Tôi cố giữ giọng bình thường:

- Và không làm ở Moulin Rouge nữa?

- Thôi làm ở Moulin Rouge khá lâu rồi. Anh có để ý gì tới đâu. Không thể được, tôi không thể theo đuổi mãi cái nghề để rồi chết đói. Tôi phải sống ở thành phố.

- Ở nhà Edouard?

- Phải, ở nhà Edouard, ông ta giao cho tôi coi sóc nhà hàng.

- Và ở luôn tại nhà hàng Walhala.

- Ở tầng trên, sát với mái nhà. Tiện làm việc hơn. Tôi có còn quá trẻ như anh tưởng đâu, phải cố tìm một chỗ sống chắc chắn trước khi không tìm ra một chỗ làm. Không còn chuyện gánh xiếc nữa.

- Nhưng em vẫn có thể tái ký hợp đồng với họ vài năm nữa. Đừng kiếm chuyện.

- Anh không hiểu gì cả. Tôi biết việc gì cần phải làm.

Tôi nhìn những lá nho đỏ ủa đọng đưa phía trong khung cửa sổ và bất giác tự thấy mình không hơn một tên vô lại. Đối với Gerda có lẽ tôi chẳng khác gì hơn một lên lính đi nghỉ phép.

Gerda vẫn nói với giọng đều đều:

- Tôi định chờ gặp anh để tự mình cho biết.
- Em định cho biết là chuyện của mình kể như đã hết?

Gerda lắc đầu:

- Tôi luôn luôn thẳng thắn. Edouard đề nghị giúp tôi một chỗ làm, tôi thấy đó là một chỗ xứng đáng. Tất cả cần phải rõ rệt.

Và nàng cười dòn:

- Vĩnh biệt tuổi trẻ! Thôi sửa soạn ăn. Chín rồi.

Nàng lo dọn bàn. Tôi ngồi nhìn và chợt thấy buồn:

Nàng hỏi tôi:

- Còn tình yêu thượng giới của anh ra sao? Cái cô gì mà anh đánh phong cầm cho nghe đó?
- Gerda, đừng nói nữa.

Nàng lấy món ăn ra đĩa:

- Đây là một lời khuyên, cung nên ghi nhớ. Lần tới, nếu có gặp cô nào, đừng nên nhắc tới những người tình cũ hiểu chưa?
- Hiểu. Anh khổ lắm, Gerda.
- Thôi, cho xin, đừng lái nhải nữa, ăn đi.

Vẫn bình tĩnh, Gerda lúc nào cũng nhìn thẳng vào sự việc. Nét mặt nàng rắn rỏi và trong sáng. Từ nhỏ đã phải sống một thân một mình nên Gerda đã hiểu rõ thế nào là định mệnh và sẵn sàng xoay trở cho phù hợp. Nàng có tất cả những gì tôi không có và tôi muốn yêu nàng

- Anh đã biết là tách tôi chẳng bao giờ đòi hỏi thái qua. Người ta đã nuôi tôi lớn bằng gậy gộc, kể đó tôi phải trốn đi, bây giờ đã quá chán cái nghề nhào lộn rồi tôi thích được ở yên một chỗ. Edouard cũng không phải là người quá tệ.

- Nhưng hấn kiêu căng và hà tiện.

Vừa nói xong tôi biết là đã lỡ lời.

- Con hơn là xóc xếch lời thôi lại thích xài tiền mà cứ muốn có vợ con.

- Em định thành hôn với hấn à? Còn tin cậy hấn thật sự chưa? Coi chừng hấn lợi dụng đến lúc như cả rồi, hấn đi cưới một cô gái khác có của hồi môn to lớn.

- Ông ta không hứa gì với tôi cả. Tôi chỉ ký hợp đồng trong coi nhà hàng, thế thôi. Một hợp đồng ba năm. Trong ba năm, ông ta có đủ thì giờ để hiểu là không thể thiếu tôi được nữa.

- Em đã thay đổi quá nhiều.

- Vậy sao? Vẫn cứ ngớ ngẩn! Đây chỉ là một quyết định chứ có gì khác đâu.

- Tới lúc về tới Edouard, chắc em sẽ cho là anh và Georges đang cố làm tàn mạt hấn với mấy cái phiếu khấu phần mất giá.

- Bộ còn nhiều lắm sao?

- Khoảng một tháng rưỡi nữa.

Gerda cười lớn:

- Tôi không chống báng đâu, tin đi. Dầu sao các anh cũng đã mua đúng với giá tiền lúc đó.

- Đó là vỏ chứng khoán thành công duy nhất của anh và Georges.

Tôi nhìn Gerda ở phía sau trong khi nàng lấy đĩa đi.

- Anh sẽ giao hết mấy phiếu còn lại cho Georges. Không tới Walhala nữa.

Nàng xoay người lại, mỉm cười, nhưng ánh mắt không cười:

- Tại sao?
- Không biết, mới có ý nghĩ đó. Có thể sẽ trở lại vào một ngày...
- Chắc chắn là anh sẽ trở lại đó. Tại sao không?
- Chắc vậy, tại sao không?

Từ từ dưới tiếng dương cầm vang lên inh ỏi. Tôi ra đứng ở cửa sổ:

- Lại gần hết năm rồi, mau quá.

Gerda tới gần tôi:

- Mau thật... nhưng có điểm này, nói ra thì rõ là cổ điển “tôi rất thích anh, nhưng anh lại không thích hợp với tôi”.

Và nàng đẩy tôi ra:

- Thôi, về đi. Trở về với môi tình thượng giới của anh đi. Anh. Không bao giờ anh hiểu nỗi đàn bà, có phải không?
- Chẳng hiểu gì cả.

Nàng mỉm cười:

- Khoan, chờ chút. Đây rồi, cầm lấy và đi đi!

Nàng trao tôi một cái huy chương. Tôi hơi ngạc nhiên:

- Cái gì đây?
- Huy chương của một người từng giúp những kẻ khác vượt nước. Đây là vật đem tới hạnh phúc.
- Nó đã đem hạnh phúc tới cho em chưa?

- Ô! Nhiều lắm, hàng khối hạnh phúc. Thôi, cút đi!

Nàng đẩy tôi ra và khóa cửa lại. Tôi lững thững xuống lầu. Hai người đàn bà du mục đi về phía tôi ở ngoài sân.

Mấy tay nữ đô vật đã về từ lâu. Người đàn bà trẻ nhút lên tiếng:

- Bói tương lai, thưa ông?

- Không, cảm ơn.

Và tôi bỏ đi mau

Không khí có vẻ căng thẳng tại nhà Karl Brill. Giấy bạc chất cao trên mặt bàn. Ít lắm cũng là hàng ngàn tỷ Đức kim. Đối thủ là một anh chàng đầu hải cau và hai bàn tay quá nhỏ. Hắn vừa tới soát lại cây đinh và trở về chỗ.

Hắn cất giọng oang oang:

- Thêm hai trăm tỷ!

Karl đáp ngay:

- Bắt!

Hai người cùng đặt tiền ra:

- Còn ai đánh nữa không?

Không ai trả lời. Tiền cuộc quá cao, chẳng ai theo nổi. Karl đổ mồ hôi hột nhưng hoàn toàn tự tin. Ông ta bắt bốn ăn sáu vì vừa mới nhận cho anh chàng đóng thêm một búa nữa vào đinh. Thế là từ năm ăn năm đổi ra bốn ăn sáu.

Karl hỏi tôi:

- Bạn vui lòng đánh giúp bản “Dạ khúc chim non” được không?

Tôi ngồi vào dương cầm. Bà Beckmann xuất hiện với chiếc kimono đỏ ánh.

Dường như người nữ lực sĩ đã mất bớt dáng vẻ uy nghi. Hai ngọn đồi trên ngực rung rung như bị động đất. Màu mắt cũng thay đổi. Bà không nhìn về phía Karl như thường lệ.

Karl lên tiếng:

- Clara, em biết quý vị ở đây rồi chứ, có cả người khách mới là ông Schweitzer - Và đưa một tay về phía anh chàng hải cầu, ông ta giới thiệu - Đây, ông Schweitzer...

Con hải cầu vừa liếc nhìn đồng bạc với ít chút lo âu vừa nghiêng mình chào đáp lễ.

Cây đinh đã được quán bông gòn và Clara đã tới đứng vào vị trí. Tôi nhấn phím tạo thành một hồi trống rồi ngưng bật. Tất cả đều im lặng.

Bà Beckmann đang vận sức. Tôi thấy bà rung mình tới hai lần. Thành linh, bà ta quắc mắt nhìn Karl và nghiêng răng:

- Rất tiếc! Không thể được.

Không nhìn bất cứ ai, bà ta rời chỗ và đi thẳng lên lầu.

Karl cuống cuống gọi to:

- Clara?

Không có tiếng trả lời. Gã hải cầu cười hô hô, chuẩn bị hốt bạc, Karl Brill ướm như tắm. Ông ta chạy lại xem cây đinh rồi trở về chỗ.

- Khoan! Chưa kết cuộc mà. Mình đánh cá ba lần. Mới có hai.

- Xin lỗi, ba lần rồi.

Ông bạn không rõ đâu. Ông chưa hiểu rõ lãnh vực này đâu. Ông Schweizer. Mới có hai lần thôi.

Những người cùng phe với người chủ hiệu giày tới bây giờ mới phụ họa:

- Đúng vậy, mới có hai lần.

Một cuộc cãi vã bùng nổ. Tôi quay đầu sang hướng khác, chẳng buồn nghe. Tôi có cảm tưởng như đang bênh bồng trên một hành tinh xa lạ. Đây là một thứ cảm giác ngấn ngủi, nóng sốt, kinh hoàng. Do đó tôi thấy dễ chịu khi trở về với thực tại là những tiếng ồn ào.

Anh chàng hải cẩu lợi dụng sự bối rối của Karl đưa ra thỏa hiệp: chấp nhận làm lại lần nữa với điều kiện bắt ba ăn bảy.

Tháo mồ hôi hột, Karl chấp nhận tất cả. Theo sự phỏng tính của tôi thì ông ta đã đổ vào cuộc chơi này nửa xướng giầy kể cả cái máy ghép đế.

Karl bảo nhỏ tôi:

- Lên trên đó với tôi. Nó quá quắt lắm rồi. Phải làm cho nó thay đổi ý kiến.

Chúng tôi bước từng bốn bước một. Bà Beckmann nằm trên giường trong chiếc kimono thêu phượng, trông đẹp lộng lẫy nhứt là với những ai thích hạng phụ nữ phốp pháp.

Karl năn nỉ:

- Clara, sao vậy? Em làm vậy coi sao được?

- Nè, khéo ăn, khéo nói một chút!

- Anh biết mà, anh thề là...

- Thề thốt cái g, đồ khôn, tao biết mày ngủ với con nhỏ thâu ngân ở khách sạn Hohenzollern từ lâu rồi. đồ điếm đực!

- Anh à? Sao có chuyện đó! Ai nói?

- Đó, mày mới vừa tự thú nhận còn hỏi gì nữa?

- Thú nhận gì đâu?

- Không có gì hả? Chính mày mới hỏi tao ai nói. Làm sao tao biết được nếu chuyện không có thật?

Tôi bỗng thấy thương hại cho nhà lực sĩ bơi lội Karl Brill. Ông ta không sợ khi đập vỡ tuyết ra để chui vào đó cùng tắm với hội bơi lội của ông ta, nhưng bây giờ thì khác hẳn. Lúc lên lầu tôi đã khuyên ông ta cố mềm dẻo, đừng nói nhiều mà chỉ quỳ xuống xin lỗi, nhưng đứng thú nhận gì cả.

Nhưng bây giờ, tình hình bỗng biến đổi quá mau: một quả đấm giáng trúng mũi khiến Karl lao đảo lùi lại, hai tay ôm mặt. Rồi không tự kiềm chế được nữa, ông ta gầm lên như thú dữ, khom xuống xoắn lấy tóc bà Beckmann, lôi tuột ra khỏi giường, xô sấp xuống và một chân đạp vào gáy, một tay dùng dây nịt da quất túi bụi vào cặp hông đồ sộ của bà Beckmann.

Tôi dùng mũi giày đá nhẹ vào đít Karl. Ông ta quay phắt lại, toan nhảy sỏ vào tôi, nhưng bắt gặp ánh mắt nhắc nhở của tôi, với hai tay đưa lên trời, với những lời nói nhỏ, cơn giận giết người của ông ta tan biến mất.

Karl gật đầu, máu mũi đỏ ròng ròng, quay người lại rồi ngồi xếp xuống giường:

- Clara, anh thề là anh chẳng có gì cả, nhưng anh vẫn xin lỗi em.

- Quân bản thủ! Cái áo của tao!

Bà ta kéo vạt áo lên, máu mũi của Karl rơi trên vải trải giường. Karl, con người giản dị và trung tín, tưởng rằng hễ đã chịu quỳ là xong chuyện, bây giờ vẫn cứ còn chửi nên đã bắt đầu nóng lại. Nếu một trận nữa xảy ra thì kể như hết cứu vãn.

Tôi vừa đạp vào ngón chân ông ta vừa rống to:

- Bà Beckmann, xin nghe đây, tôi thề chịu dứt đầu ông Karl không lỗi làm gì cả. Chính tôi mới là kẻ phạm tội, ông nhà là vật hy sinh.

- Hả? Cái gì?

- Lỗi tại tôi, hoàn cảnh do tôi. Ông Karl và tôi từng ở chung đơn vị trong thời chiến. Anh em giúp nhau, tình chiến hữu...

Bà Beckmann cắt ngang:

- Sao? À, các người viện tới tình chiến hữu thiêng liêng hả, đồ lão khoét. Cậu muốn tôi phải tin một chuyện tầm phào như thế à?

Tôi vẫn ong óng:

- Bà không biết bọn đàn ông đã từng sống chết bên nhau đâu. Chính ông Karl đã hy sinh cho tôi, thật một trăm phần trăm, ông Karl đã vì tôi, đã liên lạc với cô ta, cô thư ký thu ngân.

Bà Beckmann chống tay ngồi dậy, mắt bà như đổ lửa:

- Không đúng, không thể được. Còn quả trẻ như cậu không thể nào có chuyện tình ái lãng nhãng với một con gấu ngựa cỡ đó được. Đúng là một loại bè đi biển.

- Bà Beckmann, bà không hiểu được đâu. Người sắp chết đuối có bao giờ lựa chọn thuyền bè. Sự cô đơn của tuổi trẻ mà.

Bà Beckmann lắc đầu:

- Không được, còn trẻ thế này không bao giờ đi tìm một con chằng như thế cả.

- Trẻ thì tôi hãy còn trẻ, nhưng nghèo, thừa bà, tôi lại quá nghèo. Thời này, các cô gái tân thời cứ đòi đi phòng trà đi ca nhạc, làm sao tôi chịu nổi. Bây giờ nếu thú thật cả ra chắc bà hiểu rõ ngay. Giữa thời buổi lạm phát này, một thằng nghèo kiệt xác như tôi vớ được một nữ thư ký thu ngân, dầu có xấu như chằng, dữ như gấu, cũng đã là có phước rồi. Còn ông Karl sẵn có một cơ sở làm ăn phát đạt, sẵn một người bạn đẹp như bà ông ấy có cần gì. Chỉ tội nghiệp, vì tình chiến hữu.

Bà Beckmann dịu giọng trong khi ánh lửa trong mắt bà gần như tắt lịm đi:

- Được rồi, để tôi điều tra lại.

A ha! Thế là trận chiến chằng xảy ra. Cuộc thương nghị không nói thành lời tự nhiên đã có kết quả.

Trước khi rút xuống lầu cùng tôi, Karl hứa sẽ mua đèn cho bà Beckmann một cái

kimono màu tím có thêu hoa sen và thiên nga.

Trong khi ông ta lau rửa mặt mũi, bà Beckmann đứng lên, hỏi tôi:

- Tiền đánh cuộc tất cả là bao nhiêu?
- Không thể tưởng tượng nổi. Hàng triệu tỷ.

Bà Beckmann nhìn Karl:

- Karl! Đánh cho cậu Bodmer hai trăm năm mươi tỷ!
- Được rồi. Clara. Louis với anh là chiến hữu mà.

Chúng tôi xuống lầu. Anh chàng đầu hải cẩu ngồi đợi, chung quanh là người của Karl, sẵn sàng can thiệp nếu hắn có ý định bỏ đi.

Vừa xuống tới chỗ, chúng tôi được hắn báo cáo ngay là hắn toan chơi lộn nhưng đồng bọn của Karl đã kịp thời giựt búa lại. Thế là cây đinh vẫn như cũ.

Bà Beckmann mỉm cười khinh bỉ khi bước tới chỗ cây đinh, và không đầy ba mươi giây sau đó, cây đinh đã rơi xuống đất. Đầu ngẩng cao, bà ta oai vệ rời khỏi xưởng trong khi tôi đánh bản “Cháy lớn trong dãy núi Alpes”.

Khi mọi người đã ra về, Karl nói với tôi bằng giọng cảm động chưa từng có:

- Một chiến hữu là một chiến hữu. Không gì hơn được.

Tôi không khỏi nhột nhạt:

- Thôi, bỏ đi. Nhưng câu chuyện cô thư ký thu ngân thật sự ra sao?
- Có gì đâu. Ban đêm, con người thường có ý nghĩ rung động. Nhưng con quỷ cái đó chẳng biết giữ gìn gì cả lại đem nói toạc ra. Vây mới chết! Bây giờ bạn cần gì cứ lựa chọn theo ý muốn.

Ông ta chỉ vào một chồng da:

- Muốn loại nào, cứ chọn loại thật tốt, tôi sẽ tự tay đóng lấy cho bạn: da bò con

hay da hồng, đen, nâu hay vàng?

- Nếu được, xin cho một đôi đánh vec-ni.

Vừa về tới nhà, tôi gặp ngay một bóng người trong sân. Lại lão Knopf đang sửa soạn tưới cái tháp đen.

Tôi chụp tay lão:

- Thượng sĩ, từ nay trở đi ông đã có một chỗ để xả bọng đái rồi. Hòn đá đó còn mới nguyên...

Tôi bảo lão tới tấm bia mà lão đã mua và đứng đó chờ xem.

Knopf trợn mắt:

- Cái bia này là của tôi mà. Chú mày có điên không? Tới giờ này, giá bán là bao nhiêu?

- Theo hồi suất bữa nay thì là chín tỷ.

- Vậy mà chú mày bảo tôi đái vào. Nè, tôi giao cho giữ, phải săn sóc cho cẩn thận.

Lão đảo mắt vài lượt từ phải sang trái, rồi khập khểnh đi về nhà. Không ngờ tinh thần tư hữu lại có thể biến cải con người mau đến thế. Từ nay trở đi chắc chắn lão chỉ tiểu tiện ở phòng vệ sinh trong nhà lão. Đừng ai nói với tôi về chủ nghĩa tập thể nữa. Quyền tư hữu giúp cho con người ý thức được trật tự. Tôi đứng lại ở ngưỡng cửa thêm một lúc để nghĩ tới sự huyền bí của thiên nhiên: vi trùng, cá, ếch nhái loài có xương sống... biết bao nhiêu biến thể để kết thành một sinh vật hữu nhũ và đứng thẳng mang tên Knopf... chỉ biết sống để nốc cạn những chai rượu mạnh.

Tôi lên phòng, mở đèn và tới đứng trước gương. Đối diện tôi là một kỳ quan khác nữa của thiên nhiên nhưng chẳng có giá trị bao nhiêu. Tôi tắt đèn, tôi chỉ thích thay đồ trong bóng tối.

Trên lối đi vương vãi lá vàng khô, một thiếu nữ tiến về phía tôi. Lúc này tôi thấy nàng đi bên cạnh.

Nàng mặc áo cánh màu xám lợt, hoàn toàn vừa vặn, đầu đội nón nỉ, chân mang giày da hoẵng. Tên nàng là Geneviève Terhoven nhưng nàng đã hoàn toàn xa lạ đối với tôi.

Sau thánh lễ, tôi đi thơ thẩn trong vườn không một chút hy vọng, và bây giờ nàng - Isabelle - đang đi về phía tôi. Tôi dừng bước. Nàng đã tới, mảnh khảnh và thanh thoát. Đột nhiên, quá khứ như siết nghẹt cổ họng tôi. Không thể nói được một lời.

Dầu Wernicke không báo trước là Isabelle đã hoàn bình phục tôi cũng có thể đoán ra qua sự khác lạ ở nàng. Đầu óc tôi bỗng quay cuồng, máu như dồn cả lên tiểu não, tay chân như tê liệt. Tôi gọi nhỏ:

- Isabelle!

- Tôi à?

Nàng hỏi với một nếp nhăn trên trán.

Tôi bỡ ngỡ. Có lẽ chỉ cần nhắc lại một đôi câu, nàng sẽ nhớ ra.

- Isabelle! Cô không nhận ra tôi sao? Rudopf đây.

- Rudopf? Rudopf...ông nói gì, xin lỗi.

Tôi hoàn toàn lạc hướng:

- Chúng mình đã từng nói chuyện với nhau, đã quen nhau, cô không còn nhớ ra sao?

Nàng gật đầu:

- Vâng, tôi đã ở đây cũng khá lâu, nhưng xin lỗi, tôi quên mất phần lớn những gì đã xảy ra. Còn ông, chắc ông cũng ở đây lâu lắm rồi, phải không?

- Tôi à? Không đâu... tôi đến để đánh phong cầm...

Geneviève tỏ ra lịch sự:

- Phong cầm à, phải rồi! Ông đàn trong tiêu giáo đường. Tôi nhớ ra rồi. Xin lỗi, tôi hay quên quá. Ông đàn hay lắm.

Tôi đứng đó như một gã ngu đần, tự hỏi sao chưa chịu bỏ đi. Dường như Geneviève cũng đang đặt một câu hỏi tương tự.

Nàng bỗng lên tiếng:

- Xin lỗi ông, tôi còn nhiều việc phải làm. Tôi sắp rời khỏi nơi đây.

- Cô sắp đi?

Nàng ngạc nhiên không hiểu sao tôi hỏi thế nhưng vẫn đáp:

- Vâng.

- Và cô chẳng còn nhớ gì cả?... Những danh tánh rớt vào trời đêm, những bông hoa biết nói?

Isabelle không hiểu gì cả. Nàng cười:

- A! Một bài thơ, phải không? Tôi rất thích thơ nhưng nhiều quá làm sao nhớ hết?

Tôi đành thua cuộc. Nàng đã hoàn toàn bình phục và tôi đã đi ra khỏi trí nhớ của nàng giống như một tờ báo trên tay lão nhà quê ngã gục rơi vào đồng lửa.

Nàng đã quên tất cả rồi, như một người bị đánh thuốc mê vừa tỉnh dậy. Geneviève Terhoven không còn nhớ tới Isabelle. Tôi biết là nàng không dối gạt. Tôi đã mất nàng rồi, không phải như điều tôi lo sợ, bởi vì nàng đã thoát vượt từ một thành phần không giống với giới của tôi và bây giờ nàng lại quay về đó. Không, sự mất mát theo quan niệm của tôi không phải thế. Đây là một sự mất

mát nghiêm trọng nhất, sâu đậm nhất, không còn cách nào tìm lại được. Đối với tôi, Isabelle đã chết.

Nàng đã chết nhưng xác thân nàng còn thở, còn xinh đẹp. Nhưng thật ra Isabelle đã chết rồi. Isabelle đã tự trầm trong thân xác của Geneviève Terhoven đã trở thành hiện thân của một thiếu nữ, con nhà gia giáo, một phần tử của xã hội thượng lưu... và một ngày kia người thiếu nữ đó kết hôn và trở thành một người vợ hiền, sanh con đẻ cái...

- Xin lỗi, tôi phải đi. Một lần nữa xin cảm ơn về những tiếng đàn phong cầm.

Wernicke hỏi tôi:

- Cậu thấy thế nào?

- Về chuyện gì?

- Đừng giả ngu. Cậu biết là tôi muốn nói về cô Terhoven. Dù sao cậu cũng đã giúp tôi được việc. Luôn ba tuần không gặp cậu cô ấy đã hoàn toàn bình phục. Thành công trọn vẹn?

- Ông cho đó là một thành công?

- Chớ gọi là gì nữa? Cô ấy đã trở lại đời sống bình thường và trở về với gia đình, thời gian sống ở đây đã bị quên khuấy, như một cơn ác mộng. Cô ấy đã trở thành một con người, cậu còn muốn gì hơn? Cậu mới vừa gặp đó. Thế nào?

Tôi lặp lại:

- Thế nào?

Một nữ tu sĩ má hồng như thôn nữ mang vào một chai rượu chát và mấy cái ly.

Tôi hỏi dò:

- Đêm nay có được hân hạnh tiếp đón giáo sĩ tôn kính Bodendick không? Không biết cô Terhoven có phải là tín đồ Thiên Chúa giáo chẳng, nhưng cô ta ở vùng Alsace thì chắc đúng. Trong trường hợp đó, Ngài giáo sĩ chắc phải vô cùng hân

hoan vì đã đem được một con chiên trở về bầy, một con chiên lạc, nếu muốn sát nghĩa hơn.

Wernicke cười nửa miệng:

- Ngài tu viện trưởng đã bày tỏ sự hân hoan, cả tuần nay, cô Terhoven mỗi ngày đều có dự thánh lễ.

Isabelle! Isabelle dự thánh lễ! Nàng đã từng nói Chúa bị họ đóng đinh và những kẻ đã làm cho Chúa đổ máu không phải chỉ là những kẻ vô thần. Nàng từng bày tỏ sự gớm ghiếc đó với những kẻ lấy sự đau khổ đó của Chúa để làm niềm an ủi cho mình.

Tôi tiếp tục tìm hiểu:

- Chẳng biết cô ta có xưng tội chưa?

- Tôi không rõ nhưng chắc là đã có. Đúng ra thì cô ấy phải thú nhận tất cả những gì đã làm trong thời kỳ loạn trí nhưng làm thế nào để nhớ được? Kể cũng thích thú đối với một người theo Tân giáo như tôi.

Tôi nhìn ông thầy giữa óc đang uống cạn ly rượu chát:

- Làm thế nào xưng tội được khi mà chỉ trong đầu hôm sớm mai cô ta đã quên bật quá khứ?

Wernicke rót rượu ra ly:

- Uống đi kéo vị giáo sĩ tôn kính của chúng ta tới bây giờ. Khói hương cũng là một mùi vị thiêng liêng nhưng chỉ sợ nó làm mất mùi vị rượu chát của mình.

Ông ta uống một ngụm rồi đảo mắt:

- Quên tất cả? Không phải như vậy đâu, không phải đột ngột như thế đâu. Trước đó có những dấu báo hiệu.

Ông ta nói đúng. Tôi đã nhận thấy điều đó ở Isabelle một vài hôm thành linh gặp nhau, nàng không nhận ra tôi. Chợt nhớ tới đêm gặp gỡ cuối cùng, tôi chụp vội ly

rượu uống cạn một hơi. Loại Château Reinhardt sao đêm nay lại lạt như nước máy.

Wernicke tỏ ra khoan khoái:

- Tất cả đều đúng như dự định. Cậu có thể chứng kiến việc đó ngay hôm nay. Chút nữa mẹ con cô ấy tới đây dừng điếm tâm.

Tôi muốn bỏ đi ngay nhưng có một cái gì giữ chặt tại chỗ. Một khi có cơ hội làm đau khổ chính mình, con người ít chịu bỏ qua.

Bodendick vào tới và nhìn tôi bằng ánh mắt bao dung. Rồi đến lượt mẹ con cô Terhoven. Một cuộc đàm thoại nhạt nhẽo bắt đầu. Bà mẹ, sắc đẹp bình thường, khoảng bốn mươi lăm tuổi, thỉnh thoảng lại nói những câu vô nghĩa không biết mệt. Lúc nào bà ta cũng sẵn sàng để trả lời mà không cần suy nghĩ.

Tôi nhìn Geneviève. Đôi khi trong một thoáng, tôi chợt thấy khuôn mặt quen thuộc, khả ái, man dại và ngơ ngác của Isabelle, nhưng hình ảnh thân yêu đó tan biến rất mau vào câu chuyện đang pha loãng, đề cập mọi vấn đề nhưng chẳng có vấn đề nào ra hồn cả.

Ngôn ngữ kỳ lạ và huyền bí của Isabelle đâu rồi? Một cơn thủy triều đã xóa chúng mất đi. Bây giờ cũng từ cái miệng xinh xinh đó lại nói ra những lời hoàn toàn khác biệt. Tôi đứng lên:

- Vĩnh biệt cô Terhoven. Theo tôi biết, có phải cô đi trong tuần này không?

Nàng gật đầu. Wernicke hỏi tôi:

- Đêm nay cậu không tới à?

- Có chứ.

- Chúng tôi đợi cậu. Sẽ có một bữa tiệc nhỏ do tôi đãi. Có phải thế không, thưa bà?

Bà mẹ Isabelle trả lời:

- Rất sẵn sàng.

Buổi tối còn thảm hại hơn buổi sáng. Tôi nhìn thấy Isabelle trong giờ hành lễ. Ánh nến mờ hồ chớp chờn trên tóc nàng, nàng đứng đó gần như bất động. Những tiếng phong cầm đầu tiên vừa nổi lên, tất cả những người loạn trí đều quay đầu về phía tôi. Riêng Isabelle thì cầu nguyện. Không còn nghi ngờ gì nữa, nàng đã hoàn toàn bình phục.

Sau đó tất cả lại càng tệ hại hơn. Tôi và Geneviève cùng đi một đoạn đường lúc ra sân. Tôi không biết phải nói gì trong khi Geneviève vừa siết chặt áo choàng vừa nói bâng quơ:

- Trời lạnh quá!
- Vâng, trời lạnh lắm. Cô đi trong tuần này à?
- Chắc là vậy. Lâu lắm rồi, tôi chưa về nhà.
- Chắc hài lòng lắm?
- Cố nhiên.

Hết rồi, chúng tôi chẳng còn gì để nói với nhau. Dầu vậy, tôi cũng nhận ra được chút gì của người con gái tôi quen. Dáng đi không thay đổi và khuôn mặt trong tôi vô cùng quen thuộc! Một tia hy vọng lóe lên. Ngay trước khi ra khỏi lối đi, tôi gọi nhỏ:

- Isabelle...

Nàng ngạc nhiên:

- Ủa!

Tôi vội nói:

- Chẳng có gì cả. Tôi chỉ gọi một tiểu danh.

Nàng dừng lại:

- Chắc ông lầm. Tiểu danh của tôi là Geneviève.

- Đúng vậy. Tôi khùng quá. Isabelle là tên của một người khác. Tôi và cô ấy đã từng quen biết khá lâu.

- Vậy à? Có thể. Người ta quen nhau, nói với nhau đủ chuyện. Và rồi lại quên đi.

- Đúng lắm.

- Hai người có thân nhau lắm không?

- Có thể gọi là biết nhau chút ít.

Nàng cười nhỏ:

- Thơ mộng quá. Xin lỗi, sao tôi lại mau quên đến thế. À, nhớ ra rồi.

Tôi nhìn nàng đăm đăm và nhận ra nàng chẳng nhớ gì. Để không khí bớt nặng nề, nàng gượng nói:

- mấy tuần sau này, có quá nhiều chuyện dồn dập tới. Phải từ từ mới nhớ hết ra.

Và để xin lỗi, chuyện chẳng nhớ ra, nàng hỏi tôi:

- Mấy lúc sau này, ông có biết chuyện gì xảy ra không?

- Về vấn đề nào?

- Về chuyện cô Isabelle.

- À, cô ấy đã chết.

Nàng dừng sững lại, hơi hốt hoảng:

- Chết. Sao buồn vậy? Xin lỗi, tôi không biết...

- Cũng không sao. Chúng tôi chỉ tình cờ gặp nhau.

- Chết đột ngột, phải không?

- Vâng. Thật đột ngột. Chết mà không biết mình sắp chết và đang chết.
- Thật đáng buồn - Và nàng chìa tay ra - xin thành thật chia buồn với ông.

Bàn tay nàng gầy, chắc và tươi mát. Nàng không còn sốt nữa... Và đây là bàn tay của một thiếu nữ vừa lỡ bước đã gượng lại được ngay. Nàng lẩm bẩm:

- Isabelle, tên đẹp quá! Ông biết không, trước đây tôi không chịu nổi khi nghe gọi tới tên mình.

- Và bây giờ?

Nàng đáp với giọng thân hữu:

- Bây giờ thì khác hẳn.

Nàng vẫn tiếp tục tỏ ra thân hữu. Đó là lỗi lịch sự nhạt nhẽo của những người thành phố nhỏ giữa những người gặp nhau rồi quên ngay sau khi vừa quay lưng.

Tôi bỗng thấy bộ quần áo nhà binh cũ được sửa thành thường phục, trở nên chật chội. Trong lúc đó, Geneviève vẫn mặc đúng thời trang. Nhưng sự sang trọng đó không bao giờ khiến tôi vừa lòng cả.

Nàng và bà mẹ quyết định tới Bá Linh trước và nghỉ ngơi ở đó vài tuần trước khi về nhà ở vùng Alsace.

Chưa gì, mẹ nàng đã sẵn sàng cả một chương trình:

- Xem hát! Nghe hòa tấu! Trở lại những đô thị lớn bao giờ cũng như được sống lại. Hết gian hàng này tới gian hàng kia. Lại còn những cửa hiệu thời trang.

Bà vỗ nhẹ bàn tay Geneviève:

- Phải ở đó cho tới lúc chán mới thôi, phải không?

Geneviève gật đầu. Mặt Wernicke sáng rỡ. Chữa khỏi một người điên không phải là chuyện bất cứ ai cũng làm được!

Tôi bỗng thấy không chịu đựng nổi nữa và đứng lên. Wernicke nhìn tôi:

- Sao vậy? Sao cứ cựa quậy mãi như... như hồi suất Mỹ kim vậy?

Bà mẹ rướn người lên và thở dài:

- Mỹ kim! Thật là tệ hại! Cũng may là chú Gaston...

Chú Gaston thì ăn thua gì tới tôi. Tôi chợt thấy mình đang ở ngoài sân và nhớ là đã nói với Isabelle:

- Cám ơn về tất cả.

Và nàng đã sững sờ:

- Ủa! Tôi có biết gì đâu.

Tôi lững thững đi xuống đồi. Giã từ, trái tim non dại! Vĩnh viễn giã từ, Isabelle! Em không chết, anh biết là em không chết. Em chỉ biến mất đi thôi, và nó vẫn còn đó, khuôn mặt trước khi được sanh ra, đôi khi nó chường ra ở một khía cạnh khác với cuộc đời, nó làm cho mình lóa mắt trong một giây, và chúng ta không còn là chúng ta nữa.

Tôi bỗng thấy chân bước dài hơn. Hít một hơi dài, tôi bắt đầu chạy. Lúc tới cổng sắt, mình mảy ướt đầm mồ hôi, tôi lùi lại. Trong tôi cảm giác giải thoát dâng cao, sống và sự chết chỉ là những ngôn từ, những con ngỗng trời bay qua trên đầu tôi vẫn đã bay từ khi trái đất mới thành hình, không hề có câu hỏi, không hề có những lời giải đáp.

Vĩnh biệt, Isabelle! Anh yêu em, Isabelle? Vĩnh biệt cuộc đời. Vĩnh biệt, trái tim cuồng loạn của em!

Mãi một lúc lâu, tôi mới biết trời đã đổ mưa. Tôi đưa mặt ra hứng lấy những giọt nước và nếm ở đầu lưỡi.

Ngay lúc vượt qua cổng, tôi chợt thấy một bóng người to lớn từ trong chỗ tối đi ra, sặc sụa mùi rượu chát và khói hương, cả hai chúng tôi cùng quay ra, phía sau người gác cổng khép màn lưới sắt vào.

Bodendick hỏi:

- Từ này giờ ở đâu? Vẫn còn trên đường đi tìm Chúa?

- Không, tôi đã thấy Chúa rồi.

Ông ta nheo một mắt:

- Ở đâu? Trong thiên nhiên hả?

- Không rõ lắm. Có những nơi nào nhút nhát để mình gặp Chúa không?

Bodendick chỉ tay về phía ngôi tiểu giáo đường bên phải chúng tôi:

- Ở bàn thờ. Đó là con đường của tôi. Còn cậu bé?

- Tôi à? Tôi thì con đường nào cũng được cả. Tất cả những con đường. Tất cả, thừa giáo sư.

Ông ta lùi lại. Tôi nghe có tiếng cầu nhàu ở phía sau:

- Chẳng lẽ uống thế mà đã say.

Tôi vừa về tới nhà thì một bóng người núp sẵn ở cửa nhảy bổ vào tôi. Hắn vừa ôm siết tôi, vừa gầm gừ:

- Thằng chó đẻ, mày chết với tao!

Tôi vùng mạnh khiến hắn văng ra, vẫn tưởng đây chỉ một trò đùa nghịch của thằng bạn nào đó. Hắn lấy lại thăng bằng rồi phóng đầu vào bụng khiến tôi ngã ngửa vào cái tháp đen. Tuy thế, trong khi té tôi vẫn kịp phản ứng bằng một đòn chân vào bụng hắn. Có lẽ cú đá không đủ mạnh nên cái bóng lại nhảy xô vào tôi.

Lần này tôi chợt nhận ra Watzek, gã giết ngựa trong lò sát sanh. Tôi hất tay, xô dạt hắn ra:

- Làm cái gì lạ vậy? Bạn không nhận ra à?

Hắn chồm tới chụp trúng vào cuống họng tôi và nghiêng răng:

- Mày là ai, hả? Tao biết là mày và nhút định mày sẽ chết.

Có lẽ hắn say nhưng tôi không còn thì giờ để suy nghĩ nữa. Watzek nhỏ bé hơn tôi nhưng bắp thịt hắn rắn chắc như bò rừng. Tôi vận dụng toàn lực ngồi được lên và ấn mạnh đầu hắn vào cái tháp đen. Mấy ngón tay hắn đã rời lỏng ra, tôi lôi hắn tới bệ đá và đập đầu hắn vào. Tới lúc đó, hắn mới chịu buông tay. Để chắc chắn hơn, tôi đánh vào cằm hắn bằng một đòn vai khiến hắn ngã sảng sượng.

Tôi vội vàng đứng lên, xô cửa và mở đèn ra.

- Sao đây? Bạn muốn gì? Có gì thì nói...

Watzek lồm cồm ngồi dậy, có lẽ còn choáng váng nên lắc đầu luôn mấy cái cho tỉnh táo. Rồi chẳng nói một lời, hắn lại lao đầu vào tôi. Tôi nhảy tránh ra, đồng thời chặn chân hắn lại làm hắn ngã sấp vào cái tháp.

Nếu là người khác thì chỉ một cái té đó cũng đủ bất tỉnh luôn. Thế nhưng nhờ có sức khỏe như voi, hắn lại gượng đứng được. Hắn từ từ xoay người lại, một con dao nhọn và dài đang nằm trong tay hắn. Hắn đã lấy con dao cài ở giày ống ra trong lúc té sấp. Bây giờ, hắn và con dao vũng phóng lói.

Nguy hiểm vô cùng! Với một kẻ chơi dao nhà nghề như hắn mà đương đầu lại thì cầm bằng như tự sát. Không một giây chậm trễ, tôi vọt bắn người ra sau. Watzek đuổi theo. Rất may là hắn không nhanh nhẹn như tôi. Tôi kêu lớn:

- Điên rồi hả? Bộ muốn bị tử hình sao?

Watzek thở hổn hển:

- Tao sẽ cho mày chết... mày dám lấy vợ tao mày... phải đồ ra...

À, thì ra thế. Hắn cho là tôi đã dụ dỗ Lisa.

- Watzek. bạn sẽ bị tử hình...

- Tử hình mẹ mày! Tao phải thiên mày mới được, muốn ra sao thì ra.

Chúng tôi chạy vòng tròn quanh cái tháp đen. Tôi không kịp nghĩ tới kêu cứu bởi tất cả xảy ra quá mau. Và lại, nếu có kêu chắc cũng chưa có ai dám cứu? Vừa thở hồng hộc tôi vừa cố hét lớn:

- Walzek, bạn làm rồi! Vợ bạn thì có ra quái gì với tôi!

- Vậy mà mày ngủ với nó!

Cuộc chạy đua với tử thần tiếp diễn, xoay bên phải trở bên trái. Chân mang giày ống nên Watzek không xoa xỏ được nhanh.

Khốn nạn! Georges đâu rồi? Chỉ trong vài phút nữa là tôi sẽ giã chết dưới cái đài tưởng niệm này, chết thay hấn trong khi hấn đang ôm ấp Lisa.

- Sao bạn không hỏi lại Lisa, đồ ngu!

- Tao moi ruột mày ra, đồ đê tiện!

Tôi sợ hãi nhìn quanh để xem ra có vật gì làm vũ khí. Chẳng có gì cả. Trước khi có đủ thì giờ nhắc một tấm lên tôi đã bị chém đứt cổ rồi.

Tôi chợt thấy một viên cẩm thạch lớn bằng nắm tay đang phản chiếu ánh đèn, nằm trên bệ cửa sổ. Tôi chụp lấy hòn đá, tiếp tục nhảy nhót để nhắm thật trúng vào hấn. Hòn đá bay vụt ra, đập mạnh vào phía bên mắt phải. Máu tuôn xối xả khiến hấn chỉ còn nhìn thấy một bên.

Tôi lại rống to:

- Watzek, bạn làm rồi. Không bao giờ tôi làm chuyện, xin thề có trời!

Watzek đã chậm lại nhưng còn nguy hiểm:

- À, mày phản bội một chiến hữu. Nhục nhã quá!

Hấn lại phóng lới. Tôi nhảy sang một bên, cúi xuống lượm hòn đá lúc nãy, ném mau ra. Nhưng hòn đá không trúng đích bay vèo vào khóm tử đinh hương.

- Vợ bạn không đáng một xu, ai thèm tới. Hiểu chưa, đồ ngốc!

Gã đồ tể lặng thinh, tiếp tục đuổi bắt. Tôi cố chạy ở phía con mắt bị thương của hắn để hắn không nhìn rõ. Rồi thừa lúc hắn bắt ngờ tôi phóng nhanh một đá và cũng ngay lúc đó, con dao của hắn trúng vào đế giày tôi. Tuy thế ngọn đá lần này tỏ ra hữu hiệu. Watzek dừng sững lại, tay buông thõng, máu mặt đổ ròng.

Tôi chỉ tay vào mặt hắn:

- Nghe đây, không được cử động. Ngưng chiến một phút. Sau đó bạn cứ việc phản công và tôi cứ việc đập bẻ con mắt còn lại.

Tôi vừa nói vừa quắc mắt nhìn thẳng vào mặt hắn như thôi miên. Tôi đã đọc một cuốn sách nói về thuật thôi miên. Tôi nói gần từng tiếng một cho chữ chui tọt vào óc hắn:

- Tôi... không... hề... dính... líu... tới... vợ... bạn.

Và tôi nói tiếp thật mau:

- Vợ bạn chẳng ăn nhằm gì tới thằng này cả. Khoan! Đứng yên! Thằng này cũng có vợ mà!

Watzek gầm lên:

- Vậy mới càng gớm ghiếc hơn, quân dân đấng.

Hắn lại làm li tán công. Vì cố rút ngắn đường để chặn tôi, hắn vấp phải bệ đá và lão đảo. Tôi thừa dịp phóng mũi giày vào xương ống chân. Mặc dầu nhờ đôi ủng nhưng hắn vẫn đau đớn nên dừng lại, nhưng con dao vẫn còn ở trong tay.

Tôi lại dùng giọng của một nhà thôi miên:

- Nghe đây, đồ ngu như lừa. Thằng này đang si tình một thiếu nữ. Chờ đó, thằng này sẽ cho bạn coi hình.

Watzek vẫn lặng thinh múa dao. Chúng tôi lại chạy vòng tròn quanh cái tháp đen. Trong lúc chạy, tôi móc lấy tấm ảnh của Gerda tặng làm kỷ niệm. Vì quá vội nên khi rút được tấm ảnh từ trong bóp ra tôi đã làm rơi luôn mấy tí Đức kim vung vãi trên mặt đất.

Tôi dừng lại cách khoảng đầy đủ để chìa tấm ảnh ra mà không sợ bị hấn nắm tay.

- Đây, xem đi! Có phải vợ bạn đó không?

Hấn ngoẹo đầu cố nhìn với con mắt không đồ máu. Tôi đặt Gerda lên bệ đá:

- Đó coi đi! Coi kỹ có phải là vợ bạn không?

Watzek nhóm tới, toan chụp lấy tay tôi. Tôi phóng lùi ra:

- Đồ ngu! Coi đi! Có một người đẹp như vậy thì Lisa của bạn có nghĩa lý gì.

Không ngờ, đòn tâm lý hạng bét đó lại có hiệu quả. Gã đồ tể quan sát thật kỹ tấm hình Gerda rồi tiu nghỉu.

- Nhưng chắc chắn là phải có một thằng nào đó ngủ với nó.

- Đừng nhảm! Vợ bạn đang hoang ít ai bằng.

- Vậy nó làm gì ở đây mỗi đêm?

- Ở đâu?

- Ở đây.

- Bạn chẳng biết gì cả. Có thể là vợ bạn qua bên này mượn điện thoại. Tại sao không? Đàn bà họ thích nói chuyện bằng điện thoại nhất là khi ở nhà chỉ có một mình. Muốn vợ đứng đi thì sao không sắm điện thoại riêng?

- Nhưng ban đêm nó cũng ở đây.

Chúng tôi đứng đối diện nhau, cách khoảng bởi cái tháp đen.

- Mới đây thì có, nhưng hôm đó là vì có chuyện lão Knopf say gần chết làm cả xóm náo loạn lên. Vợ bạn chỉ có mặt mấy phút rồi về. Ngoài ra bạn cũng biết là vợ làm cho Moulin Rouge kia mà.

- Nó nói vậy, nhưng...

Con dao chúi mũi có vẻ không nguy hiểm mấy. Tôi khom xuống lấy tấm ảnh Gerda lên và đi vòng tới gần Watzek:

- Bây giờ, bạn có thể lột da tôi như lột da ngựa, nếu bạn muốn. Nhưng tốt hơn hết là nên nói chuyện đàng hoàng giữa đàn ông với nhau. Bạn muốn gì? Muốn đâm lột kẻ vô tội thì cứ làm đi.

- Không... nhưng mà...

Bây giờ hơi tỉnh táo, tôi đã biết là kẻ nào đã đâm thọt với hấn. Ngoài mẹ góa chồng Konersmann ra chẳng còn ai. Có điều tôi thậm hãnh diện là mẹ đã coi tôi như một gã có số đào hoa.

- Watzek, nếu bạn biết hiện thời đầu óc tôi còn để ở đâu, chắc bạn phải xấu hổ ghê gớm vì đã nghĩ bậy.

Hấn liếc nhìn tấm ảnh với hàng chữ “Trao Louis để nhớ mỗi tình đẹp của chúng mình. Gerda”.

Chỉ còn có một mắt, chẳng biết hấn có thấy được không?

- Con bé này hơi giống với vợ bò, cũng một tầm vóc. Có phải vợ bạn có một cái áo choàng màu rỉ sét không?

- Có... nhưng mà...

- Con bé của tôi cũng có một cái giống như vậy. Ở tiệm Max Klein ngoài đại lộ, áo choàng đủ cỡ. Thời trang mà. Chắc bà già Konersmann mắt quáng gà. Bạn thấy rõ rồi chứ?

Thật ra mắt của mẹ Konersmann còn tinh hơn loài chim cắt. Nhưng một anh chồng bị cấm sừng có thể tin bất cứ điều gì nếu anh ta muốn tin. Tôi nói tiếp:

- Bà ta lẫn lộn giữa hai người. Con bé của tôi có đến đây mấy lần. Đó quyền của cô ta, phải không?

Tôi làm mọi cách để giản dị hóa sự việc. Nghĩa là tôi hướng dẫn để hấn trả lời có hoặc không. Hay, nếu muốn thì hấn chỉ có thể trả lời bằng động tác của đầu.

- Tốt! Vậy là bạn biết điều! Còn tôi thì suýt bị ám sát.

Walzek buông mình ngồi lên bệ tháp:

- Nhưng bồ có vừa gì đâu, bồ nhìn tôi xem.

- Con mắt vẫn còn mà.

Watzek đưa tay sờ những vết máu bắt đầu khô lại. Tôi làm ra điều lo ngại dùm hấn:

- Bồ mà còn chơi dao như thế là có ngày tù rục xương.

- Thây kệ, tánh tôi là vậy.

- Vậy sao không tự đâm lấy để khỏi phiền phức?

- Chiến hữu, bạn không biết đâu. Tôi đã nhiều lần nghĩ tới chuyện đó rồi. Tôi yêu nó tới điên lên, còn nó thì cứ coi như tôi là không có.

Tôi bỗng cảm thấy xúc động và cũng buông mình ngồi bên hấn. Hấn buồn thảm kể lể:

- Đó là tại nghề nghiệp. Mùi máu tanh làm nó chịu không nổi. Phải giết ngựa suốt đêm, biết làm sao?

- Bạn không có một bộ khác để thay thế khi ra khỏi lò sát sinh sao?

- Không dễ đâu. Mùi hôi vẫn tiết ra.

- Thì tắm rửa thật kỹ.

- Tắm ở đâu? Ở phòng tắm công cộng. Tất cả đều đóng cửa vào giờ đó. Sáu giờ sáng, ai mở cửa cho?

- Bộ trong chỗ bạn làm việc không có phòng tắm à?

Watzek lắc đầu:

- Chỉ có những ống nước để gội rửa sân nhà. Trời lạnh thế này, tắm bằng ống nước đó chịu sao nổi?

Tôi đã hiểu ra. Nước máy vào giữa tháng Mười một nhất định là không tắm nổi. Họa may chỉ có Karl Brill.

- Có bao giờ bạn nghĩ tới chuyện đổi nghề không?

- Tôi có biết nghề nào khác nữa đâu?

- Hay làm nghề lái ngựa? Tôi thấy bạn có khiếu về ngựa lắm.

Gã đồ tể ngồi lặng thinh, đầu gục xuống. Chúng tôi ngồi như thế rất lâu, chẳng biết nói gì. Và lại chuyện của hắn thì có liên quan gì tới tôi? Nhưng cuối cùng tôi thấy vẫn phải nói:

- Bạn nên đổi nghề khác đi. Nghề giết ngựa kiếm ăn có được không?

- Không tệ lắm.

- Vậy cũng tốt. Cứ hai ngày ra tắm ở thành phố một lần rồi thay đồ mới vào. Vài cái sơ-mi, một hai cà-vạt. Bạn có thể sắm được chứ?

Watzek suy nghĩ khá lâu trước khi hỏi lại:

- Bạn có tin làm như vậy có hiệu quả tốt không?

Tôi nghĩ lối cái đê bị bà mẹ của Terhoven quan sát:

- Mặc một bộ đồ mới bao giờ cũng cảm thấy tự tin hơn. Chính tôi đã từng có kinh nghiệm đó.

- Thật hả?

- Rất thật.

Walzek nhìn tôi với đôi chút thích thú:

- Nhưng mà...theo tôi thấy thì bồ có ăn mặc gọn ghẽ gì đâu, vậy mà vẫn có được...

- Cái đó còn tùy.

Watzek ngáp dài:

- Bây giờ chúng mình lại là anh em với nhau. Thật là khó tin.

- Chẳng phải là chuyện khó tin đâu. Tôi có đọc một cuốn sách nào đó, người ta bảo rằng đàn ông đều là anh em với nhau. Nhưng khi nhìn quanh, đôi khi không thể tự hỏi, nói như thế có quá đáng hay không?

Watzek cười:

- Tôi vẫn thấy là khó tin nhưng nó lại có thật vì hai đứa mình suýt cắt cổ nhau.

- Giữa anh em với nhau, chuyện đó cũng rất thường xảy ra.

Gã đồ tể đứng dậy:

- Mai tôi sẽ ra thành phố tám - Hấn đưa tay sờ vết thương - tôi muốn sắm một bộ quân phục. Ở Munich, người ta đã bắt đầu mặc quân phục.

- Theo tôi thì nên sắm thường phục cho đẹp là hơn. Quân phục không có tương lai.

- Cám ơn. Có lẽ tôi phải sắm cả hai. Đừng giận nghe chiến hữu. Mai, tôi sẽ tặng bồ một khúc dồi ngựa thật ngon.

Georges lại triết lý vật:

- Người bị cạm sừng cũng giống như một con thú để ăn thịt, một con gà hay con thỏ chẳng hạn. Nếu mình không biết nó nuôi ở đâu mình vẫn thân nhiên nhai nuốt. Nhưng nếu mình sống chung với nó, mình nuôi nấng, săn sóc nó thì phải can đảm lắm mới có thể nấu chín hay quay nó để ăn. Kết luận: nên tránh xa những anh chàng bị cạm sừng.

Tôi chỉ tay về phía chiếc bàn có một khúc dồi ngựa no tròn đang nằm giữa những viên đá mẫu.

Georges hỏi tôi:

- Chú dám ăn không?

- Sao không? Lúc tham chiến ở Pháp tôi còn ăn nhiều thứ lệt hại hơn. Nhưng đừng đi lạc đề. Đó là món quà của Watzek. Tôi đang đứng trước một sự lựa chọn tàn nhẫn.

- Dường như chú rất thích thú trong những hoàn cảnh bi thảm?

- Tôi không chối cãi điều đó. Nhưng ít ra tôi cũng đã cứu mạng anh. Mụ Konersmann thế nào rồi cũng tăng cường công cuộc điều tra. Tốt hơn là anh nên bỏ Lisa. Có đáng gì đâu.

Georges lại tủ kiếng lấy một miếng xì gà Ba Tư.

- Watzek đã kể chú là anh em, có phải vì vậy mà lương tâm của chú chẳng được yên?

- Không. Hắn là người của Quốc Xã, không có vấn đề huynh đệ. Nhưng đừng ra ngoài đề chớ.

Georges thổi một hơi khói trắng vào mặt pho tượng nữ thánh Catherine bằng thạch cao.

- Lisa cũng lừa dối tôi như lừa dối chồng của nó. Vậy là chúng tôi cùng mọc một thứ sùng, đương nhiên là anh em với nhau. Anh em trong bất hạnh, nhưng cuối cùng...

- Anh mới khám phá ra?

- Không đâu, chú không thấy nó có hàng tá áo toàn thứ đắt tiền sao? Watzek thì nhất định không sắm nổi. Tôi không nhắm mắt đâu.

- Nghĩa là?

- Nó đã thú nhận với tôi mặc dù tôi không hỏi tới. Nó muốn chuyện đâu ra đấy. Cũng thành thật đó chứ.

- Còn anh thì anh phản bội ả bằng cách nằm mộng với các cô đào trong tạp chí.

- Dĩ nhiên! Nghĩ cho cùng thì lừa dối nghĩa là gì? Tình cảm không một chút liên hệ tới đạo đức. Lisa dối... đó chỉ là ngôn ngữ tầm thường để chỉ bất bình vi diệu, cuộc tìm kiếm sự mỹ hảo, luôn luôn, luôn luôn...

- Khoan đã! Làm ơn nhìn xem! Anh chàng thấp bé nhưng vạm vỡ trên đầu có buồm, đang đi ngoài kia là đồ tể Watzek. Hắn vừa tắm xong vừa mới hót tóc và có lẽ còn ngợp mùi nước hoa. Hắn muốn làm vừa lòng vợ hắn. Có đáng cảm động chưa?

- Cảm động chớ. Nhưng chắc chắn là hắn thất bại.

- Nhưng tại sao ả chịu lấy hắn?

- Chiến tranh! Nó không có gì ăn trong khi hắn có thể cung cấp đầy đủ thịt tươi.

- Và tại sao ả không ly dị?

- Vì hắn dọa sẽ giết cả nhà.

- Lisa nói hết với anh à?

- Đúng vậy.

- Chúa ơi! Vậy mà anh vẫn tin?

Georges thổi một vòng khói tròn trịa:

- Chừng nào chú trở thành một thằng già vô liêm sỉ như tôi, chú sẽ thấy.

- Rồi anh làm thế nào để dàn xếp giữa con dao của Watzek và cặp mắt mèo rùng của mẹ Konersmann?

- Đúng ra thì phiền phức vô cùng. Nhưng có điều Watzek là thằng ngu. Từ ngày bị cạm sừng cuộc sống của hắn đẹp ra. Tự nhiên là Lisa phải tỏ ra ngoan ngoãn và dịu dàng hơn. Và chú thấy nó sẽ biến thành gấu cái ngay nếu nó vẫn trung thành. Thôi, mình ăn đi. Vấn đề này còn có thể thảo luận cho tới tối.

Vừa thấy chúng tôi, Edouard Knoblock như bị trúng phong. Hối suất đô-la đã lên gần một ngàn tỉ vậy mà chúng tôi dường như hãy còn một số phiếu cổ phần vô tận. Hắn chân đứng ngay:

- Bộ các người in lấy, hả?

Georger lên giọng:

- Cho một chai Forster sau bữa ăn?

Edouard như người thấy một quỷ kế:

- Sao? Tại sao sau bữa ăn? Trò gì nữa đây?

Tôi chêm vào:

- Cần phải có rượu chát mới tiêu hóa nổi những món ăn quá lẽ luôn mấy tuần nay.

Mặt Edouard tím lại:

- Ăn bằng phiếu của mùa Đông năm trước, chỉ đáng có bảy ngàn Marks, đã không biết xấu mà còn chỉ trích. Vậy là quá rồi! Phải mời cảnh sát tới.

- Mời đi! Chỉ thêm một tiếng nữa là bọn này ăn xong rồi tới Hohenzollern mua rượu ở đó.

Edouard đành nhượng bộ vì dầu sao ít ra hắn cũng còn bán được rượu cho chúng tôi.

Chúng tôi ngồi nhìn gian phòng trong khi chờ đợi. Tôi liếc trộm để xem Gerda có mặt ở đây không nhưng chẳng tìm thấy. Bỗng một bộ mặt quen thuộc đang đi tới chỗ chúng tôi.

Riesenfield chào chúng tôi. Georges tường thuật ngay vụ Watzek đánh ghen:

- Ông tới vừa đúng lúc để chúng tỏ sự biết ơn. Nhà tư tưởng oắt con của chúng ta vừa mở một trận quyết đấu thay mặt cho ông. Song đấu theo kiểu Mỹ: đá cầm thạch chống dao găm.

- Thật không? - Hắn gọi một chai bia rồi hỏi tiếp - Chuyện ra sao?

- Walzek, chồng của Lisa mà ông đã tấn công bằng hoa, nghi ngờ bạn nhỏ này là tác giả. Hắn phục kích bằng dao.

Riesenfield hỏi cộc lốc:

- Bị thương?

- Chỉ hư đế giày. Watzek bị thương nhẹ.

- Định giờ trò gì nữa đây?

- Không. Chuyện thật trăm phần trăm.

Bỗng nhiên Riesenfield lên giọng kẻ cả:

- Hắn phải đi khỏi chỗ này.

Tôi vênh tai:

- Ai? Watzek hả?

- Không. Cậu.

- Tôi à? Tại sao không phải là ông? Hay là cả ông và hấn?

- Watzek thế nào rồi cũng ra tay lần nữa. Cậu là nạn nhân chỉ định. Hấn không để ý tôi và Georges, nội cái đầu hói của bọn này cũng đủ bảo đảm phần đạo đức. Hiểu chưa?

- Chưa.

- Muốn đặt điều kiện?

- Nhưng không phải vì vụ Lisa.

Riesenfield nhấn mạnh:

- Tôi nói về chuyện điều kiện. Cậu có thích làm dân hạ tiện của một thành phố lớn không?

- A? Trong thành phố lớn của ông, chắc người ta không nuôi heo bằng nước lạnh.

- Nếu có chỗ làm trong một nhật báo, cậu nghĩ sao? Ở Bá Linh.. Dĩ nhiên là lúc đầu lương bổng chẳng bao nhiêu nhưng vừa đủ để nổi lên mặt nước. Sau đó thì tự xoay xở lấy.

Tôi tưởng như nghệt thờ:

- Rồi sao? Cậu hay hỏi tôi xem có việc gì giúp được không. Cậu cũng biết Riesenfield này giao dịch rất nhiều. Bây giờ giúp cậu. Và nghe đây bắt đầu làm từ 1 tháng 1 - 1924. Một công việc nho nhỏ ở Bá Linh. Bằng lòng chưa?

Georges vội vàng can thiệp:

- Không được. Hấn còn một hợp đồng năm năm.

- Vậy là càng nên đi sớm. Đồng ý?

Georges hỏi:

- Lương bao nhiêu?

- Hai trăm Marks.

Tôi trợn mắt:

- Bộ bọn ăn mày chết hết rồi sao? Tiền lương chết giấc đó vẫn tồn tại à?

Risenfield vẫn lạnh lùng:

- Đã bắt đầu trở lại.

- Thật à? Ở đâu? Ở Tân Tây Lan?

- Ngay trên nước Đức yêu quý của chúng ta. Tiền lúa mạch. Các người chưa hay biết gì sao?

Tôi và Georges sững sờ nhìn nhau. Gần đây có tin đồn là một loại tiền mới sắp được lưu hành. Trị giá của một Đức kim mới được tính lương đương với một số lượng lúa mạch. Tuy nhiên, mấy lúc sau này, có quá nhiều tin đồn đến mức không biết tin vào đâu nữa.

Riesenfield quả quyết:

- Lần này là có thật. Nguồn tin riêng của tôi luôn luôn không sai chạy. Đồng Đức Kim lúa mạch sẽ trở thành đồng Đức kim vàng. Chính phủ đang ráo riết vận động.

- Chính phủ? Thì cũng chính chính phủ gây ra nạn lạm phát

- Nhưng tất cả đều đã qua rồi. Nước Đức không còn thiếu nợ nữa. Một ngàn tỉ Đức kim lạm phát sẽ trở thành một Đức kim vàng.

- Và đồng Marks vàng lại tới lượt nó bị mất giá, phải không? Và cuộc khiêu vũ lại tái diễn?

Riesenfield hớp một ngụm bia:

-Sao? chấp nhận hay từ chối?

Cả quán ăn dường như bỗng lặng trang. Tôi trả lời như gió thoảng:

- Chấp nhận.

Chính miệng mình nói ra nhưng tôi nghe như có kẻ nào đó nói thay. Tôi không dám nhìn qua Georges. Riesenfield khen:

- Vậy mới đúng là thức thời.

Những tấm thảm dưới chân tôi như đang bồng bồng trong một vùng biển vô hình. Rồi tôi nghe Georges gọi:

- Mang chai Forster trắng ra đây.

Tới lúc đó, tôi mới dám ngẩng đầu lên:

- Vậy là anh đã cứu giúp chúng tôi...

- Chúng tôi. Sao lại là chúng tôi?

Georges trả lời thay:

- Cuộc sống nào cũng có đôi chút liên hệ với vài người khác.

Tôi nhìn Georges với sự biết ơn. Tôi phản bội y bởi vì tôi chẳng còn cách nào hơn, và Georges đã hiểu rõ điều đó. Tôi nghĩ là phải nói một lời gì với Georges:

- Chừng đó, thỉnh thoảng anh lên thăm tôi và tôi sẽ giới thiệu cho anh các bà các cô cùng mấy cô đào màn ảnh.

Riesenfield quay sang tôi:

- Ôi chao! Chưa chi đã có đại chương trình. Rượu đâu? Tôi cũng vừa cứu giúp cậu.

Georges thở ra:

- Một ngày nào đó trong đời, bất cứ ai cũng có được một lần cứu giúp kẻ khác. Cũng như một ngày nào đó, mình bỗng trở thành kẻ sát nhân một cách vô ý thức.

Chai rượu đã được đặt lên bàn. Bỗng Edouard mặt xanh như lá, quỳnh quáng đi mau tới:

- Cho tôi một ly.

Tôi khoát tay.

- Đi chỗ khác. Bọn này vẫn uống được không cần có mặt bạn.

- Các bạn đừng hiểu lầm. Tôi trả tiền chai rượu này. Cho tôi một ly. Tôi cần phải uống...

Giọng hấn gằn như rên rỉ nhưng chúng tôi không để ý:

- Bạn giành trả tiền hả? Suy nghĩ kỹ chưa?

Edouard thẫn thờ ngồi xuống:

- Tôi trả. Valentin chết rồi!

- Sao? Valentin bị gì?

- Tim. Vừa mới biết qua điện thoại.

Hấn vồ lấy ly rượu. Tôi nổi nóng:

- Được tin Valentin chết mà bạn còn nhậu được à? Sung sướng vì thoát nạn phải không?

- Không, ngàn lần không. Louis. Bạn biết là chính hấn đã cứu sống tôi.

Riesenfield sừng sốt:

- Cái gì? Ông bạn cũng được cứu sống?

- Vâng, chính tôi đây.

Riesenfield kêu lên:

- A! Chúng ta toàn là những cứu tinh cả hay sao?

Georges thở dài:

- Đó là dấu hiệu của thời đại. Trong những năm sau này, rất nhiều người được cứu. Và cũng rất nhiều người gục ngã.

Tôi nhìn chăm chú Edouard. Mắt hắn ươn ướt, nhưng với một người như hắn thì khó biết chắc được gì.

- Không tin được. Bạn vẫn thường mong Valentin chết để khỏi tổn rọu.

- Tôi thề với bạn là không hề có chuyện đó.

- Nói cho có vậy thôi trong thâm tâm không bao giờ nghĩ thế - Những giọt nước mắt lăn dài trên má - chính hắn đã cứu mạng tôi.

Riesenfield uể oải đứng lên:

- Thôi, đủ lắm rồi. Kroll, chiều nay có ở văn phòng không?

Georges nhún vai:

- Điều quan trọng là ông đừng gửi hoa cho Lisa nữa.

Riesenfield gật đầu bỏ đi, mặt vẫn lạnh lùng.

Môi Edouard run run:

- Mình uống một ly để tưởng niệm Valentin. Thật là khó tin! Đánh giặc, hắn chẳng sao, vậy mà bỗng nhiên lăn ra chết.

Tôi vỗ vai Edouard:

- Nếu bạn thương Valentin thật thì hãy chứng tỏ bằng hành động. Mang ra đây chai rượu mà hắn thường đòi hỏi.

- Johannisberg, được lắm.

Hắn đứng lên ngay và đi thẳng tới quầy rượu.

Georges gật gù:

- Chắc là buồn thật.

- Rất buồn nhưng cũng hết sức nhẹ người.

- Tôi cũng định bảo thế...

- Tóm lại, tâm trạng hiện thời của hắn là sững sốt trước một tin bất ngờ.

Bỗng Georges quyết định:

- Mình nên rời khỏi đây. Cứ để cho Edouard khóc bạn bằng chính rượu của hắn.

Tôi men dài bờ tường trong bóng tối, lấm bầm như người điên:

“Em, người em hiền dịu và man dại, vết thương của anh và bó mimosa, yêu em, anh muốn điên! Có ai thử nhốt gió chưa? Rồi còn lại những gì? Một chút hơi tù hãm. Em hãy đi lấy đường em, hãy tìm vui trong rạp hát, trong những buổi hòa nhạc, hãy lấy chồng sĩ quan trừ bị, giám đốc ngân hàng, một kẻ chiến thắng lạm phát. Hãy đi đi tuổi trẻ, hãy lên đường cánh buồm xanh. Đi đi, Isabelle! Đi đi tuổi trẻ trẻ muộn của tôi được giành giật lại từ bàn tay chiến tranh, cả hai, hãy đi đi, và tôi nữa, tôi cũng sẽ đi. Chẳng có gì phiền trách nhau, mỗi người một con đường... Sự chết chóc luôn luôn mạnh hơn tất cả, không một ai có thể lừa dối nó. Vĩnh biệt! Chúng ta chết mỗi ngày, chúng ta cũng sống mỗi ngày thêm một ít, em đã nói và anh cũng chẳng quên, và kẻ nào không muốn ôm đồm sẽ có được tất cả. Vĩnh biệt, anh hôn em bằng đôi môi lạnh, anh ôm em trong vòng tay - những cánh tay không hề biết giữ lại - chúc em may mắn, chúc em mạnh khỏe, em vẫn cứ mãi ở trong anh...”

Tôi ngồi trên ghế dài trong vườn cây với một chai rượu mạnh trong tay, nhìn bao

quát cả khu trại điên.

Trong túi tôi, một ngân phiếu đang nằm đó: ba mươi quan Thụy Sĩ. Những phép lạ nối tiếp nhau. Một tờ báo Zurich mà cách đây hai năm tôi đã gửi tới tấp rất nhiều bài thơ, vừa chọn đăng được một và gửi trả tiền nhuận bút bằng ngân phiếu. Tôi đã tới thẳng ngân hàng người ta cho biết không phải ngân phiếu giả. Một nhân viên ở đó đề nghị tôi đổi ra Đức kim theo thị trường đen. Không. Mảnh giấy quý giá đó đang nằm trong túi áo, cạnh trái tim. Nếu nó tới sớm hơn có lẽ tôi đã dùng nó để sắm một bộ quần áo mới làm dáng với mẹ con bà Terhoven. Mặc! Gió lạnh nổi lên, tờ ngân phiếu phập phều trong túi áo. Tôi ngồi với một bộ lễ phục trong tưởng tượng, với đôi giày da hoẵng mà Karl Brill hứa đóng cho, với một khăn tay ló ra từ miệng túi. Tôi là một nhà tư bản đang du lịch, cả Moulin Rouge thuộc về tôi, một cái vẫy tay và một chai sâm banh mang tới... và tôi uống, tựa người vào bờ tường xám, phía sau tôi là một lũ oan hồn: Isabelle, tuổi trẻ của anh, mẹ, em, Bodendick - Đại diện nhà trời - Wernicke - vị chủ tể của luận lý -... và xa xa là bóng dáng quý quái của chiến tranh.

Trước mặt tôi là một tòa nhà, viện bảo sanh. Lần đầu tiên tôi nhận ra nó ở gần khu trại người điên. Đó là nơi tôi được sanh ra và tôi gần như quên mất. Chào mi, ngôi nhà thân mến, nơi sanh sản của con người. Người ta đã đưa mẹ ta đến với mi, gia đình ta nghèo lắm và mi đã chấp nhận hoàn toàn miễn phí. Xin chào người! Kiến trúc sư xa lạ đã xây dựng tòa nhà sanh để ấy lên, bên cạnh nhà thương điên. Có lẽ người không nhận ra sự kỳ dị đó bởi vì những điều buồn cười nhất lại thường được thực hiện bởi những người nghiêm trang nhất. Tóm lại xin hoan hô lý lẽ nhưng đừng quá tin vào nó. Em. Isabelle em đã tìm thấy được rồi, và Wernicke, ông ấy có quyền xoa tay.

Chai rượu cạn. Tôi cố ném thật xa. Nó rơi phịch trên mảnh đất cày. Tôi đứng dậy. Tôi tự biết đã thấm rượu và cần phải tới Moulin Rouge. Riesenfield hứa đãi một châu để tiễn tôi lên đường và để nhớ công những kẻ đã cứu người. Georges sẽ có mặt ở đó với Lisa. Chúng tôi phải ăn mừng lạm phát ra đi.

Chúng tôi ra khỏi đường lớn vào lúc đã quá khuya như một lũ say. Ánh đèn soi mà nhạt. Chúng tôi đã chôn vùi năm cũ hơi sớm một tí. Willy và Renée de la Tourterelle bất ngờ nhập bọn. Willy và Riesenfield ngay sau đó đã tranh luận vô cùng sôi nổi. Riesenfield quả quyết là sắp có đồng Đức kim lúa mạch... Willy thì tuyên bố là trong trường hợp đó hẳn sẽ bị phá sản. Renée theo dõi câu chuyện, lặng thinh nhưng e ngại.

Xuyên qua bóng đêm và màn gió, bọn tôi chợt thấy một đám đông đang tiến tới.  
Tôi bảo nhỏ Georges:

- Bảo các bà tránh ra. Chắc chắn không tránh được ầu ẩu.

- Đồng ý.

Chúng tôi đang ở gần khu chợ mới. Georges bảo Lisa:

- Nếu thấy có chuyện xảy ra thì chạy ngay tới quán Matz, gọi ban hợp ca của Bodo tới mau tăng viện.

Và quay sang Riesenfield:

- Còn ông, cứ làm như không quen biết bọn này.

Willy cũng lo cho Renée:

- Em cũng tránh ra xa, càng xa càng tốt.

Đám đông đã tới gần. Bọn du đãng đều mang giày ống, có lẽ chúng nuôi tiếc cái thờ của những nhà ái quốc Đức. Trừ một vài đứa, tất cả đều ở khoảng mười tám hoặc hai mươi tuổi.

Một tên trong bọn hô lớn:

- Thằng tóc đỏ, tụi bây! Và cái đầu lợn da mông!

Dầu trời tối, chúng vẫn nhận ra ngay cái mớ tóc đỏ của Willy và cái đầu sói của Georges. Một tên khác ra lệnh:

- Nhào tới!

Georges hét:

- Lisa, chạy!

Gót giày của ả khua cồm cộp. Một tên tóc vàng vừa đeo kính vừa đuổi theo, vừa

hồ lớn:

- Nó kêu cảnh sát.

Willy ngáng chân. Tên tóc vàng lăn kênh. Thế là trận chiến mở màn.

Bọn tôi có năm người, không kể Riesenfeld. Đứng ra thì chỉ có bốn người rưỡi và Hermann Lotz, một chiến hữu, đã cụt mất tay trái. Nó đến với chúng tôi, cùng đi có anh chàng Kohler nhỏ bé.

Tôi kêu to:

- Hermann coi chừng ngã. Cứ đứng ở giữa. Kohler, nếu có té thì cản bọn nó.

Georges chỉ huy:

- Bảo vệ phía sau!

Lệnh ra rất đúng nhưng lúc đó phía sau chúng tôi là một dãy cửa kính của cửa hiệu thời trang Max Klein. Nước Đức ái quốc bắt đầu xung phong!

Chúng tôi siết chặt hàng ngũ. Nhờ ánh đèn từ phía sau, chúng tôi thấy rõ địch thủ hơn. Tôi nhận ra tên cầm đầu đã từng toan hành hung bọn tôi ở quán Trung Ương. Tôi gọi hắn:

- Nhào vô, con!

Hắn nhìn bọn cận vệ. Ba tên từ từ bước ra. Quả đấm của Willy phóng ra trúng đầu của tên tới trước. Nó ngã quy trên thềm đường. Tên thứ hai quất trúng vào tay tôi một dùi cui. Tôi cố chụp lấy cây gậy cao su của nó nhưng không được. Willy vừa thoáng thấy, nhảy bổ vào, bẻ vai. Cái dùi cui rơi xuống. Willy toan lượm lên thì bị tổng lật ngửa ra.

Tôi hét lớn:

- Kohler, lượm cây ma-trắc!

Đội hình chiến đấu của chúng tôi bắt đầu rối loạn. Tôi bị hất tung vào cửa kính. Khung cửa rung chuyển nhưng may mắn là không bể kính. Nhiều cửa sổ quanh

đó mở ra. Phía sau, những hình nộm bằng gỗ ăn mặc theo thời trang Max Klein lạng lẽ theo dõi cuộc chiến.

Một tên mặt mụn cao lớn bầu vào cổ họng tôi. Mùi cá mòi và rượu bia xông ra, đầu hấn kề sát khiến tôi có cảm tưởng là hấn định hôn mình. Tay trái còn bị tê điếng bởi cú đùi cui, tôi dùng ngón cái tay phải định bấm vào mắt hấn. Nhưng vì cả hai cái đầu đang chạm sát vào nhau, món móc mắt trở thành vô dụng.

Và, đúng vào lúc sắp lặn đùng vì nghẹt thở, tôi bỗng mơ hồ thấy như một đóa hoa vừa nhô ra khỏi đầu hấn, đồng thời mắt hấn trợn dọc lên và những ngón tay từ từ rời lỏng ra... Có tiếng đổ loảng xoảng của một bình hoa vỡ... vừa lấy đủ không khí vào buồng phổi tôi lung cả đầu vào cầm khiến hấn quy ngay. Một chi tiết lạ kỳ: bình hoa ném từ cửa sổ xuống ngay đầu gã, vỡ toang ra nhưng những cánh bông còn vương trên tóc hấn. Tôi không hiểu tại sao đầu hấn chẳng nứt tung ra, chắc được làm bằng thép “La Ruhr”. Bởi thế, tuy ngã quy nhưng hấn không bất tỉnh và trận chiến tiếp diễn...

Cuối cùng, tôi quật ngã được hấn đồng thời cũng lãnh gọn một cú đánh lén, rụng rời cả chân tay.

Kẻ địch thắng thế lại có thêm quân tăng viện. Tôi bỗng thấy Hermann Loz đang quỳ gối. Hấn bảo nhỏ:

- Lấy giùm cánh tay tao ra...

Tôi giúp hấn lôi cánh tay giả ra. Cái phần thân thể nhân tạo này bằng kền, ngoài đầu có một bàn tay thép được bao da đen. Chính vì vậy mà Hermann có biệt danh: Lotz hiệp sĩ tay sắt. Hấn tháo rời cánh tay giả ra rồi cầm lấy bàn tay mặt và đứng lên. Tôi báo động cho phe mình:

- Dang ra! Lolz xuất hiện!

Georges và Willy lập tức tránh đường. Cú đầu tiên, Hermann nhắm đúng một tên đầu sỏ. Bọn du đảng kinh hoàng. Lúc này, Hermann giống y một lực sĩ tả xông hữu đột. Cánh tay sắt bay múa giữa đám người. Thỉnh thoảng hấn lại dùng bàn tay mang găng da tát một vài tên khó thương. Bây giờ đến lượt hấn chỉ huy:

- Chạy cả tới cầu tiêu. Tôi bọc hậu.

Bọn tôi chạy ủa về phòng vệ sinh công cộng ở khu chợ mới. Hermann chạy sau, thỉnh thoảng quay người lại, vung cánh tay sắt. Bọn mang giày ống kính hoảng tốt độ, có tên vừa thấy bàn tay mang bao da đen vút qua là kêu thét lên, hai tay ôm mặt.

Chúng tôi đã vào cả bên trong phòng tiêu nhưng để dễ dàng phòng thủ hơn, chúng tôi tràn sang chiếm chỗ dành cho các bà. Phía đàn ông quá trống trải, rất dễ bị tấn công, bên các bà có được vài cửa sổ nhỏ tiện lợi hơn.

Kẻ thù đuổi tới. Bọn chúng khoảng hai mươi đứa, đa số là những tên mới. Chúng cố phá thủng vị trí phòng thủ của tôi và Kokler.

Trong cơn hỗn loạn tôi chợt nhận thấy bên mình có quân tiếp viện. Và Riesenfield hiện ra với một cái cặp da cuộn tròn, bên trong có lẽ đã được dồn gạch đá. Một cái quơ tay của hắn, một tên Quốc Xã ngã quỵ. Trong khi đó, Renée dùng giày cao gót làm vũ khí phá vòng vây.

Tôi còn đang mê man theo dõi cuộc chiến ly kỳ bỗng một lên thừa cơ hút mạnh vào người. Tôi từ từ quy xuống nhưng vẫn còn đủ sáng suốt nhận thấy phần thắng lợi nghiêng về phe ta.

Tôi gượng đứng lên đồng thời chuẩn bị đón đỡ đòn thứ hai. Và chính ngay lúc đó, tôi bỗng chứng kiến một cảnh tượng oai hùng. Lisa, như một nữ chúa, đang oai vệ tiến tới, bên cạnh là Bodo Ledderhose và phía sau là cả một băng hợp ca của hắn. Bỗng một giọng ồm ồm vang lên như sấm:

- Đứng nghiêm!

Đó là sáng kiến của Renée. Một số lớn kẻ địch giựt nảy người. Và ca đoàn Bodo bắt đầu nhập trận.

Tôi lại gượng đứng lên. Tất cả đều im lặng. Bọn du đãng đã bỏ chạy mang theo những đồng bọn bị thương. Tôi mệt mỏi buông thõng:

- Thèm rượu rồi.

Bodo nói ngay:

- Được rồi, sẽ có ngay. Bây giờ thì rời khỏi chỗ này lập tức. Cảnh sát sắp tới.

Ngay lúc đó, một tiếng chát vang lên. Ngạc nhiên, chúng tôi cùng quay đầu lại. Lisa vừa đánh một người nào đó. Á lạnh lòng gằn giọng:

- Khôn kiếp! Mày lo cho vợ bằng cách đó hả?

Bóng người thều thào:

- Em... em...

Một tiếng nữa vang lên nhưng hơi đục. Chính Watzek! Hắn đang đứng đó, hai tay che đít.

Lisa tru tréo giữa khu chợ trống:

- Trời ơi! Chồng con như vậy đó!

Watzek vẫn im lìm. Máu từ vết thương cũ do tôi gây ra luôn xối xả. Tôi chỉ cái cặp da dòn đá và hỏi nhỏ

Riesenfield:

- Ông đánh hắn?

Riesenfield gật đầu và nhìn chăm chập về gã đồ tể:

- Dường như có gặp hắn ở đâu.

- Tại sao hắn ôm đít? Làm kỳ vậy?

- Bị ong chích.

Renée vừa trả lời vừa cài một cây kim nhọn vào nón.

Tôi đi tới chỗ Watzek:

- Sao! Bây giờ tôi mới biết chính bạn đã húc vào bụng tôi lúc nãy. Trả ơn bằng

cách đó hay sao?

Watzek xấu hổ:

- Trời ơi! Tôi có biết đó là bạn đâu.

Lisa đánh đá:

- Hấn thì còn biết tới ai!

Tôi nhận thấy Watzek xấu hổ thật sự. Và tôi cũng nhận thấy hấn đã cố thực hiện lời khuyên của tôi. Chiếc sơ mi trắng của hấn mới tinh. Nhưng hồi ơi, chính vì vậy mà máu đỏ thêm ra. Bất hạnh!

Lisa bảo chồng:

- Đi về, đồ khốn nạn!

Walzek lẳng lẳng đi theo. Georges giúp Hermann buộc lại cánh tay giả.

Bodo mời cả bọn:

- Về đằng tôi kiếm gì uống đi.

Chúng tôi rời nhà Bodo khi trời sắp sáng. Một gã bán báo đi qua. Riesenfield gọi lại mua một tờ. Ở trang nhứt, một hàng tít lớn nổi lên:

**Chấm dứt lạm phát.**

**Một ngàn tỷ ăn một Đức kim.**Riesenfield hỏi:

- Cậu thấy sao?

Tôi chỉ biết gật đầu trong khi Willy rên rỉ:

- Vậy là chết rồi, sạt nghiệp luôn...

Và hấn quay sang Renée:

- Em thấy không, mới được đó rồi mất đó. Tiền bạc có nghĩa gì...

Renée lạnh lùng:

- Có nghĩa lắm chớ, nhứt là khi thiếu hụt.

Georges cùng tôi ra đường Assomption. Tôi nói với y:

- Kê cũng lạ, Watzek bị tôi và Riesenfield đánh chớ không phải anh. Đáng lý là anh mới phải. Như vậy có vẻ tự nhiên hơn.

- Tự nhiên nhưng không được đúng lắm.

- Tại sao?

- Bởi vì người sói đầu như tôi không nên nói chuyện tay chân mà cần phải vận dụng sự khôn ngoan.

Chúng tôi đã về tới khu vườn. Những cây thánh giá trông xám xịt vào buổi sớm. Cô con gái nhỏ nhất của lão Knopf, mặt còn ngái ngủ ra đón chúng tôi.

- Ba tôi bảo với các ông là ba tôi đồng ý bán lại tấm bia với giá mười hai tỷ.

- Cô nói với ba cô là chúng tôi chỉ trả tám Đức kim thôi. Và nếu chấp thuận thì nên cho biết trước giữa trưa. Tiền bạc lúc này khó kiếm.

Từ buồng ngủ, lão Knopf thò đầu ra:

- Máy người nói gì?

- Tám Đức kim, thưa ông Knopf. Tối chiều là chỉ còn sáu thôi. Tiền đang tuột dốc. Khó tin lắm phải không?

- Vậy là tôi cứ giữ luôn. Bọn ăn cướp xác chết!

Và lão Knopf đóng sầm cửa lại.

Thi đoàn Werdenbruck tổ chức tiệc tiễn biệt tôi, tại nhà riêng của nhà hàng Walhalla. Các nhà thơ đều làm ra điều cảm động. Hungermann là người đầu tiên niếm nỡ:

- Bạn đã biết những bài thơ của tôi. Chính bạn đã nói, một phát hiện mới thời hậu chiến. Vượt xa Stéphan Georges.

Hắn nhìn tôi chờ xác nhận. Thật ra, không phải tôi nói thế mà thằng Bambuss. Tuy nhiên, đêm nay tôi không muốn làm phật lòng ai.

Bỗng nhiên hắn đòi đề tài:

- Ủa! Bộ đề mới này đào đâu ra?

Tôi làm vẻ khiêm nhượng:

- Mới sấm bữa nay... bằng tiền Thụy Sĩ. Đã chán ngáy các bộ đề nhà binh sửa lại. Hoan hô thường phục! Lạm phát chết rồi!

- Tiền Thụy Sĩ? Vậy là cung trở thành quốc tế rồi. Tiền ở đâu? Tiền của nhà báo?

Tôi gật đầu. Hắn bĩu môi:

- Vậy là đúng. Phần tôi, tôi không bao giờ làm thơ cho nhật báo. Chỉ muốn đăng trên các tạp chí văn nghệ thôi. Rất tiếc là phải bắt buộc bán cho Arthur Bauer một tập phát hành cách nay ba tháng. Thằng cha Bauer không điếu. Bạn có biết bán được bao nhiêu không? Không quá năm trăm tập.

Chính miệng Bauer đã nói với tôi là ấn hành không quá hai trăm tập, bán được hai mươi tám trong số có cả mười chín tập do Hungermann mua lấy. Và không phải chính hắn bị bắt buộc in mà với tư cách giáo sư Đức ngữ, hắn cho Bauer biết nếu không in, hắn sẽ giới thiệu một nhà sách khác cho học trò của hắn, nếu Bauer không chịu in.

- Chúng nào làm việc cho nhà báo, đừng quên bọn này. Tỉnh bạn luôn luôn là

nguồn cảm hứng của thi văn.

- Đúng lắm. Và cũng hiếm như tuyết tháng Năm.

- Tuyệt diệu! - Hấn rút một lập thơ ra - Đây, bạn giữ lấy làm kỷ niệm. Nhớ cho một bài giới thiệu rồi gửi về tôi hai số báo. Và nếu bạn quen với một nhà xuất bản nào kha khá... tôi còn một tập sắp hoàn thành.

- Được lắm.

Hấn bắt tay tôi và lay thật mạnh:

- Tôi biết là có thể tin cậy bạn. Còn bạn, chừng nào bạn cho anh em xem một cái gì?

- Tôi à? Bỏ làm thơ rồi.

- Sao? Sao vậy?

- Đang chờ thời. Bây giờ vấn đề cấp bách là tập quen với thế giới bên ngoài.

Hungermann gật gù ra vẻ thầy đời:

- Rất khôn ngoan. Nếu phần lớn những nhà văn đều có ý nghĩ như bạn và đề cho những người có chân tài không bị nghẽn lối...

Một tiếng đồng hồ sau, trong túi tôi đã có vô số những bản thảo thơ văn của nhiều người gửi mang đi Bá Linh. Đáng kể hơn cả là một lô thơ của Edouard khóc bạn...

... Tất cả những thứ đó bỗng như quá xa vời.

Xa vời như nạn lạm phát vừa chết cách nay hai tuần lễ, xa vời như tuổi trẻ mặc áo trận, xa vời như Isabelle.

Tôi đưa ra một quyết định chấn động:

- Các bạn, tôi xin rút lui khỏi thi đoàn.

Tất cả đều nhìn tôi. Hungermann phản đối:

- Không được. Bạn vẫn là đoàn viên thông tin của hội tại Bá Linh.
- Không, tôi xin từ chức hẳn.

Các nhà thơ im lặng một phút. Hungermann lo ngại:

- Bạn nói thật?
- Hoàn toàn đúng đắn.
- Được! Chúng tôi chấp nhận và chỉ định bạn làm hội viên danh dự.

Hungermann xoay người nhìn cử tọa. Mọi người cùng vỗ tay vang dậy. Tác giả tập *Casanova* hô lớn:

- Toàn thể đồng chấp nhận!
- Cảm ơn các bạn. Đó là một vinh dự lớn nhưng rất tiếc là tôi buộc lòng từ chối. Tôi đang có ý định chuyên hướng. Ước mong duy nhất của tôi là đừng bao giờ làm hội viên danh dự cho bất cứ một hội đoàn nào trên thế giới này, ngay cả cho nhà chứa điếm của thành phố chúng ta. Dẫu vậy...

Matthias Grund cầu nhàu:

- Sao lại so sánh kỳ vậy?

Hungermann nhượng bộ:

- Được rồi, đêm nay chúng mình nên chịu ý của y. Vậy bạn muốn được làm gì?
- Một tia lửa của cuộc đời không bao giờ muốn tắt.

Bambuss kêu lên:

- Chúa ơi! Dường như tôi đã đọc thấy ở đâu! Phải trong Euripide không?

- Rất có thể, Otto. Như vậy có vẻ thật hơn vì chính Euripide đã nói. Có điều là tôi không có ý định đem đề tài đó làm thơ. Tôi chỉ cố gắng được sống.

Hungermann tuyên bố:

- Câu này thì không có trong Euripide. Như vậy, bạn muốn...

- Đêm qua, tôi đã đốt một ngọn lửa. Một ngọn lửa tin vui. Các bạn còn nhớ quy tắc cũ mềm của bộ binh chớ gì: Hãy làm nhẹ túi đeo lưng!

Tất cả vỗ tay tán thưởng. Tôi nói với Edouard:

- Hiện thời tôi còn mười hai phiếu bầu phân. Bạn có đồng ý cho tôi đổi với hai chai Johannisberg không? Mình uống tại đây.

Edouard tính nhẩm thật mau. Có lẽ hẳn đã kê luôn cả tập thơ mà hẳn đã làm về cái chết của Valentin mà tôi sắp mang đi Bá Linh. Thế là hẳn đâm ra hào hiệp:

- Ba chai cũng được.

Tôi tới thăm Willy, hẳn đã rời khỏi căn nhà sang trọng và mượn một phòng trọ. Bất thần trở lại cảnh nghèo túng, nhà tỷ phú thời cuộc vẫn chịu đựng một cách dũng cảm. Hẳn còn cứu vãn được những bộ quần áo hợp thời trang, một số vật dụng bằng vàng và như thế hẳn còn tiếp tục sống khá giả được một thời gian. Chiếc xe hơi nệm đỏ dĩ nhiên là đã bán rồi.

Các bức tường trong phòng hẳn được dán đầy giấy bạc, tính ra còn rẻ hơn giấy hoa mà lại vui mắt hơn.

- Rồi mày định làm gì?

- Chắc phải xin làm ở ngân hàng Werdenbruck. Chắc mày biết Renée đang ở Magdebourg. Thành công lớn trong *Vert Cacatois*, nó vừa viết cho tao.

- Vẫn còn viết thơ à?

Willy làm một cử chỉ bao dung:

- Tất cả những chuyện đó không có gì đáng kể, Louis. Cũng như khi gặp nhau thì chào hỏi. Cũng như mây rời khỏi bọn tao để ra đi! Phần mây, xin chúc mây may mắn. Bây giờ mây muốn lấy gì cứ lấy.

Hắn mở va-li ra, đầy giấy chứng khoán và giấy bạc:

- Toàn bạc triệu và bạc tỷ. Như giấc mộng, đúng không?

- Đúng lắm!

Willy đưa tôi ra đường:

- Tao còn cứu được vài trăm đồng Mark. Tổ quốc thân yêu của mình vẫn chưa mất. Đồng quan của Pháp sắp nhảy nai. Mày có muốn hùn hạp chút đỉnh gì không?

- Không, Willy. Tao không có khiếu đầu tư.

Tôi ngồi một mình ở văn phòng. Đây là hôm cuối cùng, tối nay đã phải lên đường. Để giết thời giờ, tôi lật tập hình mẫu tìm một cái mộ bia để vẽ vào đó tên Watzek thay thế lời chia tay.

Chuông điện thoại reo. Một giọng khàn khàn hỏi:

- Phai cậu là Louis không? Thằng nhỏ hay bắt cóc nhái?

- Phải cũng được mà không phải cũng được. Ai ở đầu dây?

- Fritz.

- Ồ, Fritz! Louis đây. Có chuyện gì vậy? Thằng Otto...

- Con ngựa sắt chết.

- Há?

- Chết đêm qua. Đau tim. Giữa lúc hành nghề.

- Chết vậy là tốt, nhưng hơi sớm.

Fritzi ho trong máy và cố dần lại:

- Cậu trông coi việc bán bia, có phải không? Có người nói với tôi.

- Xưởng sản xuất mộ bia của tụi này là số một. Chi vậy?

- Louis, bà chủ định đặt một tấm bia. Tôi nghĩ, cậu và con ngựa sắt, hai người đã...

- Không bao giờ, chắc là lầm với Georges. Năm khi mười họa anh ấy...

- Georges hay cậu thì cũng một thứ. Vấn đề trọng yếu là tấm bia. Lo ngay đi! Hồi nãy có người của xưởng cạnh tranh tới rồi. Hấn khóc ròn và cho biết đã từng đi lại với con ngựa sắt.

- Đúng là Oscar mắt treo cờ tang!

- Fritzi, tôi tới ngay. Đừng tin con cá sấu đó.

Bà chủ nhà chứa hỏi:

- Muốn lên thăm nó không?

- Đặt vào hòm chưa?

- Rồi. Ở phòng bên.

Thang lầu kêu cọt két. Qua những cánh cửa mở, tôi thấy các ả điếm đang thay đồ.

- Bộ họ không nghỉ bữa nay sao?

- Đêm nay, tụi nó nghỉ nhưng vẫn thay đồ... lệ thường. Cũng chẳng có gì đáng nói. Từ ngày Đức kim trở lại giá cũ, nghề này gần như tê liệt. Khôi hài thật!

Chẳng có gì khôi hài cả mà đó là sự thật. Hết lạm phát là phải thu hết chỉ tệ.

Trước, người ta tính bạc triệu, bạc tỷ, bây giờ tính từng xu. Mọi lãnh vực đều thiếu hụt ngân khoản. Con ác mộng đã đi qua.

Ả điếm được tặng hũn danh ngựa sắt nằm giữa những bó huệ và lá cây tươi. Mặt ả già đi và khắc khổ, chiếc răng vàng còn chiếu qua kẽ hở vành môi. Tấm gương mà ả từng soi ngắm được phủ lên một lớp vải the.

Tôi biết ả rất nhiều, ả là một trong những hình ảnh kỷ niệm thời thơ ấu. Và bạn bè tôi, lúc trở về khi chiến tranh chấm dứt, đã được ả tiếp nhận để dạy cho bài học đầu tiên về tình dục.

Chúng tôi trở ra. Tôi hỏi bà chủ chửa:

- Thật ra thì ngựa sắt bị gì?
- Chết trong khi hành sự. Có lẽ nó có quá nhiều lương tâm nghề nghiệp.
- Bà thích loại bia nào? Cẩm thạch hay đá hoa cương?
- Cẩm thạch không thích hợp với ngựa sắt. Chỉ để cho trẻ con.

Tôi cãi lại:

- Không phải đâu. Ngay cả các tướng tá còn dùng cẩm thạch.
- Đá hoa cương. Loại này mới phù hợp với tính chất của sắt.

Chúng tôi quây quần trong phòng khách. Cà phê bốc khói, một ít bánh ngọt do các nàng tự làm lấy và một chai curacao. Họ xúm xít sau tôi, nhìn qua vai để xem tập hình mẫu, y như thuở tôi còn đi học.

- Đây là kiểu đẹp nhất. Đá hoa cương đen Thụy Điển có thánh giá và bệ đôi. Cả thành phố chỉ còn hai, ba cái.

Các nàng ngắm nghía bức họa, một trong những họa phẩm sau cùng của tôi.

Fritzi hỏi:

- Con ngựa sắt có đạo không?

Tôi cãi chánh:

- Thánh giá không phải chỉ dành riêng cho người có đạo.

Bà chủ gã đầu:

- Chẳng biết làm lễ theo tôn giáo có thích hợp với nó không? Có cái nào khác không? Không dính líu tới đạo nào cả.

Tôi có cảm tưởng ghệt thờ trong giây lát.

Nếu vậy thì có sẵn đây! Một cái tháp tưởng niệm.

Tất cả đều lặng ngấm hình vẽ cái tháp. Tôi bước lùi ra, lo ngại. Biết đâu, chẳng có một chuyện may bất ngờ xảy tới. Đôi khi một đũa trở lại thành công trong khi những tay lão luyện đều bí lối. Thành linh, Fritzi cười phá lên:

- Coi bộ cũng hợp với con ngựa sắt.

... còn tiền. Người nào có được vài Đức kim là bám riết như người sắp chết đuối vớ được bè Méduse.

Tôi gần từng tiếng một:

- Thế mà tôi, tôi vừa mới đi ra là bán được ngay.

- Giỡn hả? Bán cái gì?

Tôi đứng xích ra để cho hai anh em nhà Kroll lọt trong tầm mắt rồi tuyên bố:

- Bán cái tháp đen!

- Láo! Tới Bá Linh mà ba hoa.

- Ông nên nhớ là kể từ mười hai giờ trưa tôi không còn là nhân viên của hãng. Nhưng để chứng tỏ là tôi kiếm mỗi bán mộ bia, tháp tế tự không phải là chuyện khó, tôi ra tay lần chót cho ông sáng mắt ra. Đây chỉ là công việc của bọn học trò lúc nghỉ hè.

Henri thở dốc, hết chịu nổi:

- Cảm ơn Chúa, cũng may là cái giọng bĩ ối này sắp đi xa. Tối Bá Linh, chú mày sẽ có dịp học hỏi phép lịch sự.

Georges chen vào:

- Henri, hấn đã bán được cái tháp đó rồi.

Henri trợn mắt, hét to:

- Bán được? Lấy gì chứng chắc?

Tôi móc xấp bạc Hòa Lan vung vãi trước mũi Henri:

- Đây, bằng chứng đây. Lại ngoại tệ nữa.

Henri đảo mắt đôi ba lượt trước khi thò tay nắm lấy một tờ giấy bạc, lật qua lật lại rồi đưa lên mũi người xem thật giả. Ông ta nói rít qua kẽ răng:

- Chó ngáp phải ruồi!

Georges nhắc khéo:

- Nhưng nếu không có món tiền này thì lấy gì trả nợ hết hạn đúng ngày mai. Đáng lý phải hôn hấn.

- Hôn nó à? Chết còn sướng hơn!

Henri vùng vằng bước ra, đóng ập cửa lại: đúng là một người Đức trăm phần trăm, không hề biết cảm ơn.

Tôi hỏi Georges:

- Mình có cần tiền cấp bách đúng như anh vừa nói không?

- Cũng hơi gấp. Thôi bây giờ tính chuyện tiền bạc của mình. Chú còn bao nhiêu?

- Vừa đủ! Trước hết là tiền vé xe hạng ba, nhưng tôi mua vé hạng tư. Tiết kiệm được 12 Đức kim. Bán được cái dương cầm, một trăm Đức kim. Tổng cộng một trăm mười hai, thừa đủ để chờ tới lúc lãnh lương.

Georges lấy ba mươi đồng Hòa Lan đưa tôi:

- Chú là nhân viên đặc biệt của xưởng. Như vậy chú cũng có quyền hưởng huê hồng như Oscar mắt treo cờ tang.

Tôi do dự một phút rồi nhận lấy. Georges hỏi tôi:

- Chú có biết sẽ phải làm gì ở đó không?

- Biết rõ lắm. Loan báo những tin cháy nhà, cho đăng những tin trộm cắp, tường thuật một vài cuốn sách không quan trọng, mang bia lên cho mấy biên tập viên, chuốc viết chì, sửa bản vẽ và... cố gắng ngoi lên.

Cánh cửa bật tung ra bởi một cú đá. Như ma quỷ hiện hình lão Knopf đứng giữa ngưỡng cửa, cất giọng khàn khàn:

- Tám ngàn tỷ!

Ông nói ngay:

- Ông Knopf, ông vẫn còn nằm mộng hay sao? Lạm phát đã kết thúc từ mười lăm ngày qua. Tám ngàn tỷ lúc đó chỉ bằng 8 Đức kim bây giờ.

- Láo! Cái gì mà kết thúc lạm phát? Bộ muốn giựt dộc sao? Được rồi, tôi cứ giữ lại để chờ kỳ tới.

- Hả?

- Kỳ lạm phát tới.

Georges nói vào:

- Tốt! Uống một ly không?

Lão Knopf vô lấy chai rượu:

- Đánh cá chơi.
- Cá cái gì?
- Coi chai rượu này thuộc về hãng nào?

Tôi mở nút chai rồi ngửi và thách đố:

- Không được đâu. Rượu thùng thì ông nhà nghề lắm chớ rượu vô chai thì thua đứt.
- Vậy thì đánh cá đi. Tôi đánh bằng tám bia.

Georges cười:

- Chắc bọn tôi thua nhưng thầy kệ, cứ đánh ba Đức kim.
- Tốt lắm! Cho tôi một ly.

Knopf ngửi rồi nếm. Nếm xong, lão ta ực một hơi và đòi thêm ly thứ hai. Tôi can thiệp:

- Thôi cho xin. Coi chừng ông lại nguy mất. Khỏi đánh cá nữa.

Nhưng lão thượng sĩ đã kết luận ngay:

- Chai rượu này là của hãng Brockmann, đường Assomption.

Tôi và Georges nhìn nhau, ngỡ ngác. Lão đã nói đúng. Georges đưa lão 3 Đức kim và lão ta biến dạng ngay. Tôi vẫn còn ngẩn người:

- Lạ thật! Sao lão tài ba đến thế!

Georges cười rộ lên:

- Mình mắc lừa rồi.

- Sao?

Georges nhấc chai rượu lên. Ở lưng chai phía dưới có một nhãn hiệu nhỏ: J. Brockmann, 18 đường Assomption. Tôi buộc miệng:

- Vậy là mắt lão ta còn sáng quá.

- Nhưng tới ngày mốt, sau khi uống rượu ban đêm trở về không còn thấy cái tháp đen nữa, lão ta sẽ nghi ngờ đôi mắt của mình. Và đó cũng là dấu hiệu sụp đổ cả thế giới của lão ta.

- Còn thế giới của anh?

- Cứ mỗi ngày một yếu đi. Đòi là vậy.

Hai tiếng đồng hồ trước khi lên đường, tôi bỗng nghe có tiếng ồn ào trong hẻm Arquebusiers. Không đầy một phút sau, có tiếng hợp ca bốn giọng:

*Hỡi đêm thánh hãy trút xuống*

*Sự thái hòa của trời cao xuống trái tim này...*

Tôi và Georges bước mau tới cửa sổ. Ngay giữa đường, trọn ca đoàn của Bodo đang đứng đó.

- Chuyện gì vậy? Mở đèn mau lên. Georges!

Trong ánh đèn mờ ảo hắt từ văn phòng, chúng tôi nhận ra sự hiện diện của Bodo. Georges bảo tôi:

- Họ tới hát đề tiền đưa chú. Đừng quên chú vẫn là thành viên của ca đoàn Bodo.

*Hãy ban cho người hành hương một mối*

*Một chút hơi ấm của cuộc đời*

Nhiều cửa sổ trên đường mở tung ra. Mụ Konersmann tru tréo:

- Im đi! Khuya rồi, bọn say rượu.

*Sao bắc đầu chiếu sáng*

*Trên cõi vô tận xanh xanh...*

Lisa nghiêng mình ra cửa sổ. Ả tưởng là dạ khúc đó dành cho ả.

Ngay lúc đó, cảnh sát tới. Một giọng hùng hổ cất oang oang:

- Giải tán ngay!

Ca đoàn vẫn tiếp tục hát. Một viên chức mặc sắc phục hô lớn:

- Náo loạn ban đêm.

Tiếp theo là giọng the thé của mục Konersmann.

- Bắt chúng nó!

Ca đoàn Bodo gồm 20 ca sĩ chắc nịch. Đứng trước họ là hai trật tự công cộng. Tôi tự thấy có bồn phận nhắc nhở:

- Bodo! Nghe đây! Đừng cử động! Nhớ là không được kháng cự! Nếu không, sẽ bị phạt tù!

Bodo vừa gật đầu vừa tiếp tục hát, miệng tròn vo như trứng đà điểu.

*Ôi! Em muốn được theo anh*

*Cùng lên tận thiên đường*

Mục Konersmann lại rú lên:

- Im! Để người ta ngủ!

Lisa chõ miệng nói với viên cảnh sát:

- Ê! Cứ để yên cho họ. Tốt hơn hết là nên tìm bắt bọn trộm cướp.

Cảnh sát bắt đầu hành động. Họ hô lớn một hai lần:

- Tất cả về bót!

Các ca sĩ không nhúc nhích. Bodo bắt đầu hát đoạn hai:

Cuối cùng, cảnh sát ra tay, mỗi người tóm lấy một đoàn viên của Bodo. Tôi lại kêu lớn:

- Đừng chống cự. Sẽ bị khép tội: chống luật pháp. Cứ để nhà chức trách làm việc.

Hai ca sĩ bị bắt ngoan ngoãn đi về bót. Những người còn lại vẫn tiếp tục hát. Trụ sở cảnh sát ở cách đó không xa nên chỉ vài phút sau họ chạy trở lại mang về thêm hai người nữa.

Ca đoàn vẫn hát nhưng giọng kim đã yếu đi. Tới lượt thứ ba, Willy bị dẫn đi, thế là không còn một giọng kim nào nữa. Chúng tôi chuyền mấy chai bia xuống:

- Bodo, vững tinh thần!

- Đừng lo. Hát tới người cuối cùng!

Cảnh sát lại chạy tới. Hết bia, chúng tôi đành hy sinh rượu mạnh. Mười phút sau, chỉ còn những ca sĩ giọng thô nhưng họ vẫn thản nhiên để mặc cho những người đi săn đập chết bằng chài vồ. Và chính mắt tôi cũng đã từng chứng kiến một số dân tộc giữ y thái độ tiêu cực đó trong thời chiến.

Mười lăm phút sau, chỉ còn lại một mình Bodo. Cuối cùng, hắn cũng bị đưa về bót. Tôi và Georges theo sau.

Thình lình, chúng tôi lắng tai nghe. Tiếng hát từ đâu vẳng tới như phụ họa khúc hát của đoàn Bodo. Vừa qua khúc quanh ở nhà thờ, tiếng hát như từ tầng trời cao vẳng xuống.

*Hồi đêm thánh, xin trút xuống*

Và tới khúc quanh thứ hai, chúng tôi đã biết nơi xuất phát: trụ sở cảnh sát. Những người bạn can đảm của tôi chưa bị tước khí giới. Người ca đoàn trưởng đi vào, đầu ngẩng cao và chúng tôi lại nghe:

*Hãy ban cho người hành hương mỗi một*

Viên cảnh sát trưởng nhìn Georges:

- Thế này là sao đây, ông Kroll?

- Say mê âm nhạc. Đêm tiền biệt một thanh niên ra thế giới bên ngoài. Giải tri vô tư, biểu trưng tinh thần dân tộc. Đáng được nhà cầm quyền khích lệ.

- Chỉ có vậy thôi?

- Chỉ có vậy.

Một cảnh sát viên chêm vào.

- Gây náo loạn ban đêm.

Tôi hỏi ông ta:

- Nhưng nếu họ hát quốc ca Deutschland, Deutschland uber alles thì sao?

- A! Đó là chuyện khác.

Georges tuyên bố với viên cảnh sát trưởng:

- Kẻ nào hát thì không trộm cắp, không giết người và cũng không tìm cách lật đổ chính phủ.

Tôi bồi thêm:

- Chẳng lẽ ông cảnh sát trưởng lại bắt giam những công dân hiền hòa chẳng phạm một tội nào cả.

Viên cảnh sát trưởng xua tay:

- Tổng họ ra hết đi. Nhưng nhớ là phải giữ trật tự!
- Không sao đâu, tôi xin hứa. Dường như ông không phải là người Phổ.
- Tôi là người Franconie

Georges gật gù:

- Tôi đoán không sai.

Chúng tôi đang ở nhà ga. Gió thổi mạnh từng cơn. Ngoài chúng tôi ra không còn ai trên bến.

- Georges, anh nên lên thăm tôi. Tôi sẽ quây tung cả Bà Linh lên để giới thiệu những cô nàng trong mộng anh. Lúc anh tới, thế nào cũng có ba bốn nàng túc trực

- Tôi sẽ lên thăm chú.

Tôi biết là Georges không nói thật nên gài thêm:

- Có lên đó anh mới có dịp mặc cái áo đuôi tôm chớ ở đây thì có cơ hội nào để mặc?

- Đúng lắm.

Chiếc xe lửa trở đôi mắt vàng vọt soi màn đêm

- Cát cao ngọn cờ, Georges! Anh biết là bọn mình bắt tử mà.

- Đúng. Và chú cũng phải luôn thận trọng, chú đã từng vượt thoát nhiều trận, không có quyền để cho gục ngã.

- Tất nhiên. Kỷ niệm tình chiến hữu, sống chung trong hầm núp và.. v.v. valentine chẳng hạn.

Georges không đáp, chỉ lẳng lẳng hút thuốc. Xe lửa vào ga, thở phì phò như sắp phải chờ theo năm trăm người đang đợi, nhưng trên sân ga chỉ có một mình tôi là

hành khách. Tôi lên toa. Mùi mồ hôi chua chua và mùi khói thuốc đông lạnh. Tôi hạ cửa kính xuống, đầu thò ra Georges nói lớn:

- Nên biết khước từ hơn là để mát.

- Ai nói với anh về chuyện khước từ?

Xe lăn bánh. Tôi vói chụp bàn tay Georges, bàn tay quá nhỏ và quá mềm vẫn còn mang thương tích trong trận đánh ở khu chợ mới. Xe đã chạy mau. Georges như bị bỏ lại, trông anh như già hơn và xanh hơn. Tôi chỉ còn thấy bàn tay trắng muốt của anh và khuôn mặt mờ ảo rồi tất cả chìm vào bóng tối và trời cao.

Trong phòng, một hành khách đeo kính cặp mũi ngồi thờ dốc ở một góc, bên cạnh anh ta là một nhân viên thủy lâm ngủ gật. Một anh chàng to lớn có râu mép ngáy một cách tận tình và một bà đội nón lệch, má xệ, thở ra qua kẽ răng.

Cơn buồn soi mới dạ dày. Tôi mở va-li ra. Bà Kroll đã lo cho tôi một ít bánh mì quét bơ để ăn lúc đi đường. Không tìm thấy, tôi kéo va-li xuống để trên ghế dài. Bà đội nón lệch hé một mắt giận dữ nhìn tôi rồi nhắm lại, tiếp tục thở rít qua kẽ răng như chọc tức.

Bây giờ tôi đã hiểu tại sao không tìm thấy ngay mấy miếng bánh. Chúng nó bằm nép dưới chiếc áo đuôi tôm của Georges.

Vậy là Georges đã nhân lúc tôi đi ra ngoài lo việc bán cái tháp để lén bỏ vào va-li tôi. Tôi cảm động nhìn màu nỉ đen của chiếc áo đuôi tôm, rồi lấy bánh ra ăn. Cả phòng chột thức giấc vì mùi bánh mì nóng và mùi giò chả. Tôi cứ thản nhiên nhai. No bụng, tôi sửa bộ ngồi cho thật êm mơ màng nhìn bóng đêm nhấp nháy những ánh đèn, tôi nghĩ tới Georges, tới cái áo đuôi tôm của anh lén lút cho tôi, tôi nghĩ tới Isabelle, tới Hermann Lotz, hiệp sĩ tay sắt, tới cái tháp tượng niệm đen và cuối cùng không nghĩ thêm gì nữa.

Tôi không hề gặp lại một người nào nữa hết. Nhiều lần, tôi có ý định trở về nhưng lần nào cũng bị ngăn chặn. Tôi nghĩ là sẽ có một thời gian nào đó thuận tiện hơn nhưng bây giờ thì đã hết rồi. Bóng tối đã phủ trùm lên nước Đức, tôi đã mất quê hương và lúc trở về, tôi chỉ còn thấy những điều tàn. Georges đã chết. Mẹ Konersmann sau bao nhiêu công trình dò dẫm đã khám phá ra được cuộc tình vụng trộm của Lisa và Georges. Năm 1933, mười năm sau, mẹ ta tố cáo với Watzek lúc bấy giờ là chỉ huy trưởng đội S.A. Mặc dầu đã ly dị Lisa tới năm năm, Watzek vẫn cứ nhốt tình địch vào trại tập trung của hắn. Vài tháng sau, Georges chết.

Hans Hungermann, ủy viên văn hóa và là Đảng viên cao cấp đã ca tụng Đảng Quốc xã bằng một loạt thơ nóng bỏng. Năm 1945, hắn mất chỗ hiệu trưởng. Tuy nhiên, cũng như một số đảng viên khác, hắn sống một cách khá đầy đủ tiện nghi khỏi phải đi làm, nhờ có tiền hồi hưu.

Nhà điêu khắc Kurt Bach sống luôn sáu năm trong một trại tập trung và trở về què quặt. Hiện nay, mười năm sau cuộc thảm bại, hắn vẫn phải vất vả để nuôi miệng cũng như bao nhiêu nạn nhân khác của chiến tranh. Hắn chỉ mong kiếm được mỗi tháng bảy chục ngàn Đức kim, khoảng một phần mười tiền trợ cấp cho Hungermann, khoảng một phần mười số tiền mà nhà nước cấp dưỡng cho viên chúa trùm mật vụ Gestapo, người ta có sáng kiến lập các trại tập trung mà Kurt bị nhốt và trở về què quặt... Đó là chưa kể các khoản trợ cấp cao hơn cho các tướng lãnh, tội nhân chiến tranh, và các đảng viên Quốc Xã khác. Henri Kroll, vượt thoát mọi biến cố, nhận thấy mọi quyền hạn và công lý vẫn còn đứng về phía quê hương yêu dấu của chúng tôi.

Viên trung đội trưởng thiết kỵ Wolkeinstein rất lên hương. Người của Đảng và kỳ thị chủng tộc hết mình, sau chiến tranh, im hơi lặng tiếng luôn vài năm và bây giờ, cũng như bao nhiêu đồng chí khác, được làm nhân viên Bộ Ngoại giao.

Bodendick và Wernicke cố giấu được một số người Do Thái trong trại điên bất trị. Họ cho những người trốn tránh cạo đầu và học cách giả điên. Sau đó ít lâu, Bodendick bị thuyên chuyển về một làng hẻo lánh vì đã lỡ nói một vài lời bất ý khi đức Giám mục của ông ta chấp nhận làm cố vấn cho một chính phủ chỉ lấy chuyện tàn sát làm bốn phận thiêng liêng. Wernicke cũng bị đày đi vì không chịu

chích thuốc độc cho những người điên. Trước khi ra đi, ông ta đã tập hợp được một số dân Do Thái và tổ chức một cuộc chạy trốn, ông ta bị gọi ra mặt trận và chết ở đó năm 1944. Willy ngã gục năm 1942. Otto Bambuss năm 1945. Charles Kroll năm 1944. Lisa chết trong một cuộc ném bom. Bà Kroll cũng cùng chung số phận.

Edouard Knoblock thì vượt qua tất cả. Hấn phục vụ tất cả các quyền lực, tốt cũng như xấu, với tất cả nhiệt tâm. Nhà hàng của hấn bị phá hủy nhưng đã được xây cất lại. Hấn không cưới Gerda và không ai biết cô ta hiện ra sao. Tôi cũng chẳng được một tin tức nào về Geneviève Terhoven.

Oscar “mắt treo cờ tang” dựng nghiệp một cách huy hoàng. Lúc chiến tranh xảy ra hấn bị gọi sang Nga làm lính trơn và kế đó được chỉ định làm Thanh Tra nghĩa địa. Năm 1945, hấn làm thông dịch viên cho quân đội chiếm đóng và chỉ vài tháng sau được làm Thị trưởng. Thị trưởng Werdenbruck. Kế đó hấn hùn với Henri Kroll, cả hai tạo dựng một xưởng mới và rất phát tài. Vào thời đó mộ bia cũng khan hiếm như bánh mì.

Lão Knopf chết ba tháng sau khi tôi rời khỏi Werdenbruck. Lão bị xe hơi cán nát người. Một năm sau, vợ lão thành hôn với Wilke, anh chàng đóng hòm. Không ai nghĩ là chuyện đó có thể xảy ra, nhưng họ đang sống rất hạnh phúc.

Hầu hết những nhà cửa tại Werdenbruck đều bị tàn phá vì các trận oanh tạc. Thị trấn này là giao điểm của thiết lộ nên bị tàn phá nhiều hơn các nơi khác: một năm sau khi chiến tranh kết thúc, nhân một chuyến về đây, tôi cố tìm lại những con đường cũ nhưng cuối cùng lại đi lạc ngay trong thành phố quê hương. Quanh tôi là những bức tường sụp đổ. Những đồng gạch ngói ngổn ngang và không một bóng người quen thuộc. Vào một sạp hàng ở nhà ga, tôi mua một vài tấm bưu thiếp để nhìn lại những đường phố trước kia. Không còn gì buồn hơn là khi muốn nhớ về tuổi trẻ, người ta trở về quê hương để chỉ thấy điêu tàn. Ngày nay, ở Đức những cuộc hành hương trở về tuổi trẻ đều gần như không thực hiện được. Tất cả đều được tàn phá và được tái thiết, trông xa lạ vô cùng. Chỉ còn những tấm bưu thiếp là thay thế được cho những thành phố chết.

Chỉ còn hai tòa nhà nguyên vẹn: viện Tâm trí và nhà Bảo sanh vì ở cách xa thành phố nên chúng được bom đạn chừa ra (sau chiến tranh viện Tâm trí lại đầy nhóc những người điên và nhà Bảo sanh tràn ngập những sản phụ). Người ta đang nghĩ cách mở rộng thêm ra.

**HẾT**





# THƯ VIỆN EBOOK **SÁCH MỚI.NET**



HÀNG NGHÌN ĐẦU SÁCH HAY  
HOÀN TOÀN MIỄN PHÍ